

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

LÀM NGƯỜI (1)

I

Ông BAGEHOT (2) có nói một câu cũng lý-thủ. Ông nói rằng : « Sách qui nhất là sách nào có thể đọc được. » Lại nói rằng : « Văn hay nhất là văn như người. » Thực thế, cứ thử nghiệm cũng đủ biết ; mỗi năm các nhà in xuất-bản biết bao nhiêu sách, chất đống thành núi được, mà trong số đó mấy quyển là đọc được. Có sách dễ học ; lại có sách dễ xem cho mở rộng trí biết, xem cho cảm-động tinh-tinh ; cũng có sách xem thì vui-thú, xem thì kinh-hoảng, xem thì bức-tức hay xem thì tỉnh-táo người ra. Nhưng nếu ta thật là người biết đọc sách thời không phải đọc để cho hay chữ thêm ra, chính là đọc để cho trong khoảnh-khắc được thoát ra ngoài cái vòng-khuôn nó bó-buộc ta, nó giam cầm ta ; ta đọc sách để cho khoan-khoái tinh-thần, không phải để cặm-cui mà học cho biết ; ta mượn quyển sách để mà ngắm cái cảnh người ta cùng cảnh việc đời làm một món tiêu-khiển. Mỗi quyển sách như tìm người bạn để mà giao-du cho bổ-ích tâm-thần, để mà vẫy-vùng trong cõi trí miên nhân.

Ai đã có bụng yêu-mến những bậc danh-sĩ cổ-kim, nghĩa là những nhà làm sách có thể đọc được, có thể cảm-tinh được, mà trông thấy thiên-hạ đem những sách của người ta pho-

phanh ra, mở-xẻo ra, cắt vụn ra, tẽ-tác ra, dề nhặt lấy từng câu, từng chữ, từng mảnh, từng đoạn, cho học trò học làm văn, không thể cầm lòng không tức-giận được. Không phải là những sách ấy không có văn-chương đủ làm mẫu cho người, nhưng phần văn - chương là phần phụ ở ngoài, người làm sách không chủ làm văn-chương ; câu nào có nghĩa câu ấy, mỗi câu phản-chiếu cái nghĩa như tấm gương phản - chiếu đồ vật vậy ; câu nào câu nấy có tư - tưởng linh-hoạt, không phải là cái tranh vẽ sặc-sỡ hay là cái đồ chơi bóng-bẩy vậy. Thấy những kẻ tầm-chương trích-cú đem những sách hay mà phân-phẫu ra để tìm văn-chương, ta muốn kêu lên mà van họ rằng : « Thôi, tôi xin các bác, các bác đừng mó vào sách ấy làm gì ; các bác đã cắt vụn nó ra rồi thì nó không còn nghĩa gì nữa ; dầu còn nghĩa mà không phải là cái nghĩa thâm-trầm, cái nghĩa tinh-túy như trước nữa ; quyển sách đã vào tay các bác thời không phải là người bạn thật-thà với ta nữa, không phải là người bạn thành-tâm nói chuyện với ta, chứ không phải chỉ chủ-ý làm văn-chương để đọc lên cho êm tai vui miệng dầu. Vả lại một quyển sách hay cũng như một con người đẹp ; có ai thấy người đẹp mà đem mổ đem cắt ra để tìm cái đẹp ở đâu không ?... »

(1) Dịch một bài luận của ông Woodrow Wilson (Uy-nhĩ-đốn), nguyên Giám-quốc nước Mỹ, mới mất ngày tháng hai vừa rồi ; theo bản dịch pháp-văn của P. CHAVANNES đề là *Etre humain*, in ở hiệu Payot (Paris). — Về ông Wilson, xem N.-P. số 79 (Thời-đàm, trang 79).

(2) Ông BAGEHOT là một nhà kinh-tế-học nước Anh (1816-1877), làm sách « Hiến-pháp nước Anh » (*La constitution anglaise*) và sách « Luật phát-đạt của các nước » (*Lois scientifiques du développement des nations*).

Khi ta nói rằng : quyền sách này đọc được, là có ý nói không phải sách dễ nghiên-ngẫm khảo-cứu. Một quyển truyện hay, một bài thơ thú, một khúc hát khải-hoàn, một câu ca phong-nguyệt, một chuyện cảm-dộng đến lòng người, bất-luận là chuyện thực hay chuyện giả, cho chí một lời bàn có quan-hệ thiết-yếu đến công việc ở đời, không ai đem ra mà học mà khảo bao giờ. Đó không phải là những món khảo-cứu ; đó là những sự tự-nhiên mình hiểu ngay, có khi không cần phải tự-vấn là gì nữa. Mà đã hiểu đã biết rồi thì nhớ mãi, không bao giờ quên, bao giờ chẳng đi được. Tựa-hồ như nó sáp-nhập vào trong tâm trong não mình, nó liền với mình như tự mình đã từng-trải vậy. Đọc được quyển sách như thế, không phải như người đói mà được ăn no bụng, cũng không phải chủ-ý kiếm cái ăn cho khoái-trá, nhưng khác nào như nó có một cái phẩm-vị ngọt-ngon, những trông thấy, thần-tri đã muốn hấp-thụ lấy rồi. Đọc sách ấy cũng không phải để cho qua thì-giờ đâu, lại chính là để cho dài thêm thì-giờ ra, hình như quyển sách nó thêm hứng-thú cho ngày giờ của trời đất, vì đương khi mình đọc sách như cái cuộc đời mình to-tát rộng-rãi thêm ra, như đem một cái tư-tưởng khác, một cái sinh-hoạt khác mà thêm vào tư-tưởng sinh-hoạt của mình vậy.

Ông BAGEHOT lại nói rằng đời nào cũng chỉ có một bọn con trẻ là cho rằng phạm sách đã in ra, bất - cứ sách gì, đều đọc được cả. Vì rằng cái chủ-ý làm sách là thế nào ? Chẳng phải là để cho người ta đọc dư ? Nếu làm sách không phải để đọc thì làm sách để làm gì ? Đối với con mắt mới-mẻ những kẻ thiếu-niên đó, thời sách nào cũng là những cái kho qui-báu cả ; có lẽ không phải tự sách là qui-báu, nhưng tựa-hồ như kẻ thiếu-niên, — mà chỉ có kẻ thiếu-niên thôi, — có cái phép riêng bề mở đến sách là làm

cho sách đổi hình-sắc đi được. Chỉ có những kẻ thiếu-niên đó là đọc sách mới được biết những lịch-dại kế-tiếp nhau thế nào (đây là tôi lại thuật lời ông BAGEHOT.) « mới thu-quát được những cái hình-ảnh lạ-lùng của lịch-sử, hết đời ấy sang đời khác, cho mãi đến tận đời thượng-cổ kia, các tiên-dân còn làm nghề mục-súc chăn từng đàn bò đàn cừu mà đời đời nơi này sang nơi khác ; rồi đến người Hi-lạp mắt sắc, người La-mã uy-nghiêm, người Do thái lăm-lét, người Kha-thắc (Goths) ngượng-ngập, người Hung-nô hung-tàn ; rồi đến cái cảnh Đông-phương lặng-lẽ, không biến không động ; rồi đến cái cảnh Tây-phương náo-nhiệt, thay luôn đổi luôn ; rồi đến cái văn-minh cổ-diệu phát-sinh ra, trang-nghiêm mà lạph-lẽo ; rồi đến thời-dại Trung-cổ, bạo-động mà cục-súc ; rồi sau rốt đến những cái hình-ảnh gần ta, là hình-ảnh của thời-dại ta, của nước nhà ta, của chính mình ta, mà càng gần ta lại càng mập-mờ không rõ như trước. Những cái đó ta học từ bao giờ nhỉ ? Không phải vừa học hôm nay, cũng không phải mới học hôm qua, nhưng học đã lâu lắm, lâu lắm rồi, từ khi óc ta mới mở, trí ta mới rạng vậy. » — Kịp đến khi tuổi ta đã cao thời càng ngày càng thấy sách kém hay đi, một thú đi. Ta cho cái câu nói sách làm ra cốt để đọc là không đúng nữa. Trở lại xem sách thừa nhỏ thì đâu là những cái hình-ảnh tốt-đẹp lạ-lùng thừa xưa như đầy-rẫy khắp mọi trang ? Cái trí tưởng-tượng của ta đã giảm-sút đi rồi, mà kẻ làm sách kia để cũng chẳng có chút tưởng-tượng gì. Thành ra những sách ấy xem không thú nữa. Nay chỉ còn những sách thuộc vào hạng « sách có thể đọc được » như tôi nói trên kia.

Sách này tất phải là sách của những người thật là người ; nhưng nếu hỏi thế nào là người, thế nào là

đặc-biệt giống người, thời cũng khó lòng lấy một câu mà tóm-tắt lại được. Nó là một cái giọng-diệu riêng, nó là một cái không-khí riêng, nó là một cái tinh-thần ra ngoài tầm-thường, như có một cái ánh hào-quang sáng-sủa rực-rỡ, do một cái nguồn sáng lớn-lao ít người có thể dò tới được. Ta cho cái tinh-thần ấy là tiêu-biểu loài người, vì nó cảm động ta, nó nhóm lên trong tâm-trí ta một cái lửa sinh-hoạt mới, nó khiến cho ta vui-vẻ hăng-hải mà nhận-chấn cái bản-tính của ta. Nó động đến cái máy tưởng-tượng, máy hành-động của ta, và tựa-hồ như làm cho cái điệu sinh-hoạt của ta mau gấp hơn lên và sâu-xa ra vậy. Song nói thế không phải là cứ sách nào cảm-động người ta là sách ấy tiêu-biểu loài người đâu. Có quyền như có cái yêu-ma gì nó ám-ảnh, nó nhóm lên trong người ta những cái dục-tính xấu-xa dè-mạt, lộ ra cho ta những cái sức ngầm ta trông thấy mà phải sợ, vì biết rằng nó u-âm ở trong lòng và mạnh-bạo vô-cùng vậy. Những sách ấy là công của ma-vương quỷ-sứ, chứ không phải là kết-quả của cái tư-cách chân-chính của loài người. Vì người ta có những tư-cách như thế, mới đặc-biệt với giống vật. Phạm sự gì gọi là tiêu-biểu được cho loài người ấy, là tất phải có một cái lý-tưởng thiêng-liêng ở đó. Lý-tưởng ấy có lẽ chưa phải là rất mực hoàn-toàn, nhưng cũng là siêu-việt lên những nơi tuyệt-đỉnh, không-khí vừa trong-sạch vừa êm-dềm. Cái hình-ảnh nó bày ra trước mắt ta là hình-ảnh một người can-đảm vững-vàng, cứ mạnh-bạo mà đi đường thẳng, dù gặp những nỗi gian-nan ở dọc đường cũng thân-nhiên mà coi như không, trong lòng như bao giờ cũng chan-chứa một cái khí hạo-nhiên của trời đất.

Loài người dẫu xấu-xa bỉ-tiện, lầm-lỗi sai-lệch thế nào mặc lòng, ta cũng

không thể cam-tâm lấy cái phần xấu trong người ta làm tiêu-biểu cho nhân-loại được. Khi ta cùng ông BAGEHOT nói rằng ta yêu-mến nhà làm sách kia vì xem sách rõ ra tư-cách « một người », không phải là câu nói mĩa-mau, không phải là chấp-chớ con mắt mà nói ra giọng điệu-cợt dẫu. Thật là ta thành lòng cảm-phục người ta vậy. Người ta làm cho ta biết yêu-mến nhân-loại ta. Mỗi lời người ta nói là có một cái ý khẳng-khái, lại có một cái giọng hoạt-kê làm cho ta hoan-hỉ trong lòng; lại trong tư-tưởng, trong lời văn có cái lẽ phải-chắc, có cái vẻ êm-ái, có một cái không-khí phong-quang khoáng-dãng, dễ phân-biệt được chân-tượng chân-sắc của các sự-vật, chứ không phải cái không-khí bí-tắc trong buồng sách hay trong viện học vậy. Ta muốn ngâm-thơ hay, muốn nghe chuyện thú, không thể hỏi ở các ông bác-học làm sách mẹo hay làm tự-điển được. Nhân-cách của các ông ấy đã biến-hóa đi mà thành ra hẹp-hòi lại, nhỏ-nhen lại, thành ra một vật ở trong thế-giới tầm-thường vậy. Cũng như khi muốn biết về kinh-lễ, không có hỏi ở bọn nhà buôn, muốn biết về chính-trị, không có hỏi ở bọn chính-khách; lại muốn hỏi ở những người có cái bụng-dạ rộng-rãi hơn, có cái nhỡn-giới cao-xa hơn vậy.

II

Nghĩ đến thế này mà lấy làm rầu lòng, là ngày xưa làm người kẻ cũng là một việc dễ, thế mà bây giờ thành ra khó, khó phàm. Bởi vì ngày xưa việc đời giản-dị, ngày nay việc đời phiền-tạp quá. Người ta những nóng-nảy, những lo-lắng, những bận-bịu, cần phải phân-công chuyên-nhiệm, hóa mình thành như cái máy, không còn biết cách giản-phác đời xưa là gì nữa, và xem chừng sau này cũng khó lòng giữ được trọn-vẹn những cái tính-

cách chung của loài người, đã làm cho cõi thế-giới ta này từ xưa đến nay thành một cõi đời ở được. Người đời nay chen-chúc nhau, xô-dẩy nhau vào ở những chốn thị-thành náo-nhiệt. Đó chắc không phải là một sự ngẫu-nhiên, chính là một lẽ tất-nhiên, mà là một lẽ tiến-bóa chứ không phải một lẽ thoái-hóa. Nhưng trông thấy sự biến-cách có ảnh-hưởng sâu-xa như thế mà không thể không sừng-sốt trong lòng, tự hỏi mình rằng làm thế nào thoát khỏi được cái cảnh huyên-náo ấy để giữ được tình - tình cho trong - sạch. Trong những phố-phường chật-hẹp, đám người đông-đúc kia, gặp được mấy ai là khách hữu-tình, người tri-kỷ; chỉ nghe những tiếng kẻ buôn người bán, những tiếng nhảm-mây xướng thọ, mà nghĩ đến những chuyện xa-hoa dần-diểm, xung-dột cạnh-tranh; không-khi trong xã-hội như nóng-nảy nồm-vàn, ngấu măt cả những luồng gió nhân-từ bác-ái; không còn được nghỉ-ngơi, thông-thả, bình-tĩnh, thanh-nhàn một chút nào nữa; những cảnh ấy không khỏi làm cho tê-tái mối cảm-tình của ta. Ta không thể cho thế là tiêu-biểu loài người được. Nghĩ giá về chỗ quê-mùa, nơi làng-xóm, quanh mình là bạn-bè thân-thuộc cả, có cái vẻ vui-vầy đầm-ấm, có lẽ lại dễ tìm được những người *thật là người*, những người còn giữ được cái bản-chân con người hơn là ở nơi thành-thị vậy. Nhưng có làm sao nơi thành-thị lại không có cái tình-cách tiêu-biểu loài người bằng chốn hương-thôn như thế? Có làm sao những chỗ người ta chõng-chất nhau hàng ức hàng triệu lại là chỗ hiếm có những người *thật là người* như thế?

Là bởi vì nơi thành-thị ngăn-trở người ta không được hoàn-toàn nhân-cách; bắt mỗi người phải chuyên một nghiệp, trong các năng-lực của người ta chỉ nuôi lấy mấy cái cần-dùng, còn

bỏ cho héo-hắt đi, khiến cho người rần như sắt, sắc như dao, bao giờ cũng phải quay - cuồng vận - động, không thể nào ngồi yên một chỗ được. Chắc rằng ở giữa nơi đô-hội lớn cũng còn có những tay văn-sĩ vẫn giữ được nhân-cách thanh - cao, nhưng phần nhiều là bởi những người ấy không can-thiệp đến sự sinh-hoạt nơi đô-hội, không đề tâm đến những sự cầu - danh trục-lợi như người ta. Theo như lời một nhà danh-sĩ kia đã nói, ở nơi thành-thị thật không có chỗ nào để gửi linh-hồn cho yên-ôn. Chỉ thấy những ồn-ào rộn-rịp, nhao - nhao như một đám tù-dây bị roi thúc giục, làm cho ta hốt-hoảng kinh-hồn. Ai sinh-hoạt theo cách như thế thời không có một lúc nào được nghỉ-ngơi mà ngẫm-nghĩ, không có một lúc nào được tĩnh-mịch an-nhàn. Chỉ những công này việc nọ, bề-bộn mang-mang, mà nào có ra công gì việc gì đâu, toàn là những chuyện nhỏ-nhen, vụn-vặt, bùn-sỉn, hẹp-hòi, đua nhau mà xuẩn-động, chứ có phải tự-lực mà hành-vi đâu. Mỗi người là một cái then cái ốc trong cái máy lớn, mà xã-hội cũng như việc đời là một bộ máy rất phiền-phức.

Thời-dại này là một thời-dại mới, ta mới gọi là bước chân vào, còn bỡ-ngỡ, chưa hiểu cái thâm-ý ra thế nào. Có lẽ càng ngày càng biết thêm ra, càng hiểu rõ ra thì càng thấy vững-vàng trong lòng mà ra sức hành-động như những kẻ đã biết việc mình và đã nhắc trông thấy cái kết-quả sau này thế nào rồi. Trong cuộc tiến-hóa của loài người, có phải đã từng thấy người ta mỗi bước tiến lên là trí-thức rộng ra, tâm-địa hay ra, biết bày thêm ra những nghề tài thuật khéo để làm cái thú vui xum-hiệp trong xã-hội, nghĩa là càng tiến lên thì càng tiêu - biểu được cái chân-tính-cách của loài người không? Người ta càng ngày càng biết

thân-cận với kẻ đồng-loại mình, và chính xã-hội đã hóa cho người hay ra, vì xã-hội tức là một cái trường đoàn-luyện tính-thần tính-chất người ta một cách rất khôn-khéo vậy. Nhờ sự giáo-dục, người ta càng biểu được cái « nhân-tính » của mình, vì càng biết tự-chủ mình, biết nên cái mới bất-tính ở trong lòng, biết điều-hòa các năng-lực của mình rồi mới ra thi-thố với đời, biết dùng cái thuật khéo khiến-dộng tự nơi then máy sự hành-vi, chứ không có mỗi lúc hăm-hè tuốt gươm ra để nạt nhau. Ấy ta tưởng-tượng con người ta thật hoàn-toàn nhân-cách phải như thế : các năng-lực trong người phải điều-hòa nhau, và phải biết cảm-tính với muôn loại, chứ không phải là kẻ nói lém, kẻ cố-chấp hay là kẻ giả-trá ; có hi-vọng mà không có quá tin ở sự hi-vọng của mình, có hành-vi mà không có mài-miệt ở sự hành-vi của mình ; có sốt-sắng mà không có khinh-suất, có hăng-hái mà vẫn được sáng-suốt, không có háo-hức, đương chuyện nọ cho chuyện kia, đương chỗ này chạy chỗ khác, thấy cái gì mới cũng hăm-hở mà rồi chóng chán ngay.

Ấy ta tưởng-tượng con người như thế mới thật là xứng-dáng với lòng ta sở-nguyện, — người chân-thực và nhiệt-thành, có can-đảm đi thẳng tới mục-dích, không do dự phân-vân, người cao-thượng, khảng-khải, kiên-nhẫn, trung-thành, biết vị nghĩa quên mình. Nhưng mà thời-thế thay đổi, sự tư-tưởng của ta về loài người cũng phải thay đổi. Không phải nên bỏ cả những cái ta đã yêu-chuộng xưa nay đâu, nhưng nên bỏ thêm cho nó thích-hợp với thời-thế mới. Ở vào thời-dại mới, người ta cần phải có tư-cách mới, khác nào như phải làm người theo một cái trình-độ mới vậy. Ngày nay cần phải có một cuộc « văn-

hóa-phục-hưng » mới, phải có một khoa « nhân - sinh - học » mới, không những nghiên - ngẫm khảo-cứu về những nơi ngõ hẻm hang cùng trong tâm-tính người ta, về những khúc mưu lừa chước lọc để sinh-hoạt ở đời mà thôi, — cách học như thế thì không khác gì cách học phiên-toái đời Trung-cổ, — lại phải phát-minh lại cái thế-giới ta ở này và nghĩ-định lại cái địa-vị cùng cái chức-vụ của người ta ở trên mặt địa-cầu mới thế nào. Ngày nay ta cũng nghiên-cứu về thế-giới, không phải không, nhưng trong khi nghiên-cứu chưa biết chủ-ý đoàn-luyện cho tính-tình ta, khởi-phát cho tâm-tư ta, tập quan-sát kẻ đồng - loại như người bạn-bè, chứ không phải như một mớ hiện-tượng về khoa-học. Mục-dích sự học-vấn của ta ngày nay không phải là để dựng nên những học-thuyết trang - nghiêm đẹp-đẽ, để kiểm lấy những vấn-đề mà làm luận làm văn. Cách đó không phải là cách của người ta hô-hấp lấy không-khí trong thế-giới. Người ta không phải là một giống chỉ biết lý-luận mà thôi ; người ta còn có cảm-tình nữa, mà phần cảm-tình có lẽ lại nhiều hơn phần lý-luận. Nếu mài-miệt quá để tìm cái chân-lý ở trong sách thời đến làm cho mờ cả cuộc đời mình đi và cạn cả cái nguồn « nhân - tính » của mình. Tôi dám quyết rằng ta còn cần những người cả quyết, mao-hiêm, hơn là những người biết lý-luận trủng-cách.

III

Thử xét cuộc đời theo một phương-diện rộng hơn, sẽ thấy rằng những khi nào chỉ bồi-thực cho một bộ-phận trong người là không phải, khi nào phát-siễn được toàn-thể nhân-cách mới nên ; và nếu biết bỏ cái thói hủ-nho một chỗ, thời sẽ thấy rằng đại-đề cái mục-dích lớn « trung-bình » của đời

người ta, — trung-bình nghĩa là đứng giữa, một bên cao là tôn-giáo, một bên thấp là sự ăn-uống hằng ngày, là thuộc về cái trình-độ vừa phải, không cao không thấp của đời người, — cái mục-dịch chính-trung đó là ta không cần phải là những tay học rộng hay chữ cả, chỉ cần biết làm người, một cách khoáng-đạt đại-độ mà thôi. Như thế thời cái thời-dại ta sống này có phải là một sự ngăn - trở cho ta không? Những sự quyền - lợi phiền-phức của đời nay hoặc có làm cho ta xao-nhãng không tở-chức được cuộc đời ta cho có kỷ-cương, có thể-thống chẳng? Ta lại càng phải cần nên biết cho rõ sự yêu-cầu của thời-thế để uốn-tư-cách ta cho thích-hợp. Trước nhất ta phải nhớ rằng làm người ấy, là trong lời nói-năng, cách ăn-ở, phải có một cái vẻ chân-thật tự-nhiên, vừa hồn-nhiên mà lại vừa có ý-thức. Muốn sinh-hoạt một cách kiện-toàn, đó là điều cốt-yếu, đời nào cũng thế, mà cần nhất ở đời này là đời hết-thảy đều hỗn-tạp cả, đến những lý-tưởng gốc ở đời cũng dương biến-thiên thay-đổi. Tính tự-nhiên đó không phải là tính thuần-phác đâu, vì thuần-phác có khi không hoạt-bát, chứ tự-nhiên bao giờ cũng linh-hoạt. Ta nói tính tự-nhiên đó là có ý nói mạnh-mẽ như mầm cây đương sức mọc. Lại có ý hiểu ngầm là cái đặc-tính thiên-nhiên của mỗi người nữa. Vì nếu ta uốn-minh theo những thói lưu-hành cùng sự sở-thích bất-thời của công-chúng thì ta còn có đặc-tính gì nữa, và còn có gì là tự-nhiên nữa. Một người cứ nhất-nhất in mình theo vào kẻ khác, không phải là người tự-nhiên được, — trừ khi vốn thiên-bẩm là người khờ-dại, không biết tự-lập thì không kể. Song đặc-tính của mỗi người không tất-nhiên là tính tự-nhiên, vì cái đặc-tính có khi nó lỏng-bông, có khi nó lằng - lổ, mà sự tự-nhiên thì bao giờ cũng phải điều-hòa

ôn-kiện. Tính tự-nhiên bao giờ cũng phải đi cùng với tính phải-chăng và lòng tự-trọng. Khác nào như cái sức khỏe của tâm-hồn, vừa thuộc về tính-tinh, vừa thuộc về thần-trí. Tức là cái biểu-hiệu của những người đủ mạnh-mẽ không chịu cam-làm bù-nhìn để người ta chỉ-bảo, đủ trầm-nghị không có phí-công phản-đối xằng hay phản-nản hão. Cũng tức như cái cười; thế nào gọi là cười tự - nhiên? Là không cười sảng-sắc như người động-kinh, không cười sang-sang như người ngạo-mạn; cười thành-thực, có ý-nghị, có nhả-thú, không ngụ-ý khinh-mạn báng-bổ gì ai. Lại như câu chuyện tự - nhiên là câu chuyện không dờm, không cầu-kỳ, không « làm bộ ». Tính người tự - nhiên cũng thế, là không có gì kiêu-sức, không có gì ép-uồng, không có gì là lẽ-lối giả-mạo cả, cứ ngang-nhiên thân - nhiên như không; không có gì là giả-trá, không có gì là bác-tạp, không có gì là ở ngoài phụ vào chân-tính mình; không có gì là pha-phách làm hàng cả; không có gì là hão-huyền, là không thực cả. Thật là thuần-túy, thật là « chân-chúng », thật là chính giòng vậy. Con người ta thực xứng-đáng làm người, tất phải vượt được khỏi trình-độ thấp-bèn của những kẻ mang cái nô-tính ở trong lòng, chỉ biết theo người như đàn chiên đàn cừu vậy, mà ung-dụng phát-siễn được những tư-cách thiên-nhiên của mình, giữ được trong-sạch, hoàn-toàn, không có pha-phách, không có tí-ổ gì; nói tóm lại là gây được một cái « cá-nhân đặc - tính » (*individualisation*), không lỏng-bông, không ngồng-ngáo, tức là tính tự-nhiên vậy.

Như-gì làm thế nào, dùng cách gì giải-phóng được cho cái đặc-tính con người ta khỏi phải một là tự mình kiêu-sức, hai là nô - lệ theo người? Ta muốn giữ lấy tính tự-nhiên, tính chân-thật, nhưng sự đó có thuộc ở một chí-muốn

ta không ? Nếu ta có cái trí hoạt-kế đỉnh-ngộ một chút thời tôi tưởng cũng không khó gì. Mình giữ được tính tự-nhiên hay không giữ được, là ở sức mình biết quan-sát sự đời rộng hay hẹp, nông hay sâu vậy. Nếu cam-làm ở trong cuộc đời hẹp-hòi nhỏ-nhen, thời cũng phải uốn mình theo tâm-thước ngắn-ngủi ở đấy ; nhưng nếu biết đặt mình vào một cõi đời to rộng hơn thời thấy những tỉ-lệ ở đời, những lý-tưởng làm người nhiều lắm, có cái cũ, có cái mới, có cái do những bậc đại-trí sáng-khởi ra và chắc là lâu-bền mãi, có cái bởi những kẻ yếu-hèn bày-dặt ra và chắc là phải tiêu-diệt đi, có cái ảnh-hưởng đời nọ đến đời kia, có cái vụt-chốc một buổi là tàn, — như vậy thời phải biết kén chọn mới được. Đó mới cần phải có cái trí hoạt-kế đỉnh-ngộ nó giúp. Người ta ở đời như đi một chuyến du-lịch lâu-dài, nếu đến cái quán nào nghỉ chân cũng phải đổi tinh-tinh tư-tưởng mình đi, đổi cách - thức sinh-hoạt mình cho hợp với lễ-thói ở đấy, thời nghĩ cũng nực cười quá. Cho nên phải biết phân-biệt cái gì là cốt-yếu, cái gì là sự thăng-lai, cái cốt-yếu phải trọng, còn sự thăng-lai thời coi như một trò bày ra cho mình khoái-trí mà thôi. Những người có bầm-tính cương-ngệ thời chắc là không cần phải kinh - lịch bằng ngày như thế mới hiểu sự đời; những người ấy không học làm người như ta học bài học ; đã có cái khí - phách hơn người cũng không thể uốn mình theo thế-tục được. Nhưng mà ta đây, ta đây chẳng qua là những kẻ tầm-thường ở đời, ta phải chăm-chỉ mà cứu-xét cái cõi đời to-tát này, ta phải cố gắng mà bơi ra đến ngoài khơi kia để tìm lấy một chỗ cao đứng đấy có thể thu-quát được hết - thấy, so-sánh được hết-thảy, nhiên-hậu mới dám yên trí vững dạ mà đem tâm-hồn ra

vẫy-vùng trên bề rộng. Ở đời có một cái thuật làm người, muốn cho sánh cái thuật ấy thì phải tập cho tự-nhiên chân-thật và phải biết theo những cái lý - tưởng đã thắng được sự kinh-nghiệm của thời-giờ, nghĩa là đã qua lâu năm mà vẫn không chuyển. Hoặc cái thân-thể mình nhỏ - mọn, không mong có ngày gặp được những kẻ triết-nhân quân-tử, đã bày ra những cách làm người cao-thượng, thời cũng chẳng hề gì, nên chọn lấy những sách hay mà đọc và quan-sát sự đời qua quyền sách cũng được; những nhà làm sách hay, những nhà làm sách có thể đọc được, tất là những người đã thông-thuộc sự đời, biết yêu-mến chân-lý, ta có thể coi làm kẻ hướng-dạo cho ta được.

IV

Đã có tính tự-nhiên như thế, tất có tính bình-tĩnh, tính này cũng là biểu-hiệu của cái nhân-cách điều-hòa, nhất là ở thời - đại xôn-xao hỗn-tạp này. Không phải rằng hai tính ấy tất-nhiên phải đi cùng với nhau, bao giờ cũng phải liên với nhau dân. Sự bình-tĩnh cần phải có hai tính-cách rất khác nhau, một là thuộc về đường quan-sát, hai là thuộc về đường tiêu-hóa. Vì muốn cho tâm-thần được bình-tĩnh, không những phải có con mắt cho sáng-suốt, lại phải cần cho khí-huyết lưu-thông nữa. Nói đến « bình-lĩnh », tất tưởng-tượng đến bức cảnh như sau này : buổi chiều yên-lặng, trên trời sao mới mọc, thần đèn dương lần - lần bước tới, lẳng-lặng đi lên; giọt sương gieo xuống ngọn cỏ, gió như nín hơi; công việc ban ngày đã xong, bữa cơm buổi tối cũng rồi; cảnh-vật yên-đn, tư-tưởng như sáng-suốt hơn. Đó là cái giờ ngẫm-ngĩ, — và sự ngẫm-ngĩ là một cái đặc-tính của người ta. Không có cái giờ buổi chiều đó, làm cho người mọi sự nồn-nao ban ngày, khiến cho

linh-hồn được nghỉ-ngơi yên-ôn, thời bọn ta ở đời này làm thế nào mà giữ được trọn vẹn cái tính-cách làm người?

Sự bình - tĩnh ấy không phải là sự tĩnh-mịch vô-vi dân. Nó chỉ phản-đối với sự bạo-động, sự nóng-nảy, sự khinh-suất mà thôi, nó không ngăn-trở cái lòng hăng-hái trong khi chiến-đấu, nhưng chỉ giữ cho lòng hăng-hái khỏi thành lòng-bồng, giữ cho sự chiến-đấu khỏi thành một đam quay-cuồng hỗn-độn. Những bậc danh-tướng đời xưa đời nay gặp khi nguy-hiểm, bao giờ cũng yên-lặng; trong lúc nghỉ-ngơi, lúc dự-bị sự quyết-đấu cũng yên-lặng như thế, và đến khi ra quyết-đấu thời thái-độ càng bình-tĩnh bao nhiêu càng đáng sợ cho quân địch bấy nhiêu. Ta tưởng - tượng cái nghị - lực người ta đến trình - độ rất cao tất phải có tính-cách bình-tĩnh như thế, vì đến bậc đó sự tri-thức với sự cảm-giác điều-hòa nhau, lửa nhiệt-thành với lòng khắc-kỷ hỗn - hợp nhau, coi những sự quay-cuồng hờ-hông là hèn-hạ đáng khinh. Cái thuật biết khéo dụng sức mình như thế, là do những giờ trầm-tư mặc-tưởng một mình mới học được, trừ khi trời bằm-thụ cho từ khi mới lọt lòng thì không kể. Ta cứ ngồi mà làm án thời-dại ta, tổ-cáo những sự hũ-bại, tuyên-bố những sự suy-đổi, lấy thế làm thích chí, lại càng cứ làm già; không chịu khó thử ngồi nghĩ một chút, đủ biết bàng-bồ như thế thật là vô-ích; vả lại ta cứ xét qua lịch-sử đời trước cũng đủ khiến cho trí ta bớt thiên-lệch. Vì xưa cũng có lắm thời-dại xấu bằng thời-dại ta, và sau này chắc cũng còn nhiều thời-dại xấu như thế nữa, nhưng mà xấu đến đâu cũng từng sửa lại được, và những người đã ra cái-cách cho đời như thế không phải là những người chỉ biết cả miệng mà phản-đối. Những thời-dại xưa kia đương suy-kém mà trở nên

được vẻ-vang là nhờ có những người biết vững trí trong khi chiến-đấu, tựa hồ như ra tay đánh miếng nào là chắc miếng nấy vậy. Không có đời nào người ta làm tai nghe những kẻ than-hồn hối-hận. Vì nhân-tính như thế, không ai sẵn lòng theo đạo-dức để cho đẹp lòng những kẻ trách mình hư-hèn; và ở đời muốn hành-động cho có công-hiệu, trước phải ra tay điều-nhiếp lấy mình cho hoàn-toàn yên-ôn đã.

Sự bình-tĩnh không những không phải là sự lười-biếng, sự vô-vi, mà lại là một cách hoạt-động hòa-bình và êm-ái. Tính ấy thường đi liền với cái lòng chăm-chút về việc đời là cái đặc-tính của người ta đương tuần-tiến-hóa. Vì người ta đặc-biệt với giống vật là bởi cái tính thông-minh ham biết, bởi sự hoạt-động của thần-trí ra ngoài cái giới-hạn chật-hẹp của vật-dục, bởi sự khôn-khéo biết dò xét nhân-quả những việc không trực-tiếp quan-hệ đến mình, biết thương-lường những nguyên-nhân cùng kết-quả của mọi sự. Người ta biết đề ý đến cái thế-giới quanh mình, đến cả cái vũ-trụ lớn-lao mà thế-giới ấy là một bộ-phận nữa; đề ý đến không phải là chỉ có ý muốn lợi-dụng để thỏa-mãn những cái thị-dục của mình; đề ý đến là vì coi thế-giới như một cái trường-sở lớn để hoạt-động cái trí thông-minh ham biết của mình, để cho thần-trí được tiêu-dao khoan-khoái. Người ta thật là văn-minh ấy, bao giờ cũng muốn cho thần-trí được ưu-du khoáng-dãng. Quanh mình thường bày biết bao nhiêu những hình-ảnh tốt-đẹp để di-dưỡng tính-tình! Những du-ký của các nhà du-lich, thi-văn của các nhà văn-sĩ, ham xem ham đọc biết bao nhiêu! Những khoa-học về vạn-vật, những thư-tịch của đời xưa, những tin-tức về hiện-thời, ham nghiên-ngẫm, cứu-xét, sưu - tầm biết đường nào!

Trong cái công-phu học-vấn đó, bất-quá chỉ có một phần nhỏ là trực-tiếp quan-hệ đến sự sinh-hoạt cùng công-việc thường của mình ; học thể không phải là chỉ để mưu-sinh, học thể là để cho thỏa-thích cái thần-trí cao-thượng của mình mà thôi. Sự hoạt-dộng về tinh-thần đó phát-biểu ra cao nhất là ở cái lòng nhiệt-thành nó thúc-giục người ta : về đường chính-trị thì càng ngày càng tìm lấy những chính-thể hay hơn, về đường doanh-nghiệp thời càng ngày càng nghĩ ra những cách tổ-chức tiện hơn, về đường mĩ-thuật thời càng ngày càng đặt ra những lối-lãng khéo hơn, dù không có ích-lợi gì riêng cho mình mặc lòng ; lại chính cái lòng nhiệt-thành đó nó làm cho những kẻ lỗi-lạc trong bọn ta trở nên những nhà chính-trị, nhà cải-cách, nhà từ-thiện, nhà mĩ-thuật, nhà phê-bình, nhà văn-sĩ. Tưởng cũng là một cái đặc-sắc của loài người là biết can-thiệp đến việc kẻ khác cũng như là việc mình. Kẻ « tò-mò » kẻ cũng cho là một nhà xã-hội-học nhỏ được, duy chỉ để trí vào những sự nhỏ-nhen của xã-hội mà thôi. Nói thể không phải là có ý rằng cái thuật làm người không cao gì hơn cái trình-độ kẻ « tò-mò » đâu ; không phải thế ; cái thuật làm người không dung những sự can-thiệp vụn-vặt đến công việc nhỏ hăng ngày của người ta. Chỉ những người có cái nhơn-giới xa, có cái độ-lượng rộng mới có thể sánh cái thuật ấy được, mới có thể làm kẻ hướng-đạo cho ta, giúp được ta chọn con đường đi ở trên cõi đời này.

V

Cũng may cho ta, trước ta đã có người ở trên mặt đất này rồi. Ta sinh ra ở đời là ta được hưởng một cái gia-tài rất lớn-lao, rất quý-báu của các đời trước đã tích-lũy lại cho ta. Cho nên ta can-thiệp đến sự-vật, ta phải biết

kén chọn ; và cái chức-vụ của sự giáo-dục là dạy cho ta biết kén chọn đích - đáng. Những năng-lực của ta không phải là có xung-đột, có cạnh-tranh với nhau : mỗi cái sức mạnh trong người được tự-do muốn theo đường nào cho đạt tới cõi tri-giác cũng được. Và phạm làm người ai cũng có cái đặc-quyền được kén chọn cuộc đời mình ; không sớm thời trưa, ai rồi cũng sẽ nhận ra rằng cái thuật làm người không những là phải thành-thực, không những là biết khắc-kỷ mà thôi, lại phải biết cảm-giác, biết yêu chuộng cho đích-dáng nữa. Người tiêu-phu thật lành nghề, đi trong rừng không cần phải theo đường chính, cũng không cần phải tìm những nẻo sẵn mà đi ; cứ việc đi thẳng trước mặt, hình như đã có một cái thần-lực nó đưa chân mình đi, hình như đã có ám-hiệu với các cây trong rừng và đã mang ở trong mình một cái kim chỉ-nam tự-nhiên vậy. Thuộc về tinh-thần cũng thế, người ta cũng có một cái thuật mẫu-nhiệm để tìm đường ở trong cõi trí. Người với sách cũng như là cây ở trong rừng, ta đi trong đám cây ấy mà ta biết sáng tai tinh mắt, thời sẽ tìm thấy lăm đường nẻo lạ-lùng, như kẻ đi săn hay kẻ kiếm củi trong rừng vậy. Các ông có bao giờ nhận kỹ con mắt một người đã từng lịch-lãm cái thế-giới mình sinh-hoạt không : như con mắt ông chúa tàu đi bề hăng ngày phải chiêm-nghiệm mưa gió, tức là ước-lượng sự sống chết của mình ; con mắt người đi săn đã từng can-thiệp với cảnh-vật thiên-nhiên một cách thân-mật và biết cả những sự bí-mật của mọi vật ; con mắt của nhà doanh-nghiệp đã từng ra tay kinh-tế những buổi nguy-cơ ? Nhìn những con mắt ấy thì biết ngay là những con mắt biết trông ; nó có cái tinh-thần riêng, các con mắt khác không có ; đã đoán được cái tinh-thần ấy thì tất đoán được cả

bí-thuật làm người của người kia. Ta nên lấy đó làm thí-dụ. Khi ta lịch-lãm trong cái thế-giới người ta và cái thế-giới thần-trí, ta phải nên chuyên-tâm chú-ý luôn luôn, rồi sẽ có được con mắt nhanh-nhẹn sâu-sắc, trong chớp loáng có thể đoán được những cái tình-ý sâu-xa u-ẩn của người ta, khám-phá được những cái tiềm-tâm ngụ-ý một cách rõ-ràng như bày tỏ ra ở trước nơi thanh-thiên bạch-nhật vậy. Không có con mắt sáng-suốt như thế thì không bao giờ biết lợi-dụng hoàn-toàn cái « nhân-tính » của mình. Không có con mắt sáng-suốt như thế thì có phải là uổng mất cái công của mấy mươi đời người trước ta đã tích-lũy những sự khôn-ngoaan để giúp cho ta sống ở đời không? Ta chỉ chịu khó một tí là được tọa-hưởng những sự quý-báu đó, thế mà ta đành chịu bỏ mất hay sao? Trước mặt ta kia là cái thế-giới mà nhân-loại trong mấy mươi thế-kỷ đã gây dựng được nên như bây giờ. Ta sinh-hoạt trong thế-giới ấy, có nên ngang-nhiên chiếm lấy toàn-quyền tự-lập của ta, hay là ủy-mĩ nhu-nhược, cam chịu làm thân nô-lệ, như kẻ biếng-nhác kia không có ích gì cho sự văn-minh trong thiên-hạ, hay là như bọn làm ấu lam - lũ kia, thân người mà như giống vật, để cho sự lao-dộng làm-than nó làm cho mất cả cái quyền tự-do kén-chọn đi?

Vì rằng người ta ở đời nếu cứ sống như là cuộc-dời mới bắt-đầu tự bây giờ mà thôi, không biết nhìn ra ngoài những vật có cảm-giác đến mình, không biết thiết-đến những mối lợi-hại phiền-phức nó đối-đãi nhau ở trên cái cõi đời lớn-lao này, không biết hồi-cố đến cái tâm-thuật khôn-ngoaan của đời trước đã giúp cho bước đầu của loài người từ khi mới chập-chững biết đi đến giờ, một người như thế thì tôi cho là đã sụt xuống thấp kém cái trình-độ làm người vậy. Tôi nói đây là nói

người còn có chút tự-do biết kén chọn, chứ phần nhiều kẻ đồng-loại ta thời không biết sự tự-do ấy là gì, những làm ăn khó-nhọc mà không được chút nào thanh-thời. Cứ xem như thế này thì biết rằng cái lương-tâm của người đời nay đã ràng-rạng ra một chút, là bọn ta đã hiểu rằng kẻ thợ-thuyền lao-dộng cần phải được thụ-nhận một chút để đem con mắt mà quan-sát sự đời, để rũ trút được cái bụi ở nơi công-xưởng hay chốn nhà máy nó làm cho mờ-ám cả con mắt. Ta biết rằng sự lao-dộng mà xâm-chiếm đến cả đời người ta, bắt người ta phải làm-lụng khó-nhọc hết ngày ấy đến ngày khác, chỉ được một giấc ngủ nặng-về lúc ban đêm mà thôi, cách lao-dộng như thế thật là làm mất cả « nhân-tính » người ta đi (*un labour qui déshumanise*). Ta biết rằng những người phải bó-buộc như thế thời không được tự-do làm người, đến thần-trí mình cũng bị giam-cầm nữa. Đó là công của nhà từ-thiện, và cũng là công của nhà chính-trị nữa, phải hết sức làm cho cái gánh nặng-nề ấy nhẹ bớt đi, giải-phóng cho những kẻ đã vì ta chịu khó-nhọc để duy-trì cho xã-hội. Nhưng mà nay nói những kẻ có quyền tự-do kén-chọn mà lại cam-tâm chọn lấy cái phận nô-nhèn, chọn lấy cái phận nô-lệ ở đời, những kẻ có sức cai-quát được toàn-thể xã-hội mà lại chỉ dùng cái đời mình để chỉ-trích, báng-bổ một vài cái thói xấu của xã-hội, những kẻ ấy thời nghĩ làm sao? Những người có lòng từ-thiện với xã-hội, tôi đây dám đầu binh-phẩm, tôi chỉ xin trách những kẻ làm mất uy-thời tạt-tục, muốn sửa đổi cho xã-hội bằng những lời than-van, giọng khóc-lóc, nay công-kích sự này, mai giận-dữ điều khác, coi những sự lầm-lẫn nhỏ như những điều tội-lỗi to, làm mặt anh-hùng rom dương cung bắn mè, còn những sự giả-trá tẩy-dinh,

những điều tệ-lạm tầy liếp thời vẫn phỏ bày ra trước mắt đầy mà không thấy ai trừ-khử đi cả. Nếu chỉ muốn sửa đổi những điều nhỏ - nhặt mà không muốn cải-cách những sự lớn-lao như thế, thời chẳng phải là làm kẻ báng bổ thì dễ chứ mưu việc đại-sự thì khó dư? Ta đã có bụng hăng-hái nhiệt-thành, há lại chỉ nên dùng dề công-kích những thói ăn cách ở của kẻ khác ta không ưa dư? Muốn nghĩ cách cải-lương cho giống-nòi mà chỉ hỏi ý đến cái phái bao giờ cũng miễn-máo than-khóc cho xã-hội đó, thời tưởng có hại cho xã-hội, chứ không có lợi vậy. Về phần tôi, tôi vẫn thường ước - ao có được một hạng người « thượng-lưu », thực là xứng - đáng làm thượng-lưu, thực là có tư-cách chủ - trương hướng-dạo cho xã-hội, biết đem con mắt bình-tĩnh sáng-suốt mà quan-sát cả toàn-thể sự-vật, trong sự hành-vi biết giữ lấy trung-chính, biết có độ-lượng, và đối với những điều nhỏ-nhặt hoặc có khiếm-khuyết, chưa được hoàn-toàn, cũng biết rộng lòng khoan-dung; có được hạng thượng-lưu như thế thời tôi ước-ao rằng những người ấy sẽ đem hết nghị-lực mà truyền-bá những lý - tưởng hay trong quốc-gia, trong xã-hội, nghị-lực ấy tất phải hăng - hái, nhưng vừa hăng-hái mà vừa phải có điều-độ. Làm như thế là dự - bị mở ra một thời-kỳ mới trong nhân-loại, một thời-kỳ mà nhân-cách được thanh-cao thêm lên, nhơn-giới được rộng-rãi thêm ra.

Thế-giới ta đã gọi là một thế-giới tri-thức, nếu sự tri-thức ấy không làm được cho ta bỏ cái tri nhỏ-nhen, hẹp-hòi, chỉ thiết-tha những sự vụ-vật di, thời cũng là uổng vậy. Những sách-vở của các tiên-hiền bàn-bạc về sự đời, lâu ngày đã thành như cái kho báu của nhân-loại, nếu ta biết làm tai mà nghe những lời dạy-dỗ

khôn-ngoan, để trí ngẫm-nghĩ những câu cách-ngôn thâm-thúy, thời cái cõi đời này ắt trở nên tốt-đẹp, khôn-ngoan, êm-ái biết dường nào. Trong những sách đã từng-trải lâu đời mà vẫn còn giá-trị như thế, thời chắc là không có những câu than-thở chán đời, những giọng phóng-túng vô-độ, những lời thiên - lộn cổ-chấp. Mà người ta cũng thế: những người nóng-nảy, những người thiên-lệch, những người cổ-chấp, không phải là những người có tư-cách hướng-dạo được cho nhân-loại tới một cõi đời thanh-cao hơn; người ta không bao giờ lấy những người ấy làm mẫu mà bắt-chước, không bao giờ coi những người ấy là những kẻ hào-kiệt ở đời. Cái gì thuộc về loài người, cái gì hợp với « nhân-tính », « nhân-cách », thời bao giờ cũng hình như có một cái ánh hào-quang, êm-đềm, vui-vẻ, bao giờ cũng có một cái vẻ sinh-hoạt đậm-dà, bao giờ cũng có một cái ý-nghĩa đại-đồng bác-ái. Người thật là người thời nhất-nhất biết quan-sát hết, và lịch - lãm sự đời bao giờ cũng giữ được bình-khi; phạm cái gì có quan-hệ đến sự sinh-hoạt ở đời, cũng là để tâm chú-ý cả; bất-cứ sự xa sự gần, đều để trí khảo-sát, khiến cho cái nhơn-quan như thêm sáng-suốt, thêm mạnh-mẽ ra. Chứ con vật thì chỉ biết những giống ở quanh mình mà thôi, như bị giam-hãm trong một cái vòng sinh-hoạt hẹp-hòi. Cái lợi làm người là được tùy ý muốn thay vai đời trò thế nào cũng được, muốn lên thác xuống ghềnh, trèo non lặn suối thế nào cũng được, vì cả thế-giới là cái sân khấu của mình, muốn bày ra đâu, muốn đặt chỗ nào cũng được, và người xem trò mình là cả thiên-tải hậu-thế vậy. Ta thử nói chuyện với một người có « nhân-tính » hoàn-toàn như thế, có cái vẻ tiêu-dao tự-tại như

thế, hoặc là tự thiên-bẩm, hoặc là bởi học-tập được, — ta sẽ thấy phạm vi đời chuyện gì người ta cũng thông-biểu cả, có thể cứ ung - dung đương chuyện nọ sang chuyện kia được; không có giống như lắm kẻ kia giam trí mình vào trong một cái vòng-khuôn chật-hẹp, hề nói ra đến chuyện ngoài thì ngờ - ngác như cầm như diếc, hay là lắm-cầm không ai muốn nghe nữa. Nay ta thử nói với những kẻ cũng hăng-hải, cũng nhiệt-thành, nhưng chỉ nhiệt - thành hăng-hải về mấy câu chuyện sở-thích của mình mà thôi, nói đến chuyện mình thì nóng-nảy mạnh-bạo vô-cùng, còn đối với chuyện khác thì lạnh-nhạt như không cả, thời ta thấy nó khó chịu trong người, như trông thấy một sự quái-gở, một cái sức mạnh thiên-lệch về một bên mà hình như có ý ngông-cuồng vậy. Nhưng nếu ta đến gần một người kia, mềm-mại uyển-chuyển, đem cái tư-tưởng ở chuyện nọ sang chuyện kia bình-thường dưng-dị như không, chuyện gì cũng có ý vui, có ý thích, như một nhà du-lịch đã lão-luyện, từng-trải đã nhiều, dù muốn xem lại những xứ mình đã qua, hay là bắt đầu xem những xứ mình chưa tới cũng là lấy làm thú cả, gặp một người như thế thì đến khi ra về thấy ảm-áp cả trong lòng, có cái cảm-giác như mình vừa được làm bạn với một người *thật là người* vậy. Cõi đời ta là một cõi đời rộng, một cõi đời «tròn», ta là người ở trong cõi đời ấy ta phải biết thu-quát được cả cái cảnh-tượng mọi sự khôn sự đại ở đời, ta mới thật là hoàn-toàn nhân-tính vậy.

VI

Không nên sợ rằng sự khoan-dung khoát-dạt đó làm giảm mất hiệu-lực của cái công hoạt-động của ta. Kể cái gương việc trước thời cũng nhiều việc đủ khiến cho ta sợ như thế thật:

như nghĩ đến những buổi nguy-cơ trong lịch-sử, hình như chính những người cương-ngạnh cố-chấp là người có công vãn-hồi cho thế-đạo hơn cả. Và lại những người mà thiên-hạ phục là những bậc anh - hùng hào-kiệt ấy, thương không phải là những người êm-ái, uyển-chuyển, điều độ, ung-dung. Có lẽ thiên-hạ lại cho người nào có những tư-cách hơi quá-đáng một chút, như can-đảm mà đến mạo-hiêm, nhiệt-thành mà đến nóng-nảy, hăng-hải mà đến táo-bạo, hiều-nghe mà không nghĩ mình, nói tóm lại là người có khôn-ngoa mà không hay cần-thận, ấy mới thật là người tiêu-biểu cho loài người. Song đó là những cách quan-sát thuộc về một xã-hội còn cổ-lổ; ngày nay ta đã xa cái thời kỳ ấy rồi, ta phải quan-niệm người hào-kiệt thế nào cho hợp với tinh-thần đời nay. Cứ thực ra thời hạng hào-kiệt đó ta đã có rồi; ta đã từng đặt ra một cái biểu nhân-phẩm mới, ta thường xét người theo cái biểu ấy, và nhận được người nào là người có nhân-cách hoàn-toàn như lòng ta sở-nguyện. Tôi chỉ lấy một việc trong lịch-sử cận-đại làm thí-dụ. Trong cận-sự nước Mĩ có sự vận-động đề bãi tặc súc-nô là một việc quan-trọng nhất. Có hai người chủ-trương việc ấy, là ông ABRAHAM LINCOLN và WILLIAM LLOYD GARRISON, một người dùng cách ôn-hòa, một người dùng cách bạo-động. Dùng cách bạo-động vẫn là được việc, nhưng suy cho kỹ dùng cách ôn-hòa lại còn được việc hơn. Cho nên quốc-dân một lòng tin-phục ông LINCOLN mà bầu ông làm Giám - quốc. Còn ông GARRISON thời thiên-hạ cũng có phục thật, nhưng không dám hết lòng tin, lúc ông sinh-thời vẫn có ý nơm-nớp sợ, là sợ cách bạo - động của ông có khi bại-sự, mãi đến khi ông chết rồi mới thật là biết công-ơn cho ông. Thế mới biết sức điều-hòa của tạo-vật mới thực

có ích hơn là sức mãnh-liệt, vì sức mãnh-liệt cũng như là cơn dông cơn bão, đầu có công quét sạch cho không-khí thật, mà không khỏi làm hại cho cây-cối nhiều. Ngoài những nhà chính-trị có công trong việc bãi-nô đó, còn một người nữa tên là ông LOWELL cũng giúp cho việc ấy được nhiều. Ông này có tính hoạt-kê dĩnh-ngộ, một tính ấy cũng đủ làm cho thành - sự hơn là những cách bạo - động khác, vì đủ truyền cái tinh-thần mới cho các đảng ôn-hòa trong nước không cảm những cách cổ-dộng mãnh-liệt kia. Đối với những kẻ không biết ôn-tồn điều-dộ, không biết vui-vẻ tươi-cười, ta tự-nhiên không muốn đến gần; nhưng đối với một người đã đảm-đương cái trách-nhiệm cải-cách cho xã-hội, mà trông trong con mắt có cái tia sáng hoạt-kê thời đủ làm cho ta yên lòng vững dạ. Ta trông thấy những bậc cao-nghiêm biết mỉm miệng cười là ta lấy làm vui lắm; ta đối với họ như nước đá đã tan vậy. Nếu cái cười ấy lại là cái cười tốt-lành, cái cười sáng-sủa, cái cười vui-vẻ, cái cười thật-thà, thời ta không còn có bụng nghi-ngờ gì nữa, không còn sợ sự hăng-hải của họ là có cái ý bất-lương gì nữa; cái cười ấy khác nào như cái tia sáng mặt trời chiếu thẳng xuống dòng nước chảy, làm cho rãn xa cả những bóng tối âm-thầm và lộ ra cái đáy nước trong vắt.

Người ta sở-dĩ có cái bụng đại-dồng bác-ái là cái đặc-tính của kẻ trượng-phu hào-kiệt ở đời, là bởi có nhân-cách rộng-rãi, đầy-dủ, khoáng-hoạt, kiện-toàn như thế. Nếu để cho cuộc đời mình, tư-tưởng mình hạn-bị vào những sự nhỏ-nhen, thời cái sức cảm-tình của mình cũng tiện-thị nhỏ-hẹp đi. Vì sự cảm-tình là thuộc về cái trí sáng-suốt, thuộc về sự kinh-lịch ở đời. Cảm-tình không phải là một cái tình suông. Cảm-tình không phải là chỉ biết thương người mà thôi, cảm-tình

cốt là phải biết am-hiểu sự đời, am-hiểu lòng mong-mỏi, sự tưởng-vọng của kẻ đồng-loại mình. Cảm-tình mà không biết đến những sự đó thời không có giá-trị gì. Thấy học của cảm-tình là sự quan-sát và sự kinh-nghiệm, như người nào có con mắt sáng-suốt, có cái nhỡn-giới xa rộng thời thụ-giáo hai ông thầy ấy mới có ích-lợi.

Người nào đã biết phát-siễn các năng-lực của mình đến bậc hoàn-toàn, thời tất phải có cái tư-cách biết lý-luận về việc đời, biết dự-đoán trong khi hành động, tư-cách ấy phải tập-luyện mới khai-phát ra được, và vào người tâm - thường thời phải khó-nhọc mới gây dựng nên được. Ta nay bước vào một thời - đại mới, và thời-đại này lại yêu-cầu ta phải có một cái nhân-cách mới. Nhờ có điện-khí, có hơi nước, các nước bây giờ như liền cửa liền ngõ với nhau, sự lữ-hành thành một cuộc tiêu-khiển, các tin-tức chỉ nhaoáng mắt tới nơi. Nghề in tiện, sách bán rẻ, sự tri-thức đã truyền-bá khắp trong dân-gian. Con mắt ta bây giờ tự-nhiên mở rộng ra mà nhìn xem cái cõi đời to-tát này, thành ra cái tiếng « làm người » bây giờ lại phải có một cái nghĩa mới. Các lý-tưởng của ta cũng phải khuếch-trương ra cho vừa tầy với cái thế-kỷ lớn-lao này. Ngay nay ta ước-ao, ta mong-mỏi, không phải là mong-ước làm một kẻ tu-bánh đạo-dức, — cái thời-đại đi tu bây giờ đã qua rồi, — nhưng mong-ước làm người thần-trí mạnh - mẽ, biết hỏ-hấp cái không-khí lớn của thế - giới, biết thông-thuộc các giống các loài, biết vững-vàng mà bước lên, vạch lấy đường đi ở giữa đám ồn-ào rộn-rịp, kẻ khác xôn-xao, mình vẫn bình-lĩnh, vẫn điềm-nhiên, thần-nhiên, mà vẫn có con mắt sâu-sắc, vẫn có mạch máu hoạt-động. Cái thời-đại ta sinh-hoạt này cũng giống như thời - đại ông

SHAKESPEARE. Mà thời-dại ta có lẽ lại còn hăng-hái hơn, phức-tạp hơn, lợi cho những kẻ có tài-năng, người có khi-khái hơn là cái « thời-dại phong-quang của bà ELISBETH đại-nữ-hoàng », — như lời trong sách chép, — hồi bấy giờ thế-giới như mới tái-sinh tân-tạo một lần vậy. Đời này vì không có một tay đại-văn-hào như SHAKESPEARE xuất-hiện để đem một cái gương tái-tình phản-chiếu cho cảnh-vật, thời không phải là tại không có một nơi sân khấu sẵn-sàng để cho kẻ tài-năng phô-diễn. Đời ta có lắm vẻ thú lạ-lùng, giá có một ông SHAKESPEARE mới thời ông xem cũng sướng mắt. Còn như ta đây, muốn có ích-lợi cho đời, muốn được xứng-dáng với đời, ta cũng phải tập làm người theo một cách khoan-hồng khoáng-hoạt như ông SHAKESPEARE đời xưa vậy. Mạnh-mẽ một cách êm-ái; tự-nhiên mà thành-thực, bởi các năng-lực điều-hòa nhau; thiết-tha mà chăm-chút đến mọi sự mọi việc của người đời, dù là công-chuyện làm ăn, dù là ý-nghĩ phảng-phất, dù là lòng tin thâm-thiết, dù là mối tưởng phất-phơ; đem một tấm lòng rất khoan-dung khoáng-dạt, rất thân-thiết mến yêu mà cảm-thông cả các hạng người trong xã-hội; có cái trí tưởng-tượng biết sắp đặt mưu-mô mà lại biết diễn-xuất nó ra ngoài cho sán-lạn; có cái tư-tưởng biết sáng-kiến mà lại biết tổ-chức; có cái vẻ hoạt-ké thật-thà mà vui-vẻ; có con mắt lạng-lẽ mà sáng-suốt; nói tóm lại là có một cái thiên-tài có tính-cách bao-gồm cái-quát hết thấy; đó chẳng phải là những tính-cách ta nên bao giờ cũng bày ở trước mắt để làm cái gương cho loài người học hỏi được

đủ cả thời là đến bậc hoàn-toàn tuyệt-đích dư?

Thời-thế đương đời ta kia, thời-thế này cũng như về hồi ông SHAKESPEARE là giữa lúc cái thế-giới cũ đã già-cỗi, cái thế-giới mới mới xuất-hiện ra, tức là buổi hoán-cải tư-tưởng cho người đời, cõi đời là một trường vẫy-vùng hoạt-động cho thần-tri người ta cả; sân khấu đương vui-vẻ náo-động, bài kịch đương rắc-rối nồng-nàn, chưa biết rồi kết-cục ra thế nào. Trí ta phải làm thế nào cho thích-hợp với cái thế-giới này, phải làm thế nào cho sánh tầy mới được; giữa thời-dại này là phải tỏ ra nhân-loại ta có thể làm được thế nào, tới được bậc nào. Ta phải cố sao cho xứng với công-việc, phải bước rảo cho theo với dịp mới, phải nhận-chấn cái địa-vị ta ở trong bản kịch lớn của loài người. Đứng ở giữa những mối quan-hệ tầy đình như thế, sự quan-cảm của ta phải cho tự-do và khoáng-dạt biết dường nào, sự thông-hiểu của ta phải cho bao-dung và cái-quát biết dường nào, sự hành-vi của ta phải cho vững-vàng và điều-độ biết dường nào! Ta phải chau-dõi nhân-cách của ta thế nào, ta phải tập-luyện thần-tri của ta thế nào, cho tai nghe thấy tiếng thực tiếng giả biết ngay, trí trông thấy chân-lý ở đâu biết ngay, và lưỡi thì biết nếm cái phong-vị của ngày giờ. Ngày nay như cả thế-giới nói chuyện với ta bằng khắp thứ tiếng nói, bằng khắp thứ văn-chương, thời tùy ta đó, ta muốn đề-huê với những kẻ triết-nhân quán-tử hay đánh bạn với những phường đại-dột ngu-si cũng mặc lòng. Người nào làm người khôn-khéo hơn nhất, ấy là người ấy tiêu-biểu được cho nhân-loại sau này. Mà cái thuật làm người là cái thuật biết tự-do và biết mạnh-bạo.

T.-C. dịch

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XIV

Thứ tư, mồng 7.

Quan sáu L... hồi xưa đã có tông-quân ở bên ta, nay hư-trí. Mới quen mình từ bữa diễn-thuyết ở trường Thuộc-dịa, hèn sáng hôm nay đến chơi ở *Ligue maritime et coloniale* (Hội cổ-dộng về Hải-quân và Thuộc-dịa), ở số 30 đường *Capucines*. Hội này tập-hợp được nhiều người lắm, nghe như thế - lực cũng mạnh. Chủ - ý là cổ-dộng cho quốc-dân Pháp chú-ý đến việc hải-quân và việc thuộc-dịa, cho rằng hai khoản ấy có quan-hệ to đến vận-mệnh nước Pháp. Đồng-lý sự-vụ trong Hội là ông MAURICE SAINT-RONDET, quan sáu giới-thiệu mình cho ông, ngồi nói chuyện ít lâu về việc bên ta, rồi ông tặng hai quyển sách của ông xuất-bản trong khi chiến-tranh (1916-1917) thuật về cuộc du-lịch của ông ở Đông-Pháp mấy năm trước, một quyển đề là : *Choses de l'Indochine contemporaine* (Sự - vật ở Đông-Pháp ngày nay), một quyển đề là : *Dans notre Empire Jaune* (Trong cái đế-quốc giống da-vàng của ta). Ông này làm sách viết báo nhiều, toàn là về chuyện du-lịch, về quân-sự và về thuộc-dịa cả, chủ-ý cổ-dộng truyền-bá hai cái chủ-nghĩa đế-quốc và quân-quốc, khuếch-trương cái thế-lực nước Pháp trong thế-giới ; cứ xem những tên sách của ông như sau này thì đủ biết : *La Grande Boucle. Notes et Croquis de l'ancien Continent et des deux Amériques* (Cuộc du-lịch hoàn-cầu. Biên chép về tân cựu thế-giới), sách được Hội Hàn-lâm ban thưởng ; *L'Afrique équatoriale fran-*

çaise (Đất Trung-Phi-châu thuộc Pháp) ; *Dans notre Empire Noir* (Trong cái đế - quốc giống Da - đen của ta) ; *L'Avenir de la France est sur mer* (Hậu-vận nước Pháp là ở trên mặt bể) ; *Aux confins de l'Europe et de l'Asie* (Giáp-giới châu Á với châu Âu) ; *En France africaine* (Ở đất Phi-châu thuộc Pháp). Mấy quyển đó, quyển nào cũng đến tái-bản, tam-bản cả. Xem đó thời biết người Pháp không phải là không thiết đến chuyện thuộc-dịa, không phải là không có cái chí chinh-phục và cái tinh hiếu-võ vậy. Ông MAURICE SAINT-RONDET là một tay trước-thuật tiêu-biểu rõ nhất hai cái tinh-thần đó.

Quan sáu L... cũng vào phái cổ-dộng về thuộc-dịa. Từ ngày về hưu, thường viết trong các báo nói về chuyện thuộc-dịa. Chính trong tạp-chí *Les Annales* một đôi khi cũng có bài của ngài. Về việc Đông-Pháp thì nghe chừng ngài đã xa bên ta lâu năm, không được am-tường về hiện-tình lắm. Nhưng việc về ba bốn mươi năm trước thì ngài biết rõ, nhất là hồi Đức Đồng-Khánh mới lên ngôi. Ngài nói ngài có được bệ-kiến tiên-hoàng mấy lần.

— Ông P... giáo-học tiếng An-nam ở trường Đồng-phương-bác-ngữ, trước làm quan cai-trị bên ta, có mời mấy anh em 9 giờ tối đến uống nước chè ở nhà ông, đường *de Lugnes*, số 9. Đường này mình chưa đi đến bao giờ, lại đi tối, quanh-quẩn mãi không tìm thấy, thuê cái taxi thì chẳng

(1) Xem N.P. số 58, 59, 60, 63, 65, 66, 68, 69, 70, 73, 75, 77, 79.

may gặp bác cầm máy cũng bỡ ngỡ như mình, thành ra mãi đến mười giờ mới đến, ông giáo và phu-nhân có ý đợi. Ông P... năm trước mình đã có quen gặp ở trường Bắc-cổ Hà-nội, không những là một người thuộc tiếng An-nam đã sành mà lại là một tay khảo-cứu có công nữa. Ông đã có làm một bài khảo về lễ « động-thổ » và một bài khảo về « vàng trong lễ-tục An-nam », in trong sách biên-tập của trường Bắc-cổ. Ông người tính-khí ôn-hòa điềm-dạm, ra tư-cách một nhà bác-học chứ không phải một quan cai-trị thuộc-địa. Nghe đầu định chuyện về đường học-vấn, không có chỉ trở về làm quan bên ta nữa. Ông vừa dạy tiếng An-nam ở trường Đông-phương (nguyên là thay cho ông giáo chính D..., nhưng ông này bị đau luôn có lẽ cũng từ chức, thời ông sẽ được thực-thụ), lại vừa kiêm một khoa giảng-nghĩa về cổ-văn-tự Đông-Pháp ở học-viện *Collège de France* thay quan chánh đốc Finot trường Bắc-cổ Hà-nội. Nói chuyện về sự học tiếng An-nam, ông có ý phàn-nàn rằng ông dạy học lấy làm khó lắm, vì không có sẵn sách vừa tầm sức học-trò. Ông ước-ao rằng có ai biên-tập được những bài nho-nhỏ, ngắn-ngắn, dễ-dễ, gồm được đủ các giọng các lối mà phần nhiều nói về phong-tục, cách ăn-ở, cách sinh-hoạt người An-nam ta, thì giúp đỡ cho người Pháp ở bên Pháp học tiếng ta nhiều lắm. Minh nghĩ bụng rằng không những người Pháp học tiếng An-nam không có sách, mà đến người An-nam muốn học tiếng « mẹ đẻ » cũng là vô-sự vô-sách nữa, một là bởi chính người An-nam đối với tiếng nước mình vẫn chệnh-mãng, hai là bởi các trường Nhà-nước không chịu cho tiếng An-nam được một cái địa-vị xứng-đáng, nên dầu có nhà làm sách cũng ngại

không dám xuất-bản, sợ in rồi bỏ đó không ai mua ! Sách giáo-khoa đứng-dẫn, trừ phi sở Học-chính công-nhận và bắt học-trò phải mua, còn đời nào tiêu-thụ được mạnh bằng những sách tiểu-thuyết ngôn-tình hay là những sách thi-ca bá-lập. Nhiều ông ở bên mình nhiệt-thành cử giục : Sao không lập cuộc tu-thư đi ? sao không mở hội dịch sách đi ? Không biết rằng dịch sách với tu-thư mà xuất-bản đó ba nghìn quyền, ba năm không bán chạy được năm trăm quyền, thì sớm trưa cũng đến phá-sản mà thôi !

Thứ năm, mùng 8

Hôm nay quyết đi xem viện bảo-tàng *Le Louvre*. Đã mấy lần rắp đi mà vẫn ngần-ngại, sợ-hãi, như người sắp vào một chốn thiêng-liêng, chưa chắc mình đã đủ trai-giới, đủ kính-cần mà dám bước chân vào. Chỗ này là chỗ bao nhiêu cái tinh-hoa của văn-minh Thái-Tây đã mấy mươi đời nay sưu-tập cả ở đây, biết rằng con mắt phàm nhìn vào có hiểu được không ? Cho nên từ khi tới *Paris* đến giờ, rảnh được chút thi-giờ nào thì đọc những sách, xem những tranh cùng ảnh về nghệ-họa và nghệ-tượng ở Âu-châu và nhất là nước Pháp, khảo những bộ « chỉ-nam » về *Le Louvre*, mua những phiến ảnh các danh-họa danh-tượng hợp thành từng tập đầy, nói tóm lại là dự-bị sẵn đề cho có đủ tư-cách đi xem viện bảo-tàng cho thật ích-lợi. Mới đây lại mua được quyển sách : *Mes promenades au Musée du Louvre*, của J.-F. RAFFAËLLI, sách của một nhà họa giỏi bình-phẩm về nghệ-họa. Xem sách này khám-phá được nhiều điều lạ, lĩnh-hội được nhiều lẽ hay về mỹ-thuật Âu-tây. Như ông giải cái tâm-lý của nhà mỹ-thuật như thế này : « Nhà mỹ-thuật có tính hay cảm-kích, không thể không tự phô-diễn ra ngoài. Phô-

diễn ra là vừa phát-biểu cái tinh-túy của tạo-vật, vừa phát-tiết cái tinh-anh của riêng mình, kết-quả sự đó có nhiều cách. Sáng-ngiht được một « lối » riêng, thế là phát-tiết được cái tinh-anh của mình, mà phát-biểu cái tinh-túy của tạo-vật là suy-tòan những cảnh thiên-nhiên cho có vẻ mỹ-lệ, lại phụ thêm cái văn-vẽ của tinh-tinh mình. Một bên thì biểu-dương cho mình, một bên thì giáo-dục cho người : tức là ông thầy dạy đẹp cho đời vậy. » (*L'artiste se trouve forcé par son enthousiasme à s'exprimer. Il le fait en exaltant la beauté de la nature autant qu'en exaltant sa propre beauté. Les effets qui en résultent sont d'ordres divers. En créant son style, il exalte sa propre beauté, et, en exaltant les beautés de la nature, il élève à la beauté les spectacles de la nature, à laquelle il ajoute les beautés de son âme. D'un côté, il travaille à sa gloire. De l'autre, il est un éducateur : il est un professeur de beauté*). — Nay cái đẹp là cái gì ? Làm thế nào cho người đời công-nhận một sự hay một vật là đẹp ? Ông thí-dụ một việc như sau này ở trong họa-sử nước Pháp, đủ chứng về sự phát-sinh ra cái quan-niệm « đẹp » ở trong tâm-trí người ta. Đời vua Louis thứ 14, có một nhà họa tên là Téniers dâng vua mấy bức tranh vẽ bọn binh-dân cục-súc, vua hất đi mà nói rằng : — Đem cất cái lũ khố rách này đi ! — Đời ấy các nhà họa không ai thêm vẽ đến bọn « khố rách », và trong tư-tưởng chung coi bọn đó đáng khinh-bĩ vô-cùng. Sau ý-kiến mỗi ngày một đổi đi. Kịp đến thế-kỷ thứ 18 thì cái lý-tưởng bình-dẳng lại thịnh-hành lắm. Bấy giờ có một nhà họa tên là MILLET, ông là con nhà quê đất Normandie, trong những bức tranh của ông chỉ vẽ người nhà quê xứ ông mà thôi : bác thợ cấy, chị hái lúa, người nường bánh, kẻ chăn bò, toàn là bọn

« khố rách » cả, nhưng ông có cảm-tinh với bọn ấy, ông cảm-kích về tình-cảnh bọn ấy, ông không thể không phát-biểu cái tinh-thần nó ngụ ở trong nghề lam-lũ, tức là ông suy-tón kẻ nhà quê cho đến cái phẩm-giá đẹp, khiến cho người ngoài trông vào cũng phải cảm. Ông làm thế là ông vừa gây được một « lối » riêng cho nghề họa mình, nghĩa là tìm được một cách để phát-tiết cái tinh-anh, tức là cái cảm-tinh của mình ; lại vừa phát-biểu được một cái vẻ tinh-túy của tạo-vật, trước kia chưa ai biết đến mà từ đấy nhờ ông thiên-hạ cảm được cả. Thế là ông vừa biểu dương được cái tài-tinh của ông mà lại vừa giáo-dục được sự đẹp cho đời. Đó là cái vinh-dự tối-cao của nhà mỹ-thuật.

Theo cái lý-tưởng về mỹ-thuật đó thì phẩm sự-vật gì trong trời đất, bất-cứ sang hèn, đều có ngụ một cái vẻ đẹp cả ; nhà mỹ-thuật là người biết cảm-kích cái vẻ đẹp ngấm đó mà có tài phó-diễn được nó ra, trong khi phó-diễn ấy không những là phát-biểu được cái tinh-túy của sự-vật mà lại phát-tiết được cái tinh-anh của mình nữa. Cái lý-tưởng về mỹ-thuật của Á-đông ta có khác, nhất là về nghề họa. Nhà họa Tàu hay nhà họa Nhật không chủ phó-diễn cái đẹp ngấm ở trong sự-vật, nhưng cốt là tả một cái thái-độ của thần-trí người ta đối với cảnh vũ-trụ bao-la. Mỹ-thuật ấy có một cái vị triết-lý, một cái vẻ siêu-hình, cho nên không châu-tuần ở trong vòng sự-vật mà muốn siêu-thoát ra ngoài cõi thanh-không. Nhìn một bức thủy-mạc Tàu với một bức nhân-vật Tây đủ biết hai cái mỹ-thuật khác nhau thế nào. Đó là một vấn-đề người An-nam mình cần phải nghiên-cứu, vì có quan-hệ to cho sự tiến-hóa về đường tinh-thần của dân-học ta. Chuyển này về

có thì-giờ phải nên khảo về họa-học của Trung-quốc và của Nhật-bản. . .

Trước khi đi xem nhà bảo-tàng đã dựng công dự bị như thế, thế mà xem còn không hiểu thì thật là hủ-lậu quá!

Xem viện *Le Louvre* này cũng như xem cung *Versailles*, không thể một buổi khắp được; phải đến vài ba ngày. Ấy là xem qua cho biết đại-khải mà thôi, chứ nếu muốn nghiên-cứu về nghệ họa hay nghệ tượng cho rành từng thời-dại một hay từng môn-phái một, thì không biết mấy tuần mấy tháng cho khắp. Vì trong một viện bảo-tàng này không biết mấy mươi nghìn pho tượng, mấy mươi vạc bức tranh, tự thượng-cổ, qua trung-cổ, cho đến cận-dại, đời nào cũng có, và toàn là những kiệt-tác trong mỹ-thuật Âu-Tây cả. Nghe đâu khắp trong thế-giới không có sở bảo-tàng nào nhiều đồ quý đồ lạ bằng ở đây. Mà không những đồ chứa ở trong đẹp, lại cái nhà chứa cũng đẹp nữa. Nhà này là cung các vua nước Pháp tự thế-kỷ thứ 16, đời đời sửa-sang và mở rộng mãi ra, đến năm 1837 mới thật là làm xong như qui-mô bây giờ. Sách chép trong khắp thế-giới không có nơi cung-diện nào nguy-nga tráng-lệ và diện-tích to rộng bằng sở *Le Louvre* này; mặt rộng tới 197.000 thước vuông, có sở *Vatican* là cung đức Giáo-hoàng ở La-mã kể đã là rộng mà mới chỉ bằng chia ba một phần đây mà thôi. Cung *Le Louvre* bây giờ hình như chữ 門, ở trên lại chồng một chữ 口 nữa: phần chữ 口 gọi là «cung cũ» (*Vieux Louvre*), có bốn diện chạy quanh, sân rộng ở giữa, xây tự thế-kỷ thứ 16 và 17; phần chữ 門 thời về phía Nam chạy giọc sông *Seine*, nguyên trước đã có cung sẵn tự thế-kỷ thứ 16 và 17, nhưng về thế-kỷ thứ 19 sửa đổi lại nhiều; về phía Bắc thì mới làm tự đời vua Napoléon thứ I, đến đời vua Napoléon thứ 3 và Chính-

phủ Dân-quốc lại làm thêm ra nhiều. Ở giữa hai vế chữ 門 là nơi công-trường *Carrousel*, một bên có cửa khải-hoàn *Carrousel* của vua Napoléon thứ 1 dựng từ năm 1806, một bên có hai tượng ông thủ-tướng GAMBETTA là người đã có công to lập ra Chính-phủ Dân-quốc, và ông LAFAYETTE là tướng Pháp đã giúp cho nước Hoa-kỳ trong trận Độc-lập. Ngoài nơi công-trường là sở công-viên *Tuileries*. Khu này là một nơi thắng-cảnh đệ-nhất thành *Paris* đây; một ngày mình đi đi về về qua biết bao nhiêu lần, vì ở bên tả ngạn sang hữu-ngạn bao giờ cũng đi đường *autobus* «*Gobelins-Notre-Dame de Lorette*» chạy qua ở dưới cửa cung *Louvre* này. Mỗi lần trông thấy cung-diện sừng-sực trước mắt mà tưởng-tưởng đến cái công gây-dựng văn-minh của giống Pháp-lan này, không thể cầm lòng tẩu-tháo, nghĩ bụng rằng cái mục-dịch của giống người ở trên mặt đất này chẳng qua là tổ-chức lấy cuộc đời cho sung-sướng, trang-sức lấy cảnh đời cho đẹp-đẽ, như thế thời giống Pháp này đã được hưởng cái sướng cái đẹp đến tuyệt-phẩm vậy. Dẫu đời ấy sang đời khác có kinh-quá lắm buổi gian-nan nguy-hiểm, nhưng đời nào cũng còn để lại những di-tích như chổa này, thực là đủ tỏ-diễm cho non sông rực-rỡ biết dường nào! Làm dân một nước như nước này, mở mắt ra đã được trông thấy những quang-cảnh tráng-lệ như thế, khác nào như cái bài học của đời trước khuyên cho đời sau càng ngày càng làm tốt làm đẹp mãi lên, khiến cho vui lòng hởi da mà dưng-dược tinh-tiến biết dường nào! Có sao cũng một kiếp người mà lại sinh ra giống khỏe giống yếu, giống mạnh giống hèn, để cho khách du-quan mỗi lần nghĩ đến cái câu «*ưu thắng liệt bại*» ở đời, bỗng-dưng chạnh mỗi thương-tâm, mà tác

dạ đồ-quyền những khắc-khoài đòi hỏi ! . .

Cung *Louvre* từ đời các vua ở cũng đã đặt làm sở bảo-tàng rồi. Ngày nay thì ở trong chia ra làm bảy kho, có thể gọi là « thất-khố-bảo-tàng » : 1^o Kho các đồ cổ Hi-lạp và La-mã, phần nhiều là các tượng đá cả ; 2^o kho các bức họa và bức vẽ ; 3^o kho các đồ cổ Đông-phương và đồ gốm về cổ-dại ; 4^o kho các đồ chạm và tượng về trung-cổ, đời Phục-hưng và cận-dại ; 5^o kho các đồ mỹ-thuật về trung-cổ, đời Phục-hưng và cận-dại ; 6^o kho các đồ cổ Ai-cập ; 7^o kho các đồ cổ về hải-quân.

Trong bảy kho ấy có kho họa là qui nhất và nhiều nhất, toàn là những bức không có hai ở trong thế-giới. Chia ra từng phái (*écoles*), bảy thành từng gian, theo loại-mục như trong họa - học - sử Thái - Tây. Có phái nước Pháp, phái nước Ý, phái nước Ti (*école flamande*), phái nước Hòa, phái nước Tây-ban-nha, phái nước Đức và phái nước Anh ; lại một phái riêng các danh-sư ở thành *Venise* ngày xưa (*école vénitienne*). Đi qua một lượt các gian cũng gọi là thu được cái hình-ảnh muông-tượng về các thời-dại và các môn-phái trong nghề họa Âu-châu. Lấy con mắt phàm của mình mà xem, không mong biết được hơn nữa. Đến trước bức họa nào nhìn đến tên cũng thấy là tên một danh-gia minh đã từng đọc ở trong sách. Về phái nước Pháp là phái nhiều nhất, thì nào là : *POUSSIN*, *CLAUDE LORRAIN* về thế-kỷ thứ 17 ; *WATTEAU*, *FRAGONARD*, *GREUZE*, *CHARDIN* về thế-kỷ thứ 18 ; *DAVID* về đời Đại-Cách-mệnh ; *INGRES*, *DELACROIX*, *MILLET*, *COROT* về thế-kỷ thứ 18. — Phái nước Pháp, trước thế-kỷ thứ 17, vào hạng gọi là các danh-sư tiền-cổ (*les primitifs*) thì có ít lắm, chỉ có mấy bức của *FRANÇOIS CLOUET* về thế-kỷ thứ 16 là có giá-trị hơn

nhất. Như thế thì nghề họa ở nước Pháp cũng chẳng lấy gì làm cổ lắm, sánh với nghề họa nước Tàu ngày nay còn giữ được những bức thuộc về thế-kỷ thứ 4 thứ 5, như của *KOU K'AI-TCHE* (Cổ Khải-Chi), kém xa nhiều. — Phái nước Ý thì có những bức của *FRA ANGELICO*, *PÉRUGIN*, *LÉONARD DE VINCI* (vẽ hình mỹ-nhân đề là *La Joconde*, bức này có tiếng lắm, năm trước bị ăn trộm, rồi lại tìm được), *LE CORRÈGE* ; riêng về phái thành *Venise* bảy gian một gian thì có *TITIEN*, *VÉRONESE*, *LE TINTORET*. — Phái Tây-ban-nha, có ít bức thôi : *LE GRECO*, *VELASQUEZ*, *MURILLO*, *GOYA*, v. v. — Về phái nước Ti và nước Hòa thì nhiều lắm, những bức có tiếng nhất là của *RAMBRANDT*, *RUBENS*, *VAN DYCK*, *FRANZ HALS* ; — Phái nước Đức có ít thôi : *HOLBEIN*, *KAUFFMANN*, *DURER*, v. v. — Phái Anh cũng vậy : *LAWRENCE*, *REYNOLDS*, v. v. — Ngoài những bức chia ra các môn-phái như trên, khiến cho nhà khảo về họa-học dễ theo thời-dại lưu-phái mà xét, lại còn nhiều những bức thuộc về di-sản của mấy bậc phú-hào binh-sinh sưu-tập được, đến khi chết tặng cho nhà nước để vào bảo-tàng, như *Legs Duchatel*, *Collection Chauchard*, v. v., lắm bức quý lắm.

Kho tượng cổ thì phần nhiều là những tượng đá của Hi-lạp La-mã, các nhà bác-học đào được ở dưới đất, có cái sứt vỡ cả, nhưng hình-thể tuyệt đẹp. Đẹp nhất là tượng nữ-thần *Vénus* ở đảo *Milo*, đề trần một nửa người, gầy mất hai cánh tay, người Tây cho là thân-thể người đàn-bà đến thế này là tuyệt-xảo, tạo-vật vị-tất đã nặn được hình người nào đẹp như thế. Tượng này của Hi-lạp, thuộc về thế-kỷ thứ 4 trước Gia-tổ giảng-sinh, mãi đến năm 1820 người ta mới đào được ở dưới đất lên, cạnh làng *Castro* ở đảo *Milo*. Còn một pho tượng nữa cũng cho

là kiệt-tác của nghệ-chạm Hi-lạp, nay sứt vỡ cả, gọi là tượng «Thần Chiến-thắng» ở *Samothrace*, hình người đàn-bà có cánh, vẫy cánh bay ở trên cái thuyền trần, nhưng đầu và một cánh đã gãy, mất, và cái thuyền cũng không còn hình nữa, thế mà người Tây khen là hình-tượng sự chiến-thắng một cách hùng-tráng vô-cùng.

Nghệ tượng ở nước Pháp thì từ thế - kỷ thứ 17 cho đến ngày nay không thiếu một người nào, bắt đầu từ ông PUGET cho đến ông CARPEAUX.

Còn những gian đồ cổ của Á-châu (chỉ về đất Tiểu-á-tế-á nhiều, còn về Á-đông thì có một ít đồ gốm Tàu, Nhật và Xiêm của ông GRANDIDIER đem về năm xưa và một mớ những đồ họa và đồ chạm của ông PELLIOU đem ở Tân-cương — *Turkestan* — bên Tàu về), đồ cổ về Ai-cập, Phi-châu, v. v. chỉ đi qua thôi, không xem kỹ.

Duy đến năm cái phòng lớn bày toàn những đồ gỗ và những tấm thảm của Pháp về các đời trước, không thể không dừng lại xem kỹ một lượt. Có đủ các thứ đồ về đời vua Louis thứ 14, 15, 16, trông thật là choáng mắt. Lại đẹp hơn và quý hơn nữa là nơi gọi là *Galerie d'Apollon*, là một cái điện dài, qui-mô hùng-vĩ (hơn 60 thước dài, ngót 10 thước ngang, cao 11 thước), trang-sức tuyệt đẹp (có những bức họa sơn về từ-thời, về buổi sớm, buổi chiều, về các tích thần-tiên Hi-lạp, v. v.) ; trong điện bày toàn những đồ vàng, đồ sứ, cùng những kim-cương bảo-thạch, qui-giá vô - cùng. Có một hòn kim - cương gọi là *Le Régent* (ông Nhiếp-Chính), người ta cho là suốt trong thế-giới không đâu có hòn kim-cương nào to và đẹp bằng, nặng 136 carats, trị-giá 12 triệu.

Đi xem qua một lượt như thế, mà

cũng mất ba giờ đồng hồ, vừa đến giờ đóng cửa nghỉ trưa mới ra về. Định hôm nào đến một buổi xem riêng về các bức họa cho kỹ hơn một chút, chứ như hôm nay sơ-lược quá.

Xét ra những bức cổ-họa ở viện bảo-tàng *Le Louvre* này, người nước Pháp lấy làm qui-báu vô-cùng. Có một hội những nhà ái-mĩ, gọi là «Hội các bạn sở *Louvre*» (*Société des Amis du Louvre*) lập ra để giúp nhà - nước giữ-gìn các bức cổ-họa ấy, và tìm cách sưu-tập những bức chưa có, cũng mua thêm cho nhiều ra. Lại người ngoại-quốc đến nghiên-cứu về nghệ họa ở đây cũng đông lắm. Có người đem giấy bút, bắc giá vẽ, ngồi mà phóng những bức cổ-họa, cứ ngày hai buổi, có khi đến hàng tuần hàng tháng. Sáng hôm nay gặp hai người Nhật-bản đến phóng như thế. Lại mỗi tuần-lễ có một ngày các ông giáo mĩ-thuật đến diễn-thuyết và bình-phẩm các bức họa cho người đến xem nghe. Những buổi có diễn-thuyết như thế thì phải biên-tên trước và nộp tiền mới được vào xem. Vào xem những ngày thường như hôm nay thì không mất tiền, nhưng nghe nói Chính-phủ đương định đặt một cái thuế vào xem các sở bảo-tàng công, sắp thi-hành nay mai. Trong sách ông RAFFAELLI có nói rằng : « Nếu đặt ra cái lệ những ngày nào vào xem sở bảo-tàng phải trả tiền thật đắt, thì bấy giờ thiên - hạ mới hiểu rằng được xem những cái kỳ-quan như thế này, đã phải bao nhiêu công-phu mới tích-luỹ được, mà bày ở trong một nơi cung-diện như thế này, là một sự khoái-lạc biết dường nào ! » (*Si l'on était obligé de payer très cher le droit de visiter le musée, à certains jours, le public comprendrait mieux quelle fête c'est : de visiter de pareilles merveilles accumulées au prix de tant*

d'efforts et présentées dans un pareil-palais!) — Song lại có kẻ bác-rằng làm thế không được bình-dĩng, người có tiền đã dành, còn người thường-dân, người nghèo, không cho người ta được hưởng cái thú mĩ-thuật hay sao? Nghe đầu Chính-phủ muốn chằm-chước hai phương-diện, định đặt ra lệ lấy tiền, nhưng trừ ngày thứ năm và ngày chủ-nhật cho vào không.

— Ngày hôm nay thứ năm có diễn ban ngày ở rạp *Comédie française* (bấy giờ người ta thường gọi là *Théâtre Français*, hay là *Français* không thôi). Cơm trưa xong đi lấy vé vừa kịp 1 giờ $\frac{1}{2}$ vào xem. Những buổi diễn ban ngày thế này là để cho học-trò các trường và các nhà nhen-nếp không hay đi chơi buổi tối, cho nên thường diễn những bài kịch thuộc về cổ-diễn, nghĩa là hoặc là bài cổ hần, như CORNEILLE, RACINE, MOLIÈRE, v. v., hoặc là bài mới nhưng kết-cấu theo lối cũ, có cái ý-tử, cái phong-vị cũ, chứ không bạo quá như các bài tối-tàn ngày nay (thí-dụ bài « Nói chuyện gì với các bà » của TRISTAN BERNARD mình mới xem hôm nọ). Buổi nay diễn bài « Ông cố Constantin », hi-kịch có ba hồi, do hai ông HENRY CRÉMIEUX và P. DECOURCELLE trích ở bộ tiểu-thuyết *L'abbé Constantin* của L. HALÉVY. Chuyện cũng hay. Đại-khái như thế này : Ông cố Constantin là một người hiền-hậu, coi xứ *Longueval*. Đây có một cái phủ-dé, chủ cũ sa-sút, vừa mới bán cho hai người dân-bà Mĩ giàu lắm, là Scott phu-nhân và em gái là Bettina Percival tiểu - thư. Hai người dọn đến ở đây, trước tiên lại thăm ông cố. Thiên-hạ cũng có đồn rằng tung-tích làm giàu của hai người Mĩ này có điều ám-muội, nhưng mà người tử-tế, nhả-nhận, lại có tiền sẵn trong tay, thời chuyện gì mà không che đi được. Vậy hai người đến thăm nhà đạo-viện, cũng nhiều tiền bạc để

cổ giúp cho kẻ nghèo, rồi làm thân ở lại đây ăn cơm tối. Cố bấy giờ trong nhà có một người cháu tên là Jean Raynaud, hiện làm quan-một pháo-thủ, người đẹp trai lắm, Bettina tiểu-thư trông thấy cũng động tình ; ăn xong vui-vẻ, ca-xướng một lúc, rồi hẹn một tuần-lễ nữa mời cả ông cháu vào phủ uống rượu. Chuyện sau thế nào, đoán cũng đủ biết : quan-một với tiểu-thư hai người có tình với nhau, tiểu-thư thì chỉ giốc một lòng muốn lấy quan-một, nhưng quan-một còn giữ ý, vẫn ngần-ngại, sợ mang tiếng là người tham của. Đương khi ấy lại thêm một chuyện rắc-rối, là có một bà Lavardans phu-nhân, có người con trai tên là Paul, là một tay phá-gia-chi-tử, bà cố vận-dộng để hỏi tiểu-thư làm vợ cho chàng. Bà lại khéo lấy lòng được bà chị tiểu-thư là Scott phu-nhân. Tiểu-thư còn chổng lại chưa thuận, nhưng quan-một Raynaud đã không tự-quyết, lại có ý ghen, muốn đâm ngang để phá đám hần. Bấy giờ tiểu-thư mới tức mình, một hôm nhân có tiệc, thuận để cho chàng kia « nhẩy-dầm » với mình. Bà mẹ chàng thừa-cơ mời phao tin lên rằng hai bên đã thuận lấy nhau rồi. Quan - một phát - phẫn, quyết-chỉ đi theo quân ngay. Nhưng trước khi đi đến giáp mặt với chàng kia, hai bên nói mát nhau, rồi đến cãi nhau, sau đến đem nhau ra đấu gươm, nhưng may không bên nào bị thương cả. Bấy giờ tiểu-thư nghĩ lại, biết rằng quan-một thực có tình với mình, chỉ vì sợ mang tiếng tham của nên không dám hỏi làm vợ, tiểu-thư bèn tự mình tuyên-bố ái-tình, và nói khéo đến nỗi khiến cho quan-một phải nhận lời. Thế ra người chỉ vị tình, không tham của, được cả của lẫn người ; còn chàng kia chỉ tham của, không có thực-tình, thành ra xôi hỏng bỏng không. . . .

Bài này diễn khéo lắm, nhiều đoạn rất cảm-dộng. Vai Scott phụ-nhân, bà SOREL đóng, bà là một vai đào có tiếng ở rạp *Théâtre Français*, giọng nói lơ-lơ hết như giọng người Mỹ nói tiếng Pháp, buồn cười lắm.

Nhân đi xem qua trong rạp hát, thấy vô-số những tượng cùng tranh các nhà danh - kịch danh - ưu ở nước Pháp từ xưa đến nay. Vì rạp này là một rạp cũ nhất ở thành *Paris*, năm 1900 bị cháy nên mới trùng-tu lại. Ông MOLIÈRE khi xưa thường ra trò ở đây, nên có khi gọi là « nhà ông MOLIÈRE » (*la maison de Molière*). Trong phòng khách có tượng ông VOLTAIRE của HOUDON chạm, lại có một cái lò sưởi có tượng « Các con hát đặt vòng hoa lên đầu ông MOLIÈRE » ; còn những tượng khác nữa nhiều lắm, không biết đâu mà kể.

— Xem hát về, nhận được ba cái thư ở nhà sang, Tin tốt cả.

— Tối ra ga *Lyon* đón anh N.B.N. ở *Marseille* lên.

Thứ sáu, mồng 9.

Quan Thuộc-địa Thượng-thư SARRAUT có viết giấy xin phép cho các phái-viên Nam Bắc-kỳ vào xem một

nhà « băng » lớn ở *Paris*, là nhà *Crédit Lyonnais*. Nhà này ở đường *Italiens*, là một nhà « trữ-kim ngân-hàng » (*banque de dépôts*), lập ra từ năm 1863, trước ở *Lyon*, sau chuyển ra *Paris*, nay có chi-diểm không những ở khắp các tỉnh-lỵ nước Pháp, mà lại ở khắp cả các đô-thành lớn trong thế-giới nữa. Vào trong nhà băng này như vào một cái thành-phố lớn, các phòng làm việc hai bên như hai giấy phở, lại đường ngang, ngõ dọc, từng dưới, từng trên, thật là mê-li, không có người dẫn đường thì lạc. Nhà băng có phái mấy người đưa đi từng khu từng sở mà cắt nghĩa rõ-ràng; lại cho xem các tủ bạc, các hầm để bạc nữa; thật là kiên-cố vô-cùng. Đến khi ra về, lại biếu mỗi người một quyển tiểu-sử về nhà *Crédit Lyonnais*, in năm 1913, hồi làm lễ ngũ-thập-chu-niên của nhà băng. Xem cách sắp-dặt và quản-ly một nhà ngân-hàng lớn như thế này, thật không khác gì cách cai-trị một nước vậy.

— Chiều hôm nay trời mưa, không muốn ra ngoài nữa, bảo chủ trọ dọn đồ ăn trong phòng, mấy anh em đánh chén với nhau.

(Còn nữa)

P. Q.

Tư-tướng vật

— Ta thường khoe ta là con rồng cháu tiên, có lẽ vì cái giòng-giống ấy, nên người mình dễ uốn lưng như rồng, thích an-nhân như tiên.

Chịu nhục dễ cầu hư-danh, đành phận dễ được yên-thân, đó là cái đặc-tính của người An-Nam ta ngày nay.

— Anh có tính gọi ai cũng bằng « thằng », bất-luận người hơn kẻ kém. Tôi vẫn biết vắng mặt người anh ta mới xưng như thế, nhưng xin hỏi anh câu này: Vậy thì anh coi hết-thảy mọi người là đáng khinh cả hay sao? Ừ, thế nhưng đến kẻ chỉ biết ghen-ghét, biết chê-bai những người hơn mình, mà rút cục tự mình không làm được gì ích-lợi cho nhân-quần, thì có tiếng gì ở dưới tiếng « thằng » dễ gọi không nhỉ? . . .

ĐÔNG-HÀ

Y - HỌC - KHẢO (1)

Bệnh phong và vấn-đề cứu-tế cho người hủi

Bệnh phong là gì và bệnh phong ở nước ta ngày xưa thế nào ?

Sách thuốc tàu có câu : « Phong, lao, cổ, lại, tứ nan y chi chứng » (瘋癆瘰癧四難醫之症) Lại có chỗ chép : chứng phong có đến ba mươi sáu loại. Vậy thì chứng phong ở câu « phong, lao, cổ, lại, » chỉ bệnh gì ?

Các ông lang ta cho chứng phong (瘋) là hủi mà chứng lại (癩) cũng là hủi. Duy « phong » thì tê-dát, rức-rối, nhưng chưa phát lở ra ngoài da thịt, còn « lại » thì đã lở-láy, có máu-mủ thối-tha, ngón chân tay cùn cụt. Theo ý các ông thì « phong » với « lại » tức là một bệnh (?) mà chia làm hai thời-kỳ : thời-kỳ tê-dát nhẹ hơn và thời-kỳ lở-láy nặng lắm. Nếu vậy thì « phong-lại » và « lao », « cổ » chỉ là ba chứng mà thôi, có chi sách chép rành mạch là bốn chứng ? Tất là có phân-biệt khác nhau.

Tra trong các tự-diễn thì thấy chứng « lại » mới đích là hủi, còn chứng « phong » thì có nhiều thứ như : « phong-giản » (瘋癩) tức là kinh-giản hoặc là bệnh động-kinh ; « phong-diên » (瘋癲) tức là điên cuồng, đồ-dại (chó dại gọi là phong-cẩu 瘋狗) v. v. ; nhưng không thấy bộ nào chỉ chứng « phong » là hủi cả.

Vậy sách chép « bốn chứng » là phải, nhưng khi hàm-hồ, vì không nói rõ là « phong » nào ? « Phong-diên » chẳng ? « Phong-giản » chẳng ? Hai chứng này cũng là « nan-y » cả.

Tuy-nhiên thấy khắp trong quốc-dân thông-dụng tiếng « phong » là hủi mà ít dùng tiếng « lại ». Vậy thì trong bài này hãy xin theo thói thường mà tạm dùng tiếng phong (là hủi), cũng là bất-đắc-dĩ. Đợi đến ngày bộ « Việt Nam tự-diễn » thành-lập, bấy giờ ta sẽ nhất-luật mà theo dùng cho đúng.

Bệnh « phong » khảo đây là bệnh hủi, là một ác-tật không nên lẫn với « phong thấp », « phong dật », « phong đơu » v. v. là những tạp-chứng thường bởi sự ở nhà cửa ẩm-thấp sinh ra mà hàng ngày ta vẫn thấy vô-số người đến xin chữa tại các bệnh-viện.

Nước ta xưa có bệnh phong khắp mọi nơi, nhất là mấy tỉnh ở theo dọc sông Hồng-hà có nhiều như Vĩnh-yên, Hà-dông. Hà-nam, Nam-định, Thái-bình, Hải-dương, v. v. .

Những hủi thời ấy di rông-rải các nơi, không có kỷ-luật nào kiềm-chế cả.

Đến triều Minh-mệnh ta, người hủi càng thấy lắm lắm ; vua bèn ban chỉ-dụ bắt rằng : các vùng nào có đông hủi ở thì phải biệt-lập thành trại riêng,

(1) Các bạn đọc báo đã từng nhận thấy trong bản-chí thường có mục « Y-học-khảo » của ông Đỗ y-sĩ (hiệu Vau-khoảnh). Ông là một tay thầy-thuốc có giá-trị về ngành Y-tế Đông-Pháp, tốt-nghiệp ở trường Y-học Hà-nội ra. Lại là một người rất nhiệt-thành về sự truyền-bá cái học mới bằng quốc-văn trong dân-gian. Nên những khi rảnh việc, nghiên-cứu được điều gì hay về y-học thường gửi cho bản-chí, thật là bày ra một cái gương tốt cho các nhà tân-học ở nước ta. Ước gì những tay luật-học chịu khó khảo về pháp-luật, những tay sư-phạm khảo về giáo-dục, những tay y-học khảo về nghề thuốc, v. v. , ai chuyên môn nào nghiên-cứu về môn ấy mà dụng-công dịch-thuật ra quốc-ngữ cho rộng người đọc người xem, thời sự bổ-ích cho việc học trong nước không phải là nhỏ và cái vấn-đề tu-thư bằng quốc-ngữ sẽ mau giải-quyết được vậy.

xa dân làng cho đỡ lây sang người khác. Khi người hủ nào chết đi, phải chôn thực sâu, đồ-đặc và nhà ở của nó cũng phải đốt đi. Xem vậy thì dân ta cũng đã hiểu biết từ xưa rằng bệnh phong truyền-nhiễm lắm. Biết thì biết nhưng không tìm cách ngăn-ngừa dự-phòng cho chu-đáo, nên chỉ bệnh càng ngày càng lây ra mãi. Theo chỉ-dụ, hủ lập riêng ra từng trại có trùm làm đàn-anh trông-coi và được nhà vua cấp cho thóc lúa hoặc tiền-nong đủ ăn. Trại hủ ta có từ đấy vậy.

Trại hủ tuy có lập đấy, nhưng cách tổ-chức cùng cách kiểm-đuyệt không được chu-tất và lại các quan ta hoặc tại ghê-tởm hoặc tại các lễ khác không ngó chỉ tới, khiến cho người hủ được tự-do hành-động. Trước chưa lập trại còn ở tản-mát, nơi giam bầy người, chỗ vài ba người; lần hồi đi kiểm ăn đây đó mà không dám làm sự gì bạo-dộng quá. Từ khi lập trại, có trùm, có trưởng, thành bè-dãng to thì thế-lực của họ càng lớn. Lại nhân sự kiểm-đuyệt không được hoàn-toàn, họ làm nhiều điều phi-pháp.

Nghe các cụ truyền-ngôn lại rằng: Cái thế-lực của một tên trùm hủ ngày xưa to lắm, để không kém gì cái thế-lực của một quan « phụ-mẫu » vậy. Nhà trùm hủ ở cũng lịch-sự oai-vệ lắm: cũng roi hèo, vỗ nọc, cũng sập ngựa, kỷ-tràng; cũng hoành-phi câu-đối. Ông trùm thường dong-tùng cho bọn đàn em đi những-nhiều dân-gian. Dân ta hồi đó thực là phải điều-đứng khờ-sở với bọn họ. Dân xã nào có hội-hè đình-đám, nhà nào có giỗ-chạp ma-chay, cưới cheo khao-vọng, bất-luận quan hay dân, là phải đi khấn trước với « ông trùm » thì ông mới không sai đàn em đến quấy. Nhà nào có « máu mặt », phải nộp cho ông hàng trăm quan tiền, còn số giã ba chục, một vài chục quan là thường.

Ngày dựng thì bọn hủ cứ ra các

chợ vào các làng hoặc lên các phố-phường để xin ăn. Gặp hàng quà-bánh nào là cũng lăn vào. Hàng nào không cho hoặc cho ít thì chúng quờ ngay chân tay đầy máu-mủ vào, thế là hết hồn hết vía bỏ cả thùng mẹt mà chạy. Có dứa lở ít thì lại buộc cả cóc chết nhái chết vào chân vào tay cho thêm thối-tha dơ-bẩn để dễ kiếm ăn. Bọn hủ đàn em là phải nhất-luật phục-tòng mà vâng theo « ông trùm » cả. Nghe nói trên phố, nhà nào mất-mát gì mà đến thưa « ông trùm », tự khắc tra ra cả. Những truyện hủ dòn-nom các nhà giàu-có đề mà những-nhiều không phải là ít. Mới vào khoảng vài ba mươi năm nay, ở Nam-định có một nhà hào-phú có tiếng mắc phải bệnh lở lâu ngày (không biết đích có phải bệnh phong không) Gần vùng ấy có một bọn hủ thường hay đến quấy - nhiều nhà hào - phú không được, chúng bèn lập một kẻ ma-ranh nghĩ cũng tức cười. Một hôm chúng rủ nhau đem cờ trống vồng lọng đến nhà hào-phú đó mà nhất-định xin rước chủ - nhân đi làm « trùm ». Vì thế mà chủ-nhân phải thương-lượng mãi, mất nhiều tiền lắm chúng mới chịu lui. Vào khoảng ấy, ở Hà-nội phố hàng Thọ-tiện cũng có truyện như thế, chắc ở các tỉnh khác cũng có nhiều sự những-nhiều tương-tự, không nói xiết được.

Nói tóm lại người hủ chỉ lấy sự dơ-bẩn mà nạt ta, khiến cho dân ta chịu bức-rọc trong một thời-kỳ khá lâu vậy.

Ta vì sợ lây và nhất là vì người hủ bẩn-thỉu hôi-tanh cho nên khi thấy bọn họ không khỏi ghê-tởm được. Ta vì ghê-tởm không muốn dây-máy chúng thì chúng càng làm già.

Tuy-nhiên, bọn họ cũng được dân làng hậu-dãi, lúc cho tiền khi cho thóc, là vì lòng bác-ái thương kẻ tàn-tật nghèo-nàn. Ngặt vì chúng hay ngang

ngược thái-thậm, tui tham vợ - vét không biết thế nào cho vừa. Cũng vì chúng nhữn-ghĩ quá nên lắm khi gặp nhiều nỗi nguy-nạn. Như mấy vùng thượng-du giáp Tàu, trong làng có người hủ nào là bắt đem thiêu chết. Lại có nơi bắt hủ trôi sông.

Có người hủ biết bệnh mình ghê-tởm lấy làm tự-sĩ mà liều chết hoặc là lánh xa vào ở trong núi.

Gần đây, mới độ mười năm nay ở tỉnh Vĩnh-yên (không nhớ làng nào) có người nhà giàu mắc phải bệnh hủ, lấy làm buồn-bực, xấu-hổ không thiết sống nữa. Anh ta bèn xin phép cha mẹ và bảo vợ con lo việc ma-chay rồi đem chôn sống cho mình! Thương ôi! Khi đến tai quan trên thì việc đã rồi! Sau bố mẹ và vợ con người ấy đều phải tội cả.

Khoa y-học Đông-Tây đối với bệnh phong

Các nhà y-học Đông-phương Tây-phương cùng cho bệnh phong là một chứng khó chữa lắm. Ấy là khoa y-học Âu-tây ngày nay đã vào thời-kỳ phát-đạt lắm; biết bao nhiêu nhà bác-học đã chịu lao-tâm tồn-trí để nghiên-cứu mà bệnh phong cũng chưa thể trị được một cách hoàn-hảo, vì chưa tìm được thứ thuốc nào chuyên-trị công-hiệu như thuốc « ký-ninh » trị bệnh « sốt rét » (1), thuốc « thủy-ngân » (水銀) và thuốc « thạch-tín » (石信) trị bệnh « đang-mai » vậy.

Thuốc chưa phát-mình được mà thấy số người hủ ngày một giảm dần là nghĩa làm sao? Như khi xưa, khắp trên địa-cầu hầu hết các nước có bệnh phong mà sao ngày nay chỉ thấy còn lại ở mấy xứ bên châu Âu (Thụy-diễn), châu Á (Ấn-độ, Trung-hoa, Nhật-bản, Đông-Pháp, v. v...) và châu Nam-Mĩ mà thôi?

Chỉ vì các nước sớm biết đem thi hành các cách ngăn-ngừa, khiến cho bệnh gớm-ghê ấy không bành-trướng lưu-hành trong quốc-dân được nữa.

Cho nên vấn-dề quan-hệ ấy giải-quyết được sớm hay muộn là do ở sự thi-hành các phương-sách cứu-tế cho người hủ chóng hay lành.

Vấn-dề ấy ở nước ta giải-quyết được chưa, sau đây sẽ nói.

..

Sách thuốc Tàu thì bộ nào cũng có chép về bệnh phong cả, như pho Y-học, pho Phụng-thị thì đều man-mác triền-miên lắm. Duy có bộ Cảnh-nhạc là có phần khúc-triết hơn. Còn bộ Hải-thượng Lân-ông của ta là tham-bác ở mấy bộ kia và cộp-nhặt những điều tự tác-giả chiêm-nghiệm được, sưu-tập lại mà chép thành sách.

Nay ký-giả chọn mấy mục minh-bạch hơn, đem lược-dịch ra đây cho tiện việc so-sánh hai cách miêu-tả bệnh phong của các nhà y-sĩ Á-Đông ta với các nhà y-sĩ Âu-Tây khác nhau thế nào.

Sách thuốc Tàu gọi bệnh hủ là « Lê-phong » (癩風), là « Lai-phong » (癩風) hoặc « Đại-ma-phong » (大癩風) mà nguyên-do cũng bởi có giống trùng tác-ác.

Giống trùng sinh độc mà nhiễm vào ngũ-tạng. Cho nên bề thấy lông mày rụng trước ấy là độc ở *phế* (buồng phổi); mặt mày phát những mụn tia đen ấy là độc ở *can* (buồng gan); găm bàn chân đau-đớn hoặc thũng ra ấy là độc ở *thận* (quả cát); mình mẩy lở-láy ấy là độc ở *tỳ* (lá lách); con mắt mờ kém đi ấy là độc ở *tâm* (quả tim). Nếu cả ngũ-tạng đều bị nọc độc thì bệnh trọng lắm.

Lại nếu da té thì sinh bại-liệt, thịt chết thì trâm-trích không đau, máu hư

(1) Xem bài « Giống muỗi truyền bệnh sốt-rét » đăng ở N.-P. số 63 (Septembre 1922).

thì nứt-nở mà chảy ra ràn-rụa, gán chết thì ngón chân ngón tay phải rụng, xương cốt hủy thì trụ mũi phải hoại (mũi tẹt).

Năm tạng ấy cùng thụ-thương thì bệnh không trị được. Lại nếu: nói mất tiếng, mắt trông lòa cũng đều là nan-trị. v. v. (1).

Sách *Cảnh-nhạc* lại chép rằng:

Bệnh phong có đến bốn trăm bốn loại, nhưng rút lại thì chỉ có năm, là: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen; lại bởi năm thứ trùng cũng xanh, đỏ, trắng, vàng, đen mà phát-xuất. Năm giống trùng ấy ăn vào ngũ-tạng người ta mà sinh bệnh. Ăn vào «tỳ» (脾) ư? ấy là tiếng nói biễn-tán, có khi mất hẳn. Ăn vào «can» (肝) ư? ấy là lông mày lông mi rơi-rụng. Ăn vào «tâm» (心) ư? ấy là thân-thể lở-láy. Ăn vào «phế» (肺) ư? ấy là sống mũi gãy bẹp. Ăn vào «thận» (腎) ư? ấy là tai kêu ù-ù như xe chạy sấm vang, hoặc o-o như gió thổi diều kêu.

Nếu ăn ra bi-phu thì da thịt té-dát; ăn vào gân thì dốt ngón rụng cụt.

Bao giờ cả ngũ-tạng đều bị độc, giống trùng sản-xuất nhiều lắm bèn ăn vào cốt-tủy, tự-do hành-động làm cho thân-thể người ta phải hư-hoại. Như thế gọi là «tật-phong» (疾風) vậy. «Tật-phong» chẳng qua cũng ở «Lệ-phong» sinh ra. Lúc bệnh mới phát mà thấy như kim dùi đâm-trích thì gọi là «Thích-phong» (刺風); thấy như kiến bò thì gọi là «Du-phong» (遊風); mình mẩy động-giật thì gọi là «Nhuận-phong» (潤風); không biết đau ngứa thì gọi là «Ngoan-phong» (頑風); da thịt nổi lên những hòn

hạch nho-nhỏ như hạt đào hạt táo mà phát ra ở đầu ở mặt trước thì gọi là «Thuận-phong» (順風); những hạch ấy phát ra ở hai chân trước thì gọi là «Nghịch-phong» (逆風); mình mẩy có những vết tròn như đồng tiền, xin-xít với nhau mà lốm-dốm xanh đỏ trắng đen thì gọi là «Nhu-phong» (濡風).

Mình-mẩy đau ngứa, da thịt rộp lên như vảy cá mà khô giáp, hoặc lở-láy nứt-nẻ mà ướt-át có nước vàng, máu, mủ chảy ra; lại có khi không đau không ngứa, lúc nổi lên lúc lặn đi, biến sắc bất-định, không có chừng-hạn nào cả.

Tại sao mà bệnh phát ra như thế? là bởi gặp nóng lạnh không đều, cảm vào ngũ-tạng, nhiễm vào cốt-tủy; là bởi làm-lụng mệt-nhọc, dùng sức quá-độ; là bởi ăn-uống uế-tạp, hoặc không no đủ; là bởi dâm-dục thái-quá, giao-cấu vô-độ. Nói rút lại vì sự mệt-nhọc quá làm cho lao-thương khí-huyết, tích-nhiệt ở ngũ-tạng mà cơ-thể dần-dần phải suy-nhược. Giống trùng càng sản-xuất ra lắm lắm, thân-thể thành ra bại-hoại; ấy là «Lệ-phong» vậy.

Bệnh-nhân nên xử-trí thế nào?

Chỉ nên lia bỏ vợ con, nhà cửa, của cải, lánh vào trong rừng-núi mà tĩnh-dưỡng, may ra có khi khỏi được chẳng. (2)

Nói tóm lại: Sách thuốc Tàu thuốc ta miêu-tả bệnh phong không phải là không đúng, nhưng không khỏi lắm chỗ hàm-hồ. Nay xin đem những nhược-diểm ấy mà lạm-bình ít điều đề trình-bày cùng các bậc cao-minh trong y-giới nước nhà (3). Đem những

(1) *Cảnh-nhạc* (Lập-trai) quyển thứ 34.

(2) *Cảnh-nhạc* (Kỳ-bà ác bệnh luận) quyển thứ 34.

(3) «Y-giới nước nhà» nói đây, ký-giả muốn gồm cả hai phái: cựu-phái với tân-phái. Cựu-phái là ai? Tức là các nhà lương-y lão-thành, danh-tiếng lâu nay. Sự lịch-duyet đã rộng mà sự kinh-nghiệm lại nhiều, như vậy việc đoán bệnh, trị-bệnh của các cụ chắc đã có nhiều kết-quả hay. Tân-phái là ai? Tức là các bạn đồng-nghệ đủ tốt-nghiệp ở tràng thuốc ra, hoặc mới hoặc cũ.

lý-thuyết của cô-nhân mà phẩm-bình, kẻ dung-y bất-tài này cũng tự biết thế là một điều quá bạo; bởi vậy dám xin các ngài yêm-bác ở đồng-giới phủ-chính lại và mong ở các ngài duyệt-giã cũng lượng biết cho.

Các điều hàm-hồ ấy thế nào?

1^o Một bệnh phong sinh ra nhiều hình-trạng, nào là: đau dát, buồn ngứa, té bại; nào là: lở-lảy, thối-tha, châu tay rụng cụt, v. v.; sách có chép đủ cả. Nhưng sách lại cho rằng

mỗi hình-trạng ấy là một bệnh như bên trên đã dịch; trong mình thấy như kim dùi trâm-trích cho là « thích-phong », thấy té buồn như kiến bò cho là « du-phong », thân-thể giật động cho là « nhuận-phong », không biết đau ngứa cho là « ngoan-phong », v. v., còn nhiều phong nữa, cho nên sách chép « tam thập lục phong » là lẽ thế chẳng?

2^o Sách lại chép: bệnh phong có năm loại: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

Nhân bàn đến thuốc-bắc thuốc-nam, một ông bạn đồng-nghiệp hỏi ký-giả rằng: « Bác ư thuốc-nam lắm ư? Bác tin các ông lang ta lắm sao? Bác há không biết rằng các ông lang ta không thầy mà học, không tràng mà tập, chỉ ý-thuyết, không thực-hành, không mớ đến người ốm bao giờ, cả đời không bước chân vào bệnh-viện. Chỉ nghiền-ngẫm giẫm ba pho sách thuốc cũ, thuộc lòng mấy câu sáo thường, nào nội-thương ngoại-cảm, nào hàn-nhiệt bất-tiền, đã nghiệm-nhiên là ông lang đấy. Huống-chi các ông ấy phần nhiều là bị lao-đào trường-ốc, vô-duyên với cử-nghiệp, không xoay nổi một nghề gì nữa mới chịu quay về làm thuốc. Chưa giẫm ba đám mây mà trúng được, thế là nổi danh « lương-y » đấy! Lại thậm-chi lắm ông học-hành dở-dang, xem mạch sách không thông, làm câu vãn không xuôi, cũng dám dao-câu ở thuốc, ngang-nhiên lấy nghề bốc thuốc làm kế sinh-nhai. Học-hành non nớt, tư-tưởng hẹp-hòi thì lý-hội làm sao được những ý-tưởng thâm-trầm của tiên-nhân để lại? Huống-chi vãn sách thuốc không như mấy câu vãn phiếm khác mà hiểu được; đã không hiểu thì không khỏi làm liều, tránh sao được điều lầm-lẫn hại người. Cho hay nghề làm thuốc ở nước ta đúng-dị thực! Không có kỷ-luật nào mà kiểm-chế kiểm-duyệt bọn « lang băm », khiến cho một nghề cao-thượng kia đã thành ra một mớ hàng tạp-vật, ai có « nhiều vốn ít vốn đều nhắm mắt mà buôn liều! »

« Ấy cái tình-hình, cái học-lực của các thầy lang ta là thế, bác đủ tin họ được ư? Thực, « đệ cũng xin lấy! »

Ông bạn tôi người còn thanh-niên, có tư-chất thông-minh, mà trí-tuệ miễn-tiếp, lúc tốt nghiệp tràng Y-học ra ông mới hơn hai-mươi tuổi.

Ông sở-dĩ phải thổ-lộ ra những lời ghi trên này tưởng cũng do tấm lòng nhiệt-thành yêu mến nghề mình mà có ý lo cho cái sinh-mệnh của người đời quá-thắc vào tay mấy bác dung-y vậy. Ông ngỡ cho biết ý-tưởng của ông cũng có vẻ chân-tuần, nhưng không khỏi có chút lòng tự-tin mà sinh bụng thiện và có phần quá-đáng. Bất-đắc-dĩ tôi cũng phải bày-giải ông biết cái quan-niệm của tôi về nghề làm thuốc ngày nay. Tôi nói: « Nghề làm thuốc ở nước ta ngày nay cũng như mấy môn khác, như quốc-văn, như kỹ-nghệ, đang ở vào một thời-kỳ hỗn-tạp, chưa hẳn ra theo lối mới, cũng chưa vỡ dứt bỏ lối cũ. Ta nên nhân cái phong-trào ấy mà dung-hợp cả hai phái lại, đồng-tâm hiệp-lực mà nghiên-cứu sưu-tầm; điều-hoà lấy cả hai môn thuốc mới thuốc cũ, cất lọc lấy những điều tinh-túy, cớp-nhặt lấy những điều đã chiêm-nghiệm đích-đáng, thu-thập lấy những bài thuốc hay; làm như vậy nghề ta sẽ được tinh-xảo hơn, ngõ-hầu mới mong gây được một nền y-học chắc-chắn cho nước nhà. »

« Ngõ-huỳnh không thấy các nước lân-bang ta, như người Tàu, người Nhật, thực họ đã khéo điều-hòa được cả hai môn thuốc mới cũ, khiến cho y-thuật của họ ngày nay đã trở nên một khoa-học tuyệt-đối vô-song vậy! Ta há không làm được như họ hay sao? Cái ý-nguyên của đệ kuông biết có ngày kết-quả không? Các bạn đồng-nghiệp biết rằng có hiệu đồng-tinh cho chẳng? Vẫn biết rằng đó là một điều hi-vọng cao-xa, không khỏi có kẻ cho là viễn-vong... Nhưng đệ hết lòng mong lắm! »

« Các ông lang ta (đây nói các bậc lão-thành danh-sư) tuy không có cái phước như bọn ta được theo thầy học tập trong một tràng công và bước vào bệnh-viện... nhưng các cụ vì sự lịch-lãm, vì sự kinh-nghiệm lâu năm ắt có từng-trải, không phải là dở cã, chớ nên kuình mạn! ». — Đ. - U.

Xét trong bệnh phong, nọc độc ảnh hưởng vào khí-huyết mà phát ra bi-phu nhiều nhất, thì tất-nhiên màu da thít phải dần dần biến đổi. Có khi da róc vảy lên như vảy cá mà màu da thành trắng-trắng; có khi phát-ban, nổi rất lên, lấm-tấm hung-hung, mà màu da thành đỏ-đỏ; có khi nổi lên từng đám tím bầm, lốm-đốm, màu da thành xanh-xanh; tím quá thành đen, v. v.. Vậy sách chép là ngũ-sắc tướng cũng có lý, nhưng lại nói là năm loại khác nhau thì khi quá-đáng. Tướng nói là một bệnh mà có nhiều tuần khác nhau thì đúng hơn.

3^o Sách thuốc Tàu thường dựa vào ngũ-hành mà đoán bệnh, cho nên chiếu ngũ-hành vào ngũ-tạng (1). Luận về bệnh phong thì chép rằng nọc độc ăn vào ngũ-tạng mà sinh ra các chứng khác nhau. Như ăn vào « phế » thì rụng lông mi, ăn vào « can » thì phát mụn, ăn vào « tâm » thì đau mắt, ăn vào « tỳ » thì mình mẩy lở-láy, ăn vào « thận » thì bàn chân thũng ra, v. v...

Tuy vậy, mà trong pho sách (2) cũng một bài bàn về bệnh phong mà bài mục tương-phản. Xem như mấy đoạn dịch bên trên thì biết. Mục *Lập-trai* nói: Nếu lông mi rụng là độc tại « phế », thế mà mục *Kỳ-bà* thì cho là độc nhập « can ». Mục *Lập-trai* nói: Nếu mình-mẩy phát lở là độc tại « tỳ », thế mà mục *Kỳ-bà* lại cho là độc nhập « tâm ». Mục *Lập-trai* nói: độc ở « thận » thì gan bàn chân thũng, thế mà mục *Kỳ-bà* lại cho là tai kêu o-o, v. v...

Ấy đại-khái các lý-thuyết đều tương-đối nhau mà mập-mờ như thế cả, làm cho người sau xem đến không khỏi đem lòng nghi-hoặc sinh ra lăm-lẫn được.

Ấy là bệnh-trạng thì thế, nay xét đến bệnh-căn.

4^o Như bên trên đã nói, sách thuốc Tàu cũng cho bệnh phong sinh ra bởi giống trùng (không nói rõ là vi-trùng), nhưng lại nói đến năm thứ trùng ngũ-sắc: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen; như không khỏi hoang-dường.

Theo y-học ngày nay thì trùng phong có một giống mà thôi. Khoa-học phải dùng một thứ phẩm hồng mà nhuộm nó đem chiếu kính xem mới rõ được.

Chiếu kính mà chiêm-nghiệm vi-trùng từng tuần bệnh một (khí nhẹ, khí nặng, lúc lờ, lúc tẻ, v. v. . .), tuần nào thấy vi-trùng cũng giữ một hình-dạng mà thôi; như vậy thì biết loài trùng có một chứ không phải năm như sách Tàu đã chép.

Các nguyên-nhân khác giúp cho bệnh mau phát như: lạnh nóng không đều (sách tây cho là cảm-hàn), mệt-nhọc thái-quá, dâm-dục vô độ, ăn uống không đủ, v. v., những lẽ ấy sách tây cũng có nói đến.

Còn phép « trị - bệnh » thì thuốc bắc thuốc nam cũng có nhiều bài tự xưa đem thí - nghiệm, khi bết, khi không, khi thắng, khi giáng, chưa thấy có công-hiệu gì, mà cũng không lấy gì làm bằng-cứ; tóm lại thuốc phong vẫn chưa có vậy.

Bệnh phong có lây không? — Sách Tàu không nói đến; chỉ thấy chép rằng bệnh-nhân nên lia-bỏ vợ con, lánh vào rừng núi mà tĩnh-dưỡng, chứ không nói rõ để giữ sự truyền-nhiễm cho người khác.

Bệnh phong có di-truyền không? Bố mẹ mắc bệnh hủi, sinh con đẻ cái có hủi không? Sách cũng không thấy

(1) Ngũ-tạng thuộc ngũ-hành là: phế thuộc « kim », can thuộc « mộc », thận thuộc « thủy », tâm thuộc « hỏa », tỳ thuộc « thổ ».

(2) *Pho Cảnh-nhạc* là một bộ sách thuốc có tiếng bên Tàu thừa trước.

Đôi đến. Chỉ nghe tương-truyền rằng bệnh hủi phát ra có khi vì mỗ mã đất-cát. Nhà nào có mỗ-mã dễ « sát-huống » thì con cháu hóa hủi. Đó là một điều mê-tin (1) trong trăm nghìn điều mê-tin khác của nước ta xưa nay vẫn tin theo môn « phong-thủy » vậy. Người thức-giả nghe thấy không khỏi mỉm cười !

Các lý-thuyết về bệnh phong của người Tây-phương

Các nhà y-sĩ Tây-phương miêu-tả bệnh phong — cũng như các bệnh khác — thường chia ra từng mục, từng tiết cho dễ hiểu.

Nào mục « địa-dư của bệnh-tật » (*distribution géographique*) nói về bệnh ra phát ra ở những xứ nào, những giống người nào rằng mắc bệnh ấy hơn, v. v. . . Nào mục « bệnh-duyên » hay « bệnh - nguyên » (*Etiologie*) tìm các căn-nguyên của bệnh, vì lẽ gì mà bệnh phát ra, tại sao mà bệnh phát, những răng-lực nào ảnh-hưởng vào thân-thể người ta mà sinh bệnh, v. v. . . Mục « bệnh-thể » hay « bệnh-trạng » (*Symptomatologie*) bàn về các hình-trạng của bệnh phát ra những thể nào, tức là cách miêu-tả bệnh vậy. Mục « hành - động » (*Evolution*), nghĩa là cứ tuần-tự bệnh di thể nào, từ lúc sơ-khởi đến lúc khởi hoặc chết. Nào mục « triệu-trưng » (*Pronostic*) đoán biết cái tình-thể bệnh nguy-kịch hay

khinh-khối, nặng nhẹ, sống chết thế nào. Mục « quan-sát » (*Diagnostic*) là xét-đoán bệnh, tức là gọi bệnh ; khi đã xét bệnh-căn và bệnh-trạng rồi thì phải giải-kết là bệnh gì mà bệnh ấy khác những bệnh tương - tự thế nào, xong rồi mới biết cách mà trị-bệnh. Mục « trị-pháp » (*Traitement*) tức là cách chữa bệnh ; thuốc-men, ăn-uống, kiêng-ky những thể nào.

Miêu-tả một bệnh gì phải có các mục trên này mới đủ. Khoa-học ngày nay còn phát-minh được nhiều điều mới-lạ về mục « quan-sát » và mục « trị-pháp », xin miễn chép vào đây, e lạc đầu bài. Đoạn trên này nói cũng đã dài, nhưng cần phải giải qua như thế mới hiểu được các mục sau.

Bệnh phong là gì ? — Bệnh phong là một bệnh diên-trường (kinh-niên), phát hạch-mụn đầy người, sinh ra bởi một giống vi-trùng đặc-biệt. Vi-trùng ấy truyền độc khắp người, vào lục-phủ ngũ tạng, vào gân-cốt da-thịt ; sinh ra tê-bại, lở - lảy, đau-rức ; lâu ngày phải chết, mà khối được là hãn-hữu vậy.

Ở đâu có bệnh phong ? — Sách thuốc lảy chép bệnh phong có từ đời tối-cổ, phát ra khắp phía Nam nước Tàu, Đông-Pháp, quần-đảo *Philippines* (Philuật-tân) và Nhật-bản. Từ năm 1865 người Tàu truyền bệnh phong sang quần-đảo *Nouvelle-Calédonie* và *Tokili*

(1) Ta thử lấy lý mà giải nghĩa điều mê-tin ấy xem. Ta tưởng rằng khi trước, hoặc giả có người hủi nào nghèo đói, lúc sinh-thời không có gia-cư thân-thích nào, lỡ khi ốm đau rồi chết ở nơi đầu cầu xó chợ. Dân làng sợ-tại vội-vàng đem chôn vội đi cho xong chuyện. Đã vội-vàng thì sao cho khỏi sự cầu-thủ, làm gì có sàng có ván, làm gì được đào sâu chôn chặt. Bỏ cho cái chiếu là tốt, may ra được cổ áo thì cũng là chuyện chiếu lộ, năm ba tấm ván mỏng gỗ xấu ghép lại. Lúc đem chôn thì đào cái hố nông choen, vội-vàng lấp đi cho tắc-trách. Lại gì, sàng gỗ xấu mỏng thì được bao nũa mà chẳng nát, chôn càng nông thì xác thịt càng chóng tiêu, độc càng dễ ăn lên mặt đất. Như vậy nhà nào vô-ý không biết đem cất táng mỗ-mã nhà mình gần đấy, con cháu khóc-thương lăn-lộn xung-quanh, sao cho khỏi nhiễm lấy độc độc ở mỗ hủi kia theo vào mình được. Lại hằng năm còn đến tảo-mộ, khi đắp-dầy lễ-bái cũng lại một lần nhiễm độc nữa. Một người, hai người lây rồi truyền ra năm bảy người trong thân-thích. Ta thấy vậy cho rằng bệnh hủi phát ra tại mỗ tại mã chẳng đó là lấy lý mà đoán chưa chắc đã phải, vì theo y-học ngày nay thì tất phải ăn chung ở lẫn với người hủi lâu ngày mới lây được bệnh vậy.

làm cho người thổ-dân ở hai xứ ấy phải lây nhiều lắm. Cả ở Úc-châu, Phi-châu và Nam-Mĩ chỗ nào cũng có thấy, mà Bắc-Mĩ thì lại hiếm thấy.

Xem vậy thì đời xưa bệnh phong có khắp hoàn-cầu không mấy nơi không.

Bệnh-duyên. — Không cứ người loài nào, giống nào, từ người hoàng-chủng, hắc-chủng cho chí người bạch-chủng, ai cũng có thể mắc bệnh hủi được. Lại không cứ đàn-ông hay đàn-bà, nhưng hình như đàn-bà ít bị hơn đàn-ông. Xem như số 2472 người hủi (1) ở Nam-kỳ mấy năm trước thì thấy 2145 người đàn-ông mà chỉ có 327 người đàn-bà.

Hiện nay ở Bắc-kỳ ta có hơn hai ngàn người hủi ở các trại phong thì đàn-ông được 1442 người mà đàn-bà thì 743 người. Như vậy đồ đồng, đàn-ông hủi được hơn 70 phần trăm mà đàn-bà hủi được ngót 30 phần trăm.

Bất-cần người giống nào, bất-luân đàn-ông hay đàn-bà, ai đã mắc bệnh thì bệnh cũng thành một lối mà thôi, không khác nhau mấy.

Trẻ con dưới mười tuổi, người già ngoài năm mươi, ít mắc bệnh phong. Những cái năng-lực của thổ-ngôi, khí-hậu, phong-vũ từng miền, từng xứ, không có ảnh-hưởng đến bệnh phong; vì người ở trên cao-nguyên hay ở dưới đồng-bằng hoặc người ở ngoài bãi bẽ hay ở trong lục-địa cũng có thể mắc bệnh phong được cả.

Ăn uống tạp-nhập, không no đủ, nhà ở bẩn-thiu thấp-ướt, đều là những nguyên-nhân giúp cho bệnh mau phát mà thôi, chứ không phải tự nó mà sinh ra bệnh được.

Bệnh phong phát ra tại « lây-truyền »

(*hérédité*) hay tại « lây-truyền » (*contagion*)? Người nói di-truyền, kẻ nói lây nhiễm, ý-kiến bất-đồng, cho nên về lý-thuyết này các nhà Y-sĩ phân ra hai phái: phái « di-truyền » và phái « lây nhiễm ». Phái « di-truyền » (*partisans de l'hérédité*) ngày nay ít người biểu đồng-tình hơn phái kia. Họ lấy lẽ rằng những đứa con hủi của cha hủi hoặc mẹ hủi sinh ra về sau cũng hóa hủi; mà cái số trẻ hóa hủi ấy có đến một phần ba, nghĩa là độ ba đứa thì một đứa bị bệnh. Phái « lây nhiễm » (*partisans de la contagion*), nghiệm thấy những con của cha hủi mẹ hủi đẻ ra được lành-lặn không có dấu vết gì là hủi cả; nhưng nếu cứ để ở chung-trạ một nhà với cha mẹ nó thì về sau lúc lớn lên vào khoảng dậy-thì tất cũng lây hủi. Đẻ ra mà đem biệt đi nơi khác, lúc lớn lên không thụ-bệnh được. Lại xem những y-sĩ với y-tá coi-sóc thuốc-men cho người hủi ở các trại dưỡng-lẽ thấy thình-thoảng cũng có người lây hủi thì biết rằng bệnh có « lây-truyền » vậy.

Về phái này có quan Bác-sĩ COGNACQ⁽²⁾ hồi ngài còn sung chức Y-sĩ ở Bệnh-viện Pasteur tại Sài-gòn, — được đến ba mươi năm nay — ngài cùng với ông Bác-sĩ MOUGEOT nghiên-cứu về bệnh phong ở xứ ta cũng đã tường-tất lắm. Hai ngài kham xét đến hơn hai ngàn người hủi thì nghiệm thấy rằng bệnh phong là « lây-truyền » chứ không phải là « di-truyền ».

Nay cứ xét cái biểu thống-kế (3) này thì rõ:

Lấy cái số 2472 người hủi mà hai ngài đã nghiệm xét được ấy đem phân làm hai hạng:

(1) Theo biểu thống-kế của ông COGNACQ và MOUGEOT.

(2) Tức là quan Docteur COGNACQ, nguyên Đốc-học trường Đông-dương Thái-Y-viện nay sung chức Thống-đốc Nam-kỳ vậy.

(3) Biểu thống-kế này trích ở sách « Les Instituts Pasteur d'Indochine » của quan bác-sĩ BERNARD soạn hồi kỷ-niệm nhất-bách-chu-niên cụ PASTEUR ngày năm ngoái.

Hạng A. — Là hạng những người hủi có cha mẹ thân-thích cũng bị hủi, được 263 người thì :

15	người có cả hai bố mẹ cũng hủi,
122	» một bố hủi mà thôi,
40	» một mẹ hủi mà thôi,
10	» anh em hoặc chị em hủi,
46	» thân-thích xa hủi.

Hạng B. — Là hạng những người không có cha mẹ thân-thích nào bị hủi cả, được 2209 người thì :

8	người bị lấy ở vợ hoặc ở chồng truyền cho,
19	» dịch ở người hủi khác,
2182	» không biết tự đâu.

Lại nghiệm thấy rằng lắm người sinh con ra rồi mình mới phát hủi mà bệnh của đứa con mãi về sau mới phát. Trong mấy anh em chị em, người nào ở riêng thì không can gì, còn những người ở cùng một nhà với bố mẹ thì tất lây.

Xét xem bệnh phong thường phát ra ở bộ-phần nào trước nhất thời thấy trong số 2472 người ấy có :

526 người là bệnh phát đều khắp cả người,

550	»	»	ở chân trước,
420	»	»	ở tay trước,
371	»	»	ở chân tay một lượt,
337	»	»	ở mặt mà thôi,
233	»	»	ở các nơi khác trong người.

Về phương-diện xã-hội thì trong số 2446 người hủi được 172 người giàu, 405 người đủ ăn và 1869 người nghèo đói.

Tính số trung-bình thì bệnh phát vào khoảng ngoài 20 tuổi, mà chết về bệnh vào khoảng ngoài 40.

Thường thấy người hủi có ít con hoặc không con, vì bộ dương-vật, âm-hộ của họ hay bị hủy-hoại hư-hỏng. Nhưng xét kỹ thì thấy nếu cả hai vợ

chồng cùng hủi thì mới hiếm-hoi, chứ nếu chỉ một chồng hoặc một vợ thụ-bệnh thì cũng vẫn sinh nở như người vô-bệnh, xem số sau này thì biết :

10 Trong số 177 người hủi dòng, (nghĩa là cũng có bố mẹ hủi) 121 người ở vậy, còn những người khác có lấy vợ lấy chồng thì :

6	người không có con,	
24	» được 1 »	} Cộng được 102 đứa trẻ.
11	» » 2 »	
9	» » 3 »	
3	» » 4 »	
1	» » 5 »	
2	» » 6 »	

Trong 56 vợ chồng ấy thì có 15 nhà cả hai vợ chồng cùng hủi mỗi nhà được một con.

20 Lại trong số 1254 người hủi thường (nghĩa là không có bố mẹ hủi), 1123 người ở vậy còn 1152 người có lấy vợ lấy chồng thì :

126	người không con,
394	người được 1 »
232	— 2 »
163	— 3 »
94	— 4 »
59	— 5 »
32	— 6 »
22	— 7 »
5	— 8 »
2	— 9 »
2	— 10 »

Còn 21 người thấy có 84 đứa trẻ mà không biết đích là mỗi người được mấy đứa. Như vậy cộng cả được 2496 đứa trẻ.

Hạng hủi dòng được 102 đứa con và hạng hủi thường được 2496 đứa, cộng lại được 2598 đứa. Trong số ấy chỉ thấy 24 đứa khi mới đẻ là có bệnh hủi còn thì lành-lặn, vô-bệnh cả. Xem vậy thì những con người hủi đẻ ra lại ít quặt-quẹo, lở-lảy hơn là con người mắc bệnh dang-mai mới sinh ra vậy.

Đem cái số 24 đưa bé lúc mới sinh ra mà có bệnh ấy so-sánh với cái số 2598 đưa thì biết bệnh phong là « lây truyền » nhiều hơn, còn di-truyền là sự hãn-hữu vậy.

Tuy rằng ta biết dịch là bệnh hủi lây ở người bệnh sang người lành thực, nhưng cái cách nó lây thế nào thì ta chưa rõ lắm. Nó truyền-nhiễm thế nào? Trực-tiếp hay gián-tiếp?

Cái nọc bệnh làm thế nào mà đoạt-nhập được cơ-thể người ta để phát ra bệnh? Vẫn biết rằng quanh mình người hủi có đầy nọc độc ra đây, nào ở máu mủ giầy-giốp, nào ở đờm mũi ho khạc ra, nhưng cũng không phải bệnh lây ở sự hô-hấp; sây da xước thịt qua-loa cũng không đủ lây được; có họa chăng chỉ lấy một cái kim có dây nọc độc mà trâm-trích vào da thịt thì mới truyền được bệnh thôi. Như vậy thì cái cách-thức lây-truyền nọc bệnh ra làm sao?

Tưởng chỉ có cái thuyết « muỗi đốt » (như bệnh sốt-rét, bệnh hoàng-ngược) là đúng hơn cả. Muỗi đốt người hủi hút lấy nọc độc, khi đốt người khác vô-bệnh lại truyền nọc sang; cho nên đã nghiệm thấy ai đi lại giao-dịch với người hủi lúc ban ngày mà thôi thì ít bị lây bệnh hơn là những kẻ thường gần chung ở lộn với họ cả đêm cả ngày (như vợ chồng, con cái, anh em ở chung một nhà). Mấy nhà y-sĩ còn nghiệm thấy rằng sự giao-cấu cũng có thể truyền bệnh được, vì bệnh cũng hay phát lở ở bộ dương-vật âm-hộ người hủi; có khi nọc độc ở cả trong « tinh-khí » người đàn-bà nữa.

Vi-trùng bệnh phong. — Vi-trùng bệnh phong do nhà Bác-sĩ HAUSEN, người Thụy-diễn, phát-minh đã được hơn nửa thế-kỷ nay (năm 1871). Bởi vậy đặt tên là « trùng Hausen » (Ba-

cille de Hausen). Trùng này cũng náná giống « trùng lao »; chiếu kính xem thấy hình nó như cái dùi trống hai đầu tròn-trặn mà không cong-queo. « Trùng phong » sản-xuất trong thân-thể người hủi nhiều lắm, sinh ra ở bì-phu những hòn nho-nhỏ, bé bằng hạt đậu, lớn bằng hạt táo, lấy tay nắn ở ngoài da biết ngay. Các mạch gân cũng có nhiều trùng mà nổi hòn lên dễ biết lắm.

Trong ngũ-tạng như gan, phổi, lá-lách, có nhiều; nhất là ở nước mũi càng lắm. Cho nên tìm trùng cũng dễ: lấy cái tấm bông ngoáy sâu vào lỗ mũi phết lên mảnh kính nhỏ, nhuộm đi rồi chiếu kính xem thì thấy (bệnh càng nặng thì trùng càng nhiều.) Trùng phong thường lẫn với viên bào-tử các cơ-thể, cho nên khó lòng mà gây được giống nó.

Năm 1905 ông Bác-sĩ NICOLLE (1) lấy nọc độc ở những viên nhỏ trong bì-phu người hủi đem tiêm cho giống khỉ thì thấy giống ấy cũng phát hủi. Tổng-chi cái lý-thuyết bệnh lây truyền ở người hủi sang người lành là đích rồi, nhưng cái lối nó lây thế nào vẫn chưa tường lắm.

Bệnh-thể. — Từ lúc nọc độc bệnh phong đoạt-nhập được cơ-thể người ta cho đến lúc phát thành bệnh cũng lâu lắm: cái « thời-kỳ hủn-độc » (*période d'incubation*) lâu đến 2, 3 năm, giảm bảy năm.

Người phải bệnh phong — cũng như người mắc bệnh lao — lắm khi thụ-bệnh đã lâu mà không biết, mãi đến lúc trong người tê buồn, phát-bào, thì mới chú-ý đến.

Bệnh phong duy chỉ có một giống vi-trùng tác-ác, nhưng cái hình-trạng của bệnh có khác nhau: hoặc bệnh phát ra bì-phu mà sinh mụn-nhot lở-

(1) Ông là một nhà Y-sĩ người Pháp chuyên khoa vi-trùng-học có tiếng, hiện ở Bệnh-viện hành Tunisia.

láy (ấy là hủi lở), hoặc bệnh ăn vào gân-cốt mà làm tê-dát đau dức (ấy là hủi tê hay hủi cùn hủi cụt), hoặc vừa lở vừa tê (ấy là hình-trạng hỗn-hợp).

A — Hủi lở (*lepre tuberculeuse ou tégumentaire*). Hủi lở có ba tuần : tuần phát-ban (*phase maculaire*), tuần kết-hạch (*phase nodulaire*), và tuần phá-lở (*phase ulcéreuse*).

Trước ba tuần ấy, bệnh-nhân thấy thỉnh-thoảng có sốt nóng, mình-mẩy mỗi-một đau-dức, người như bãi-oải không thiết làm ăn gì mà hay buồn ngủ. Tuy vậy, cũng là qua-qua, tưởng là cảm xoàng, người bệnh không chú-ý đến.

10 — Tuần phát-ban. — Thoạt đầu thấy ở mình - mẩy, nhất là ở mặt, ở móng, mu bàn-tay, mu bàn-chân, phát ra những nốt lấm-tấm hoặc cách xa nhau, hoặc liên-kết từng đám dầy như kê ; sắc nó hung-hung đỏ, hoặc hơi vàng - vàng, có khi xám - xám như gang chì, hoặc ngăm-ngăm như mùi nâu (1). Lấy ngón tay ấn vào thì những nốt ấy mất đi, một lúc lại nổi lên. Lúc đầu những vết ấy thấy hơi đau, dần dần thành tê, rồi sờ tay thì biết mà trâm không thấy đau. Khi phát-ban thì trong mình thấy ngùng-ngảy mà mồ-hôi không thoát được. Về tuần này ít rụng tóc rụng lông ; ở những vết phát-ban đã thấy có trùng phong rồi.

20 — Tuần kết-hạch. — Được gần bảy tháng, một vài năm, thấy ở chỗ vết phát ban nổi lên những hạch con-con, ban đầu còn đỏ thắm, tím bầm, sau thành ra vàng ửng. Khi hạch nổi thì sốt mạnh, nói sảng. Hạch ấy lặn vào trong da thịt, trông không rõ, nhưng sờ thì thấy lờn-nhờn bé bằng hạt đỗ, hạt ngô ; to bằng hạt giẻ, hạt táo.

Năm chỗ dát-tai, dễ thấy hạch ấy lắm. Lại có người hạch nổi lên trông rõ lắm, sắc nó bóng-nhoàng, hoặc róc lên như vẩy cá, lấy ghim mà trâm cũng không biết đau. Ở mặt, hạch nổi lên nhiều, trông khác hẳn đi, trán má giãn-gieo, tai mũi phồng to, coi như « mặt hồ-phù » (*faciès léonin*) vậy. Về tuần này, tóc lông càng rụng nhiều ; các đầu ngón tay nhọn hoắt, móng tay khô-khốc, gãy dần rồi rụng hết. Bàn chân sưng to lên, da chân bị dầy trông như da voi. Nọc độc ăn vào mồm, cuống họng, vào mũi sưng lên, cho nên hủi chẳng mấy người khỏi khăn cổ ngạt mũi. Mắt thỉnh-thoảng lại đau dội, dần dần kéo màng khó sinh mờ, có khi lòa nữa. Những hạch ở nách ở bẹn sưng lên mà cứng rắn.

30 Tuần phá-lở. — Những hòn hạch con trong mình hề tiêu dần đi là bệnh nhẹ hơn. Nhưng thường vỡ-lở, máu mủ chảy ra, thối loét ghê-gớm. Gặm bàn chân cũng thũng ra nhưng « không thấy đau » (trong bệnh khác thũng thế thì đau), đó là một điều đặc-sắc trong bệnh hủi. Trong lỗ mũi mà lở-loét thì dần dần sống mũi phải hủy-hoại, thối nát, bẹp xuống (gọi là mũi tẹt), cuống họng đau lở thì nói mất tiếng, có khi phải ngạt hơi. Còn trong ngũ-tạng thì nọc độc hay truyền vào buồng phổi, buồng gan, lá lách, v. v., nhưng nọc truyền vào dây ngăm-ngăm, không bạo-động, cho nên không chú-ý đến. Chỉ khi vào phổi thì sinh ra ho-khạc dờm-dãi nhiều, hình-trạng na-nà bệnh ho lao. Dương-vật với âm-hộ lở-láy ; hạ-nang sưng mãi lên thành « thiên-trụy ».

Bệnh hủi lở này cử-hành thế nào ? Bên trên đã nói, hủi là bệnh diên-trường, cái thời-kỳ của nó lâu đến gần bảy năm, mười hai năm. Dần-

(1) Có lẽ vì thế mà sách thuốc Tàu cho là bệnh phong có năm loại : xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

dần bệnh-nhân suy-nhược thiếu-lực đi, rồi chết.

Cuống họng lở-lây, sưng mãi lên làm tắc hơi không thở được là chết ngạt. Hoặc chết về một bệnh khác kèm vào, như ho lao hay bệnh tụ-huyết trong phổi, v.v. . . Những hòn hạch mà tiêu đi được thì thành bệnh « hủi tẻ ».

B—Hủi tẻ (*lepre nerveuse ou onesthésique*)— Lúc bệnh « hủi tẻ » phát-khởi thì đại-đề cũng như « hủi lở »; cũng ngừng-ngảy, vàng-vắt, mệt nhọc, bải-oải, rồi thấy phát-ban cũng như ở trên. Nhưng ở chỗ phát-ban không kết thành hạch mà lại sinh ra những « bong nước » con, trong có nước vàng, chứ không có máu-mủ. Những « bong nước » ấy hay nổi ở mặt, khuỷu tay, đầu gối, mu bàn tay, mu bàn chân, hoặc lác-đắc mỗi nơi một cái, hoặc liên-kết từng đám dầy, rồi tiêu dần đi mà còn sót lại những vết tím bầm, vàng ửng, hung-hung.

Rồi thấy những trạng-thái sau này :

10) Nọc độc có ảnh-hưởng vào sự « cảm-giác » (*troubles sensitifs*) thì trong mình thấy như ngứa-ngáy, cứa-rứt, như đau mỗi tế thấp; nhất là ở hai cánh tay, hai đùi, hai chân. Mạch gân cũng to lên mà nổi hờn rần chắc, sờ ở khuỷu tay rõ lắm. Hết đau đến tê, trước còn tê ở chân tay, dần dần lên bẹn, lên nách; không biết đau, mó vào nóng lạnh không biết.

20) Nọc độc có ảnh-hưởng vào sự « cử-động » (*troubles moteurs*) thì những lớp thịt ở gan bàn tay như tiêu dần đi, như hao mòn đi; ngón tay như ngược đại, như tê buồn, không động-dậy được, rồi co quắp lại. Rồi đến hai cánh tay, hai bắp chân như tê-liệt, bệnh-nhân đi đứng càng vất-vả khó nhọc, có khi phải nhảy từng bước một. Ở mặt, bì-phu tê-dại, da trán không cau, mí mắt không chớp, hai con ngươi không động-dậy; như

mất hết tinh-thần; nét mặt thành ra đờ-dẫn đại-dột.

30) Nọc độc hủy-hoại các bộ thì lông, tóc, móng tay, rụng dần, có khi cả răng nữa. Gan bàn chân thủng ra; ngón chân, ngón tay, có khi cả bàn chân bàn tay cũng rụng cụt (tức là hủi cùn hủi cụt) — Cái thời-kỳ « hủi tẻ » lại dài hơn « hủi lở », lâu đến mười năm, hai mươi năm, hoặc hơn nữa.

C — Hình-trạng hỗn - hợp (*forme mixte*). Những hình-trạng ở hai thứ hủi trên hỗn-hợp lại ở một người, cho nên gọi thế.

Pha lở trước đã, rồi róc vảy lên da, bấy giờ mới dần ra tê-bại.

Phép quan-sát bệnh phong. — Phép đoán bệnh phong như thứ « hủi lở » cũng dễ, không khó-khăn gì lắm.

Nhưng về « tuần phát-ban » thì có thể lẫn với tuần đầu trong bệnh « đang-mai » (*sypilis*) cũng có nốt lấm-tấm đỏ; song cũng dễ phân-biệt: lấy cái ghim trám vào những vết phát-ban, những nốt lấm-tấm đỏ, hễ không thấy đau là đích hủi vậy.

Trong bệnh « đau tủy » (*syringomyélie*) cũng thấy tê-dại, bắp thịt tiêu-mòn, mó vào nóng lạnh không biết, e rằng ta lẫn với bệnh « hủi tẻ » chăng? Nhưng phải xét cái thời-kỳ rất lâu của bệnh hủi, tìm xem có tuần phát-ban không, mạch gân nổi hờn to rần chắc, những hạch ở nách, ở háng sưng lên, thế là chính hủi, vì trong bệnh « đau tủy » không có những hình-trạng ấy.

Nhưng cốt phải nhớ lấy nước mũi bệnh-nhân mà thử, đem chiếu kính tìm « trùng phong » cho biết đích vậy.

Trị - pháp. — Bệnh phong không những là « nan-y » mà lại « bất-trị » nữa, vì vẫn chưa tìm được môn thuốc đặc-biệt.

Đại-đề cái phương-pháp trị-bệnh chia làm ba mục, biết khéo theo thì

bệnh-nhân cũng đỡ đau-đớn mà không mau chết.

1^o Mục vệ-sinh. — Điều cốt-yếu là phải sạch-sẽ; người hủ nên tắm rửa, lau-chùi bằng nước nóng với sà-phòng. Thỉnh-thoảng tắm được bằng chất « lưn-hoàng » (*acide sulfureux*) (1) hoặc *acide phénique* (2) thì hay lắm. Năng súc miệng rửa mồm, xông mũi cho bớt nọc độc. Quần áo nên giặt rất nấu. Ăn uống cũng cần phải bỏ thì mới đủ sức mà chống với bệnh được. Những đồ khó tiêu và cay nóng không nên dùng. Nên ăn rau, trứng nhiều hơn là cá-thịt. Nên kiêng uống rượu, kiêng ăn đồ chua cay như chanh, răm, ớt, hồ-tiêu, v.v. . . Nên thưa sắc-dục.

2^o Mục thuốc men. — Người Ấn từ xưa vẫn dùng thứ quả *chaunmoogra* (3) ép lấy dầu làm thuốc hủ và lại dùng mấy vị sau này: *gynocardate de soude* ou de *magnésie*, *acide gynocardique*, *baume de gurgum*, v.v. . .

Những chỗ lở-loét nên năng rửa bằng nước nóng rồi buộc kín lại cho nó khỏi loang ra. Đau-đớn, rức-rối thì dùng *antipyrine*, *aspirine*, *pyramidon*, *salicylate de soude*, là những vị thường-dùng trong các bệnh rức dầu, tê-thấp. Lại nên dùng mấy vị thuốc bổ có chất « sắt » (*fer*), « thạch-tin » (*arsenic*) và « canh-ki-na » (*quinquina*).

3^o Mục dự-phòng. — Hiện nay chỉ có hai cách để ngăn-ngừa cho bệnh khỏi lây truyền sang người khác: một là đem người hủ ở riêng vào các trại phong mà điều-trị; hai là những con hủ dễ ra phải đem lánh đi nơi khác mà nuôi. Mục này sẽ bàn tường-tận ở sau.

Vấn-đề cứu-tế cho người hủ

Bên trên đã nói rằng ngay từ triều Minh-mệnh, người hủ cũng đã được Nhà-nước trợ-cấp cho thóc-lúa tiền-nong. Mỗi tháng một người được lĩnh một học thóc (bằng hai thúng) và một quan tiền. Xem vậy thì biết người hủ đời bấy giờ cũng đã được hậu-dãi, vì một người di lính cũng không được lĩnh hơn mấy li. Nhà-nước sở dĩ phải trợ-cấp như thế là để cho người hủ được đủ ăn khỏi phải đi « khát-cái » mà làm những-nhiều dân. Nhưng ngặt vì việc cứu-tế không xếp-đặt có kỷ-luật phân-minh mà phần thì quan-lại ta không chú-ý lưu-tâm đến việc thi-hành các kỷ-luật ấy, thành ra chỉ-dụ nhà vua không có hiệu-quả gì. Người hủ lại được tự-do hành-dộng; không ai kiểm-thúc thì lại đi khắp đó đây, lại lẫn chung ở lộn với người lành; vì thế mà bệnh hủ cứ lâu mãi ra càng ngày càng lắm.

Kịp đến thời-kỳ Bảo-hộ, lúc đầu Chính-phủ còn bừa-bộn về việc chính-trị cũng chưa chú-ý đến việc y-tế được lắm, nhưng có các giáo-hội giúp đỡ việc nuôi ăn và thuốc-men cho người hủ cũng như các người ốm đau tàn-tật khác. Đến năm 1906, hỡi quan Bác-sĩ LE ROY DES BARRES còn chủ-đạo quân Nhà thương An-Nam (tức là nhà thương Bảo-hộ mà ta quen gọi là nhà thương ngô Phủ-doãn), ngài thương-thuyết với Chính-phủ lập trại Tế-trường (4) gần Hà-nội để nuôi-nấng và điều-trị cho người hủ ở riêng ra đó, khỏi lẫn lộn với các bệnh-nhân khác ở nhà thương. Nhưng trại ấy cũng thuộc về nhà thương cho tiện việc quản-trị và có một ông Tây làm giám-thị.

(1, 2) Hai chất này có bán tại các hàng Bào-chế tây.

(3) Sách chép rằng người Tàu cũng dùng một thứ quả *Chauluroogra* đại làm thuốc phong đã lâu đời lắm. Tên chữ nho là 大楓子油.

(4) Tức là trại phong ở Mui-tía mà ta quen gọi là « trại gốc sấu » (thuộc hạt Thanh-tri, tỉnh Hà-dông) ngày xưa vốn có người hủ ở nhiều.

Việc cứu-tế cho người hủ từ đây mới tiêm-tiêm bước vào thời-kỳ thực-nành vậy. Nhưng trại Tế-trường chỉ thu-thập được những hủ quán tỉnh Hà-dông và mấy tỉnh phụ-cận như Sơn-tây, Hà-nam, cũng đã nhiều lắm mà không đủ chỗ rồi.

Đến năm 1911 nhân dịp quan Toàn-quyền SARBAUT đáo - nhậm Đông-dương ta, việc y-tế cho người bản-xứ là một vấn-đề ngài quan-tâm đến, mà trong vấn-đề Y-tế hồi bấy giờ thì việc cứu-tế cho người hủ cần phải giải-quyết ngay, vì rằng vấn-đề ấy mà giải-quyết được thì tất ngăn-ngừa được bệnh gớm-ghê ấy đỡ lưu-hành trong dân-gian vậy. Trong một hạt Bắc-kỳ, số người hủ thì nhiều, không lẽ chỉ có một trại Tế-trường thu-nạp sao cho hết được.

Bấy giờ bèn lập (1) ở các tỉnh thêm bốn trại phong nữa, mỗi trại nhận người hủ ở hai ba tỉnh phụ-cận, như vậy không trại nào phải đông lắm mà đỡ cho người bệnh khỏi phải đi xa.

Kể từ đầu năm 1913 thì toàn-hạt Bắc-kỳ ta, tất cả có năm trại phong :

1^o Trại Tế-trường (Hà-dông) nhận người hủ nguyên-quân tỉnh Hà-dông, Sơn-tây, Hà-nam và thành-phố Hà-nội.

2^o Trại Văn-môn (Thái-bình) nhận người hủ nguyên-quân tỉnh Thái-bình, Nam-định và Ninh-bình.

3^o Trại Liên-xá (Hải-dương) nhận người hủ nguyên-quân tỉnh Hải-dương, Hưng-yên, Quảng-yên, Kiến-an, Hải-ninh và thành-phố Hải-phòng.

4^o Trại Quả-cam (Bắc-ninh) nhận người hủ nguyên-quân tỉnh Bắc-ninh, Phúc-yên và Bắc-giang

5^o Trại Hương-phong (Hưng-hóa) nhận người hủ nguyên-quân tỉnh Phú-thọ và Vĩnh-yên.

Như vậy người hủ ở Trung-châu và Trung-du có thể gần đầu đến đây mà xin ở để chữa bệnh được.

Người Mán, Thổ, Nùng ở Thượng-du ít mắc bệnh hủ, cho nên không cần phải đặt trại phong ở mạn ngược; vả lại họ ở trong rừng núi, bệnh ấy cũng không thể lây ra nhiều người.

Người hủ ở các tỉnh Bắc-kỳ vào khoảng mười năm nay kể cả nam phụ lão ấu được ngót hai ngàn người. Đầu năm 1914, số hủ lưu tại các trại phong được 1244 người thì :

Hà-dông	{	Đàn ông. 307 người
	{	Đàn bà. 168 —
	{	Trẻ con. 12 —

Cộng. 487 người.

Thái-bình	{	Đàn ông. 245 người
	{	Đàn bà. 130 —
	{	Trẻ con. 8 —

Cộng. 383 người.

Bắc-ninh	{	Đàn ông. 90 người
	{	Đàn bà. 43 —
	{	Trẻ con. 8 —

Cộng. 141 người.

Hải-dương	{	Đàn ông. 107 người
	{	Đàn bà. 40 —
	{	Trẻ con. 3 —

Cộng. 150 người.

Phú-thọ	{	Đàn ông. 43 người
	{	Đàn bà. 35 —
	{	Trẻ con. 5 —

Cộng. 83 người.

(1) Quan Toàn-quyền bấy giờ giao cho ông Bác-sĩ BARBÉZINUS việc tổ-chức các trại phong ở Bắc-kỳ. Ông là một nhà y-sĩ lão-thành, ở xứ ta lâu năm, thường hay khảo-cứu về bệnh phong. Các trại dưỡng-tế ở Bắc-kỳ ngày nay đã thành cơ-sở là nhờ ở ông nhiều lắm. Ông thực là có công với người hủ ta; ông mới mất được gần năm nay.

Ngoài số 1244 người ấy, còn ngót 600 người ở các trại cũ cũng dần dần được thu-nạp vào các trại của Nhà-nước.

Cuối năm 1923 số hủi lưu tại các trại phong được 2260 người.

Xem vậy thì trong khoảng mười năm trời số hủi tăng lên đến hơn 400 người. Số tăng ấy bởi: một là dần dần tìm được những hủi ẩn-lậu từ trước, hai là những hủi lưu tại các trại phong lây nhau mà sinh-sản thêm ra. Số 2260 người ấy phân ra các trại như sau:

Hà-dông	{	Đàn ông. 437 người	
		Đàn bà. . 243	—
		Trẻ con. . 22	—

Cộng. . 702 người

Hải-bình	{	Đàn ông. 445 người	
		Đàn bà. . 205	—
		Trẻ con. . 29	—

Cộng. . 679 người

Bắc-ghinh	{	Đàn ông. 213 người	
		Đàn bà. . 92	—
		Trẻ con. . 6	—

Cộng. . 311 người

Hải-duong	{	Đàn ông. 176 người	
		Đàn bà. . 83	—
		Trẻ con. . 5	—

Cộng. . 264 người

Phú-tho	{	Đàn ông. 171 người	
		Đàn bà. . 120	—
		Trẻ con. . 13	—

Cộng. . 304 người

Việc tổ-chức trại dưỡng-tế ở các tỉnh. — Trại phong ở các tỉnh đều đặt xa tỉnh-lỵ, thường là những nơi có trại hủi trước.

Mỗi trại phong có một ông giám-thị tây-quân-dốc việc trật-tự và việc phát lương cho hủi, có mấy thầy y-tá

(infirmier) giúp việc thuốc-men, việc kế-toán.

Thăm bệnh hoặc tiêm thuốc cho hủi đã có ông thầy thuốc Tây hoặc Nam ở tại tỉnh-lỵ, một tuần đến trại hai ba lần.

Việc tuần-phòng thì có một toán giảm bảy người hoặc mười mười hai người lính cơ ở tỉnh phái về.

Người hủi tự bầu lấy trong bọn họ một lý-trưởng và vài ba kỳ-mục để giúp viên giám - thị coi việc trật-tự trong trại, nhưng không có giao-thiệp gì với quan trên, vì người hủi được trừ hết sưu - thuế, tạp - dịch, không phải phiền nhiễu gì cả. Trong trại có xảy ra việc gì thưa kiện nhau đã có lý-trưởng với kỳ-mục phân-xử. Việc không xong thì trình ông giám-thị liệu định cho, không phải đến quan cai-trị; vì bọn hủi ở với nhau cũng như người ốm trong một bệnh-viện, trừ việc cãi-lầy nhỏ-nhất, lật-vật, thì còn có việc gì là quan-hệ mà phải đem nhau đến cửa quan nữa.

Mỗi trại dưỡng-tế ở các tỉnh được giảm bảy chục mẫu ruộng nguyên Nhà nước mua lại của dân phụ-cận từ trước để cấp cho những người hủi khỏe mạnh cấy cấy thêm mà ăn. Mỗi người lại được lĩnh ba đồng bạc một tháng. Quần áo, chăn chiếu, Nhà-nước phát cho đủ. Như vậy tưởng cũng đủ ăn không đến nỗi thiếu-thốn túng-bần. Trong trại họ lại nuôi thêm gà lợn, trồng thêm cây rau cỏ để ăn. — Nhà-nước làm sẵn ở trong trại những dãy nhà lá cao-ráo rộng-rãi sạch-sẽ; mỗi người được vài gian; người nào khá muốn làm nhà riêng mà ở cũng được.

Những người phần-việc trong trại như lý-trưởng với kỳ-mục cũng được phụ-cấp thêm. Không kể ba đồng bạc lương, một tháng lý-trưởng được phụ-cấp bốn năm đồng mà kỳ-mục mỗi

người được hai ba đồng. Những công việc lật-vật trong trại như sửa-sang đường đi, chữa ròi nhà ở, buộc thuốc cho người đau ốm, quét dọn nhà thuốc, đều giao cho người hủi mạnh-mẽ; người nào làm thì mỗi ngày được thêm giảm bảy xu một hào, tùy việc nặng nhẹ.

Trong trại hủi, có người theo lương, có kẻ theo giáo. Dân lương và dân giáo ở riêng từng khu. Đình miếu và nhà thờ của họ thì họ rủ nhau đóng góp mà làm bằng lá bằng tranh; nơi nào phong-phủ hơn thì xây gạch lợp ngói. Việc làm lễ trong nhà thờ bên giáo đã có ông cố tây hoặc ông cụ ta ở các xứ gần đây thỉnh-thoảng đến làm phúc.

Chợ đặt gần trại, giảm ba ngày họp một lần, cũng cho người ngoài đem hàng đến bán. Người hủi nào sạch-sẽ, không lở-lây, mới được ra chợ mua ăn hoặc sắm đồ nhưng cấm không được vẩy mớ vào đồ hàng mà chọn, muốn mua thứ nào, mặc cả xong thì người bán hàng sẽ giao cho, trả tiền thì bỏ vào một cái ống tre, ống nứa, hoặc một cái hộp riêng. Mỗi người bán hàng phải có một cái ống tre hoặc cái hộp sắt có nắp kín để đựng tiền bán hàng; trong hộp bỏ một thứ « thuốc sát-trùng » ⁽¹⁾ của ông giám-thị phát cho ngày phiên chợ; ông giám-thị cắt những lính-cơ trông coi việc trật-tự và cấm những người hủi lở-lây không cho ra chợ mua bán.

Người hủi trong trại được tự-do đi lại như trong làng mình, nhưng không được ra ngoài.

Người họ-hàng quen thuộc đến thăm nom không được vào trại, phải ở quán chợ mà truyện-văn. Lý-trưởng với ký-mục phải kiểm-soát luôn và phải chịu trách-nhiệm, không được cho người lạ vào trong trại.

Các nhà bác-sĩ khảo-cứu về bệnh phong phần nhiều không ưng cho người hủi lấy vợ, lấy chồng; viện lẽ rằng giống hủi sản-xuất mãi ra, không bao giờ tiết được. Nhưng tại các trại dưỡng-tế ở Bắc kỳ, Chính-phủ vì lẽ « nhân-đạo » không ngăn cấm việc ấy mà vẫn cho người hủi ở trong một trại được lấy nhau. Họ lấy nhau như thế có sinh-dục được không?

Trong số báo *La Presse Médicale* (Y-học-báo) ngày 21 Juin 1913 quan Bác-sĩ BARBÉZIEUX khảo về bệnh phong, ngài có nói rằng :

« Kể số 172 đám giá-thú người hủi, « cứ một trăm đám hủi chỉ một chồng « hoặc một vợ bị hủi thì được 68 đám « có sinh nở (68^o/o) ; uhược-bằng cả « hai vợ chồng cùng bị thì chỉ được « 52 đám sinh-nở mà thôi (52^o/o).

« Nói tóm lại, hủi cả hai vợ chồng « cùng hủi thì hiếm-hoi hơn là một « chồng hoặc một vợ bị hủi mà thôi. Một « đàn ông thì cứ hai đám mới có một « đám sinh nở, còn một đàn ông thì cứ « ba đám lại có hai đám sinh nở.

Bác-sĩ lại nói : « Những đứa con « hủi sinh ra không thấy có vết-tích gì « là hủi cả, tìm trong nước mũi, trong « máu, trong dử mắt cũng không thấy « trùng *Hausen*. Nhưng xem ra nhiều « đứa non-nớt, yếu-duối, không được « chắc-chắn như những trẻ khác. »

Những trẻ sinh ra ở trại phong lại đem đi nuôi ở nơi khác, không cho gần bố mẹ để phòng cho khỏi lây bệnh. Hoặc họ-hàng xin đem về nhà nuôi lấy, hoặc Nhà-nước giao cho nhà Dục-anb của bà phước ANTOINE ở Hà-nội nuôi giúp. Những trẻ ấy chết non nhiều lắm. Một trăm đứa thì hồng đến 80 đứa mà không mấy đứa được đầy năm. Dù chăn nuôi cẩn-thận mà nó cũng hay phải chứng nôn chớ, đi tướt,

(1) Thuốc sát-trùng ấy tên pháp là « *Trioxyméthylène* », bột hay viên, nhạy lắm; bỏ một ít vào ống kín, thuốc ấy bốc hơi lên có sức trừ trùng rất mạnh.

sài mòn, sài chéo, mà chết. Như vậy thì dầu cho bọn hủ họ lấy nhau tưởng cũng không hại gì. Những đứa trẻ ấy mà còn sống sót, dầu có mắc hủ thì cũng ngoài mười tuổi trở đi. Khi bệnh phát ra thì lại đem nó đến ở các trại phong cũng được. Huống-chỉ là đẻ ra mà ít nuôi được, thì lo gì rằng bệnh phong chẳng có ngày tàn.

Người hủ ở trong trại phong cũng được tự-do hành-dộng như ở làng mình mà lại được sẵn lương ăn, ruộng cấy, nhà cửa ở, quần áo mặc, thuốc-men đủ cả; tưởng cũng không đến nỗi phải phàn-nân chi cho lắm.

Chỉ có một điều bó-buộc khi bực mình là không được đi đây đó, hoặc về chốn quê-hương. Nhưng họ-hàng thân-thích thường được đến thăm viếng. Và lại người hủ khi đến ở trại phong thì thường lo lập gia-cư ở đó mà sinh-nhai, lấy vợ lấy chồng, lập nên gia-thất, cũng như là đi ngụ-trú một nơi khác để làm ăn; dần dần cũng người được nổi khổ.

Còn quốc-dân ta ngày nay nhờ Chính-phủ hết lòng thi-hành các phương-pháp cứu-tế cho người hủ mình tưởng cũng được vui lòng. Một là người đồng-bào mình lỡ gặp số-phận không may mà mắc phải bệnh phong thì đã đành có chỗ nương thân, hai là quốc-dân đỡ những nỗi người hủ quấy-nhiều như trước.

Tuy vậy, trại dưỡng-tế lập ra đã hơn mười năm nay mà thấy lắm nơi còn ần-lậu, giấu-giếm cho người hủ; thường lại là những người có thể-lực trong làng hoặc nhiều tiền của, cho nên không chịu tới các trại phong mà

chữa bệnh. Gián-hoặc có kẻ tổ-giác đến quan trên mà sức về đòi hỏi trong làng thì họ lại khéo vận-dộng mà ần-núp dưới cái thể-lực kim-tiền. Người chức-vụ lại kiếm oách bầm quanh: nào là trong làng không có tên ấy..., nào là tên ấy bỏ làng đi tha-phương cầu-thực đã lâu. . ., nào là tên ấy trốn mất không tìm thấy, v.v.. Quan trên thấy trình vậy thì hay vậy, không lẽ về tại làng mà khám-xét được, dầu có khám-xét cũng khó lòng mà tìm cho ra..., lạ gì những chức-tinh-quái ma-ranh của họ.

Nào họ có hiểu rằng Chính-phủ lo việc đề-phòng tật-bệnh cho ta năm phần thì ta lại nên cố mười phần mới phải. Nay mà muốn cho cái bệnh gớm-ghe ấy khỏi lưu-hành trong dân-gian và chóng triệt hết ở xứ ta như ở mấy nước bên Âu-phương thì ta nên biết bỏ cái lợi nhỏ, làm điều ích chung; cứ trong làng có người hủ bất-luận giàu (1) nghèo, ta nên trình quan trên cho họ đi chữa bệnh ở các trại phong.

Việc này do ở các quan địa-phương, các ông tổng-lý không quên nghĩa-vụ mình mà cố sức giúp Chính-phủ thì chắc rằng có ngày kết nên giai-quả. Nghe nói trọng quan-trưởng có nhiều ông « đặc-lực » lắm, nhất là về mấy kỳ quốc-trái năm trước và mấy lần quyền tiền các dân; ước gì về việc này các ngài cũng « đặc-lực » như thế cho thì dân ta được nhờ lắm mà cái chương-trình y-tế của Chính-phủ đã ban-bố cho quốc-dân cũng thi-hành được một cách hoàn-hảo vậy. Mong lắm thay!

Đỗ Uông

(1) Điều thứ 12 trong nghị-định quan Toàn-quyền ra ngày 31 tháng chạp năm 1912 cho phép những người hủ nào có gia-tư được ở lại trong làng mình nhưng phải làm nhà ở riêng ra một khu mà không được giao-thiếp với người làng. Vậy người nào hợp lệ cứ lên tòa Sứ tỉnh mình mà khai-trình và gửi một cái đơn xin quan Chánh Y-viên Bắc-kỳ cho phép. Quan trên bèn cử quan thầy-thuốc khám xét và thử nước mũi xem có trùng phong hay không; nếu bệnh nhẹ không lở-lấy thì được ở lại nguyên-quán như nghị-định đã nói mà không phải đi các trại phong. Cứ theo làm như vậy thì chẳng phải lần-lút giấu-giếm mà cũng không vận-dộng khẩn-vái cửa này cửa khác.

MỘT TẬP DU-KÝ CỦA CỤ LÂN-ÔNG⁽¹⁾

Thượng-kinh ký-sự

上京記事

(Nguyên hán-văn dịch ra quốc-ngữ)

IV

CHƯƠNG THỨ VII

Các công-khanh mời đi chữa thuốc

Có một hôm sáng sớm thấy quan huyện Cầm-giăng đưa bọn tòng-nhân đến nhà trọ tôi, nói rằng: « Có Vi-khiêm-công 提謙公 người Hoan - châu, làm quan Hiến - sứ 憲使 Kinh - bắc 京北; nhân hồi-kinh nghe thấy tiếng ngài, muốn đến hầu ngài ở đây, nhưng sợ phiền quấy nơi lữ-thứ, nên cho tôi đưa tòng - nhân đến đề mời ngài và có một bài thơ cò-thẻ xin đệ-trình ngài. » Thơ rằng :

飲懶鶴海柴江此已容良
豚來駕上屏山意囑易醫
都亦與有不有豈故豈對
安拙拙懶虛拙相舊須良
排。請。鞋。翁。開。翁。猜。請。來。相。

Lương-y với lương-tướng,

Hồ dễ ai hơn ai ?

Tình cũ tôi mời bác,

Hẹn này bác chớ sai.

Chuyết-ông là thẳng tôi,

Theo hoa khép cửa sai.

Lân-ông là quan bác,

Xe mây nhẹ gót hài.

Chuyết này được tiếp Lân,

Mới biết là « an-bài ».

Giang-sơn Chuyết-ông Dưỡng-hiền Miếu-đức-thị 江山拙翁養軒好德氏 bài-thuợng.

Quan Cầm - giăng lại nói : « Quan tôi có lời nói xin ngài nghĩ tình đồng-quận mà đến chơi, đừng ngại. » Tôi

nói : « Quan-lớn làngười đồng-quận với tôi, chỗ ở không xa gì, nhưng không có dịp nào mà đến yết-kiến ngài, nay ngài đã hạ-cổ, tôi xin vâng. » Bèn cùng với ông Cầm-giăng ra đi, mới đến cửa đã thấy ông đứng chấp tay ở trước sân nghe h-tiếp, tôi vội - vâng xuống võng, lom-khom đi vào, ông ngồi chủ-tịch, tôi với ông Cầm-giăng ngồi bồi-tọa hai bên tả-hữu. Ông nói : « Tôi có một bệnh cố-tật, chữa khắp các thầy không khỏi, tuy tôi với cụ thi ở đồng-quận, vẫn biết đại-danh, nhưng vô-duyên không được tiếp, hay đầu trời cho phương-liện, được gặp nhau ở đây, chả phải là một miếng ăn miếng uống cũng đều có an-bài cả dư ! » Tôi nói : « Kể ngu-dong nơi sơn-dã, gọi là biết chút tiện-kĩ này, đâu dám đương những lời thịnh-tử như vậy. » Một lát rồi nhà bếp bưng cơm, nhà chè pha nước, rất là sang-trọng, tiệc rồi mới xem mạch mà đoán chứng, may được đúng cả; ông ta-thán rằng : « Thật là danh-hạ bất-hư, mà hận mình tương-kiến muộn quá ! » Rồi hỏi xin thuốc, tôi nói : « Lập phương thuốc phải nghĩ cho thật kĩ mới được ổn-dáng, nay đang lúc ngồi chơi hấp-tấp, vậy xin để sáng mai sẽ đệ-trình. » Ông Cầm-giăng nói : « Hôm nọ tôi đến lấy thuốc, cụ xem mạch hai ba lần rồi mới bốc, cần-thận như thế, không trách thuốc hay là phải. » Bỗng đâu có Đỗ Hoàng-giáp đến, chúng tôi đều đứng dậy chào và

(1) Xem Nam-Phong số 77, 78, 79.

mời vào cùng tiệc. Đỗ Hoàng-giáp hỏi quan Hiến-sứ rằng: « Ông này là ai? » Quan Hiến-sứ nói đùa rằng: « Hương-sơn ân-giã là ông này đấy. » Đỗ Hoàng-giáp cười mà rằng: « Ông Hải-thượng Lãn-ông đấy à? » Quan Hiến-sứ nói: « Phải. » Đỗ Hoàng-giáp nói: « Tôi vẫn nghe thấy tiếng ngài, chưa được tiếp lần nào, nay nhân tôi bỗng bị một nguy-chứng, muốn cho người đến mời lại sợ cụ không chịu đi xa, còn đang nghĩ-ngợi, may hạnh-ngộ cụ ở đây, nhờ cụ kê cho xin một bài thuốc điều-bổ. » Tôi nói: « Thầy thuốc là kẻ giữ nhân-mệnh cho người ta, cần-lao là việc trong phận-sự, không thể từ chối được, nữa là lại dám lười-biếng trễ nhác hay sao. » Đỗ Hoàng-giáp bèn kê đầu đuôi, tôi cho hai đơn thuốc vừa thang vừa hoàn. Ông Cầm-giăng cũng mời tôi rằng: « Gia-nghiêm tôi cũng có một chứng bệnh đã lâu, vẫn không dám quấy-quả cụ, nay nhân nhà tôi ở liền bên tả đây, xin mời cụ hạ-cổ sang chơi cho tôi được cảm ơn cụ. » Đoạn, đều cáo-từ trở ra, tôi sang nhà ông Cầm-giăng vào xem mạch cho ông thân-sinh ra ông là Tả-bình-quan Sĩ-doan 左兵官仕端, lúc ấy đã tri-sĩ, còn lưu lại ở trong Kinh; xem mạch xong, các cậu công-tử mời tôi ra chơi nhà thủy-tạ bên bờ hồ uống nước nói chuyện, tôi trông ra thấy một cái bình-hồ ước một nghìn mẫu trở lại, những thủy - điều đang bay nhảy rập-rờn trên mặt sóng, những du-ngư thì tranh nhau dớp cái lá rụng xuống dưới nước, bổi lặn bên bãi gió thoảng đưa hương, bóng hoa nở lác-dác suốt ngày đêm; trước hồ trông ra, đắp một cái đê hình bán-nguyệt, trong đê thả tinh một giống sen trắng, bên đê thì cỏ-thụ rườm-rà, hoa thơm sắc-sỡ, trước sân nhà thủy-tạ; mấy cây lão-mai ngã-nghiêng bên sập đá; ngoài cửa sổ mấy hàng lục-trúc, bóng rợp vào cả trong nhà;

bên án sách, con dĩa-hạc độc - lập co-ro; trăm hoa hình như đối nhau nói chuyện, càng ngắm càng xinh, nói không sao hết cái thú u-nhàn phong-vị chỗ ấy; bấy-giờ các cậu công-tử đều mời tôi làm thơ. Tôi nói: « Các ông xướng lên trước, tôi xin họa sau. » Nhưng không ai chịu làm trước, tôi bèn cất bút đề một tiểu-luật rằng:

談名花葉秋窗亭老
笑茶叢落老明臺相
出邀野遊尙多向崇
香客鶴魚開得水涼
烟。飲。眠。躍。蓮。月。邊。景。

Bên hồ đình Lão-tướng.

Đài tạ chiêm phong quang.

Song cao trắng chiếu rộng.

Thu muộn sen chưa tàn.

Hạc ngủ bên cây rợp,

Cá bơi dớp lá vàng.

Chè ngon khuyên khách cạn.

Cười nói ngọt-ngào nhang.

Bần-y, Lê-thị, biệt-hiệu Hải-thượng Lãn-Ông đề.

Tôi đề xong, Lão-quan cho người ra lấy thơ vào, cụ xem mà nói rằng: « Thanh-tán khả-ái thay! » Rồi sai đem dán ở vách nhà thủy-tạ. Ông Cầm-giăng cũng họa lại một bài và lời dẫn rằng:

« Tiên-sinh là một bậc tuổi cả đức cao, có cái thủ-đoạn Hiến Kỳ và cái thi-tái Lý Đổ, mà nhả-chỉ dặt-tĩnh lại phiêu-phiêu-nhiên một nhà cao-sĩ, bao nhiêu văn-nhân tài-tử, cũng muốn xin đi theo hầu. Tăng 增 tôi nhậm một ấp xa, đến yết Tiên-sinh chậm quá, may Tiên-sinh rủ lòng yêu, nào tặng câu giai-cú, nào cho bài linh-đan, nghĩa dày tình nặng, ghi nhớ xiết bao! Vậy xin thuật mấy lời rom-rác, gọi là tục một bài như sau này:

香雅好奇澄好閒招
生挹句方波客適邀
五春起調賞垂水雲
色風高積白青雲鶴
烟。坐。眠。恙。蓮。眠。邊。侶。

Hạc đàn người khoáng-dật,
Mây nước thú thanh-quang.
Mắt xanh ơn hạ-cổ,
Sen trắng thưởng thu-tàn.
Thor gọi khi đang ngủ,
Đơn cho đáng mấy vàng.
May được bồi xuân-tọa,
Trăm bay gạt khỏi nhang.

«Vân-sinh, Tăng bài-phục.»

Đến chiều tôi từ-tạ về nhà trọ, các
Công-tử đưa tôi ra cổng đều có ý
ngại-ngùng trong lúc chia tay.

CHƯƠNG THỨ VIII

Một nhà nữ-thi-sĩ ở Thăng-long

Có một hôm quan Trung-hùng cho
người đến xin tôi một bài thơ và nói
rằng: « Quan tôi có một cái bồng đi
trên nước nhanh như ngựa chạy,
nhưng hễ lúc bước lên ngồi, thì nó
chông-chành như người say, quan tôi
thích cái tính nó khinh-khiêu, đặt tên
cho là «Tùy ông thuyền 醉翁船» đã
được một vị tao-ông vịnh một bài thơ,
nay lại xin ngài cho một bài nữa. »
Rồi đưa cả bài nguyên-thi ra trình
tôi, thơ rằng :

何昂於每水市醉任
怕藏狂得上間而
狂自吟趣會肯不渠
風有日辰令許醉家
驟操可堪俗辰愛倒
雨持爲載物人吾與
年處仙月遷會船顛

Mặc sức nhà ai đảo với diên.

Thuyền ta say chẳng ta yên thuyền.

Những phường chợ-búa khôn bày hợp,

Mấy vật thô-quê phải chuyển-thiên.

Đặc-thú đòi phen đầy chở nguyệt,

Cường-ngâm lắm lúc đáng nên tiên.

Ngang-tàng mà vẫn bện tay lái,

Gió táp mưa sa trái mấy niên.

Tôi xem rồi hỏi tên lai-nhân ấy
rằng: «Ai làm bài thơ này?» Người ấy
nói: «Thưa cụ, ông Đỗ Giám-sinh ở
Kính-bắc.» Tôi nói: «Thơ này chữa

tả rõ ra được cái tính của cái thuyền
này.» Người lai-nhân cũng nói: «Quan
tôi cũng nói không tả được cái tên
thuyền là lạc mất đề-ý.» Nhưng lúc đó
vì tôi đang một-hứng lắm, bảo người
lai-nhân rằng: «Cậu về nói với quan-
lớn, hôm nào thư-thả tôi xin đưa lại
bầu.» Vài hôm sau làm xong bèn đưa
gia-đồng đem lại. Thơ rằng:

石昂遙重起傳醉不
柱藏吟載舞盃翁爲
同自何只蹉泛吾狂
看是負堪跼盜以瀾
在初酒且步終命作
晚辰中上欲難吾倒
年。操。仙。月。遷。滿。船。顛。

Há vị ba-đào phải đảo-diên,

Tùy ông ta đặt hiệu cho thuyền.

Kêu chuốc chén quỳnh không sóng-sánh

Vây-vùng gót ngọc tự huyền-thiên.

Giữa dòng chớ-trắc vầng trăng tỏ,

Trên mạn ngâm-nga cuộc rượu tiên.

Ngang-tàng tính vẫn quen từ trước,

Cột đá rồi xem lúc vân-niên.

Thơ đưa đi rồi vài hôm nữa có có
Đặng Tiểu-thư đến chơi, cô thấy trên
án có hai bài thơ, cô nói: «Thưa bác,
thơ của bác tả rõ ra được cái ý sâu
của dẫu dề, thật là tuyệt-cú thanh-tàn,
phiên-dật vô-tỉ, nhưng thuyền với nhà
là những cái dễ dung nhân mà lại đem
tự-tỉ với cái sự diên-đảo thì con tưởng
như không được tốt, con xin họa lại
một bài có được không?» Tôi nói:
«Cháu gái chủ thử họa một bài xem.»
Đó chớp mắt thì có làm xong bài thơ
thật, cô đưa tôi xem, thơ rằng:

恍渡烟水飲攜醉柳
訝頭霞石月松翁絮
金帆養隨歌帶乘迎
童捲性情風菊興人
見蓬酒蓬掉盃上舞
召魚中底轉酬輕倒
年。問。仙。客。遷。醉。船。顛。

Tơ-liều lơ-thơ múa đảo-diên,
 Táy-ông thừa-hưng bước lên thuyền.
 Nghiêng bàu chuốc chén vui thù-tạc,
 Hát gió chào mây tự chuyển-thiên.
 Non-nước tiêu-dao người dưới lái,
 Yêm-hà say-tỉnh khách trên tiên.
 Cá đón bóng bướm khi ghé bến,
 Khác nào ứng-triệu thừa đương-niên.

Xem thôi tôi nói : « Thi-tài của cháu gái chú mẫn - tiếp lắm. thực không phụ cái công giáo-hối của Tiên-quân ». Nguyên Đặng Tiều-thư là con gái Hậu-mã-công 後馬公, thừa ông còn sinh-thời, ông với Trung-chính-quan 中正 cùng tôi ba người kết với nhau làm « Di-tính huynh-đệ », ba chúng tôi can-dảm tương-chiếu với nhau, sau quan Trung-chính đi binh-nam bị hại. Hậu-mã-công cũng bị bệnh mất ở Kinh, khi tôi trở lại tới Kinh, có đến những chỗ cố-cư của hai anh tôi, rót chén rượu nhạt, khóc hai anh tôi một tiếng đề tỏ tình với nhau. Từ đó Tiều-thư ngày ngày đi lại thăm nom tôi, tỏ ra một cái chân-linh coi tôi như ông bố đẻ vậy, không khác gì

CHƯƠNG THỨ IX

Cảnh lữ-huống ở trong Kinh

(Tiếp chương thứ V)

Một ngày kia Hàm-xuyên-hầu sang chơi bên nhà trọ tôi, trong khi nói chuyện có ý ngăn-ngại, hai ba lần muốn nói điều gì rồi lại thôi, tôi giật mình hỏi rằng : « Quận-hầu với tôi ngày một thêm thân, tình-nghĩa chu-trí, nay có việc gì xin cứ nói đừng giấu, chớ sao lại có ý ngăn-ngại như vậy, hay là tôi có điều gì làm-lỗi mà quận-hầu không nỡ hở mồm rac hăng? » Hàm-hầu nói : « Có lẽ nào thế. Tôi từ được đi lại với cụ, vẫn giữ cái lễ đệ-tử, nào đã có điều gì trái với đạo-nghĩa đâu, chỉ vì chỗ này là cái biệt-thất của anh tôi, nhân có việc về quê, mà bỏ không lại, vậy tôi mời cụ đến tạm ở cho tiện lối vào châu, sau thấy cụ thế nào cũng không được về, bất-nhật

tất được ban-cấp binh-dân, lúc đó sẽ xin một miếng đất để lập dinh khác, bởi vậy hơn một tháng nay tôi đã cho dựng một cái biệt-thất ở chỗ khu đất để không của nhà tôi bên bờ hồ, vẫn định làm xong thì mời cụ dọn sang nghỉ tạm bên ấy, rồi mời anh tôi về ở đây. Ai ngờ bây giờ tôi lại phải phụng-mệnh đi giám-khảo trường tập cho binh-lính tập bắn, công việc bận lắm, không lúc nào rỗi, cho nên chưa làm cái nhà mới ấy cho xong ngay đi được, thời nay cái nhà ngoại-sảnh ở bên dinh tôi cũng rộng-rãi, xin mời cụ sang đó đề dợt cái nhà mới ở bờ hồ vài ngày nữa thì xong, không thì sang dinh quan An-quảng cũng nhàn-tĩnh lắm. Không biết tôn-ý nghĩ ra thế nào? » Tôi nghe nói, cười mà rằng : « Đại-trượng-phu tương-kỵ với nhau, có làm gì cái sự nhỏ-nhặt ấy, để tôi xin liệu, ngài đừng ngại. » Hàm-xuyên-hầu nghe tôi nói có ý mừng, tôi tự nghĩ rằng : « Cái ngoại-sảnh của ông ấy thì linh-tráng đi lại rậm-rịch không có thể ở được, mà bên dinh quan An-quảng thì có đủ nhà trong nhà ngoài, nhưng xung-quanh tường-nệm không có, ở đấy lại lắm trộm cũng không yên ; ta có một ông tào-tri là Hậu-trạch-quan, ông có mấy tòa nhà liền nhau bên bờ-hồ, và chỗ ấy lại cao-ráo sạch-sẽ, âu-là ta kíp đưa tin cho ông, nhờ một sở đề ta dọn sang là xong. » Bên đưa thư cáo-biệt với Hàm-xuyên-hầu, ông nghe chuyện lấy làm băn-khoăn lắm, cho người đem lại một cái thư và một bài thơ như sau này :

Bấy lâu được nghe thịnh - danh như sét đánh bên tai, vẫn lấy cái sự không được hầu gần làm hận, bỗng đâu Tiên-sinh tứ-mã an-xa vào cửa khuyết, cho tôi được thân chịu những lời giáo-huấn, thực lấy làm may lắm, vẫn mong sớm khuya thừa-tiếp xuân-phong cho khỏi phụ cái duyên giải-cấu

vong-niên kia vậy, bữa nọ anh tôi vắng nhà có một cái thảo-lư xin để tạm làm một nơi «thê-phượng», may Tiên-sinh có lòng chiếu-cổ mà cho tôi được chu-toàn bấy nay, thực là đậm-thấm. Nay anh tôi lại trở về Kinh, tôi lấy làm khó nói lắm. Tiên-sinh muốn dọn đi, thực không phải bôn-tâm tôi, tôi vẫn canh-cánh không muốn xa Tiên-sinh; như bên dinh quan An-quảng trông-trải không tiện thì xin tạm di sang cái ngoại-sảnh bên nhà tôi cũng được, cần gì mà phải xa vượt qua cái bờ sen kia, để cho tôi băng-khuảng như mất lạng vàng, đó là tôi xin nói thực-tình, nếu Tiên-sinh nghĩ lại, trong hai điều ấy, chọn lấy một điều, hằng cầu-thả tạm-lưu ít bữa, đợi trong tuần-nhật, tôi sửa-sang cái nhà mới để cung làm một nơi Tiên-sinh cao-ngọa; nói không hết lời, vậy mượn thơ đề tả cái chân-tình như sau này (theo nguyên-vận bài thơ thương-kinh):

—	今	肥	馬	定	肯	德	商
腸	日	瘠	牛	知	吝	邵	山
心	此	難	相	石	珍	年	留
緒	情	能	及	上	言	高	下
付	無	療	皆	有	無	道	賈
天	限	別	洪	前	隱	不	中
君	恨	人	郡	身	爾	貧	真

Non Thương người già mà đây trâu,
Đức cả niên cao đạo chẳng bần.
Vàng lỉnh lời vàng ơn hậu-ý,
Hẹn-hò trên đá găm tiền-thần.
Gầy béo dẫu xa còn muốn chữa,
Bà con thung-thò nở dòi chân (1).
Ấn-bận xiết chi tình lúc ấy,
Tâm lòng xin phó mặc thiên-quân.

«Hàm-xuyên-hầu thuật-hoài, khi đăng-trình, theo nguyên-vận đề tự-tình và bá-thượng Hải-Thượng-ông tọa-hạ.»

Lại viết thêm mấy chữ rằng: «Đó là một việc bất-đắc-dĩ, xin lòng lại hiểu lòng cho.»

Tôi xem như cũng động-tâm, không nỡ cáo-biệt, mà việc xuất ư bất-đắc-dĩ, chứ không phải bôn-tâm của hầu, tôi bèn phục-bút và họa lại bài thơ như sau này:

«Lăn tôi bị triệu vô Kinh, nửa bên hành-lý, nay trọ chỗ này mai trọ chỗ khác, may được tôn - hầu thành - đãi, hơn mười tuần nay, gió mưa che-chở đã nhiều. Lăn tôi vẫn tưởng bất-nhật xong việc đó, cầm kiếm lại về cố-sơn, hay dẫu cơ-mi mãi đến bây giờ, lại phải xa cách nhau một lần, tuy trong gang tấc mà lòng hân vẫn bôn-khoăn khôn xiết, biểu-lộ cả ra lời thơ, để cho Lăn tôi càng thêm cảm-thán, vậy xin có một «Đường-luật» phụng đáp lại là:

心	四	紫	青	東	暮	柳	深
知	海	關	山	喬	鼓	結	情
還	賓	前	舊	西	晨	無	高
有	朋	程	約	寓	鐘	由	離
幾	難	苦	何	累	摧	志	出
如	滿	告	無	閒	旅	愈	天
君	座	人	分	身	夢	貧	真

Tình sâu nghĩa nặng tâm thiên-châu,
Chưa chút đền ơn chỉ những bôn.
Chuông khuya trống sớm khuya bôn khách

Nay đó mai đây lụy chiếc thân.
Duyên với non xanh sao lại rứt.
Ai hay gác tựa khổ chồn chân.
Tìm hạn tương-tri trong bốn bề.
Có chăng chỉ bác Hàm-xuyên-quân.

«Bần-y Lăn bài-họa.»

Bấy giờ ở liền vách với chỗ nhà trọ tôi là dinh quan Trạch-ưu-hữu 擇優右, ông có một bệnh phúc-lãnh, tôi chữa đã sắp khỏi, phu-nhân cũng bị một cổ-tật đã mười năm, tôi chữa cho hai tháng thì yên. Ông nghe nói tôi tìm chỗ trọ, ông hỏi lại Hàm-xuyên - hầu rồi không nói gì cho tôi biết trước, cứ tự dọn - dẹp một

(1) Hầu với tôi cùng người phò mã Thượng-hồng.

cái nhà trung-đường ba gian, nhà ngói vách vôi, kê giường đặt ghế tề-chính, sân trước có cây kỳ đà lạ, hoa cỏ tốt-tươi, ngoài ba gian nhà khách, một gian nhà bếp, quét dọn sạch-sẽ, bốn bên phân-biệt làm cửa trong cửa ngoài để ra vào cho tiện, thu-xếp đầu đầy rồi mới cho đến mời tôi, tôi cũng chẳng biết duyên-cớ gì, sợ phiền quấy người ta, chỉ cảm ơn không chịu dọn đến, hai vợ chồng ông cố mời đi mời lại mãi mà rằng : « Cụ không trông lại cái chân-tâm của vợ chồng nhà tôi, xin cụ hãy đến qua xem. » Tôi đến thì quả thấy phòng-ốc trong ngoài đã chỉnh-đốn cả rồi, tôi nghĩ vợ chồng người ta xử như thế, mình cứ-tuyệt ngay sao phải, bèn di-ngụ sang. Hàm-xuyên-hầu biết chuyện, mừng lắm, cũng sang chơi. Nguyên quan Trạch-ưu là tổ-thức Hàm-xuyên-hầu, nguyên phụng tiên-triều ban cho một khu quan-thổ, vì thế cả họ được ở, hai dinh liền nhau, Trạch-ưu-quan lại mở một cái cửa mạch đề Hàm-xuyên-hầu đi lại cho tiện. Cái tình tôi với hai ông ăn ở với nhau sáng mận tối đào, ngày càng thân-mật, Trạch-ưu-quan cũng nghiêm-cấm người nhà không được lai-vãng đến bên chỗ nhà tôi trọ, coi đó đủ biết cái lòng ông kính-dãi tôi là dường nào. Tôi từ được chỗ đó, lấy làm tâm-mão ý-lúc; có một tối vắng trăng vắng-vặc trước hiên, trông ra cảnh trúc gió rung, lơ-thơ bóng nhát, bóng hoa sương đọng, ngào-ngạt hương đưa, thật là một cảnh đáng yêu, tên trà-dồng pha nước, tôi đang ngồi dựa câu-lơn uống một mình, bỗng có quan Viên-hình là ông em rể tôi đến chơi đề kể chút việc-tâm-sự, tôi mừng quá, hai chúng tôi cùng nhau uống nước vui-vẻ. Viên-hình-công nói : « Đêm trăng trong gió mát đẹp-

đẽ đường này có phụ gì với chúng ta, mà chúng ta lại nữ phụ sao phải. » Tôi nói : « Ông nói phải lắm, ông với tôi, chúng ta cũng làm một bài thơ chơi. » Bèn ra đầu đề là « Đêm trăng uống trà nói chuyện cũ » mà lấy vần « canh, thanh, phanb, kinh ». Tôi xướng trước lên rằng :

吟 星 苦 甘 歌 夢 寒 茶
餘 斗 茗 言 殘 覺 玉 甌
欲 驚 不 無 夜 人 浸 浮
騎 詩 須 逆 二 千 冰 月
鯨 句 烹 耳 更 里 清 色

Chén trà in bóng nguyệt.
Trong suốt vẻ băng-thanh.
Mộng tỉnh thân nghìn dặm,
Ngâm đến lúc hai canh.
Bùi tai câu chuyện ngâu,
Nhập giọng ấm trà xanh (1).
Thơ đọc sao như chuyện,
Toan ra cười cá kinh.

Ông Viên-Hình họa rằng :

疑 刁 茶 旅 不 好 當 助
是 聲 童 客 覺 談 窗 我
邊 何 手 心 夜 詩 月 吟
鐘 處 捲 如 三 萬 色 懷
鯨 急 烹 火 更 軸 清 豁

Trước hiên thêm trợ-hưng,
Vị có bóng trăng thanh.
Ngâm-nga dư vạn vận,
Thăm-thoắt đã ba canh.
Lòng khách như lò đỏ,
Trà chuyên nhát nước xanh (2).
Tiếng cồng đầu vội mảy,
Vần tường tiếng chuông kinh.

Ngâm xong hai người thay đổi nhau đem những bài cổ-thi ra đọc rồi tự bình-duyệt với nhau mãi đến khuya mới đi ngủ. Sáng mai ông Viên-hình cáo có việc bận phải đi, ông đi khỏi thì Nộn-liễu Giám-sinh đến chào tôi mà về Hoan-châu. Tôi nói rằng : « Ông

(1-2) Nguyên Hán - văn vần « phanb », nhưng phần quốc-ngữ khó dùng được vận ấy. vậy xin tạm đổi ra vận « xanh » cho dễ dịch, độc-giả lượng cho.

với tôi cùng là cái bạn khách trọ ở Trảng-an này, ông thì đi nam về bắc, mà tôi thì như chim trong lồng sắt mình không nổi, nay kể về người ở, thương nhớ biết sao. » Bèn ngâm một bài đoản-luật đề tặng-biệt ông. Lời diễn rằng:

« Tôi với ông giao - tình tuy thiên, chân-nghĩa thực sâu, là vì đồng-loại mà biết nhau, đồng-đạo mà tin nhau, một ngày vắng mặt xem bằng ba thu, phương-chi ông vó câu muốn dặm đường về, Lăn tôi không nhớ ông sao? Từ nay chốn khách-xá tiêu-diêu này, nào những khi gió sớm trăng khuya, trà xuống ba chén, tôi biết cùng ai mà đàm-đạo nghĩa thơ; còn như ông những lúc dọc đường gặp nơi danh-thắng, dù ngấm dù xương, ông thể nào quên tôi được, tình khôn xiết kể, xin tả ra thơ đề giải ông hay. »

三 共 客 嘴 香 柳 難 分
秋 約 恩 樓 山 岸 語 攜
且 冬 滿 驚 照 含 爲 何
奈 前 關 鼓 玉 金 情 默
何。後。河。角。娥。色。多。默。

Lãng-lãng khi tương-biệt,
Tình nhiều khó nói ra,
Ngàn liễn pha mùi úa,
Non Hương giải bóng Nga.
Trống kua trên động gác,
Khách ngán nỗi quan-hà.
Đàn ước đến đông-tiết,
Như nay thu chứa qua.

Ông Nộn-liễn cũng gọi đem giấy bút đề đáp họa ngay ở trước chỗ ngồi bấy giờ, lời rằng:

« Có câu: « Một đêm chuyện hơn đây bụng thơ », thẳng tôi từ được bồi-tiếp phong-quang, cũng đã ghi nhớ bao lời đạo - đức, phương - chi lại thường cho được theo dõi chốn tao-hàn, tôi bất-giác cảm-động mừng-rỡ đây lâu, vậy xin có vài lời què mùa phụng-họa như sau này. »

今 雖 爾 往 躊 鄰 柳 香
朝 有 唱 來 躊 重 贈 陪
且 重 只 皆 望 維 寄 爲
奈 逢 關 旅 素 青 懷 日
何。約。河。客。娥。艇。多。少。

Mùi hương vừa mới bén,
Cành liễu vội trao ra.
Ngân-ngại mái chèo quế,
Lãng-lãng ngắm gương nga.
Tình cùng trong lầu-khách,
Thơ một giọng quan-hà.
Trùng-phùng tuy có hẹn,
Nay bằng sao cho qua.

Hai chúng tôi ai nấy đều cảm cái bài thơ đã tặng của nhau mà xem đi xem lại ba bốn lần, tình dường không hết, tuy trong khi đàm - tiếu đã có gượng làm vui, mà cái lòng ưu-sầu chan-chứa kia cũng tự phát-lộ cả ra ngoài mặt, vài chén trà đoạn, thì ông cáo-biệt ra đi. — Đến hôm khác ông Viên - hình lại đến nhà trọ tôi nói chuyện việc xin thuốc-men, trò-chuyện một lát, thì ông nói: « Hôm nọ tôi bị bệnh, người đang một-hứng, nên bài thơ họa ấy gọi là thảo-thảo cho xong, xin cụ đừng cười ». Tôi nói: « Thơ của bác liên-lạc như một dãy núi, ngàn nọ liền với đồi kia, không chỗ nào đứt, tiên-tân như một vầng minh-nguyệt giữa trời, thực có một cái diệu-chỉ của thi-gia, còn nói khe vào đâu được ». Ông nói: « Cụ đừng quá khen làm vậy, xin cụ lại làm một bài nữa. » Tôi nói: « Đầu bài bằng gì được, tôi xin lấy cái ý bài thơ họa của bác đề làm đầu bài. » Bèn xướng lên rằng:

驪 津 五 九 功 廢 年 夢
州 讀 字 重 名 鹿 富 求
豪 佳 英 仙 不 愈 偏 求
傑 章 才 詔 尙 迷 憂 津
幾 驚 四 千 散 狂 道 園
如 偉 海 山 閒 懶 理 未
君。氣。人。雪。身。性。貧。異。

Vượt qua bờ học muốn cầu chào
Đạo sợ hân, thân chẳng sợ hân.
Càng thêm cuồng lữ vui cho nổi,
Chi đề sông-đánh bóm đến thân.

Chiến mệnh chín trùng ngàn dặm tuyết,
Anh tài bốn bề hội chơn chân.
Xem thơ kinh phục tay hào-khiết,
Trong đất Hoan-châu có sứ-quân.

Ông Viên-hình xem rồi nói: «Cụ ôm đầy những cái làm-toàn-khí-vị, thôn-thổ muốn trượng yên-hà, thật là dữ-xuất dữ-kỳ.» — Đang lúc ấy thấy một cậu Nho-sinh mặt đẹp như ngọc, áo khăn thanh-khiết, đưa một tên tùy-dồng bưng một hộp đồ thời-vật đi theo, và một bài thơ đưa ra trình, tôi hỏi thì Nho-sinh nói: «Tôi là con quan tri-phủ phủ Hạ-hồng, người Đông-ngân, Từ-sơn, Kinh-bắc, gia-nghiêm vì có bệnh, nên bỏ quan về học thuốc, nhân có tìm được một vài quyển *Tâm-linh* của cụ, xem thấy đạo-lý uyên-nguyên, thời gia-nghiêm tôi vẫn muốn tìm đến chỗ cung-đường, nhưng chưa tiện đường, mới đây nghe thấy cụ tới kinh, lấy làm mừng lắm, đã mấy lần định ra bái-kiến, bất-ý lại bị bà tở-mẫu tôi yếu nặng, nên gia-nghiêm tôi không dám đi xa, vậy cho tôi đem chút thời-ngủ, gọi là thay mặt ra kính cụ trước, còn thì thư-thả gia-nghiêm tôi sẽ xin ra diện-yết cụ sau.» Tôi giật mình thăm trong bụng rằng: mình với ông này không biết nhau bao giờ, cách nhau hàng nghìn muôn dặm, thế thời sách của mình soạn ra không biết leu-lỏi đường nào mà đem đến chỗ ông này được, sự này phải đợi khi diện-hội thời mới biết chuyện. Tôi mới giờ thơ ra xem rồi lại đưa cho Viên-hình-công xem. Trong thơ lời-lẽ cũng y như Nho-sinh đã nói, mà lại có ý mừng cho tôi ngộ-thời đắc-quân nữa, nên bất-đắc-bất-lục lại như sau này:

五山登羅經權更香
商得火皮猶未覺山
西人養懶補暮當一
皓成將把白黃今出
待個拜爭古朝復還
何字月雷歸桂有還
時。樣。輝。鼓。茂。附。岐。知。

Nhơn Hương nghe tiếng chẳng xa gì,
Lại thấy đời nay có cụ Kỳ.
Quyển sách trong triển tài quá phụ,
Kính theo đạo cổ vị qui kỳ.
Trống mảnh biếng khua bên sấm nọ,
Đóm lờ thẹn liệng dưới trăng kia.
Sơn [1] thêm nhân A mới thành tiên
dạng,
Tứ-hiệu là đây chính phải thi.

Bắc-từ Cam-Bạch-tử 甘白子
bái-thượng.

Viên-hình-công xem rồi chỉ cười mà không nói gì. Tôi nói: «Thơ này nói được ý-từ cao-viên lắm, có phải không, bác?» Viên-hình-công nói: «Khả-ái thay cho cái vẻ thanh-quang như trắng dưới nước, như hoa trong gương.» Tôi biết là ông chê thơ nói tỉnh những hư-ngữ, tôi cũng phải cười, tôi lại nói: «Nhờ bác trả lời lại hộ tôi nên chăng?» Ông nói: «Lại còn múa riu trước mắt thợ dễ xuất-xú nữa hay sao?» Tôi bèn bảo Nho-sinh rằng: «Cậu hãy về nhà trọ sáng mai tới đây tôi sẽ có lời thưa lại.» Nho-sinh ra rồi, ông Viên-hình nói: «Cái đồ tục-vật như thế, còn biết thơ là gì nữa.» Tôi nói: «Nhân-phẩm có kẻ hay người dở, chứ ai cũng như chúng mình được ư?» Viên-hình-công cáo về. Đến ngày mai Nho-sinh đến, tôi gửi một bài thơ họa và mấy lời khiêm-tốn đáp lại; thơ như sau này:

只世我君醫易出入
漸俗欲多能以處生
有好看勸要渾由何
誓看君我妙純衷必
入惟話持豈知豈苦
山利夕高參剝兩求
辰。達。輝。節。茂。渙。岐。知。

Nhơn-sinh hà-tất tiếng làm gì,
Xuất-xử tùy tâm chứ chẳng kỳ.
Dịch nhiệm nên suy cùng thái-bí,
Thuốc hay nào cứ phải xâm kỳ.
Ông dặn tôi theo điều nghĩa ấy,
Tôi chờ ông dưới bóng chiều kia.
Văn biết ở đời duy có lợi,
Chốt thề với núi thủa đương-thì.

Nho-sinh về không đến, trong tuần-nhật lại ra, kể cả những tình ông thân-phụ hoài-vọng tôi, nếu gia-sự được hơi khoan một chút thì ra diện-hội với tôi ngay, lại đưa ra một bài thơ và lời tựa rằng :

«Đã một lần cuồng-lậu, lại còn bận nữa sao nên. Duy ở cuối qui-thư thấy có đôi lời phủ-chính mà tôi lấy làm sợ bụng ngài, tôi vẫn tự biết ở trước mặt một tay thợ cả thời mùa riu làm gì, nhưng cảm thấy lời thơ thuần-tùy mà bất-giác mừng hơn-hở cả người lên, vậy xin gửi một bài nữa, nhờ ngài chữa lại cho, xin cảm ơn.»

無	至	春	蓬	甘	清	休	五
偏	品	到	生	溫	淡	說	中
病	有	何	肯	懶	能	忙	未
是	三	私	許	用	供	夫	一
聖	人	草	塵	補	香	可	宋
之	各	木	泥	參	氣	可	樞
時。	一。	歸。	染。	茂。	味。	岐。	知。

Năm việc chưa xong một việc gì,
Trách chi tất-tả kẻ tha-kỳ.

Thanh đạm đủ cung hương khí-vị,
Cam ôn biếng dụng bộ xâm-kỳ.
Sen chẳng chịu rầy bùn đất nọ,
Xuân nào riêng với cỏ cây kia.
Chỉ-phẩm có ba người mỗi vẻ,
Vô-thiên bệnh ấy thánh-chi-thì.

Bắc-từ Cam-Bạch-từ bài-họa.

Tôi cũng họa lại một bài rằng :

樽	如	時	陽	保	融	忘	知
酒	何	來	索	護	通	羊	足
琴	歸	魚	亢	形	理	人	無
聲	去	目	龍	骸	數	感	難
月	香	亦	如	豈	皆	在	難
浪	山	爭	有	獨	爲	多	不
時。	下。	輝。	悔。	茂。	易。	岐。	知。

Biết đủ nào ai đã biết gì,
Mơ-hở bởi tại tính đa-kỳ.
Tri-cơ đã sẵn trong kinh Dịch,
Hộ-mệnh thì không một vị kỳ.
Thời-lai mắt cá lèo ai đó,
Dương cực thân rồng chịu lỗi kia.
Thú cũ cảm tôn khi nguyệt tỏ,
Hương-sơn về đó biết bao thì.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT dịch

QUỐC-VĂN TA HỒI TRIỀU GIA-LONG

Ai cũng biết rằng văn nôm ta phát-sinh ra từ ông Hàn Thuyên đời Trần, nhưng từ lúc ấy trở về sau, phần nhiều là làm bằng vận-văn theo như lối thi-ca của Tàu, còn về tản-văn thì chưa thấy ai làm đến. Có người nói rằng quốc-văn ngày xưa chỉ có vận-văn mà thôi. Nhưng mà trong lịch-sử nước ta có một thời-dại gần đây độ trăm năm dùng quốc-văn rất phổ-thông mà thể văn kiêm cả tản-văn và vận-văn, không những dùng về sự ngâm-vịnh, sự biên-chép thường,

mà lại dùng về sự quốc-chính, binh-chính và pháp-luật nữa: thời-dại ấy là thời-dại hồi Hoàng-triều còn đương làm chúa xứ Thuận-hóa và lúc đức Thế-tổ (Gia-long) mới khai-quốc vậy. Chúng ta ngày nay đọc một hai đạo công-văn hoặc một hai bản lý-lịch hồi niên-hiệu Gia-long, cũng tưởng tượng thấy được cái mầm quốc-văn trong lúc bấy giờ thực đương muốn tươi-tốt nảy-nở hầu như sắp ra ứng-dụng đủ mọi việc. Nhưng hiềm vì cái mầm quốc-văn ấy không ai bồi-dưỡng

đến, để cho khô cho héo, rồi quây dầu lại mà rước lấy chữ ngoại-quốc là chữ Hán đem về làm chủ-vị, khiến cho ngày nay chúng ta đề-xương về quốc-văn lại phải bắt đầu phác-họa ra lần thứ nhì nữa. Ôi ! ấy cũng là một cái cơ-hội khá tiếc vậy.

Nhưng mà thuộc về văn-đề quốc-văn mà nhất là về lối tân-văn, không phải là từ mấy mươi năm gần đây mới có văn-thể ấy, gần đây chẳng qua là cái thời-dại phục-hưng, còn cái thời-dại khai-sáng chính từ triều Gia-long trở về trước. Vậy nên trừ ra lối tân-văn thì cố-nhiên ngày xưa đã tận-thiện tận-mĩ rồi, còn lối tân-văn thì ta nên cứu-xét ngày xưa đã có những văn-chương quốc-văn như thế nào.

Tôi tiếc rằng những văn-thư bằng quốc-văn ngày xưa, bây giờ không có lưu-tồn được nhiều, và khi ấy chưa có chữ quốc-ngữ, viết bằng chữ nôm cũng là trở-ngại cho sự lưu-tồn vậy. Nhưng mà gần đây tôi có xem được một tập lý-lịch của một ông công-tước ở triều Gia-long, mà trong tập lý-lịch ấy nhiều những tờ tư-báo, tờ hiệu-thị và chỉ-dụ, quân-luật, toàn dùng bằng chữ nôm, tôi xin lấy chữ quốc-ngữ trích biên ra một đôi bài để đọc-giã biết rằng quốc-văn của ta ngày xưa cũng đã ra gánh vác việc đời trong lúc bình-hòa nhiều - nhưng, trong cuộc gian-nan khai-sáng, mà thường cũng nhờ thứ văn-tự ấy mà khôi-phục được giang-sơn, mà nhất-thống được thổ-vũ, đến khi thái-bình vô-sự, thì lại cho rằng « nôm-na là cha mách-qué » mà mượn chữ của người để đem về tô-vẽ cho cái văn-hiến nhà mình !

Những văn-thư lúc Bản-triều mới khai-quốc

1. — *Lời truyền của tòa Công-đồng*

truyền cho Xuyên-thanh-hầu Nguyễn Đức-Xuyên (1).

« Công-đồng truyền cho Thần-sách-
« quân Hùng-vũ-vệ Vệ-ủy Thuộc-nội
« cai-cơ Xuyên-thanh-hầu (2) tuần-tri
« Nay có tờ truyền cho Long-xuyên
« Kiên-giang nhị-đạo, hễ đạo-nội
« Thiện-chánh-hầu, Trinh-tướng-hầu
« có suất sai-ghe (là chiếc thuyền đi
« tuần sai) tuần-du Đờ-bà, bấy nhiêu
« tướng thời đều thỉnh-tòng Xuyên-
« thanh-hầu quân-hạt sai-bát, hợp
« truyền. Như Xuyên-thanh-hầu tự
« xử trong ấy, thời khá đòi Thiện-
« chánh-hầu, Trinh-tướng-hầu đều
« suất đạo-nội sai-ghe viên-quân
« (nghĩa là thuyền và quan-quân ở
« trong đạo bình minh) thỉnh-đồng
« sai-bát, cho tráng binh-uy mà tuần-
« du hải-ngoại cầm-tróc Đờ-bà. Lại
« như Đờ-bà tiết rầy ghe nó hoặc có
« sang nhiều, liệu ghe ta ít, nan-ư
« thủ-thắng, thời đã có bấy chiếc sai-
« ghe của Khám-sai cai-cơ Tân-long
« hầu sở-quân, tải đệ Xiêm tàn các
« vật (là các đồ vật-hạng của thuyền
« nước Xiêm-la) tự Hà-tiên-trấn
« giao-hứa rồi, Xuyên-thanh-hầu
« khá đòi lấy viên-quân cùng sai-ghe
« ấy thỉnh-tùng sai-bát ; mà lấy các
« ghe bản-binh cùng quân Long-
« xuyên Kiên-giang nhị-đạo hoặc
« quân ngoài hòn (có lẽ là quân ngoài
« hòn Phú-quốc) cấp vào bấy
« chiếc ghe ấy cho đủ chân chèo
« (tức là lính chèo thuyền). Với nay
« lại có súng khí (súng và khí-giới)
« cùng quân Chấn-uy bảy người sai
« vào cùng đặt ở ghe ấy dĩ tiện công-
« thảo. Còn các ghe đạo-nội thời để
« ở lại. Hoặc như nhân có Đờ-bà ghe
« nó tới ít, liệu như bản-binh sai-ghe
« cùng ghe Long-xuyên Kiên-giang

(1) Khi ấy là năm bình-thin (1796), đức Thế-tổ đương ở Nam-kỳ tu-bình luyện-tướng lo khôi-phục, nhân giặc Đờ-bà (Chà-và) thường đến cướp phá, vì thế tòa Công-đồng (tòa Công-đồng coi về việc quân-cơ như tòa Cơ-mật bây giờ) có lời truyền này.

(2) Khi ấy các tướng thường phong tước hầu mà đề chữ tên ở trên.

« nhị-dạo vừa đủ việc đánh, chẳng lo
 « tăng-binh, thời cho Tân-long-hầu
 « đem bảy chiếc ghe ấy cùng viên
 « binh đẳng phản-hồi Hành-tại-phụng-
 « thị. Truyền-văn sở-đạo, nghị tức
 « tuân-y. Tư-truyền. »

Quốc-văn hồi bấy giờ trong có nhiều chữ nho, có lẽ là vì viết bằng chữ nôm, cho nên có chỗ vì thiếu chữ nôm mà phải dùng câu chữ nho cho dễ viết, chữ không phải vì thiếu tiếng mà phải mượn chữ nho, vì thấy những câu mượn bằng chữ nho cũng nhiều câu giản-dĩ dễ thích nghĩa bằng tiếng ta, không phải như các danh-từ triết-học hóa-học đời bây giờ.

2. — *Lời chỉ truyền cho quân Thần-sách (1).*

« Chỉ truyền Thần-sách-quân Hùng-
 « vũ-vệ quan-quân đẳng khâm-tri :
 « vả nay gặp hội trung-hưng, nên ta
 « đại-cử, dù những quan-quân cũng
 « vậy, đồng-tâm lực-sức, liễu-trừ
 « tay lặc cho yên, ngộ đẳng quân
 « hưởng thái-bình chi phúc. Lễ thời
 « quan sở-quân cấm-trấn cho nghiêm
 « mời gọi rằng nhân-nghĩa-chi-binh.
 « Song nay mới vào Thi-nại, thu-
 « hoạch tàu ghe, chót cũng tiêu-thăng
 « mà thôi, cớ sao quan sở-quân chẳng
 « vâng quân-chánh, dong-tùng sĩ-tốt,
 « li-hàng thất-thứ, thiện-nhập dân-gian,
 « lỗ-lược tài-vật, như vậy chẳng là
 « khiến dân thất-vọng. Hợp-truyền. »

3. — *Trích-lục mấy điều quân-luật trong lời chỉ-truyền ngày 1 tháng 3 năm kỷ-vị (1799).*

« Chỉ-truyền thủy-bộ chư-doanh
 « tướng-sĩ đẳng khâm-tri: Hễ phép dùng
 « binh thời có hiệu-lệnh ước-thức, vậy
 « mới tướng-lệnh nghiêm-minh, đội-ngũ
 « chỉnh-tề. Nên lời cổ-ngữ rằng : *Hữu*

« *chế chỉ binh bất khả bại*. Như phép
 « quân-chánh thời cũng nương theo
 « trong phép thúc-ngũ-lệnh (là phép
 « thúc lính nộp ngũ) mà thưởng-phạt
 « thi-hành, ai nấy trên dưới tua khá củ
 « thứ giáo-huấn nhau đọc lấy cho
 « thuộc, mà giữ phép, kéo đến bại-pháp
 « phạm trong quân-chánh, dẫu người
 « quý-thích, kẻ huân-thần cũng vậy.
 « hễ đại-pháp nhất-định, lẽ ấy không
 « dung, nữa lại trách rằng bề trên
 « chẳng hay lấy công chuẩn quá. Vả
 « quốc-pháp cùng quân-pháp khoan,
 « mãnh khác nhau, cho nên lời kinh
 « rằng : *Quân dung bất nhập quốc*,
 « *Quốc dung bất nhập quân*, vậy phải
 « hết lời dinh-ninh cáo-giới, ngõ cho ba
 « quân biết phép. . . . (Sau này ước
 « hơn 30 điều quân-luật, xin lược-biên
 « mấy điều).

« Điều thứ 4. — Như khắc-dịch
 « thừa-thắng, chớ khá chém giết
 « những quân giặc đã bỏ khí-giới mà
 « chạy. Bằng giặc dữa nào biết phép,
 « bỏ khí-giới mà chịu phép, cũng chớ
 « khá giết hại nó. Bắt lấy đem nộp
 « cho quan sở-cai, thời có quân-công ;
 « bằng giết hại nó thời có trọng-tội,
 « lại liên-tọa như thúc-ngũ-lệnh.

« Điều thứ 5. — Như Tây-sơn
 « tướng-sĩ vốn là triều-dinh xích-tử,
 « bằng chúng nó bại-tán đảo-ấn thôn-ấp
 « nào, thời theo dân thôn-ấp ấy, chớ
 « khá cho quân tìm bắt sát-hại nó.
 « cũng chớ khá bắt nhà trử-duơng nó.
 « Nếu ai vi-lệnh mà lỗ-lược chúng
 « nó, thời tội ắt trọng-luận, lại liên-
 « tọa đồng-tội như thúc-ngũ-lệnh.

« Điều thứ 6. — Bất-dắc lỗ-lược
 « dân-gian tài-vật phụ-nữ ; hễ việc
 « chinh-chiến thời lấy nghĩa diên-dân
 « phạt-tội làm trọng, nếu lấy của dân
 « tự nhất-văn-dĩ-thượng, bất-luận vật

(1) Lời chỉ này nhân khi quân ra đánh cửa Thi-nại (Qui-nhơn) về kỳ tháng 4 năm丁未 (1797) cấm không cho quân được cướp lấy của dân. Chỉ là chỉ-dụ của đức Thế-tổ truyền ra.

« khinh-trọng cùng người qui-lien, đều
« xử dĩ quân-pháp thị chúng; như
« linh thời ngũ-trưởng liên-tọa, ngũ-
« trưởng thời đội-trưởng liên-tọa, đội-
« trưởng thời cai-đội liên-tọa, những
« tôi quan trưởng-hiệu trưởng-chi
« cũng vậy. Bằng cứ thứ bắt nộp trình
« xử, thời khỏi tội liên-tọa.

« Điều thứ 7. — Tự tư dĩ hậu,
« tướng sĩ lâm-trận, hữu-tâm chiến-
« tử, như quan chức chi thời cho con
« tập-phong chức ấy, bằng con có tài-
« năng, thời triều-định lục-dụng, bằng
« không tài-năng thời giữ hương-hỏa
« mà phụng-tự; như linh thời cũng
« cho con một đũa nhiều-thần miễn-
« đại mà phụng-tự, không con thời
« em, không em thời cháu, dĩ biểu kỳ
« tiết-tử u quân-quốc chi sự. »

4. — *Lời chỉ-dụ đức Thế-tổ ban cho
tướng-sĩ trong khi duyệt-binh (làm ở
Gia-dịnh ngày 26 tháng ba năm canh-
thân, 1800).*

« Cơn bất loạn chẳng lo sao
« dặng, năm sáu phen dặng-định,
« dễ muốn chi qua-giáp biên-đê; hội
« trung-hưng phải quyết mới xong,
« muốn nghìn dặm thu công, bao nữ đề
« sanh-linh đồ-thần.

« Thời dĩ chi, khá rằng vội tướng;
« cơ khả thừa, vậy phải sớm toan.

« Ta nay: Gặp hội trung-vi; dựng
« nền tái-tạo. Tám chín phủ giang-sơn
« đồ-sộ, dặng chỗ này lo chỗ khác,
« thù tởn-tôn đâu dám nguôi lòng; mười
« ba thu tướng-sĩ nhọc-nhắn, đánh
« trận nọ qua trận kia, đạo thần-tử
« trước đã gắng sức. Vậy năm ngoài
« thu thành Bình-định, rất đổi cần-
« lao; tướng năm nay nghĩ chốn Đồng-
« nai, yên bề hưu-tức. Song liệu chừng
« thế nó, tướng phần binh, tàn, hạ lạng,
« thượng phế, dù chẳng đánh cũng hư;
« nhân tính lại việc ta, đồn quân, tích
« lương, chú súng, tăng thuyền, phải
« sắm thêm mới mạnh.

« Nên nổi: theo đường phú-liêm;
« nặng việc công-sưu. Dân thời cung-
« cống lương tiền, nhịn mặc, nhịn ăn,
« tặt-khò ta đâu không rõ; quân thời
« tân-cần chinh-dịch, gắng công gắng
« sức, huân-lao ta vốn không quên.

« Trước tuy nhứt xúc kinh-doanh;
« rày đã sẵn rồi chiến-cụ. Cũng muốn
« dưỡng-uy sức-nhuệ, trời Gia-dịnh
« nghĩ-ngợi cho khỏe, ngõ chư-quân
« đều được lạc-sinh; nào ngờ cùng-
« khẩu xương-cuồng, lũy Bàn-xà đến
« rấn vào vây, bởi nghịch-lặc tự-lai
« tống-tử.

« Huống nó em phản anh, tôi phản
« chúa, lại thêm ngoại-viện tán-sư,
« trưởng-thành bất-biêm, tai phần-sào
« đã quyết từ nay; mà ta lương thì đủ,
« quân thì ròng, sẵn có tướng tài qui-
« phụ, chư-quốc liên-binh, thế phá-
« trúc chờ bao thừa nữa.

« Cứ ấy: vội-vàng trực-bắc, hăm-hở
« bình-tây. Trước là lo tôn-xã mà phục-
« thù, kéo lừng-tầm một trời man-mác.
« Sau là vị thần-dân mà tiếc-phần, kéo
« thương-sanh khắp chốn than-van.
« Cơ-hội này ai nữ dặng thời; công-
« danh ấy người ầu phải gắng.

« Rày mới vui lòng sư-lữ, mở tiệc
« cáo-lao. Muốn cho dặng tấm lòng
« chung, tôn-ti nhất-thể; vậy phải
« phò bày lời thật, minh-thệ tam-quân.
« Quan thời nợ nước lo đền, khoán
« thiết thơ son đành tạc đó; quân thời
« thù trai dóc trắ, cung đâu tên cỏ phỉ
« nguyên xưa. Liễng (những) người
« tiên-kiến hướng-minh, chót đã lập
« công, chớ để Trần Bình riêng thừa
« Hân; những kẻ hậu-lai qui-thuận,
« đều cho báo-hiệu, mưa nhường
« Kinh-Đức ngợi đời Đường. Phép vô-
« tư chẳng khuất một ai, dầu bộ-khúc
« thiên-ti, có công ắt thưởng; quyền
« tất-phạt không riêng nửa mảy, tuy
« huân-thần quý-thích, phạm tội nào
« dung. Trên dưới tua dóc chi cần-

vương; tướng-hiến cũng một lòng
« địch-khái. Thành Qui-nhơn chỉ
« bác, đập phá trùng-vi; đó Thuận-
« hóa rung cờ, dẹp yên đảng nguy.
« Công tru-bạo gắng rồi một thuở, phúc
« thái-bình đều hưởng nghìn năm. Ai
« tưởng câu chủ quý thần vinh, mà
« phụng-thị tại triều, quan ắt dặng
« tên đề trúc-bạch; ai muốn chữ công
« thành thân thoái, mà quý-hưu tại dã,
« quân thời xá thuế lính chinh-diêu.
« Trên đã bày lời, dưới tâu tỏ ý. Khâm
« tại đặc dụ.»

5. — *Lời biểu của quan Đô-thống
quân Thần-sách dâng lên đức Thế-tổ
khi ở cửa Phan-rang về thượng-
tuần tháng tư nhuận năm canh-thân
(1800) (1).*

« Thần-sách-quân Tri-tượng-chính
« Đô-thống-chế Thần Nguyễn Đức-
« Xuyên khê thủ đồn thủ bách bách cần
« bầm lay đức Vương-thượng muôn
« muôn năm cao-minh Ngự-lâm.

« Do tháng tư ngày mồng một thời
« chúng tôi ở tại Mụ-rịa (có lẽ tức là
« Bà-rịa bây giờ chẳng) phát-hành, qua
« ngày hai-mươi-hai vừa đến Diên-
« khánh-thành đình-trú, đến ngày hai-
« mươi-chín vừa có điệp-tử (tức là
« trình-thám) tin về nói rằng nguy Tư-
« đồ Đồng Huân thống thủy-binh trực-
« nhập Phú-dài cảng-khẩu bạc-trú,
« còn nguy Đô Ngu-giáp thống-suất
« bản-bộ binh chuyển-nhập Phú-yên-
« phủ, hợp cùng Nguy - Thê Nguy-
« Diêm dĩ vi ý-đốc-chi-thể. Lại nghe
« nói chúng nó nghị-luận cùng nhau
« khiến binh xâm-nhập ngã-địa, cản-
« triệt viện-binh. Nghe lời điệp-tử về
« nói thời vậy, nên chúng tôi tướng
« binh nan điều-dặc, hư thật vị tướng.
« Dám xin bề trên như thủy-binh ra
« đến chừng nào bạc-trú mà chờ thuận-

« phong, thời cho bản-binh chúng tôi
« dặng-ngạn lục - hành, tựu Diên-
« khánh - thành đề phòng nguy-dịch.
« Kéo binh tiền-phong-doanh trấn-thể
« Diên-khánh - thành với bản-binh
« chúng tôi mới ra tới đó đều bị xung
« địch-khí, quan-quân đại-bệnh dãi
« tương quá bán. Nên chúng tôi có cạo
« tướng thể nguy-tặc chúng nó cũng
« có điệp-tử lộn vào thám-thính,
« dòm thấu binh - tình quân trấn
« Diên-khánh-thành bị bệnh và nhiều,
« mà bộ-binh tiến ra thời ít, còn thủy-
« đạo lại trở nghịch - phong, e chúng
« nó trước toan thừa-thể thuận-phong,
« thủy-bộ tịnh-tiến, trực-nhập Diên-
« khánh-thành đoạt-chiến, thời Diên-
« khánh-thành khó phương chế-dịch.
« Chúng tôi liệu tình như nghe tin
« chúng nó thật làm thế ấy, thời Diên-
« khánh-thành kiên-bế thành-môn cổ
« thủ, còn tượng-binh (lính voi) chúng
« tôi lui vào Phan-rị dặng chờ thủy-
« binh trực-đạt, thời hãy trở ra. Kéo
« quân bộ đi theo tượng-binh thời ít,
« dầu có lâm-dịch, nan dĩ thủ thắng.
« Chúng tôi can liệu thời vậy, cúi
« dảm can-cụ biểu-văn, nhờ bề trên
« lượng nào mặc dặt. Chúng tôi rất
« sợ rất lo lấy đức Vương - thượng
« muôn muôn lay. »

6. — *Lời huấn-dụ và lời sớ trần-tình.*

Ngày mồng 6 tháng 2 năm Gia-long
nguyên-niên (1802) vì đức Thế-tổ ngài
nghe rằng quan Đô-thống Nguyễn Đức-
Xuyên có ý-thể mà ở với liêu - hữu
không bằng lòng, ngài bèn ban lời Dụ
cho ông ấy rằng :

« Chỉ truyền Thần-sách-quân tri-
« tượng Chánh-dô-thống - chế Xuyên-
« thanh-hầu khâm tri : Vả người cùng
« ta nghĩa là quân-thần, tình như phụ-

(1) Khi ấy vì quân Tây-sơn vây thành Qui-nhơn, đức Thế-tổ ở Gia-dinh cử binh ra cứu-
viện, đi đường thủy, sai ông Nguyễn Đức-Xuyên đem đạo quân Thần-sách đi đường bộ, ông
ai đường dặng bài biểu này.

« từ, dầu thừa gian-quan bá-việt, thời
 « người theo ta bắt li chỉ-xích, mà
 « nay trên nhờ có thiên-tâm quyền-
 « họ, dưới nhờ có sĩ-tốt hết lòng, nên
 « thể giặc trong mười phần dăng-dịnh
 « đã tằm chín. Nền người tướng dầu
 « bàn - căn thác - tiết cũng chẳng từ
 « nan, huống nay còn một đảng Qui-
 « nhơn nó như hắc-tử-đạn-hoàn, dị-vi
 « thủ-thắng. Vậy người cấp ư công-sự,
 « nên khi giao - tế chi gian, người
 « tướng sao cho dặng việc, kính-hành
 « trực-tỉnh, xô-xã một hai lời. Ai nấy
 « lại nói rằng người là kẻ tráo-nha ta,
 « tâm - phúc ta, lấy thể ta mà húng-
 « hách. Ai nấy tự-hậu dầu có việc chi,
 « người phải hòa - nhơn duyệt - sắc,
 « khiến cho anh em vậy, sĩ - tốt vậy,
 « thấy đều đồng-tâm hiệp-lực dĩ chần
 « bĩ - hung, như vậy thời việc nước
 « mới dặng. Kẻo ta thiên-li vãn-diên,
 « bất-năng thể - tất. Khâm - tai đặc-
 « truyền. »

Ông Nguyễn Đức - Xuyên tiếp lời
 chỉ-dụ ấy bèn dặng biểu trần-tỉnh
 và tạ tội như sau này :

« Thần Nguyễn Đức - Xuyên khề
 « thủ dốn thủ bách bài cần, bầm lay
 « đức Vương - thượng muôn muôn
 « năm cao-minh ngự - lâm. Vả chúng
 « tôi phạm rất hèn-hạ, dám nhờ quang-
 « cố, trạc-dụng đến chức Đô-thống-
 « chế, hăng kinh-kinh lo sợ, cạn lòng
 « ngày, hết đạo làm tôi chút đền nợ
 « cơm áo chưa dặng. Nên từ Lệnh sai
 « chúng tôi theo quan Tiền-quân, dầu
 « chúng tôi khôn đại phải chăng, thời
 « quan Tiền-quân đã rõ, may nhờ có
 « chút thương tin, nên chúng tôi mới
 « dám lần-khân xô-xã, hoặc khi can-
 « dự mô sự cũng dặng vãn-hồi thời
 « có, vốn chưa từng nhân khi thịnh-
 « nộ mà trích-chỉ nhân-phi lấy làm uy-
 « phúc bao giờ. Lại chúng tôi đại dạ
 « rất sợ Tây-tặc cùng-xúc, dầu đồn-lũy
 « ta tuy trăm chỗ kiến thật mà một chỗ

« bơ-sờ, thời cũng đến bại-sự, nên
 « chúng tôi tưởng tuy không phải
 « phần đất chúng tôi ở đồn lũy ấy,
 « nhưng mà việc là việc chung nhà
 « nước, nào có riêng ai, nên chúng tôi
 « cũng thường-thường thám các phần
 « đất, hoặc phần đất đầu lũy mỏng,
 « chông ít, hào nhỏ, thời chúng tôi
 « lại thưa với quan Tiền-quân xin
 « truyền tu-bổ lại, thời quan Tiền-
 « quân cũng có khi quở trách quan
 « phần suất phần đất ấy. Chúng tôi
 « tưởng e chúng tôi thủ-oán tại chỗ
 « ấy. Vốn chúng tôi chưa từng ý-thể
 « quan Tiền-quân có chút thương
 « tin, mà húng-bách liêu-hữu, xam-
 « siểm anh em, lấy mình làm người
 « sang-trọng. Nay chúng tôi đặc-tội,
 « phong-thanh bay đến Thánh-thống,
 « may nhờ đức Vương-thượng thiên
 « địa phú tãi đã tha tội chúng tôi,
 « lại mong ban hạ chỉ truyền cáo-dụ :
 « ngoại là quân-thần, nội do phụ-tử,
 « thật là tở-lộn chúng tôi mong đức
 « ư tuyên-hạ vớ-cùng, mà chúng tôi
 « vạn-tử cũng vị thường kỳ tội. Dám
 « xin sau dầu thanh-trừ nghịch-dăng,
 « chúng tôi dặng về châu-chực, nhờ
 « đức Vương-thượng thanh-vấn các
 « quan lại, bằng chúng tôi có lý gì ý-
 « thể thân mà lần-lước hàng liêu-hữu
 « chúng tôi, nặng nhẹ một đôi lời, thời
 « chúng tôi cam phần thấy muôn đoạn
 « dĩ giới vi thần kiêu-vọng chi tội.
 « Chúng tôi đại-dội mạo-lội cảm cụ
 « bầm-vãn. » Còn có thể cuối lời biểu
 có câu rằng : « Chúng tôi rất sợ rất lo,
 « cúi dâm bầm-vãn, ngửa trông ngự-
 « lâm, bầm lay đức Vương-thượng
 « muôn muôn lay. »

7. — Bài biểu xin về đình - gian.
 (Ông Nguyễn Đức-Xuyên dặng ngày 23 tháng
 9 năm Gia-long thứ 1).

« Thần. . . cần tâu (khi ấy đức Thế-
 « tổ đã lên ngôi Hoàng-đế cho nên
 « đổi chữ bầm làm chữ tâu) lay đức

« Vương-thượng muôn muôn năm
 « cao-minh ngự-lâm. Vả chúng tôi từ
 « thừa thanh-niên xuất-sĩ chịu tước
 « Triều - đình cho những đến nay,
 « thời chúng tôi phận hèn đại-
 « đột, dạ hăng lo, nghĩa chưa tôi rất
 « nặng, đao côm áo rất dày, ra
 « sức liều mình lo đến chưa hết.
 « Chừng nay bốn biển thanh-bình,
 « quân-hung tận-diệt, mà chúng tôi
 « lại lam nhờ đức Vương-thượng
 « quang - cổ, chuẩn-ban gia - phong
 « cho chúng tôi Quận-công chức, lễ
 « thời chúng tôi sớm tối tại kỳ tã-
 « hữu, vàng nhờ thanh-hối mới phải,
 « đầu dăm thoai từ. Hiềm nỗi chúng
 « tôi chẳng may nhà lâm đại-biến,

« lão-phụ mệnh-chung, song cố-huynh
 « phụ-lão chúng tôi thời tại lân
 « Dương-nỗ, còn phần-mộ ông cùng
 « mẹ chúng tôi thời lưu táng Gia
 « định. Muôn trông đức Vương-thượng
 « quang-suy nhân-hiểu-chi-tâm, thù
 « tình liên-cập, cho chúng tôi đ
 « tương linh-cửu lão-phụ chúng t
 « về Gia-định mai - táng theo phần
 « mộ ông bà chúng tôi, miễn trong
 « tang-phục, thời chúng tôi tỵ Kinh
 « phụng-thị, cúi dăm đường-đột, ph
 « thăng chiến-lật chi chí, phục hậu
 « Chỉ phán ».

(Còn nữa)

AN-KHÊ sao-lục

BÀN VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU

I

Phương-ngôn ta có câu rằng : « Đền
 nhà ai rạc nhà ấy ». Lại có câu rằng :
 « Chỉ cầm đuốc soi chân người ». Là
 ý bảo rằng con người ta chỉ nên hiểu
 lấy sự mình, không nên hiểu chi sự
 người ; và là ý chê những kẻ chỉ
 biết xét người, không biết xét mình.
 Song những câu phương-ngôn đó, là
 những câu thuộc về lý-tưởng đời
 thượng-cổ ; vì đời xưa xã-hội êm-dềm,
 loài người ít việc, ở đâu chỉ biết dấy
 mà thôi ; đối với bề ngoài, không hề
 có tiếp-xúc gì cả, ảnh-hưởng gì cả ;
 cho nên chỉ hiểu lấy nhà mình, xét
 lấy sự mình là đủ. Cái cảnh-tượng
 của loài người ở ngày nay, bi với ngày
 xưa, thực đã khác nhau xa lắm ; trời
 đất một ngày một văn-chuyên, cuộc
 đời một ngày một khai-thông, năm
 châu sáu giống, đồ lại một nhà ; loài
 người ở ngày nay chẳng khác gì chen-
 chúc trong đám chợ đông, lại chẳng
 khác gì bàng-hoàng trong giấc mộng
 « u ; về phần biến-thiên, càng lịch-duyet

càng thấy mới lạ ; về phần tư-tưởng
 kẻ thiên-thức cũng dễ sai lầm. Ở cuộc
 đời ngày nay, không hiểu sự - tình
 người, cũng không đủ hiểu sự - tình
 mình ; không biết xét người, cũng
 không đủ xét mình. Nên chi mình đối
 với những nước có văn-hóa, có lịch-
 sử trong thế-giới, ta phải nên soi-xét
 cho cẩn-thận, cho công-bằng, cái gì
 hay ta cũng nên biết rằng hay, mà
 cái gì dở, ta cũng nên biết rằng dở,
 chứ không nên theo một cái ý-kiến
 riêng, thiên-vị hẹp-hòi, mà hoặc dễ
 cho có điều sai lầm, làm phương-ngai
 cho cuộc tiến-hóa. Nói cho phải ra,
 thì ở trong đám chợ đông, trong giấc
 mộng lớn này, hiểu sự-tình người,
 tức là hiểu sự - tình mình, mà xét
 người đó, tức là xét mình vậy.

Nước Tàu, há chẳng phải là một
 nước láng-diềng với nước ta đây dư?
 Huống-chi, cái Chi-na-vấn-đề, tự giữa
 thế-kỷ thứ mười-chín đến giờ, đã
 thành ra một cái vấn-đề chung của

thế-giới; người nào có tư-tưởng, có học-thuật, chắc là đều đề tâm suy-xét về cái vấn-đề Chi-na, vì nước Tàu nguyên không phải là một nước bé nhỏ, nấp bóng trong hội sinh-tồn; lại nguyên là một nước cồ-quốc, có nguồn gốc về sự văn-hóa ở phương Đông; cái vấn-đề Chi-na cũng là một cái vấn-đề có lý-thú.

Vả lại, xét trong lịch-sử nước ta, từ giữa thế-kỷ thứ mười-chín trở về trước, sự giao-tế cho đến sự cạnh-tranh, đều có trực-tiếp với nước Tàu cả, mà cái văn-hóa cổ-hữu của nước ta, trong mấy nghìn năm, nguyên lại là cái văn-hóa Tàu truyền lại. Cho đến ngày nay, thích-dương về buổi Âu-Á hợp-nhất, tân-cựu giao-thời, còn đường tiến-hóa về tương-lai, còn chưa biết thế nào mà trắc-lượng, cái gì là cái nên canh-cải, cái gì là cái nên bảo-tồn, chắc là phải kinh-quá một con đường quan-sát cho rõ-rệt, để làm cái phương-châm điều-hòa tân-học với cựu-học, mà tiếp-thụ lấy văn-hóa hai châu. Vậy người Nam ta đối với cái lịch-sử nước Tàu, cũng nên xem-xét cho kỹ-càng, biết thế là đẹp, biết thế là xấu, để làm cái gương phản-chiếu mà soi, thiết-tưởng cũng là một bài học có ích vậy.

Lịch-sử nước Tàu, cũng nên chia ra có năm tinh-chất. Một là cái lịch-sử văn-hóa. Hai là cái lịch-sử khoa-trương. Ba là cái lịch-sử khai-thông. Bốn là cái lịch-sử hủ-bại. Năm là cái lịch-sử rối-loạn.

Người Nam ta đối với lịch-sử nước Tàu, chỉ nên chú-ý về cái lịch-sử văn-hóa mà thôi. Vì học-thuyết trong Khổng-giáo, như tam-cương, ngũ-thường, cửu-kinh, thập-ngĩa, nguyên là một cái nền luân-lý cho xã-hội ở phương Đông, cái gốc đã sâu, cái rễ đã dài, cái quả ăn vào đã từng biết ngon mà có vị, lành mà không độc,

cái hoa văn-minh ở thế-giới ngày nay, có thể đem cấy vào cái nền sẵn có trật-tự ấy mà để phát-sinh lên được. Xét trong lịch-sử Khổng-học, đời nào là đời Khổng-học phát-sinh, đời nào là đời Khổng-học mờ-tối, và Khổng-học có ích cho xã-hội thế nào, kẻ khảo về đông-phương-học, thực cũng nên biết.

Đến như cái lịch-sử khoa-trương, thì người Tàu khi xưa, cây là nước lớn, thực cũng có lắm sự khoe-khoang, như tự nhà Tần nhà Hán cho đến nhà Nguyên nhà Minh trở về trước. Nhưng đến nay đã thành ra một cái lịch-sử quá-vãng, ngày nay xem cái lịch-sử ấy, chẳng qua cũng như vào cái nước cồ mà xem cái thành cồ đấy thôi.

Đến như cái lịch-sử khai-thông, và cái lịch-sử hủ-bại, thì tự đời Đạo-quang nhà Mãn-Thanh trở xuống, hầu một trăm năm, thực là diễn ra một cái kịch bàng-khuàng bỗ-ngỗ, lúng-túng nhục-nhẫn. Nhưng cũng đủ biểu-chứng cho sự hai cái văn-minh Âu-Á khi mới tiếp-xúc nhau. Xét qua cái lịch-sử ấy, sẽ hiểu được cái nguyên-nhân tiến-hóa của loài người.

Lại như cái lịch-sử rối-loạn trong mười năm dân-quốc ngày nay, thực là cái lịch-sử vô-lỡ, cái lịch-sử nguy-hiêm của người Tàu; xem ra không những rối-loạn về đường chính-trị, lại có phần rối-loạn về đường tư-tưởng, rối-loạn về đường chính-trị thì phần nhiều do bọn quân-phiệt, rối-loạn về đường tư-tưởng thì phần nhiều do bọn thanh-niên; cái cuộc vô-phúc của nước Tàu ngày nay, tưởng còn dai-dẳng, chưa biết đã có ngày nào yên. Những kẻ tri-thức cũng nên hiểu rằng cái gương tầy liếp đó, soi đó mà soi; cái đại tầy đình đó, răn đó mà răn vậy.

Cái chân-tượng nước Tàu từ xưa

đến nay, hay dở xấu đẹp thế nào, tưởng cũng không ra ngoài được năm cái lịch-sử ấy, sẽ xét ra như sau.

Nói về cái lịch-sử văn-hóa nước Tàu.

Xét trong thế-giới, nước Ai-cập văn-minh sớm-sủa nhất, thứ hai là nước Ấn-độ, thứ ba là nước Tàu. Song Ai-cập với Ấn-độ, về sau chủng-tộc thì yếu hèn, sử-sách cũng khuyết-liệt, văn-hiến không đủ mà kê xét. Duy có nước Tàu, tự khi có dấu-vết truyền lại ở trong sử - sách đến giờ, kể đã ngoài bốn nghìn năm. Hồi kỷ-nguyên-tiền khoảng sáu trăm năm, đã có một vị thánh-nhân ra đời là ông Khổng - tử. Trước ông Khổng-tử, đã có ông Phục-Hi, ông Thần - Nông, ông Hoàng - đế, gọi là Tam-hoàng. Ông Thiệu-Hiệu, ông Chuyên - Húc, ông Đế - Cốc, ông Đường Nghiêu, ông Ngụ Thuấn, gọi là Ngũ-đế. Ông Hạ Vũ, ông Thương Thang, ông Chu Văn Chu Vũ, gọi là Tam-vương. Tam-hoàng, Ngũ-đế, Tam-vương, đều là các vị thánh-quân. Lại có ông Xương-Hiệt làm ra văn-tự, ông Kỳ-Bá tinh về y-thuật, ông Cao-Giao thận về việc hình, ông Hậu-Tắc cần về việc nông, ông Y-Doãn khéo về lối dụng-quyền, ông Lã Vọng thiện về phép dụng-bình, ông Cơ-Đán (tức Chu-công) tài về đường chế-lễ tác-nhạc, các ông đều là các vị thánh-thần. Bao nhiêu những sự-nghiệp đạo-đức và triết-học văn-chương của các vị thánh-quân thánh-thần ấy, thì đều truyền lại ở năm kinh. Một là kinh *Dịch*. Hai là kinh *Thư*. Ba là kinh *Thi*. Bốn là kinh *Lễ*. Năm là kinh *Nhạc*. Năm kinh đều là cái điển-hình tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình-thiên-hạ, mà phong-phủ hoàn-mĩ của dân-tộc Tàu. Còn như tình-chất năm kinh thế nào, thì tình-vi và phiền-phức lắm, sẽ thuộc về lối kinh - học chuyên - khoa, chứ ở đây chưa có thể kê ra cho xiết được.

Ông Khổng-phu-tử nguyên là một người nhà nho, sinh ra ở cuối đời Xuân-thu, là người nước Lỗ ; nước Lỗ là một nước nho-thu, bao nhiêu cồ-kinh, cồ-diễn, cồ-lễ, cồ-văn, cả ở nơi đó. Ngài đã là người thông-minh hiếu-học ; lại được sinh ra ở nơi kho sách rừng nho, bình-sinh ngài vẫn lấy đạo-đức ông Cơ-Đán để tự-tin, lấy sự-nghiệp ông Cơ-Đán để tự-kỳ, mong đem những điều sở-học thi-thố ra sở-hành, để cứu thiên-hạ, cho hết cái nghĩa-vụ làm kẻ nhà nho, cho nên ngài lại thường nằm mộng thấy ông Chu-công. Xem ra thì ngài thực cũng là một vị cứu-thế-chủ vậy.

Hay đâu, ở Lỗ thì vua tôi nước Lỗ, đã thờ-ơ ; sang Tề thì quân-tướng nước Tề lại nhạt-nhẽo ; sang Vệ, sang Tống, sang Trần, sang Thái, sang Sở, thì vua tôi các nước ấy cũng đều là một lối chữa thấy rồng thì mong-mỏi, chợt thấy rồng thì hăm-bỏ, nhưng rút cục lại chỉ biết quý con rồng giả, chứ có biết quý con rồng thật đâu. Đó thật là một sự không may cho đời Xuân-thu, nhưng lại là một sự rất may cho thiên-hạ vạn-thế về sau vậy.

Ngài đã long-đong bất-ngộ, khi ngài trở về già, ngài mới chuyển cái phương-châm cứu-thế đi. Trước kia ngài làm quan Tư-khẩu nước Lỗ, ngài giết cái kẻ loạn-chính là người Thiệu-Chính-Mão, ngài cứu-thế bằng gươm. Bây giờ ngài san-thuật năm kinh, chiết-trung lại để làm phép cho người sau, ngài cứu-thế bằng bút. Trước kia ngài mơ-tưởng những sự chế-lễ tác-nhạc như ông Chu-công, ngài cứu-thế ở nhà Minh-dương. Bây giờ ngài dạy-dỗ lấy ba nghìn học-trò, rèn-đúc lấy bảy-mươi-hai người hiền-kiệt, để truyền đạo lại cho đời sau, ngài cứu-thế ở nơi Hạnh-đàn. Chao-ôi ! cũng là vì thế, mà giáo-hóa ngài lại vô - cùng, ân - trách ngài lại vô-lượng, đạo - đức ngài lại có thể cao hơn vua Nghiêu vua Thuấn,

sự-nghiệp ngài lại có thể to hơn ông Chu-công.

Tay ngài làm ra, thì có lời Văn-ngôn, lời Đại-tượng, lời Hệ-từ trong kinh Dịch, và kinh Xuân-thu. Kinh Dịch thì thật là cái uyên-nguyên triết-lý trong nho-giáo. Kinh Xuân-thu thì thật là một cái cân thường-phạt, cái gương khuyến-trừng cho kẻ thiện người ác vạn-thế về sau. Còn những sự ngài hành-vi, những lời ngài giáo-huấn, thì học-trò ghi nhớ mà biên-chép lấy, gọi là sách Luận-ngữ. Rồi sau học-trò ngài là ông Tăng Sâm làm ra sách Đại-học, cháu ngài là ông Khổng Cấp làm ra sách Trung-dung, đều là dẫn lời ngài mà giải-thích lấy vi-ngôn, phát-huy lấy triết-lý ra cả.

Xét ra, ông Khổng là một nhà triết-học, không phải là một nhà tôn-giáo. Học-thuyết ngài, cái tôn-chỉ ở về đạo trung-dung, phạm sự không nên bất-cập, mà cũng không nên thái-quá, đủ phương-pháp dạy cho người bất-tiểu, người ngu, lại đủ phương-pháp dạy cả cho người hiền người trí. Cái mục-dịch thì ở về sự cách-vật, trí-tri, thành-ý, chính-tâm, tu-thân, lễ-gia, trị-quốc, bình-thiên-hạ. Cái phương-châm thì ở về nghĩa tùy-thời. Cái phạm-vi thì kể làm vua không được qua chữ kính, kẻ làm tôi không được qua chữ trung, kẻ làm cha không được qua chữ từ, kẻ làm con không được qua chữ hiếu, anh em đối với nhau không được qua chữ hũu-cung, vợ chồng đối với nhau không được qua chữ xướng-tùy, người trong nước đối với nhau không được qua chữ tín-ái. Đạo ngài là cái đạo thành-lập cho xã-hội, cần gọi cho người ta thức, cho nên hay nói nghĩa tri-xỉ, nghĩa lực-hành; không cần ru cho người ta ngủ, cho nên không nói đến những sự giải-thoát, sự mê-tín. Học-thuyết ông Khổng, có thể suy-hành ra muôn đời, bổ-cứu cho các

giáo, ai ai cũng có thể tôn được, có thể thân được. Nếu chuyên chỉ ông Khổng là một nhà đại-tôn-giáo, mà muốn lập ra môn-phái riêng, đề-so tầy với các giáo, như phái ông Hàn Xương-Lê lối nhà nho cũ, chẳng hẹp-hòi mất đạo ông Khổng đi lắm ru?

Qua đời Xuân-thu, sang đời Chiến-quốc, trong nho-giáo lại có một người A-thánh xuất-hiện, là ông Mạnh-Kha. Ông là người nước Châu, chuyên học về đạo Khổng, nổi tiếng là hùng-biện ở đời, có làm ra sách Mạnh-tử bảy thiên. Cứ xem như trong sách Mạnh-tử, thì có nhiều điều hình như phản-đối với ông Khổng lắm. Như ông Khổng tôn Chu, ông Mạnh lại bất-tôn Chu; Ông Khổng khen Quản Trọng là nhân, ông Mạnh lại bĩ Quản Trọng là ti-tiện; ông Khổng chỉ nói chữ nhân, ông Mạnh nói chữ nhân tất là dối với chữ nghĩa; ông Khổng hiếu-cô mẫn-cầu, ông Mạnh lại bảo « tin thư bất như vô thư »; ông Khổng nói thiên-hạ bữu-đạo thì lễ-nhạc chính-phạt, tự thiên-tử xuất; ông Mạnh lại nói dân là trọng, vua là khinh; ông Khổng nói tính với đạo trời, học-trò không mấy kẻ được nghe; ông Mạnh lại đối với người thì nói ngay tính-thiện; ông Khổng giảng cái đạo trị-dân, thì nói rằng ta không bằng kẻ lão-nông lão-phổ, cũng có khi nói rằng dân chỉ có thể khiến cho họ noi, không có thể khiến cho họ biết; ông Mạnh bàn cái đạo trị nước, thì bắt đầu ngay sự nông-tang, rồi thứ-chỉ nói ngay sự học. Chao ôi! có phải là phản-đối với ông Khổng đâu, chính là hợp với đạo trung-dung, với nghĩa tùy-thời của ông Khổng đó, mà thật chính là ông đệ-nhi Khổng-phu-tử xuất-hiện vậy. Ông Mạnh Kha thật là một cái bản in bằng hoạt-tự ở trong nho-giáo; sau này đạo ông Khổng mà được sáng-sủa ra, chính là công ông Mạnh-tử.

Đó là kẻ riêng về phái nho-học đầy thôi. Chứ đời Xuân-thu, đời Chiến-quốc, ở trong lịch-sử nước Tàu, còn có nhiều phái nữa, có ảnh-hưởng cho sự văn-hóa lắm-lắm. Những người nhà nho hủ-bại xưa kia, vẫn cho đời Xuân-thu, đời Chiến-quốc là cái đời phong-vũ, cái đời hối-minh. Song kẻ thức-giả lại cho cuộc Xuân-thu, cuộc Chiến-quốc chính là cuộc tiến-hóa, và là cuộc có thú-vị vô - cùng ở trong lịch-sử nước Tàu vậy. Đời ấy, đại-triết-học-gia thì có ông Khổng, ông Mạnh, ông Lão Đam, ông Trang Chu, ông Mặc Địch, ông Tuân Huống, ông Dương Chu; đại-văn-chương-gia thì có ông Tả Khâu-Minh, ông Khuất Bình; đại-biện-luận-gia thì có ông Công-Dương Cao, ông Cốc-Lương Xích; đại-chính-trị-gia thì có ông Quản Di-Ngô, ông Thương-Uởng; đại-quân-sự-gia thì có ông Tôn Vũ, ông Ngô Khởi; đại-pháp-luật-gia thì có ông Hàn Phái, ông Tháo Bật-Hại; đại-quan-sát-gia thì có ông Ngô Qui-Trát; đại-cao-nghĩa-gia thì có ông Lỗ Trọng-Liên; đại-hào-hiệp-gia thì có ông Triệu Thắng, ông Vô-Kỵ. Bởi đời là đời liệt-quốc tịnh-trĩ, cuộc là cuộc ưu-mĩ cạnh-tranh, hành-vi đều được hoạt-động, tư-tưởng đều được tự-do, cho nên cuộc đời hay phát-sinh ra được những vẻ thú-lạ.

Đến khi vua Tần Thủy-hoàng khởi lên, kiêm-tính quần-hùng, thống-nhất toàn-quốc, sáng-tạo ra cái chính-thể chuyên-chế, chuyên-thượng pháp-luật, đốt sách, chôn học-trò; cái văn-hóa của nước Tàu bấy giờ hình như đã bị một cơn gió dữ, cuốn đi hờ hắt.

May sao cái cơn gió ấy, lại chóng tanh di được. Đến nhà Tây-Hán khởi lên khoảng hai trăm năm, trên tự triều-đình, dưới đến các nhà đi học, chỉ có một việc cầu lấy sách sót, biện lấy nghĩa kinh mà thôi. Gia-dĩ đời là đời

đã thống-nhất, tư-tưởng kém phần tự-do. Cho nên trong bọn Hán-nho, như thầy Đồng Trọng-Thư, thầy Lưu Hưởng, thầy Khuông Hành, thầy Tư-Mã Thiên, thầy Dương Hùng, thầy Trịnh Huyền, người thì kinh-học, người thì sử-học, tuy cũng có người đạo-dức thuần-túy, cũng có người học-văn yêm-bác, cũng có người văn-chương phong-phú, đều là những nhà trước-thuật ưu-trang; nhưng chỉ là một món tài-liệu to-lát xếp lại đó, để cung cho sự khảo-biên kẻ cứu về sau mà thôi, chứ đối với đời chưa có ảnh-hưởng gì cả. Nhưng xét ra phong-tục nhà Tây-Hán chuộng những người trung-tín cần-hậu, phong-tục nhà Đông-Hán chuộng những người khí-khải liêm-xĩ, há chẳng phải là giáo-trạch của tiên-vương tiên-thánh còn sót lại đó ru?

Uất-tích mãi đến đời Tam-quốc mới thấy nhân-tài. Một thân ông Chư-Cát Lượng kiêm đủ cả Y, Lễ, Quân, Thương, Ngô, Thân, Hàn, Tô, Trương các nhà học-thuật, nhân-tài như ông Chư-Cát, thực là một vị sao sáng trong lịch-sử nước Tàu. Tiếc thay thời-cực còn phân-vân, mà ông đã vội mất. Nếu không thế thì chắc ông cũng có một cái học-thuyết điều-hòa được vương bá, làm phương-hướng cho học-thuật nước Tàu. Còn như Quan Vũ, Bàng Thống, Chu Du, Lục Tồn, Dương Hồ, Đỗ Dự các người, và nhiều người nữa, đều là nhân-vật lỗi-lạc khỏi-kỳ. Nhân-tài trong lịch-sử Tàu, thì đời Tam-quốc là thịnh nhất. Khác nào như hạt thóc Xuân-thu Chiến-quốc, bị cơn gió Tần-hoàng rơi-rụng, được khu ruộng Lương-Hán ngấm-nghĩa tài-bồi, đến mùa Tam-quốc mới phát-sinh vậy.

Kẻ đọc sử phải biết rằng lịch-sử Tàu, từ hồi Tam-quốc về sau, là cái lịch-sử thoái-hóa. Ấu cũng là vì nước Tàu chẳng may từ đó về sau, liếp ngay một hồi Ngũ-Hồ loạn Hoa, thêm ba trăm năm, trong nước cứ rối-loạn

mãi, quốc-dân không học - hành gì được. Gia-dĩ Phật-giáo ở Tây-phương mới truyền sang. Sĩ-phu ở đời bấy giờ, người nào cao-khiết thì làm ra ý tĩnh - tu mà chuông mõ; người nào cảm-khái thì làm ra mặt khoáng-dạt mà chén nhè; người nào có tài-bộ thì chăm tập chữ cho tốt, làm thơ cho hay mà thôi. Rồi mới sinh ra một cái tục rất tệ-hại là cái tục thanh-dâm. Thanh-dâm nghĩa là chỉ bàn cái lý hảo, cái lý khô, mà không thiết với sự-thực. Tự ông tể-tướng trong triều, ông đồ-dốc ngoài trấn, cho đến những người sĩ nhàn-tản ở chốn sơn-lâm, thường-thường tụ-hội với nhau, khi thì hội-âm ở Trúc-lâm, khi thì vịnh thơ ở Lan-dinh, khi thì thưởng nguyệt ở Nam - lâu, khi thì thưởng - cúc ở Long-sơn, lại khi đề-huê mấy cô kỹ-nữ ở Đông-sơn, thưởng ti-trúc nữa. Khi đó thì chỉ bàn những sự cao-siêu thoát - tục, phóng - đạt xuất-trần, nhất - thiết cho mình là thanh, cho kẻ khác là tục; không những quốc-gia chính - sự đặc hay thất thế nào, và nghìn vạn quân dóc tóc đến gần hay đến xa, ức-triệu kẻ đầu-xanh chết nhiều hay chết ít thế nào, nhất-thiết không hỏi đến chi. Thậm-chí bao nhiêu học-thuật, bao nhiêu lễ-pháp của tiên-thánh tiên-vương cũng nhất-thiết cho là con rồng đất, là con chó rơm, mà không đáng bảo-tồn chi cả. Đó là hồi đệ-nhị Tần Thủy-hoàng xuất-hiện, văn-hóa nước Tàu, từ đó mới suy-sút đi.

Mãi đến đời nhà Tùy, mới có một ông nhà nho cũng hơi có tư-tướng cứu-thế một chút, là ông Vương Thổng. Học-thuyết ông đại-khái chia ra có thiên-đạo, địa-đạo, nhân-đạo. Nhưng cũng bất-ngoại cái tôn-chỉ tôn đạo vương, ức đạo bá, thân người quân-tử, xa đũa tiểu-nhân, kẻ-xét lấy sự cổ, thí-nghiệm ra việc kim, chẻ ra lễ, làm ra nhạc, đề trị nước và hóa dân.

Khen ông lại có lòng nhiệt - thành yêu nước, trông thấy đời có cơ nguy-loạn, bèn làm ra mười hai bài sách thái-bình, phó ra với đời, nhưng đời cũng không dùng. Ông mới có chí bất-chước ông Khổng, lui về nhà, chỉ tu-thư và dạy học, ông cũng khéo đúc ra được những học-trò tài giỏi hơn người, như Lý Tĩnh, Phòng Huyền Linh, Ngụy Trưng, Trần Thúc-Đạt mọi người, rất là những người như gió như mây, theo rồng theo hổ, ở hồi nhà Lý-Đường mới khai-quốc. Nhưng tiếc thay học-trò ông rất là những người thiên-thức về đạo-lý cả, không có một người nào nổi được ông, mà phổ-giải ra được cái học-thuyết của ông. Cho nên buổi Đường-sơ, thiên-hạ đã xu-trong ngay về nghề văn - chương.

Suốt đời nhà Đường, khoảng ba trăm năm, nghề thi-phủ văn-chương, thật là liến-bộ. Thơ như ông Lý Thái-Bach, ông Đỗ Thiệu - Lăng, đã kể là vô-dịch. Văn như ông Hàn Xương-Lê, như ông Liễu Tử-Hậu, cũng đã kể là vô-song. Nhưng cái đạo trị nước của tiên-vương, cái phép dạy đời của tiên-thánh, thì trừ ông Hàn Dũ ông Lục Chí hai ông cũng có biết được đôi ba tí ra không kể, còn thời sĩ-phu nhà Đường thật là ù-li, không ai biết gì cả. Nhưng xét lại cho kỹ ra, đời là đời thống-nhất, làm gì bằng Tô Tần với Trương Nghi; cuộc là cuộc đại-dồng, làm gì bằng Quân Trọng với Thương Hưởng; chẳng qua có mấy đũa Hồ-nhi nó hung-hăng, mấy anh Phiền - trấn nó lếu-láo, thì đã có những bọn vũ-sĩ như Quách Tử-Ngự, Lý Quang-Nhan đánh dẹp nó đi cũng đủ. Còn về phần giảng-buộc luân-lý cho xã-hội, thì đã có giáo Khổng, tổ-bày họa-phúc cho dân-gian, thì đã có đạo Phật, mà vua-chúa nhà Đường lại thường lấy một cách vinh - qui khác thường đề đãi riêng những người quốc-sĩ có văn-chương. Những người cao-

minh tuần-tú ở đời, làm có thừa tài, học có thừa sức, chẳng chơi về nghề văn-chương, thì chơi về nghề gì, cũng không trách sĩ-phu nhà Đường được.

Kẻ đọc sử lại nên biết rằng văn-chương là một cái vẻ hoa ở trong nước, quốc-hoa có phát-dạt, thì quốc-diễn sẽ phong-phú; quốc-diễn có phong-phú, thì quốc-hồn sẽ du-dương.

Nếu bảo văn-chương là vô-ích, thì cái sự vô-ích với hữu-ích, không hề biệt chi. Nay cứ đem những tập văn-chương của tám nhà đại-gia ở đời Đường đời Tống mà xét ra, thì lịch sử Tàu tưởng cũng chiếm được một phần giá-trị cao trong thế-giới.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-TRÍCH⁽¹⁾

孟子國文解釋

III

王。不薪則而許察百曰。
不。見之。一功之秋鈞。有
爲。保。不。羽。不。乎。毫。而。復
也。爲。見。之。至。曰。之。不。於
非。不。爲。不。於。否。末。足。王
不。用。不。舉。百。今。而。以。者
能。恩。用。爲。姓。恩。不。舉。曰
也。焉。明。不。者。足。見。一。吾
故。焉。用。獨。以。與。羽。力
王。百。力。何。及。薪。明。足
之。姓。焉。與。禽。則。足。以
不。之。與。然。獸。王。以。舉

Dịch-âm. — Viết : « Hữu phục ư vương giả viết : « Ngô lực túc dĩ cử bách quân, nhi bất túc dĩ cử nhất vũ ; minh túc dĩ sát thu-hào chi mạt, nhi bất kiến dư-tân ». Tắc vương hĩa chi hồ ? » Viết : « Phủ ». — « Kim, ân túc dĩ cập cầm-thú, nhi công bất chi ư bách-tính giả, độc hà dư ? Nhiên tắc nhất vũ chi bất cử, vị bất dụng lực yên ; dư-tân chi bất kiến, vị bất dụng minh yên ; bách-tính chi bất kiến bảo, vị bất dụng ân yên ; cổ vương chi bất vượng, bất vị dĩ, phi bất năng dã. »

Dịch-ngĩa. — Thầy nói : « Có kẻ tâu với vua rằng : « Tôi, cái sức có thể nhắc nổi trăm quân, mà không có

thể nhắc nổi một cái lông ; cái sức có thể xét thấu ngọn lông mùa thu mà không trông thấy cái xe cũi. » Thì vua tin lời ấy không ? » Vua nói : « Không ». — Thầy nói : « Nay vua, ư đủ kịp đến con cầm con thú, mà công đức chẳng gia được đến bách-tính, là tại sao ? Thế thì một cái lông chẳng nhắc nổi là vì chẳng dùng sức đẩy ; cái xe cũi chẳng trông thấy, là vì chẳng dùng sáng đẩy ; bách-tính mà không giữ-gìn được, là vì chẳng dùng ơn đẩy ; cho nên vua chẳng vượng được thiên-hạ, là chẳng chịu làm đầy, không phải là chẳng làm được đâu. »

Chú-giải. — Phục — nghĩa là tâu. Quân — ba-mươi căn là một quân ; trăm quân là cái vật rất nặng khó nhắc. Vũ — là lông, một cái lông là cái vật rất nhẹ dễ nhắc. Phàm lông đến mùa thu thì nó tước nhỏ ra, nên gọi là thu-hào. Mạt — là ngọn, vút ngọn cái lông mùa thu là cái vật rất nhỏ khó trông thấy. Dư-tân — cái xe chở cũi là cái vật lớn dễ trông thấy. Hĩa — là tin, là cho, nghĩa là cho lời ấy là phải mà khá tin.

Phàm người ta ai cũng có cái lông thương xót ; duy thương-xót dân là đồng-loại, thì thuộc về phần thiết và dễ ; thương-xót vật là dị-loại thì thuộc về phần hoãn và khó. Nay vua biết thương đến con trâu, mà không

biết thương đến trăm họ; không phải vua là người không có ân, chỉ vì vua không chịu suy-quảng cái ân để thực-hành lấy sự nhân đó thôi; khác nào những người không chịu dùng cái sức, thì không nhắc nổi cái lông chim; không chịu dùng cái sáng, thì không trông thấy cái xe cũi.

王。以。也。我。能。海。何。曰
是。超。故。不。也。語。以。不
折。北。王。能。爲。人。異。爲
枝。海。之。是。長。曰。曰。者
之。海。不。者。我。挾。與
類。之。不。折。不。挾。不
也。也。非。也。枝。能。山。能
王。挾。非。語。是。以。者
之。太。不。人。誠。超。之
不。山。能。曰。不。北。形

Dịch-âm. — *Viết*: « Bất vi giả dĩ bất năng giả chi hình hà dĩ dĩ? » *Viết*: « Hiệp Thái-sơn dĩ siêu Bắc-hải, ngữ nhân viết: ngã bất năng, thị thành bất năng dã. Vị trường-giả chiết chi, ngữ nhân viết, ngã bất năng, thị bất vi dã, phi bất năng dã. Cổ vương chi bất vương, phi hiệp Thái-sơn dĩ siêu Bắc-hải chi loại dã, vương chi bất vương, thị chiết chi chi loại dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Vua hỏi: « Cái hình-trạng chẳng chịu làm và cái hình-trạng chẳng làm được nó khác nhau thế nào? » Thầy nói: « Như cái việc cấp núi Thái-sơn để vượt bể Bắc, bảo người rằng: Tôi không làm được, sự đó thực là không làm được. Vì người trên bề cảnh cây, bảo người rằng: Tôi không làm được, sự đó là chẳng chịu làm đấy, không phải là không làm được đâu. Cho nên vua chẳng vương được thiên-hạ, không phải là cái loài cấp núi vượt bể đâu; vua chẳng vương được, là cái loài bề cảnh cây đấy. »

Chú-giải. — Đây là kể ra hai cái hình-trạng, một cái là sự rất khó và một cái sự rất dễ, để rõ ra cái hình-trạng không làm được, và cái hình-trạng làm được mà không chịu làm.

者。足。他。妻。恩。邦。刑。及。老
獨。以。焉。子。足。言。于。人。吾
何。及。善。古。以。舉。寡。之。老
與。禽。推。之。保。斯。妻。幼。以
獸。其。人。四。心。至。天。及
而。所。所。海。加。于。下。人
功。爲。以。不。諸。兄。可。之
不。而。大。推。弟。運。老
至。已。過。恩。而。以。於。幼
於。矣。人。無。已。御。掌。吾
百。今。者。以。故。于。詩。幼
姓。恩。無。保。推。家。云。以

Dịch-âm. — « Lão ngô lão dĩ cấp nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cấp nhân chi ấu, thiên-hạ khả vận ư chường. Thi vân: « Hình vu quả-thê, chi vu huynh đệ, dĩ ngư vu gia bang. Ngón cử tư tâm gia chư bĩ nhi dĩ. Cổ suy-ân túc dĩ bảo từ-hải, bất suy-ân vô dĩ bảo thê-tử. Cổ chi nhân sở dĩ đại-quá nhân giả, vô tha yện, thiên suy kỳ sở vi nhi dĩ dĩ. Kim ân túc dĩ cấp cầm thú, nhi công bất chi ư bách-tính giả, độc hà dư? »

DỊCH-NGHĨA. — « Kinh người già mình, suy ra đề kịp đến kẻ già của người, nuôi trẻ mình, suy ra đề kịp đến trẻ của người; làm thế thì việc trong thiên-hạ có thể vận-dụng ở bàn tay. Kinh Thi có nói: « Làm phép cho quả-thê trước, rồi đến người anh em, sau thống-trị cả đến nhà nước. » Là nói đem cái lòng nhân-ái nọ mà thi ra đến người kia đấy thôi. Cho nên biết suy-ân ra thì có thể giữ-gìn được bốn bề; không biết suy-ân ra thì không giữ-gìn được vợ con. Các vua đời xưa, công-nghiệp sở dĩ hơn người ấy, có gì khác đâu, chỉ là khéo suy cái ơn của mình làm ra đấy thôi. Nay vua, ân đủ kịp đến con cầm-thú, mà công-đức chẳng gia được đến trăm họ, là tại sao? »

Chú-giải. — Kinh Thi là thơ Tư-trai thiên Đại-nhã. Hình là khuôn - phép. Quả-thê là người vợ kém đức, là cái lời khiêm-xưng vợ mình. Ngư là thống-trị.

Tiết này là nói cái lẽ làm nhân, phải do từ mối thân-thân là yêu người đồng-bao thân hơn trước, rồi mới kịp đến mối nhân-dân, là yêu người đồng-loại, lại suy rộng ra nữa, mới kịp đến yêu vật; đó là thi-ân có thứ-tự, tự gần mà dễ trước rồi mới đến xa mà khó sau. Nay Tuyên-vương trái mất lẽ ấy, cho nên ăn với cầm-thú thì có, mà công với bách-tinh thì không.

之。王 心 物 知 度 知 權
請 爲 皆 長 然 輕 然
度 甚。然。短。後 重。後

Dịch-âm. — « Quyền-nhiên-hậu tri khinh trọng, độ-nhiên-hậu tri trường đoản; vật giai nhiên, tâm vi thâm, vương thỉnh đặc chi.

DỊCH-NGHĨA. — « Cân lên rồi mới biết nhẹ nặng, thước đo rồi mới biết dài ngắn; phạm vật gì cũng vậy, con tâm lại càng nên cân đo lường. Xin vua cân đo lấy.

Chú-giải. — Quyền — cái quả cân. Độ — cái thước đo, như từng trượng từng thước, vân-vân. Đặc — ý lượng-đặc, gồm cả nghĩa cân đo.

Đây nói con tâm người ta, khi ứng ra mọi việc cũng có mối nhẹ nặng, có mối ngắn dài, cốt xử lamsao cho đều-đặn, cho có thứ-tự, mà không sai, thế thời lại cần phải cân phải đo hơn là các thứ vật, phải nhờ cái cân cái thước vô-bình, là cái lẽ chính-đáng đương-nhiên, mà cân nhắc đo lường thì mới biết được. Nay Tuyên-vương cái lòng yêu vật thì nặng và dài, mà cái lòng yêu dân thì nhẹ và ngắn, thế là vua sai mất cái trật-tự đương-nhiên, nên phải khuyên vua đem cái cân cái thước vô-bình ra, để mà cân đo lấy con tâm vậy.

興。快 侯。怨 士 甲 抑
於 然 於 臣。兵。王
心 後 諸 構 危 興

Dịch-âm. — « Ưc vương hưng giáp-bình, nguy sĩ-thần, cấu-oán ư chư-hầu, nhiên-hậu khoái ư tâm dư? »

DỊCH-NGHĨA. — « Hay là vua muốn động việc giáp-bình, làm nguy cho kẻ vô-thần chiến-sĩ, gây oán với các nước chư-hầu, rồi mới sướng lòng vua dư? »

也。所 以 於 吾 王
大 求 是。何 曰
欲 吾 將 快 否。

Dịch-âm. — Vương viết : « Phủ, ngô hà khoái ư thị, lương dĩ cầu ngô sở đại-dục dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Vua rằng : « Không, ta sướng gì những điều ấy, toan đề cầu những điều đại-dục của ta đây thôi. »

也。也。己。吾 諸 聽 興。曰 曰。
以 欲 不 臣 於 抑 爲 王
若 辟 爲 皆 耳 爲 肥 之
所 土 是 足 與。采 甘 所
爲。地。也。以 便 色 不 大
求 朝 曰 供 嬖 足 欲。
若 秦 然 之。不 足 於 可
所 楚。則 而 足 親 口 得
欲。蒞 王 王 使 於 與。聞
猶 中 之 豈 令 目 輕 興。
緣 國 所 爲 於 興。援 王
木 而 大 是 前 聲 不 笑
而 撫 欲 哉。與。音 足 而
求 四 可 曰 王 不 於 不
魚 夷 知 否。之 足 體 言。

Dịch-âm. — Viết : « Vương chi sở đại-dục, hà đắc vãn dư? » Vương tiểu nhi bất ngôn. Viết : « Vị phi-cam bất túc ư khâu dư? Khinh-noãn bất túc ư thê dư? Ưc vị thái-sắc bất túc thị ư mạc dư? Thanh-âm bất túc thính ư nhĩ dư? Biền-bế bất túc sử-linh ư tiền dư? Vương chi chư thần đại túc dĩ cung chi, nhi vương khởi vị thị tại. » Viết : « Phủ, ngô bất vị thị dã. » Viết : « Nhiên-tắc vương chi sở đại-dục hà tri dĩ, dục tịch thổ-địa, triều Tần Sở, li Trung-quốc, nhi phủ tứ-di dã, dĩ nhược sở-vi, cầu nhược sở-dục, do duyên mộc nhi cầu ngư dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy nói: « Những điều vua đại-dục, có thể được nghe chăng? » Vua cười mà không nói. Thầy nói: « Vì đồ ngon-béo chẳng đủ thích ở miệng chăng? đồ nhẹ ấm chẳng đủ thích ở thân chăng? Hay là vì đồ thái-sắc chẳng đủ coi ở mắt chăng? đồ thanh-âm chẳng đủ nghe ở tai chăng? kẻ hầu-hạ chẳng đủ sai khiến ở trước mắt chăng? Chư-thần nhà vua đều đủ cung vua cả, vua há vì những điều đó đâu. » Vua rằng: « Không, ta chẳng vì những điều đó. » Thầy nói: « Thế thì những điều đại-dục của vua tôi biết rồi, là muốn mở-mang thổ-địa, bắt nước Tần nước Sở lại châu, ngự-lâm Trung-quốc mà vỗ-về cả tứ-di đấy. Dem điều sở-vi thế nọ, mà cầu điều sở-dục thế kia, khác nào như leo cây mà tìm cá vậy. »

Chú-giải. — *Biên-bế* — những kẻ hầu-hạ thân yếu. *Tịch* — mở rộng. *Lị* — Trị-vi, ngự-lâm. *Tứ-di* — các rợ ở bốn phương. *Sở-vi* — trở những điều hưng-dộng giáp-binh, v. v.. *Sở-dục* — trở những điều mở-mang thổ-địa, vân-vân. *Leo cây tìm cá* — thí dụ cái lẽ không thể nào được.

何地不可入。楚與。欲。魚。王。曰。以方可入。鄒曰。盡。雖。曰。異千以勝。鄒心。不。若。於里敵。曰。人。力。得。是。鄒者衆。然與。而。魚。其。敵九。弱。則楚。爲。無。甚。楚齊固小。人。之。後。與。哉。集不固。戰。後。災。曰。蓋有不可。不。則。必。以。殆。亦其以。可。王。有。若。有。反一。敵。以。以。災。所。甚。其以強。敵。爲。曰。爲。焉。本一海大。孰。可。求。緣。矣。服內寡。勝。得。若。木。八之固。曰。聞。所。求。

Dịch-âm. — *Vương viết*: « *Như thế thì kỳ thậm dư?* » *Viết*: « *Đãi* (1) hữu thậm gèn,

duyên mộc cầu ngư, tuy bất đắc ngư, vô hậu-tai. Dĩ nhược sở-vi, cầu nhược sở-dục, tận tâm-lực nhi vi chi, hậu tất hữu tai. » *Viết*: « *Khả đắc văn dư?* » *Viết*: « *Châu-nhân dĩ Sở-nhân chiến, tắc vương dĩ vi thực thắng?* » *Viết*: « *Sở-nhân thắng.* » *Viết*: « *Nhiên-tắc tiêu cổ bất-khả dĩ địch đại, quả cổ bất-khả dĩ địch chúng, nhược cổ bất-khả dĩ địch cường, hải-nội chi địa, phương thiên-lý giả cửu, Tề tập hữu kỷ nhất, dĩ nhất phục bát, hà dĩ dĩ ư Châu địch Sở tại, cái* (2) *diệc phản kỳ bản hĩ.* »

DỊCH-NGHĨA. — Vua nói: « Thậm đến như thế dư? » Thầy nói: « Lại còn thậm-tệ hơn nữa, leo cây tìm cá, tuy chẳng được cá, không hại gì về sau. Nếu đem điều sở-vi thế nọ, cầu điều sở-dục thế kia, hết lòng hết sức mà làm, về sau chắc có hại. » Vua hỏi: « Cái hại có thể được nghe chăng? » Thầy hỏi: « Người nước Châu đánh nhau với người nước Sở, thì vua cho là bên nào được? » Vua nói: « Người nước Sở được. » Thầy nói: « Thế thì nước nhỏ vẫn không địch được nước lớn, nước ít người vẫn không địch được nước nhiều người, nước yếu vẫn không địch được nước mạnh. Hiện nay đất trong thiên-hạ vuông nghìn dặm có chín phần, nước Tề hợp cả nước lại mới được có một phần; đem một phần ít chinh-phục tám phần, có khác gì lấy nước Châu địch với nước Sở đâu, thôi cũng nên cầu lại điều gốc là hơn. »

Chú-giải. — *Châu, Sở* = tên hai nước ở về đời Chiến-quốc, Châu là nước nhỏ, Sở là nước lớn.

禦。愬。欲。出。於。王。之。下。今。之。於。疾。於。王。之。朝。仕。王。其。王。之。野。耕。者。發。其。君。之。市。商。者。皆。政。若。者。塗。行。賈。皆。欲。施。是。皆。天。旅。皆。欲。立。仁。孰。欲。下。皆。欲。耕。於。使。能。赴。之。欲。藏。於。王。天。

(1) *Đãi* 殆 — nghĩa đen là chết, là tiếng đưa-dây, thí dụ như tiếng « hũy » tiếng « hũy còn » tùy chỗ đọc ra tiếng ta cho trơn-truốt.

(2) *Cái* 蓋 — cũng là tiếng đưa-dây ở đầu câu.

Dịch-âm. — « Kim vương phát - chinh thi-nhân, sử thiên-hạ sĩ giả, dai dục lập ư vương chi triều; canh giả dai dục canh ư vương chi dã; thương-cổ dai dục tàng ư vương chi thị; hành-lữ dai dục xuất ư vương chi đồ; thiên-hạ chi dục tât kỳ quân giả, dai dục phó-lỗ ư vương, kỳ nhược thị, thực năng ngữ chi. »

Dịch - NGHĨA. — « Nay vua phát ra chính-lệnh để thi-hành nhân-ân; khiến cho thiên-hạ, kẻ làm quan đều muốn đứng ở triều vua; kẻ đi cày đều muốn cày ở đồng vua; kẻ thương - cổ đều muốn chứa của ở chợ vua; kẻ hành-lữ đều muốn đi ra ở đường vua; trong thiên-hạ những người họ ghét vua họ đều muốn đến kêu với vua, nếu đã như thế, ai hay ngăn lại được. »

Chú-giải — **Thương** — vận của đi buôn bán mọi nơi gọi là thương. **Cổ** — chứa hàng-hóa ở một chỗ để bán gọi là cổ. **Hành-lữ** — hành-khách đi đường. **Phó-lỗ** — đến kêu cầu.

Đây nói nhân-chính là cái gốc để vương thiên-hạ, vua có nhân-chính thì kẻ gần yếu, kẻ xa cũng mến; thiên-hạ người ta qui-phụ cả, những điều mình số-dục, không phải cầu mà tự-nhiên được, còn cái thế-lực lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu, có kẻ chi.

請我明子是不王
嘗雖以輔矣。能曰。
試不教吾願進吾
之敏。我。志。夫於悒

Dịch-âm. — **Vương viết** : « Ngô hôn bất năng tiến ư thị hĩ, nguyên phu-tử phụ ngô-cht, minh dĩ giáo ngã; ngã tuy bất mãn, thỉnh thường thị chi. »

Dịch - NGHĨA. — **Vua nói** : « Ta tư-chất (tối-lâm, chưa có thể tiến ngay lên đạo ấy được. Xin nhà-thầy giúp chỉ ta, rõ-ràng bảo ta; ta tuy chẳng giỏi, xin cũng thử làm. »

民也。後不無無者。曰
而焉從爲恆恆惟無
可有而已。心。產。士恆
爲仁刑及放。因爲產
也。人之。陷辟無能。而
在是於邪恆若有
位。罔罪。侈。心。民恆
罔民然無苟則心

Dịch-âm. — **Viết** : « Vô hằng-sân hữu hằng-tâm giả, duy sĩ vi năng. Như dân tác vô hằng-sân, nhân vô hằng-tâm cầu vô hằng-tâm, phóng-tích tà xỉ, vô vi dĩ; cấp hãm ư tội, nhiên-hậu tông n hình chi, thị vông dân dã. Yên hữu nhân nhân tại-vi, vông dân nhi khả vi dã. »

DỊCH-NGHĨA. — **Thầy nói** : « Không nghiệp thường mà có lòng thường chỉ người sĩ là được thể thối; đến nh dân mà không có nghiệp thường, rồi hóa ra không lòng thường, nếu không lòng thường, thì rông-rải càn-giở, đi gì là chẳng dám làm; đến lúc mà phải tội, lại liền theo mà bắt tội, thì là đánh lưới dân dấy, có lẽ đâu người nhân làm vua, lại chịu làm cái sự lừa dân mắc lưới đó. »

Chú-giải. — **Hằng** — thường. **Hằng-sân** — cái sinh-nghiệp làm ăn thường. **Hằng-tâm** — thiên-tâm người ta sẵn có. **Sĩ** — những người có học-vấn biết nghĩa-lý. **Phóng-tích** — rông-rõ cong queo. **Tà xỉ** — mêch-lệch càn-giở. **Vông** tức là lừa-vỡng, nghĩa là lưới, là ý lừa dân mắc lưới.

Đây là nói nuôi dân mà không cho có nghiệp thường, thì là làm lầm-hại dân đó.

從而於終以以之是
之之死身畜事產。故
也善。亡。飽。妻。父。必
輕。故。然。凶。子。母。使
民。後。年。樂。俯。仰
之。驅。免。歲。足。足。民

Dịch-âm. — « Thị cổ minh-quân dĩ dân chi sản, tât sử nguông túc dĩ sự ph-mẫu, phủ túc dĩ súc thể-tử, lạc-tuế chung thân bảo, hung-niên miễn ư tử-vong, nhiên-hậu khu nhi chi thiện, cổ dân chi tông chi dĩ khinh. »

DỊCH-NGHĨA. — « Cho nên đáng minh-quân đặt ra những cách thường-sân cho dân, phải khiến cho dân trông lên đủ để cung cha mẹ, cúi xuống đủ để nuôi vợ con; năm được mùa suốt đời ăn no, năm mất mùa khỏi đến nỗi chết đói, rồi mới xua bảo dân đi làm điều thiện, thời dân theo về đường thiện đó dễ.

Chú-giải. — Đây là nói nuôi dân cho có hằng-sân thì dân mới giữ được hằng-tâm.

治而死苦。妻母。仰今
禮恐亡。凶子。俯不也
義不此年樂。不足制
哉。贍。惟不歲。足以民
寒。救免終。以事之
暇死於身。畜父。瘠。

Dịch-âm. — « Kim dĩ chử dân chi sân, ngưỡng bất túc dĩ sự phụ-mẫu, phủ bất túc dĩ súc thê-tử, lạc-tuế chung-thân khổ, hung-niên bất miễn ư tử-vong, thử duy cứu tử nhi khảng bất thiện, hề-hạ tri lễ nghĩa tại.

DỊCH-NGHĨA. — « Nay đặt ra những cách thường-sân cho dân, trông lên không đủ để cung cha mẹ, cúi xuống không đủ để nuôi vợ con, năm được mùa vẫn suốt đời khổ-sở, năm mất mùa thì chết đói ngay, thế thì dân còn lo về cứu sự chết không xong, còn lúc nào rồi-rải mà sửa-sang lễ-nghĩa nữa.

Chú-giải. — Thiêm — cũng như chữ túc, nghĩa là đủ, bất-thiêm là không đủ không xong, Tri —, sự gì còn đương sửa-sang là tri, sự gì đã có thành-hiệu rồi gọi là tri.

Đây là nói dân đã không có hằng-sân thì khó giữ được hằng-tâm.

本則王
矣。盡欲
反行
其之。

Dịch-âm. — « Vương dục hành chi, tác hạp phản kỳ bản hĩ.

DỊCH-NGHĨA. — « Vua muốn thực-hành cái đạo bảo-dân, thì sao chẳng trở lại mà cầu lấy điều gốc đó.

Chú-giải. — Điều gốc — trở những điều đặt ra cho dân có thường-sân, tức là gốc việc nhân-chính đó.

王食不教之矣。無可五
者。肉。負申家。百失以畝
未黎戴之可畝其衣之
之民於以以之辰。帛矣。樹
有。不道孝無田。七矣。雞
也。饑路弟饑勿十者。豚以
不寒。老義。謹其可狗桑。
然者。願庠辰。以鹿五
而衣。白序八食之十
不帛者之口肉畜者

Dịch-âm. — « Ngũ mẫu chi trạch, thụ chi dĩ tang, ngũ-thập giả khả dĩ ý bách hĩ; kê đồn cần trê chi súc, vô-thất kỳ thời thất-thập giả khả dĩ thực nhục hĩ; bách mẫu chi điền, vật-đoạt kỳ thời, bát-khẩu chi gia khả dĩ vô-cơ hĩ. Cần Tường Tự chi giáo, thân chi dĩ hiển-đề chi nghĩa, ban-bạch giả bất phụ đại u đạo-lộ hĩ; lão-giả ý bách thực nhục, lễ-dân bất cơ bất hàn, nhiên nhi bất vượng giả, vị chi hữu dã.»

DỊCH-NGHĨA. — « Khu đất ở năm mẫu, bảo dân trồng lấy dâu, thì người năm-mười tuổi, có thể được lụa mà mặc. Những loài gia-súc, như: kê, đồn, cần, trê, chó làm hại cái thời sinh đẻ của nó, thì người bảy-mười tuổi có thể được thịt mà ăn. Khu ruộng trăm mẫu chó cướp mất cái mùa cấy gặt của dân, thì trong nhà tám miệng ăn, có thể không đến nỗi đói. Thận-trọng về sự giáo-dục trong nhà Tường nhà Tự, dạy-dỗ dân lấy nghĩa hiển-đề, thì những người đầu đã hoa-dâm, không đến nỗi phải vác vác ở đường-sá; người già được mặc áo lụa, ăn cơm thịt, người trẻ không đến nỗi đói rét; thế mà nước không hưng-vượng, chưa có lẽ thế bao giờ. »

(Tiết này đã hai lần xuất-hiện, vậy những nghĩa chú-thích, xem báo Nam-Phong số 78 trang 494 chương thứ ba).

Tổng-binh - Tôn-chỉ trong sách *Mạnh-tử* đại-đề cho cái sự-nghiệp bá-giã là hèn, mà không thêm nói đến; cho cái sự-nghiệp vương-giã là quý, mà khuyên vua các nước nên làm. Ôi ! nói đến sự-nghiệp vương-giã, mới nghe thì tưởng là cao-xa lắm. Nhưng có cao-xa gì đâu, chỉ cốt thi-hành những điều nhân-chính, là những việc giáo-dưỡng cho dân đó mà thôi. Song lại phải cốt ở ông vua biết suy xét, dẹp cái lòng bất-nhân

suy ra mà làm những chính-sự bất-nhân, thì mới có thành-hiệu được. Nếu như Tề Tuyên-vương chỉ có cái lòng bất-nhân mà thôi, trông thấy con trâu nó sắp-sửa tới chỗ chết thì biết thương, mà nay đi đánh Tần, mai đi đánh Sở, tự mình đem dân mình vào chỗ chết, thì không biết thương; như vậy thì mong gì làm được vương-nghiệp.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

THANH-HOÁ NHÂN-VẬT-CHÍ⁽¹⁾

II

7. Lê Lợi 黎利

Năm 1400, Hồ Quý-Ly tiếm ngôi nhà Trần. Bấy giờ vua Vĩnh-lạc nhà Minh trị-vị ở bên Tàu. Năm 1406 có một người dòng-dõi nhà Trần và mấy người An-Nam không phục nhà Hồ chạy sang Bắc-kinh cầu-viện với vua Tàu, vua nhà Minh đã hứa rằng sẽ giúp sức khôi-phục nhà Trần, nhưng không giữ lời, bèn chiếm lấy nước Việt-Nam làm đô-hộ⁽²⁾. Quan Đô-hộ là Hoàng Phúc và tướng-quân Trương Phụ liền kế nhau cai-trị nước Việt-Nam, nhưng trong nước Nam bấy giờ vẫn được yên.

Vua nhà Trần phải bắt giải về Bắc-kinh.

Nhà Minh làm áp-chế người Việt-Nam muốn biến đổi cả những phong-tục, nào là bắt để tóc dài, cấm không được vẽ dấu vào mình như lệ cũ. Đàn-bà con gái phải mặc áo xanh, tay áo rộng. Phải theo hết phong-tục Tàu.

Những quan đó-hộ Tàu ở Bắc-kỳ tìm được nhiều mỏ vàng, bắt dân đi khai mỏ, đem voi cái vào rừng mà dử bắt voi trắng, lại bắt người lặn xuống bể lấy ngọc trai, sưu-dịch nặng nề lắm. Lại chiếm cả lấy cái quyền bán thóc lúa. Nói tóm lại thì bấy giờ nhân-dân phải áp-chế khổ quá không thể chịu được.

Nước Tàu sang đô-hộ không được bao lâu. Năm 1418, Lê Lợi mới khởi-binh, nhân - dân theo về ngài nhiều lắm.

Ngài quê ở làng Như-áng⁽³⁾; ông ngài tên là Hối ở Lam-sơn⁽⁴⁾, ngài sinh về triều nhà Trần, năm vua Đế-Hiện thứ chín (1385), sau ngài ra đánh quân Minh, khôi-phục nước Việt-Nam.

Năm 1418, ngài khởi-nghĩa mới 33 tuổi. Theo *Sử-ký* thì Lê Lợi là một người tài-trí, người đẹp-đẽ lắm, dáng đi như rồng, tiếng nói vang như chuông. Ngài là một ông tướng tài, ở

(1) Xem *Nam-Phong* số 77.

(2) Đô-hộ lầu này không được lâu, kể từ năm 1407 đến năm 1418, thì nước Việt-Nam lại được thoát-ly nước Tàu.

(3) Bấy giờ về tổng Cổ-xá, châu Ngọc-lạc, huyện Lương-giang.

(4) Huyện Lương-giang sau gọi là huyện Thụy-nguyên thuộc về phủ Thiệu-hóa; Lam-sơn thuộc về phủ Thọ-xuân, tổng Quảng-yên.

trong làng có quyền-thế, nhân-dân phục-tòng, cho nên quan nhà Minh nhiều lần dụ ngài ra hàng mà không được.

Người Tàu chiếm lấy đất Việt-Nam mãi đến giáp cõi Chiêm-thành (Quảng-ngãi).

Đức Lê Lợi được Nguyễn Trãi (hay là Trại) và Trần Hãn giúp, trước hết còn khôi-phục lấy chung quanh vùng Thanh Nghệ, nhưng về sau càng thắng càng lấy rộng mãi ra, xưng là « Bình-định-vương » ; lập một kinh-dô ở mé trên cách làng Lam-sơn mấy ky-lô-mét gọi là An-trường (1).

Người An-Nam tí đức Lê Lợi như con hổ con báo là ngụ-y rằng những trận ngài đánh quân Tàu ở vùng Thanh-hóa, hai bên đánh nhau thật dữ-dội ngót mười năm.

Năm 1418, Lý Bân là quan đô-hộ kể cho Trương Phụ, sai Mã-Kỳ đem binh vào đánh, nhưng Lê Lợi thắng được một trận rất to ; chẳng may có nội-phân, quân Tàu lại đánh trả thù lại được. Thua một phen ấy làm cho vua Lê mất nhiều tướng giỏi. Năm 1419, ngài thiệt mất một tướng giỏi tên là Lê Lai. Nhưng mà vua Lê Lợi vẫn vững tâm, còn bao nhiêu binh-lính khí-giới và quân của nước Ai-lao cấp cho ngài, ngài nhất-dịnh chỉ dùng phục-binh đánh quân Tàu, bất-thình-lình đánh vật, làm cho quân Tàu thiệt-hại nhiều. Đánh mãi thắng mãi, rồi sau cũng đủ sức mà đương-đường đối-dịch với quân Tàu ; đến năm 1420 và 1421, Lý Bân cùng Trần Trí thân-chinh đem đại-đội-binh đến đánh mà cũng thua. Vua Ai-lao hai năm trước giúp đức Lê Lợi, về sau

đem quân và voi ngựa quay về với quân Tàu. Đức Lê Lợi đánh được vua Ai-lao, giết hàng vạn người Lào (1421). Thắng được mấy trận ấy, ngài được nhất-thống hẳn một phương và ra khỏi được vùng Thanh-hóa. Từ bấy giờ, ngài xem đủ sức đương-trường mà đánh đại-trận.

Trong năm 1422, 1423, 1424 ngài đánh được nhiều trận. Nhà Minh bèn cho đòi những tướng-quân thua trận về và sai các tướng khác sang thay những tướng chết trận ; Lê Lợi bèn sai võ-tướng đem một đội-quân đi đánh đất Nghệ-an, Tân-bình (Quảng-binh) và đất Thuận-hóa. Bấy giờ quan nguyên-súy Tàu đóng ở Thanh-hóa, ngài bèn kéo quân đến đánh, thắng trận ở Khả-lưu (2) Khố-sách (3) và Ung-ải (4) chiếm được thành Đa-cang (5), rồi sau tiến quân vây Tây-dô (6), đến năm 1424 thì lấy được ; ngay khi ấy ngài ra vây thành Nghệ-an, rồi cũng hạ được thành.

Về sau, ngài lại sai mấy ông danh-tướng như là : Đinh Lễ, Lê Xi và Lý Truyên (7) ra đánh Bắc-phương (Bắc-kỳ) nhất là đánh những vùng chung quanh thành Đông-dô (8). Các tướng lại thắng được quân Vương Thông ở bên Tàu mới sang một trận lớn ở bãi Tốt-dộng (9) (1426) và Trúc-dộng (10). Kể trong mười năm được cũng nhiều trận, nhưng không trận nào bằng trận này ; theo *Sử-ký* chép thì có 5 vạn quân Tàu chết tại trận-địa, còn vô-số quân chạy trốn chết đuối ở sông Ninh-giang (11) đến nổi nước sông ứ không chảy đi được. Lê Lợi được tin thắng-trận ấy mừng lắm, đem quân đi vây thành

(1) Bấy giờ ở làng An-trường, tổng Quảng-yên, phủ Thọ-xuân, hầy còn di-tích.

(2) Đồn ở huyện Lương-sơn, trên bờ sông Lam, Nghệ-an.

(3) Huyện Yên-dịnh, tỉnh Thanh-hóa. (4) Tổng Cổ-lang, huyện Cẩm-thủy, Thanh-hóa.

(5) Bấy giờ là huyện Quảng-hóa, tức là châu Quan-hóa. (6) Đồi Hồ Qui-Lý (1400) mới lập thành Tây-dô ở trên sông Mã thuộc về phủ Quảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa. (7) Lê Xi tức là Lê Sát. Lý Truyên tức là Lý Triện. (8) Hà-nội. (9) Là làng Tốt-dộng thuộc huyện Mỹ-lương ở trên bờ sông Đáy ở Ngã-ba-thá. (10) Bấy giờ là làng Trúc-sơn, huyện Chương-đức. (11) Thượng lưu sông Đáy.

Đông-quan, mà thành ấy thì Vương Thông còn bao nhiêu quân đóng ở đấy. Năm 1427, nước Tàu hết sức mộ binh sai Liễu Thăng đem 10 vạn quân đi qua cửa Quảng-tây sang cứu-viện Vương Thông, những đại - đội - quân ấy mới đến biên-thùy đã bị đánh tan nát ở chân núi Yên-ngựa (1). Quan Nguyên-súy Tàu là Trần Trí, Liễu Thăng và ba trăm tỷ-tướng, một vạn quân, đều bị chết trận, còn Hoàng Phúc, Thôi Tự cùng ba vạn quân đều bị bắt cả. Mộc Thạch dẫn 5 vạn quân ở Vân-nam sang, nghe thấy tin ấy, liền trở về nước Tàu, không dám đánh nữa. Thế là thành Đông-quan thất-thế, phải mở cửa thành (năm 1428) ra hàng.

Đương lúc vây thành Đông-dó, ngài đã sai các tướng đi dẹp các tỉnh và đánh đuổi hết quân Tàu còn sót lại ở các đồn-ải.

Còn những đồn-ải trong nước mà quân Tàu chiếm-giữ đều đánh lấy lại cho kỳ hết: Thị - kiều (2), Xương-giang (3), Điều - điều (4), Khưu - ôn (5), Chí-linh (6) và Cồ-lộng (7) đều hạ được cả.

Vương Thông biết rằng không thể nào cự lại được, nên phải giảng-hòa, ký tờ giao-ước, quân Tàu phải rút binh ra khỏi địa-phận nước Việt-Nam (năm 1428). Tám vạn sáu nghìn vạ lính vừa khách-thương phải ra khỏi biên-thùy (8) kéo về nước.

Vậy thì vua Lê Lợi rõ là một ông vua cứu được tổ-quốc thoát vòng lao-lung nước Tàu, làm cho nước Tàu phải xin giảng-hòa. Ngài thật đáng là bậc đại-anh-hùng.

Khi ấy thế - lực, vua Lê Lợi càng vững bền, quân - luật rất nghiêm, tướng-lá rất giỏi mà không nhiều dân, cho nên mỗi ngày thiên-hạ càng thêm nhiều người qui-phục. Nhưng ý ngài nghĩ nên hòa với nhà Minh, vì nhà Minh đã chịu phong cho một người tên là Hồ-ông tự-xưng là dòng-dối vua Trần Nghệ-tôn (năm 1370-1372) làm vua An-Nam.

Cứ theo ngoại-thư thì việc này do ở vua Lê Lợi mưu ra. Vì người Tàu mà bỏ ngôi vua An-Nam đi, là bảo rằng con cháu nhà Trần không còn ai nữa. Bởi vậy ngài mới giả-tặng tìm ra được một người con cháu nhà Trần là Hồ-công, đặt tên là Trần Cảo, rồi bảo làm sơ đưa sang vua Tàu để cầu phong, sơ rằng :

« Thần là Trần Cảo, sợ hãi cúi đầu tâu rằng : Khi phản-thần Lê Quý-Ly phạm tội tiếm ngôi chiếm mất cơ-nghiệp của tổ-tiên nhà thần, bấy giờ thần sợ mắc phải tay quân phản-tặc, nên phải trốn tránh vào rừng. Nhưng dân nước Việt-Nam vẫn có lòng mong đợi, giục thần ra cho người nước biết rằng dòng-dối họ Trần hãy còn. Thần có nghe nói rằng Đại-quốc phải quân sang đây là có ý trị tội những kẻ phản-tặc mà thôi. Nay thần tâu xin Bệ-hạ, rộng lượng cho thần lại được nối ngôi của tổ-nghiệp để yên lòng dân mong ước.»

Vua Tàu bắt được sơ ấy, chưa biết phân-định thế nào, trong triều-thần có ông tâu rằng : « Việc này mưu ở Lê Lợi.» Có ông khác lại tâu rằng : « Đánh nước Việt-Nam tổn-phí mất nhiều mà nước Tàu cũng không được ích-lợi

(1) Hay là Mã-an, xã Mao-sao châu Ôn, tỉnh Lạng-sơn. (2) Thuộc huyện Võ-giang, tỉnh Bắc-ninh. (3) Xã Thọ-xương, tỉnh Bắc-giang. (4) Huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh. (5) Ôn-châu ở Lạng-sơn. (6) Thuộc Hải-duong. (7) Thuộc huyện Ý-yên Nam-dịnh. (8) Nhiều người ta đã làm giàu to ; nó không đem của đi được, nên phải chôn cả vào huyệt, cớ-lục truyền rằng khi chôn của nó lại chôn vào mỗi huyệt một người con gái trẻ ; người con gái ấy sau thành thần giữ của Bấy giờ người ta thường thấy những kho đồ của nhưng nhiều chỗ đã lấy đi mất rồi.

gi, bất-nhược bãi-binh, lại lập lại vua nước Việt-Nam. Vua Tàu nghe lấy làm phải, bèn sai bốn quan sứ-thần sang phong Trần Cảo làm Việt-Nam-quốc-vương. Khi sứ sang đến nơi, Lê Lợi nghênh-tiếp tử-lễ và tha hết cả tù-binh cho về Tàu (năm 1427).

Năm mậu-thân (1428) trong nước đã được yên, các triều-thần đều xin với Lê Lợi lên ngôi vua. Khi ấy, tuy rằng Trần Cảo làm vua, nhưng kỳ-thực thì quyền-chính ở tay Lê Lợi hết; bởi thế Trần Cảo biết rằng nhân-tâm không qui-phục, tự uống thuốc độc mà chết; việc trong nước cũng không thay đổi chút gì cả.

Sứ-thần nhiều ông cho Trần Cảo cũng là một vị tiếm-thần. Sách *Cương-mục* tính đời vua Lê Lợi từ năm 1418, là năm ngài xưng-vương. Đến năm 1428, ngài tự-xưng Hoàng-đế, hiệu là Thái-tổ nhà Lê, đặt niên-hiệu là Thuận-thiên.

Tương-truyền rằng vua Lê Lợi, năm mậu-tuất (1418) được thần cho một thanh thần-kiếm có phép biến-hóa, nên ngài mới đánh đuổi được quân Tàu. Đến khi ngài đã xưng Hoàng-đế, ngài ngự thuyền rồng đi chơi Lỗ Tả-vọng. Bỗng có một con rùa lớn nổi lên mặt nước, dớp lấy thần-kiếm, lặn xuống mà biến đi. Ngài biết rằng thanh kiếm ấy có thần đã giúp ngài đánh được quân Tàu. Lúc nước đã yên, thanh kiếm lại phải hoàn lại. Vì thế ngài đặt tên hồ ấy là Hoàn-kiếm-hồ. Chỗ con rùa biện lên thì nổi thành cái cồn con giống như con rùa; ở trên cồn ấy có làm một cái tháp.

Lê Lợi là vua Thái-tổ nhà Lê, nhà Lê trị-vị được đến năm 1526, phải nhà

Mạc tiếm-vị mất bảy năm, sau trung-hưng lại trị-vị từ năm 1533 đến 1789.

Lê Lợi lên ngôi rồi, thời lo liệu sửa-sang lại các chỗ bị phải tàn-phá trong lúc đánh nhau. Ngài có đổi lại tên Kinh-dô và tên nước. Đông-dô đổi làm Đông-kinh (1), có đến Vạn-thọ và vọng-cung Kinh-thiên; Tây-dô đổi làm Tây-kinh; Giao-chỉ đổi làm nước Đại-Việt. Ngài đặt ra năm đạo, một đạo gọi là Hải-đạo, để coi ven bờ bể. Ngài danh Ai-lao và châu Phục-lễ (2) đều thắng cả.

Ngày 22 tháng tám nhuận, năm qui-sửu, vua Lê Lợi băng-hà, thọ được 48 tuổi; ngày 23 tháng 10 năm ấy táng ở lăng Vinh-lăng trong núi Lam-sơn (năm 1433).

Vua Lê Thái-tôn (năm 1433 — 1442) có sai dựng một cái bia đề làm kỷ-niệm, bia ấy dịch như sau đây :

« Ông Tam-dại tổ tên là Hối quê ở Thanh-hóa (3). Một hôm cưỡi di chơi núi Lam-sơn, thấy có một đám quạ bay liệng như là một lũ người hội-hợp vui-vẻ. Cưỡi thấy thế đoán là điềm về sau nhà cụ có nhiều người qui-phục, mà hậu-vận tất hiển-vinh. Nên chỉ cụ đem nhà đến làm ở đất Lam-sơn là nơi phong-cảnh xinh-đẹp.

« Ba năm sau, cụ thành một nhà phú-bộ ở nơi ấy, con cháu đông-đức, lại có nhiều thù-bạ.

« Cụ lại mở rộng thêm bờ-cối, thế-lực mỗi ngày mỗi lớn, rồi ít lâu cụ xưng làm chủ ở đấy.

« Sau con cụ tên là Lê Đình vẫn nối theo được cơ-nghiệp của cụ, có đến một nghìn thù-bạ. Phu-nhân tên là Nguyễn Thị-Tổ, tính khiêm-nhượng, phúc-đức, sinh được hai con trai : con cả tên là Tông; con thứ tên là Khoáng.

(1) Tiếng Tàu là Đông-kinh, người Pháp chép là Tonkin.

(2) Bây giờ gọi là Lai-châu.

(3) Phủ Thanh-hóa lúc bấy giờ ở vào sông Mã, mà sông nhánh là sông Lương hay sông Chu.

Khoảng sinh ra đức Hoàng-khảo. Ông Khoảng hết lòng hiếu-thảo, thờ-phụng tiên-tổ, bụng rất nhân-từ tử-tế, thích làm sự phúc-dức, xử với bạn rất thủy-chung. Ông ăn ở thân-thiết với những nhà láng-diềng, như là xử với anh em bà con trong họ vậy. Ai thấy ông làm ơn-huệ như thế, đều lấy làm cảm-dộng, đều kính mến ông. Bà vợ là Thị-Xương hết lòng thờ-chồng nuôi con, hòa-thuận trong gia-đình, Nhà mỗi ngày mỗi thịnh-vượng, sinh được ba con khôi-ngô, Học là con cả, Trứ là con thứ, Lợi là con thứ ba.

« Người con trưởng nối nghiệp được ít lâu thì mất. Cơ-nghiệp họ Lê về tay Hoàng-khảo; ngài hết sức khuếch-trương tiên-nghiệp. Tuy trong nước đại-loạn, nhưng ngài vẫn kiên-chí định bụng khôi-phục nước Nam, lòng trời xui khiến ngài cứ ẩn ở trong rừng núi, làm nghề canh-nông để đợi thời.

« Trước khi muốn cho nước khôi-phải quân Tàu áp-chế, thì phải cần đến việc luyện-binh, nên ngài chỉ chăm lo học binh-thu. Ngài xuất của ra để chiêu-hiến dãi-sĩ và chiêu-mộ binh-lính.

« Năm mậu-tuất (1418) ngài họp quân lại ra đóng tại cửa Lạch-thủy (1). Đánh hơn mười trận, trận nào ngài cũng được. Quân giặc thì đông và mạnh, ngài phải vận tài thao-lược để đối-dịch lại.

« Năm bính-ngọ (1426) Ngài thắng được quân Tàu một trận lớn ở Tốt-dộng, và khởi đầu vây Đông-dô.

« Năm đinh-vị (1427), nước Tàu lại đem quân sang đánh, tướng là An-viên-hầu Liễu Thăng, Kiềm-quốc-công

Mộc Thạnh (2), đem quân sang đánh nước Việt-nam. Liễu Thăng đem 10 vạn binh-sĩ đi đường Quảng-lây, còn Mộc Thạnh kéo 5 vạn quân đi đường Vân-nam. Hoàng-khảo ta phục-binh đón đánh ở Chi-lăng thì Liễu Thăng tử-trận; một vạn quân và 3 trăm viên tướng đều tử-trận; còn Hoàng Phúc, Thôi Tự cùng 3 vạn quân Tàu đều phải bắt làm tù-binh.

« Hoàng-khảo ta sai thu lấy mũ áo Liễu Thăng sai người đem cho Mộc Thạnh. Mộc Thạnh trông thấy sợ khiếp đảm, đem quân chạy trốn. Quân thù-nghịch phải bắt làm tù-binh không biết là bao nhiêu.

« Lúc bấy giờ Thành-sơn-hầu Vương Thông làm Thống-tướng, đóng quân ở thành Đông-quan, lại nghe tin ấy phải xin giảng-hòa về nước.

« Khi giảng-hòa rồi quân Tàu mở cửa thành Đông-dô ra đầu-hàng. Tha cho hơn 10 vạn tù-binh, nhưng mà chiếu theo tờ hòa-v ước thì chúng phải về cả nước Tàu. Người thì đi đường bộ về Tàu, kẻ nào muốn đi đường thủy thì đã có năm trăm thuyền đưa về, cho đủ cả lương-thực để ăn đi đường.

« Hoàng-khảo ta ngự xa-giá vào thành, ra lệnh nghiêm-cấm các quân-sĩ không được cướp bóc.

« Về sau nước Tàu với nước Việt-Nam lại giao-thông với nhau. Thổ-dân ở Mường-Lễ (3) và dân Lào cũng đều qui-phục nước ta. Nước Xiêm-la và Đồ-bà (4) cứ hằng năm đi đường bề đến cống-hiến.

« Trong sáu năm, đức Hoàng-khảo ta lo-lắng dẹp yên việc nước.

(1) Chắc là cửa sông Mã, khi ấy là cửa Triệu.

(2) Mộc Thạnh trước đã đánh được Hồ Quý-Lý năm 1407, và bắt được con Hồ Quý-Lý là Hồ Hán-Xương ở Kỳ-la (phủ Kỳ-anh, tỉnh Hà-Tĩnh) rồi giải cả hai cha con họ Hồ sang Kim-lăng, (Kinh đô nhà Minh).

(3) Phục-lễ-châu tức là Lai-châu.

(4) Đồ-bà ở cũ-lao Nam-tái, có lẽ là cũ-lao Java.

« Ôi ! trồng cây giữa lúc được ăn quả thì ngai bẽng-hà.

« Ngày 23 tháng mười, năm quý-sử (1433), niên-hiệu Thuận-thiên (1) thứ 6.

« Vinh-lộc đại-phu Nguyễn Trãi (2)

« Hàn-lâm-viện Thị-chế Võ Văn-Bùi khai bia. »

(Còn nữa)

Nguyễn Pháp-văn của ông Giáo LÊ BRETON, NGUYỄN QUI-TOÀN dịch

TIỂU-THUYẾT

TUYẾT-HỒNG LỆ-SỬ (3)

雪 鴻 淚 史

(Ai-tình tiểu-thuyết)

IV

CHƯƠNG THỨ VII

Tháng sáu

Người về một chiếc thuyền bông,
Trên lầu còn khách đứng trông hết
Gió đưa buồm nhẹ như bay, [ngày.
Sáng đi chiều đã về ngay đến nhà.

Bấy lâu đất khách lán-la,
Phần là nhớ mẹ phần là nhớ anh.
Nghĩ tình hối-hận cho tình,
Dối người đã vậy dối mình sao đang ?
Bước chân ra khỏi quê hương,
Đã đeo được khối đoạn-trường về đây.

Khi về tới nhà, thấy mẹ tôi và anh
chị tôi đóng đủ cả, thì ra anh tôi đã

về trước tôi hai hôm, chị gái tôi thì
tự khi tôi đi vắng, vẫn sang ở hầu mẹ
tôi.

Mẹ tôi chợt trông tôi mà hỏi rằng :
— Con ốm hay sao, mà trông người
nhờ-nhác làm vậy ?

Đoạn rồi cả nhà ai cũng nhìn vào
tôi.

Chị dâu tôi cũng nói rằng : —
Trông chủ độ này còm lăm.

Chị gái tôi nói rằng : — Đi gõ đầu
trẻ, hò-hét suốt ngày, phần thì khó-
nhọc, phần thì nhớ nhà, trách nào
chẳng còm.

(1) Khi đức Lê Lợi lên ngôi, thì đặt niên-hiệu là Thuận-hóa.

(2) Nguyễn Trãi người ta thường gọi là Nguyễn Trãi. Ông sinh ở làng Nhị-kê, huyện Thượng-phước, tỉnh Hà-đông. Vua Lê Lợi đền công phong cho là Tế-văn-hầu, sau lại gia-phong là Vinh-lộc đại-phu nhập-nội hành-khiển. Ông văn-chương thao-lược gồm tài, có làm ra sách « Nguyễn Trãi gia-huấn ca ».

Ông phải chết oan một cách lạ-lùng.

Lúc ông Nguyễn Trãi tri-sĩ về ở trại Tiều-viên (Bắc-ninh). Nhân Lê Thái-tôn (1433-1442) đến thăm nhà Nguyễn Trãi, sau khi về thì tự-nhiên mất ngay. Người ta vu cho ông giết vua, ông tự-vẫn chết; nhưng mà vua Thánh-tôn (năm 1460-1497) thương ông chết oan, ban chiếu giải-oan phong-tặng làm Thái-sư Huệ-quốc-công.

Còn cháu ông nhiều người đã làm nên, gần đây hãy còn làm quan to, như quan Nguyễn Hữu-Độ trước làm kinh-lược Bắc-kỳ. Quan Nguyễn Hữu-Độ mất ở Hà-nội ngày 28 tháng 10 năm 1888, ngài có công với Bảo-hộ, nên được thưởng-thụ đệ-nhi-đẳng Bắc-đầu bội-tinh.

(3) Xem Nam-Phong số 77, 78, 79.

Anh tôi nói tiếp ngay rằng : — Chú hèn yếu lắm, đi ra khỏi nhà chưa đến một ngày đường mà đã tiều-tụy, không chịu được cái khó-nhọc như thế. Như anh thì xa-xôi nghìn dặm, lên xe xuống đò, dãi nắng dầm sương, nay đây mai đó, mà vẫn béo tốt, thế là làm sao ? Chú phải biết, người ta hễ không chịu nổi cái khó-nhọc, thì không thể làm nên sự-nghiệp to được.

Tôi vừa toan trả lời, mẹ tôi đã nói đón ngay rằng : — Tạng em nó vẫn yếu, chứ có đâu được như anh, mà cứ chê nó.

Đoạn rồi bưng cơm ra, cả nhà cùng ngồi quây lại ăn cơm tối.

Mẹ tôi nói rằng : — Hôm nay đông đủ cả nhà, ta vui lắm. Nhưng bây giờ, em nó đã lớn, ước gì cưới được vợ cho ta trông thấy, thì không gì bằng cả.

Anh tôi nói rằng : — Cái việc ấy, con cũng vẫn nghĩ mãi, nhưng tìm được người đủ cả tài-sắc thì khó lắm, mà những người tầm-thường, thì chắc chú nó không bằng lòng. Và thời-buổi bây giờ, vợ chồng lấy nhau, quen thói tự-do, chứ không nên ép-uống, mẹ cứ để cho chú nó kén lấy thì hơn.

Tôi nghe đến câu ấy, lại sực nghĩ đến tình của Lê-Anh, và việc nhân-duyên Quán-Thiến, thì vừa mừng, vừa sợ, vừa buồn, ngáy ngáy đại đại, mà ngồi đực ra.

Chị gái tôi nói đùa rằng : — Mẹ cho phép cậu kén vợ lấy đấy, cậu đi dạy học nửa năm nay, đã được ai bằng lòng chưa ?

Rồi anh tôi và chị dâu tôi đều nhìn tôi. Chị gái tôi thì cứ ngật-ngheo cười mãi.

Tôi nghĩ bụng : Chết, chết nỗi, đề cái việc riêng của mình, chị đã biết rồi hay sao ? Nhưng mà tôi nghĩ lại, thì mình lại cười mình,

*Bóng cung tướng rắn mà kinh,
Nghĩ người có tật giết mình chân thay!*

Đêm hôm ấy, anh tôi sang ngủ chung với tôi, tôi cứ giục anh tôi về ngủ, và nói rằng : — Anh chị xa cách lâu ngày, được khi xum-họp mà như thế, thì vô-tình lắm.

Anh tôi nói rằng : — Chú tướng tôi là loài tinh hay sao, chú vẫn tự-phụ là đa-tình, chú có biết nghĩa chữ *tinh* ra làm sao không ? Đại-phàm người ta nói đến chữ *tinh*, thì phải cốt có chữ *tinh*, cha con anh em, là cái tinh của trời ghép lại, mà vợ chồng là cái tinh của người ghép lấy nhau. Tinh của trời ghép, thì dẫu xa cũng nên gần, tinh của người ghép, thì dù thật cũng là bốn. Tôi thấy người đời này, cứ tự-phụ là đa-tình, thậm-chí đến nỗi

*« Bán thân vào cõi tình-trường,
« Bao nhiêu luận-lý cương-thường dẫu*

*« Cửa miệng người ta, vẫn hay nói
chữ « tội-tình gì », vậy những hạng ấy, tiếng gọi là người có tình, nhưng thật là một người có tội, vậy chữ tình hay lắm, mà dở thì cũng nhiều, chứ không nên dùng lắm !*

Tôi đáp lại rằng : — Nghe anh một lời nói, bằng đi học mười năm, sau này em không dám bàn đến chữ *tình* nữa.

Được vào trong mười ngày, anh em xum-họp, mai trúc vui vầy, bạn hữu đi về, chi-lan sức-nức, thật là vui-vẻ quá. Có lúc nhàn-hạ, anh tôi lại kể những chuyện du-lịch bốn phương, bẽ hồ vụng-vãi, cho tôi nghe.

*Thành sầu lưỡng ngổt vì ân-ái,
Mát-mẻ may nhờ trận gió xuân.*

Ngờ đâu cái ma ốm nó vẫn dòm mình chòng-chọc, bị ngay chứng sốt-rét cách-nhật, đương nóng-nực như

thieu như đốt, mà vẫn phải đắp chăn hùm-bụp.

Trong khi ấy, mẹ tôi, anh tôi, chị dâu tôi, chị gái tôi, đêm ngày săn-sóc, trông nom thuốc-men, thật là chăm-chút quá, tưởng lại những lúc ốm nằm nhà ông cụ Thôi, nào thằng Bằng-lang, nào con Thu-nhi, hầu-hạ phục-dịch như thế, bây giờ ốm ở nhà thì cũng lại như thế này, nghĩ lại mà giật mình, tưởng hình như ai ai cũng thật bụng với mình, chỉ có mình là dối-giá.

*Xưa nay mặt mũi thế nào,
Bây giờ gan ruột làm sao thế này ?*

Nghĩ những tâm-sự của mình, cũng không nên giấu anh, vả anh ta là người có lượng, vẫn thương ta yêu ta, thì sợ gì mà không nói, chỉ bằng cứ thú thật để xem anh bảo sao, tôi mới trình qua để anh tôi biết.

Anh tôi thoát nghe chuyện, nói ngay rằng : — Chú ngày thường hay xem tiểu-thuyết, và thích xem những các tình-sử, tôi vẫn lo rằng thường không khéo thì mắc vì tình, mà bây giờ quả-nhiên không sai.

Tôi nói rằng : — Em cũng chót vì một lúc lâm-lỡ, đến nỗi sa chân vào hố tình-trăng, từ giờ trở đi, xin đem một nhát gươm chém đứt mối tình, để giữ lại cái đời tự-do, không biết anh có lượng cho hay không ?

Anh tôi nói rằng : — Chú đừng nói khoác, tôi chỉ thấy những người mắc vào lưới tình mà chết, chưa thấy ai mắc lưới tình mà thoát ra được. Anh cũng biết, chú không đến nỗi can-dại, nhưng đã vướng phải mối tình, gỡ ra được thì cũng khó. Vậy tôi hỏi thật, chú với người con gái ấy, giao-thiếp với nhau những thế nào, có thể cho anh biết được hay không ?

Tôi nói rằng : — Em chẳng dám giấu chuyện gì cả, bao nhiêu những

giấy má đi lại, để cả trong va-li, xin anh cứ lấy mà xem thì biết.

Đoạn rồi tôi đưa cả chùm chìa khóa cho anh tôi, anh tôi xem qua, thì một tập thơ từ, dày đến hơn một tấc, anh tôi xem khắp một lượt, rồi thở dài mà nói rằng : — Tiếc thay người này có tài thật, không trách chú cũng phải chung-tình, noi ngựa sườn non, bầy trèo ngược nước, không cứng rắn thì mắc cả.

Lại giờ xem đến cái tờ sau khi ốm của Lê-Ảnh, chợt vỗ tay xuống bàn mà nói rằng : — Cái bài này hay lắm, người này không những là đa-tình, và lại là người đủ trí khôn.

*Biết thân trót vương vì tình,
Tình bài thu-xếp cho dành một hai,
Giữ mình lại giữ cho người,
Cái tay đội đá vá trời là đây !*

— Thế cái chị Quân-Thiến, chú đã biết mặt bạn nào chưa ? cái tài cái sắc, có thật được như lời trong thư này nói hay không ?

Tôi đáp rằng : — Có, em đã có gặp mặt một bạn, người ấy thật như một đóa hoa tự-do, được người được nết, lại được cả tài-hoa, cũng xứng-đáng như lời trong thư của Lê-Ảnh vậy.

Anh tôi nói rằng : — Nếu thế thì việc ấy hay lắm, chú nghĩ sao ?

Tôi lúng-búng mà đáp rằng : — Cái việc ấy, là vì sau khi nó ốm, nó bần-tính như thế, nên em cũng chiều lòng, nhưng thế nào, cũng phải đề-bầm với mẹ đã.

Anh tôi nói rằng : — Không sợ : nếu chú không dám nói, để tôi nói cho, mẹ vẫn nói, cái việc vợ chồng, cho phép chú tự-do mà kén lấy,

Tôi vội-vàng nói rằng : — Không, cái việc ấy, em cũng không muốn thế.

Anh tôi can lên rằng : — Thế thì không được, chú liệu mình đã vậy,

thế có nghĩ lại cho người ta không ?
Nghĩa là người ta :

*Cái tình trong sạch như gương,
Vì dầu sóng gió mà vương mối tình.
Tình bài gỡ lấy thân mình,
Gỡ mà cứ buộc thì tình sao yên ?*

« Thế thì cái bụng chú yêu người ta
đề đâu ? Cứ ý tôi thì việc này chú nên
nghe mới phải, nếu không thì định
suốt đời không lấy ai nữa hay sao ?
Cho rằng :

*Chung tình chung có một người,
Non Vu qua khỏi gác ngoài đám mây.
Trót sa chân xuống vực lầy,
Cái bài chữa đại thế này là khôn. . .*

Tôi nghe anh tôi nói dao-diết làm
vậy, nghĩ bụng cái việc này tuy mình
có nhận lời Lê - Anh, nhưng thật
không hả lòng, bây giờ anh nói như
thế, hồi-tưởng lại, những bụng mình
nghĩ lúc trước, không được điều gì
phải cả, mình quyết - tuyệt với ai,
chứ quyết-tuyệt thế nào được người
nhà, mà quyết-tuyệt thế nào được
với Lê-Anh, rồi ngẫm-nghĩ giờ lâu
mới đáp lại rằng :

— Vâng, em xin nghe anh, mà
nhận lời cái việc Quân-Thiến, nhưng
khi bầm mẹ, thì nói ra làm sao ?

Chưa dứt lời, đã thấy mẹ tôi ãy
cửa vào.

Mẹ tôi nói rằng : — Anh em nói
chuyện gì mà vui thế, hôm nay con
đã được thật khôi chưa ?

Tôi đáp rằng : — Đã, con đã thật
khỏe-mạnh rồi.

Mẹ tôi nói rằng : — Con nên giữ-
gìn, chớ nên suồng-sã lắm, mỗi một
lần ốm, mẹ lo quá.

Anh tôi nói rằng : — Cái bệnh của
em con biết rồi, nếu mẹ muốn em
không ốm, thì đừng cho đi dạy học
nữa.

Tôi giật mình, rồi đưa mắt mà lườm
anh tôi.

Anh tôi cứ giả-cách lơ đi, rồi cười
mà nói rằng : — Việc ấy giấu ai, chứ
không nên giấu mẹ, vả trong việc ấy,
chú cũng có điều không phải, thà rằng
sám-hối trước, cứ bầm thật với mẹ
còn hơn.

Mẹ tôi vội hỏi rằng : — Cái gì ?
cái gì ? thế nào ?

Anh tôi cũng nói theo rằng : —
Nếu chú không dám nói, để tôi xin
bầm hộ cho.

Rồi anh tôi lại thuật cả cho mẹ tôi
nghe.

Mẹ tôi chợt mắng ầm lên rằng : —
À, thằng này hư quá, ông cha tu-
tích bao nhiêu, mà phá hết cả, tao
không ngờ mày hư hại đến thế !

Tôi tạ rằng : — Con nặng tội lắm,
xin mẹ thương cho, cái việc này, thật
cũng vì hai chữ liên-tài, mà nên lắm,
nhưng mà :

*Cùng nhau tuy trót lầm rồi,
Tấm lòng xin có mặt trời soi cho !*

Mẹ tôi lại mắng rằng : — Mày còn
tưởng thế là chưa có tội à ? xưa nay
học-hành những gì, mà mới bước
chân ra khỏi ngõ, bắt đầu góp mặt
với xã-hội, đã phạm ngay cái tội dâm,
thế thì còn trông mong gì mày nữa ?

Nói xong rồi đi thẳng vào nhà trong

Anh tôi nói rằng : — Chú đừng lo,
để tôi bịa lời bầm mẹ cho.

Rồi anh tôi cũng đứng lên vào nhà
trong, khi đó tôi sợ cuồng cuồng,
không khác gì một người có tội sắp
đem chém.

Lâu lâu một lát, thấy anh tôi và chị
gái tôi vừa cười vừa đi ra, bảo tôi
rằng : — Xong rồi, vui mừng quá !

Chị gái tôi thì nói đùa rằng : — Cậu
sắp lấy vợ đẹp gớm, bây giờ cho tôi

xem cái ảnh của chị dâu mợ nó nhé ?

Tôi cũng tìm-tìm mà nói rằng : — Có thật, nhưng chị không thể ăn hiếp tôi mà đòi xem được.

Rồi chị tôi cứ nắm tay tôi mà nói rằng : — Cậu cứ đưa tôi xem, chóng rồi tôi nói câu chuyện hay cho nghe.

Anh tôi cũng nói rằng : — Hôm nay cũng nhờ có chị nói đỡ, chứ không thì mẹ đang gắt như thế, một mình tôi nói sao lại, chú cũng nên cảm ơn chị mới phải.

Đoạn rồi, tôi lấy ngay cái ảnh của Lê-Anh đưa cho chị tôi.

Chị tôi cầm lấy cái ảnh nhìn mãi, rồi rơm-rớm nước mắt ra.

Tôi cười mà hỏi rằng : — Chị vẫn hay vui tính, sao hôm nay xem thấy cái ảnh ấy mà lại buồn thế ?

Chị tôi nói rằng : — Tôi nghĩ thế này mới biết cái kiếp đàn-bà khổ thật, phỏng như bóng - dáng người này, đáng lẽ thì

*Cánh hoa mưa gió vườn hồng,
Hương trời sắc nước đua cùng chứa xuân.*

*Ngò đâu cái phận hồng-quần,
Đương mùa hoa nở làm thân hoa tàn.*

*Ông xanh sao khéo đa-đoan,
Hay ganh với sắc hay ghen với tài.*

*Phấn son cùng kiếp trần-ai,
Thấy người mệnh bạc ngậm ngùi xót lây.*

Anh tôi nghe những lời ấy, cũng buồn mà ngồi thừ ra.

Một lát, chị tôi lại tươi-cười mà nói rằng : — Cậu với người này, cái tình-duyên cũng lạ thật, nhưng tôi đoán rằng : chắc hẳn chị dù có đẹp, cũng là duyên thừa ; tất-nhiên em cũng không vừa, lại là của mới ; sềnh nổi vợ giế, mất một được mười ; nay mai sẽ xum-hợp một nhà mai-trúc, sừng

cho ai nên vợ nên chồng ; vui-vầy đôi lứa uyên-ương, thiết gì kẻ nữa đời nửa đoạn ! À, hay là ta bây giờ :

*Năm quan sùy cả mười quan,
Ngâm thơ cùng chị giao đàn cùng em.
Một mũi tên sọc cả đôi chim,
Đem đàn Tu-mã mà tìm Văn-quân,
thì cũng càng hay chứ sao ?*

Tôi vội trừng mắt nhìn chị tôi mà nói rằng : — Chị tẻ quá, chị ác quá, sao chị uớ nhảm như thế !

Chị tôi cười rằng : — Ô hay, cậu này mới nóng tính chứ ! tôi nói bốn đây, chứ thật thì cái việc này, hai người cũng không phải cả, nếu có nghĩ đến công việc bổn-phận của mình, thì phải cắt bỏ cái bụng lăm đi mới được.

Tôi nói rằng : — Vâng, vừa rồi mẹ cũng đã bảo, em cũng không dám lăm đại nữa đâu.

Chị tôi nói rằng : — Thế thì được lắm, cho biết những người thông-minh, vẫn hay chóng biết hối thật.

Tối hôm ấy, cả nhà cùng ngồi ăn cơm, mà tôi thì lo ngom-ngót, chỉ sợ mẹ tôi lại gắt gì nữa chẳng, nhưng xem ý mẹ tôi, lại có phần tươi-tĩnh hơn mọi lúc, rồi cứ giục tôi rằng : — Con ăn cố đi, sao độ này ăn yếu thế ? À, mẹ bảo này : cái việc anh nói lúc nãy thì hay lắm, nếu được thế còn gì bằng, mẹ cũng bằng lòng lắm.

Khi cả nhà ăn xong, tôi đứng dậy, rồi cứ bâng-khuâng nghĩ mãi.

*Trót đà vương mối tơ hồng.
Còn anh còn mẹ biết lòng thương chàng ?
Duyên này xin hỏi ông trăng,
Nước xuôi thuyền ngược biết rằng có trời ?*

CHƯƠNG THỨ VIII

Tháng bảy

Khi trước tôi có hẹn với Lê-Anh,

hễ có gửi tờ cho tôi, thì cứ đề phong-bì tên người bạn tôi là ông Tĩnh-Am, vì ông ấy là người rất thân của tôi.

Trưa hôm nay, bất-thình-linh có người khách đến, thì chính là Tĩnh-Am.

Tôi nói rằng : — May quá, tôi đang nhớ quá, lại được bác sang chơi đây.

Tĩnh-Am nói rằng : — Hôm nay thông-thả, nhân thế định sang hỏi bác câu này : những cái tờ mọi khi, của ai gửi cho bác, sao cứ phải gửi truyền cho tôi.

Tôi nói rằng : — Cái việc ấy, tiêu-độ thật không dám giấu gì quan bác, nhưng ở đây thì không tiện nói chuyện lắm.

Tĩnh-Am nói rằng : — Đã lâu lắm anh em ta không đi uống rượu chơi với nhau, hôm nay mời bác lên hiệu đánh chén với tôi nhé ?

Đoạn rồi, tôi và Tĩnh-Am đưa nhau đến lầu-quán cùng ngồi uống rượu chơi.

Khi vui chuyện, tôi đem cả cái việc tôi với Lê-Ảnh, kể cả lại cho Tĩnh-Am nghe.

Tĩnh-Am ngồi ngẩn ra, rồi hỏi rằng : — Có thể à ? Thế thì cái tình nó làm hại cho người ta thật. Phỏng như cái tài của bác, gặp thời-buổi này, giọc ngang hồ-bể, vùng-vẫy công-danh, tô-diềm non sông, đỡ-dần thế-cục, cho nó bỏ với đời, trước là danh, sau là lợi, kiếp thanh-niên phi-chỉ nam-nhi; trên vì nước, dưới vì dân, công đào-chú đèn lòng tạo-hóa ; làm sao vương-vít vì tình, mà lâm-lữ đến thế ?

Tôi nói rằng : — Vâng, bác trách thì em xin chịu, nhưng người ta ai là không có tình ? Bây giờ bác yêu tôi mà muốn khuyên cho tôi tỉnh lại, nhưng bác có còn nhớ ngày nào bác đang nhân-tình với nàng Dung-nương,

bác còn đang mê-mết, mà tôi cũng can bác không được. Cho biết :

*Đa tình thì vương-nợ tình,
Trách người đã vậy trách mình làm
[sao ?*

Nghĩa là khi trước Tĩnh-Am có nhân-tình thiết với một người ả-dào, tên là Dung-nương, ném ngọc gieo vàng, chỉ non thề bẽ :

*Trăm năm ước bạn chung-tình,
Trên trời dưới đất có mình với ta.*

Sau chẳng may : gặp sự gỡ-giang, chia duyên rẽ phận,

*Giai-nhân đã mất tay Sa-lợi,
Nghĩa-sĩ ai là mặt Cồ-sinh ;*

rồi đến nỗi phẫn lạt hương phai, kẻ nam người bắc, Tĩnh-Am vẫn lấy làm căm-tức mãi.

Khi tôi nói dứt lời, Tĩnh-Am vội cãi ngay rằng : — Dung-nương là một đứa ả-dào, sao có bì với việc này của bác được.

Tôi nói rằng : — Đã hay rằng thế, nhưng người ta đến cái tình thì lạ thật, bác có nhớ cái mười bài thơ lúc bấy giờ của bác hay không ? Tôi vẫn còn nhớ mấy câu rằng :

*Trăm miệng khôn bưng lời mắc dại,
Một đời xin tạc bụng yêu hoa ;*

lại còn câu này :

*Si đến kiếp sau si chữa nguội,
Đại bày trước mắt đại không chữa ;*

những câu ấy chẳng phải của bác là gì ?

Rồi Tĩnh-Am cũng cười ồ lên rằng : — Những câu ấy, lúc bấy giờ tôi vẫn tưởng là hay lắm, bây giờ nghĩ lại thì thật buồn cười. Tôi đã xé bỏ đem bịt lọ mồm từ bao giờ, sao bác còn sáng dạ mà nhớ mãi thế ? Chán quá ! mình định khuyên bác ấy, lại thành

ra nổi gió cho giặc, để bác ấy lại nói mớ mình :

*Bề tình là bề trăm-luân,
Hay gì giết-giù mà lẫn thân vào.*

«Ừ, bác bảo tôi là si thì tôi xin chịu, nhưng bác đã trông thấy cái gương của tôi như thế, sao bác lại còn xéo vệt xe đồ của tôi? Lúc trước tôi mong ngoảnh cổ lại thì khó-khẩn, sao bây giờ bác trượt chân thì dễ thế?

Tôi nói rằng : — Sự đó thì tôi cũng không hiểu, chẳng qua ông tạo-hóa là bất-nhân, cứ hay đem một chữ *tình* để xoay ngang vật ngược chúng-sinh, buộc cho vào nơi khổ-não, như bác ngày trước với tôi bây giờ, mà cũng không cảm lòng cho dậu.

Hoa Lê nọ vẫn-vơ dưới nguyệt, vẫn-vương ngàn nổi tài-tinh ; Phù-dung kia hơn-hở bên sông, gian-giù cũng vì duyên kiếp ; trắng dấy hoa đây, cây này sông nọ ; cuộc ái-ân là cuộc đoạn-tràng ! Ngờ đâu anh em mình chẳng may mà mắc cả, từ nay trở đi, thành ra :

*Gánh sầu nặng mấy trăm cân,
Anh tha không nổi anh nhằn cho tôi !*

Tĩnh-Am nói rằng : — Nếu thế thì si quá. Tôi là người chân đời thì đã vậy, chứ bác thì không nên thế. Mấy gió bốn phương, cung tên bốn bề, anh-hùng nặng nợ, sự-nghiệp như trời, nếu vì một chữ *tình* mà nghĩ liệu như thế, thì hoài lắm !

Tôi nói rằng : — Tôi cũng biết bác sẵn lòng yêu nhau, vả cũng đã qua cầu, nên mới có những lời khuyên-giải thiết-thực như thế. Vậy nhân thế tôi xin nói chuyện hết để bác nghe. Người ấy có khuyên tôi một việc rằng nên đi du-lịch ngoại-quốc, và sẵn lòng giúp đỡ tiền phí-tồn. Tôi cũng biết người ấy, bụng thì mềm mà ruột thì rắn, thân con gái mà chỉ anh-hùng,

nhưng tiếc tôi cái tài hèn chậm, trông theo bụi mà thêm cho phận, chỉ ngang-tàng đã nguội như tro ; vì *tình-duyên* diên-dã lắm lòng, khi khóc hoa xuân, khi thương gió biệt, khi vui hồ-hững, khi sầu vãn-vơ ; nghĩ thân mình như cái người thừa, còn bụng nào thiết đến việc non sông này nữa ?

Tĩnh-Am nghe đoạn, vỗ tay rồi đứng lên mà nói rằng : — Ôi, thế à ? Người ấy mà đến thế à ? Tôi không ngờ trong đám phong-trần mà được chị Hồng-Poật biết nhau như thế :

*Mắt xanh một liếc thoáng qua,
Biết nhau nữa mặt ấy là trăm năm.*

Nếu thật thế thì thôi trao chưa gầy, châu trả lại lành, hoa rụng nước trôi, cảnh xuân đã hết, còn quyến-luyến gì nữa ? Chi bằng cứ nghe lời ấy, cắt đường ân-ái, lập đường công-danh, mà sao bác lẫn-thần như thế ?

Tôi nghe Tĩnh-Am nói, cứ gật đầu ngồi nghe, mà không nói được câu gì nữa.

Tĩnh-Am nhìn tôi mà hỏi rằng : — Bác lúng-búng như thế, thế bác bảo cái việc ấy kết-quả ra làm sao ?

Tôi chợt nói rằng : — À, chết, tôi quên, tôi chưa nói cho bác nghe việc này, bác cũng đừng phải lo nữa, vì tôi với người ấy, *uyên-vương* đôi lứa, ai hơi dẫu chết uống vì *tình*, loan-phượng một nhà, có lẽ sắp lộn-sòng đánh đôi.

Đoạn rồi tôi cũng kể cả cái việc nhân-duyên Quân-Thiến cho Tĩnh-Am nghe.

Tĩnh-Am giật mình, rồi mừng vỗ tay mà nói rằng : — À, hay lắm, phải lắm, người này giỏi thật :

*Tình si đều trả cho anh,
Đã tròn thân chị lại lành duyên em.
Trót đưa nhau đến cầu Lam.
Đá xanh mây biếc thì đem vá trời,*

Người ta tính cách cho bác như thế, thật là hết lòng, bác đừng nên phụ cái khổ-tâm của người ta thì mới phải.

Rồi lại vỗ vai tôi mà nói đùa rằng :
— Sướng nhỉ, xin uống mừng bác một cốc rượu đã.

Tôi nói rằng : — Ô hay ! Bác say rồi ! làm gì mà đã rồi-rit như thế ? Cái việc ấy tôi có bằng lòng một chút nào đâu. Cùng phường đồng-bệnh, mà sao bác không biết thương nhau làm vậy, bác thử nghĩ xem tôi còn sung-sướng gì nữa !

Tĩnh-Am nghe nói ngẩn ra, đặt cốc rượu mà nói rằng : — Khốn-nạn, bác phải biết, anh em mình cùng một phái chung-tinh cả, có phải tôi không lượng bụng cho bác đâu. Nhưng tôi hỏi bác : vì tình mà sinh ra cái giận, vì giận lại sinh ra lắm cái tình, phỏng cơ-duyên như thế, bác định tình ra làm sao ?

Tâm xuân chết ruột, rút mối tơ đèn chủ không xong ; phượng non bay thuyền, nghe khúc hát cầu-hoàng cũng thú ; thì còn ngại gì, mà phải nghĩ khó-khăn làm vậy. Vả lại cái người này, thật là người đa-tình, mà lại khéo dùng cái chữ tình, huớng-chỉ cái tình là kết-hợp ở cái tinh-thần, chứ không phải kết-hợp ở cái hình-thể, nếu bác đã có bụng với người ta, thì bụng bác chưa chết, tức là cái tình chưa chết. Và tôi nói cho bác nghĩ lại, cái tình-duyên của mình đã vậy, còn sự-nghiệp của mình làm sao ?

*Việc nhà việc nước cuộc mây mưa,
Gánh nợ tang-bồng đã trả chưa ?
Lương-Phủ thơ ngâm vừa hết khúc,
Non sông chờ đợi những bao giờ ?*

Trời đã sinh ra một người tài, cũng muốn để dùng về việc đời, chứ có định để dùng về việc tình đâu, mà sao bác làm thế ?

Tôi nghe Tĩnh-Am nói khẳng-khải làm vậy, trong bụng cũng lấy làm cảm-phục. Rồi hai người cùng uống thật say mới về.

*Xưa nay lắm kẻ đa-tình,
Đa-tình là khách thông-minh trong đời.
Chữ tình theo mãi chữ tài,
Một mười một chín biết người nào khôn.*

Tháng ngày thắm-thoắt, có thương đau đến người sầu ? Hồng-nhạn đi về, nghe đã nhớ mùi thu lạnh. Gió vàng lác-đác, lá ngô đã vội lia cành ; hạt móc lạnh-lùng, tiếng giế vì ai khóc mướn ? Mưa gió năm canh mình một bóng, muốn vui thu cũng bắt cho buồn.

Bồng-dâu, tiếp được luôn hai bức thư : một cái là tờ báo sắp đến ngày khai-tràng, một cái là tờ Lê-Ảnh.

*Gió mưa ngăn-trở cho tình,
Con thuyền tống-biệt nhớ mình nhớ ta.
Mưa gâu đừng về ngân-hà.
Biết rằng thuyền đắm hay là thuyền trôi.*

Người ta không khổ gì bằng cái cảnh sầu :

*Người sầu lại gặp trời thu,
Ngày lo ngày ngắn đêm lo đêm dài.*

Thắm-thoắt lại đến tết trung-nguyên rồi ! Anh tôi tiếp được tin rồi sắp-sửa phải đi vắng, thầy tớ ngựa nghèo, sắm-sửa vội-vàng :

*Biệt-ly chưa biệt-ly ai,
Bắc nam đã có một người nhớ anh.*

Anh tôi đi chuyến này là vì có một ông quan Khâm-sai viết giấy gọi đề bổ làm một chức thư-ký. Cung tên bốn bề, đã tu tu sự-nghiệp mình ; trung-hiếu hai vai, muốn lập-lập công-danh trước ; sự đó thật là phỉ-chí. Khi sắp đi, tôi tiễn ra dò, anh tôi có dặn mấy câu rằng : — Chú nên gắng chí, tôi vẫn

biết chú cũng vẫn là người tài-hoa, gặp thời-buổi đua-chen này phải nên sửa cái بدن-phận. Chuyển này anh về xem ý chú mới bước chân ra khỏi nhà mà đã : lưới tình mắc-mứ, nặng nợ hồng-nhan, chỉ cũ dúi-mài, thay lòng trắng-sĩ ; tôi vẫn lấy làm tiếc lắm, bây giờ sắp đi vắng mới phải nói thật để chú biết : Việc mình thì ít, việc nhà còn nhiều ; việc nhà còn nhẹ, việc nước thì nặng. Nếu cứ bỏ bụng anh-hùng theo lòng nhi-nữ, thì còn ra gì nữa ?

Tôi nghe anh tôi nói mà sợ-hãi, rồi trở xuống nước mà thề rằng :

— Nếu em không nghe lời anh xin thề như nước sông này.

Đoạn rồi anh tôi bước chân xuống dò ra đi mà tôi thì trở về.

Trong mấy hôm ấy tôi buồn quá, có

nghĩ được một bài từ viết cho Lê-Anh như sau này :

(Điệu Trạng-tương-tư)

Non một trùng,

Nước một trùng,

Một khối tương-tư kết một lòng.

Lời xưa ai nhớ không ?

Người cuối sông,

Người đầu sông,

Trời ghét tài-hoa ghét má-hồng !

Kiếp này tu chữa xong !

Cách được mấy hôm nữa đã gần đến ngày khai-giảng, nên tôi cũng phải sắm-sửa để sang trường học.

(Còn nữa)

Nguyên-văn chữ Hán
của Từ TRẦM-Á

M.-K. dịch

VĂN-UYÊN

Xuân du Tây-hồ tả cảnh

Bát-ngát trời xuân thời khi hòa,
Cảnh hồ riêng đợi khách hào-hoa.
Yến oanh mùa hát lòng nô-nức,
Mai liễu chào mời dạ thiết-tha.
Sóng vỗ bên chùa chuông mới rạo,
Gương soi mặt nước bóng chưa tà.
Tâm-phương ai kẻ tình-chung đó ?
Trăng gió đi về ta biết ta.

NGUYỄN HUY-KY

Đầu năm Giáp-tí

Giáp-tí năm nay mở hội đầu,
Gió hòa phi-phát cửa nam-lâu.
Một trời xuân-sắc mừng hoa-thảo,
Muôn phái văn-hà rạng Đầu-ngưu.
Nước có cương-thường xây cột vững,
Tục còn phong-nhã dựng nền sâu.
Bấy nay tịch-mịch miền hoa-ân,
Mượn bút tạo-nhân phá cụ-sầu.

Vịnh bà Nguyễn Thị-Kim

I

(Khi theo vua Chiêu-Thống đến Nam-quan không kịp)

Gót ngọc lưu-ly lánh cõi ngoài,
Năm canh hồn-mộng luống bồi-hồi.
Mới từ sứ nhạn tin đưa đón,
Đã cách xe loan bóng tuyết vơi.
Bắc-tái ngừng trông đường nẻo khuất,
Nam-quan xa cách dặm rừng khơi.
Phận bèo bao quân chiều trôi rạt,
Xiết nỗi sầu riêng giọt lệ rơi !

II

(Lúc bà Thị-Kim tuần-tiết)

Tiếc thay hồ-liễu giọt mưa sa !
Việc nước thêm thương nỗi việc nhà.
Mấy độ trông chừng loan-giá cách,
Một mai khuất bóng Đình-hồ xa.
Bèo trôi sóng vỗ ngừng trông nguyệt,
Tuyết diễm sương tàn nợ tiếc hoa.

Một kiếp phù-sinh dành phận thiếp,
Hồn thiêng xin gửi bóng ô-tà.

III

(Miếu bà Thị-Kim)

Trong bốn quần-thoa biết mấy mươi,
Ti-bà-liệt-nữ dấu thơm rơi.
Cửu-trùng cách mặt còn than khóc,
Muôn kiếp phù-sinh vẫn ngậm cười.
Sóng Bái hồn về dòng nước biếc,
Làng quê miếu cổ bóng trăng soi.
Hồng-nhan ai kẻ loài ong bướm,
Qua lại ngừng trông đáng thẹn đời!
Ngô Thế-Truy

Đề miếu vua Hùng

Đất cũ Phong-châu đất đế-vương,
Miếu vua Hùng vẫn rạng đèn hương.
Cháu hăm-năm triệu người thờ cúng,
Nước bốn nghìn năm cụ mở-mang.
Hong Lạc sinh thêm bao lá ngọc,
Đình Lê truyền mãi mấy ngôi vàng.
Trăm nghìn lay tỏ xin phù-hộ,
Nòi giống Rồng Tiên chóng phú-cường.

Mị-Châu

Quá chút tình-si hóa nề-nang,
Chữ tông ai biết cũng Sâm-Thương.
Nỗ thần sao dám cho xem mây,
Lông ngỗng còn đem đề rắc đường.
Nào phải cam lòng làm hại nước,
Chỉ vì nhẹ dạ quá tin chàng.
Đại rồi còn biết khôn sao nữa,
Trung-tín ai hay tắc dạ vàng.

Tô Hiến-Thành

Bình Chiêm đánh Tống biết bao công,
Kể Lý danh-thần dễ nhất ông.
Huân-nghiệp ba triều phôi dạ sắt,
Thanh-liêm một tiết ghét hơi đồng.
Mưu bày phế-lập ngăn bà hậu,
Lòng giữ trinh-trung đối bệ rồng.
Tứ-phụ tranh còn treo ở đó,
Làm gương thiên-cổ để soi chung.

Trần Hưng-Đạo

Nghiêng trời lệch đất cuộc giao-binh,
Xã-tắc yên-nguy hệ một minh.

Vạn-kiếp bao phen quân Việt thắng,
Bách-dãng mấy trận giặc Nguyên kinh.
Quyết đem văn-võ tài vô-dịch,
Rửa sạch non-sông khi bất-bình.
Tháng tám qua thăm đền Kiếp-bạc,
Khiến người còn tưởng thấy uy-linh.

NGUYỄN VĂN-AN

Chơi chùa Hương

I

Cái nợ đa-tình nó chữa tha,
Khát-khao muốn được nước mai già.
Kim-đồng ngọc-nữ tình đà nặng,
Bề ai sông ân vượt chữa qua.
Trắng mọc đầu non chim diêm mỗ,
Xuân về cửa động vượn dâng hoa.
Lặng nghe chuông gọi hồn ngoan tỉnh,
Hạc khách đầu dây dễ biết ta!

II

Tạo-hóa bày ra cảnh lạ-lùng,
Rộng đem đạo Phật để vui chung.
Voi gà nhấp-nhở bao từng núi,
Rồng rắn quanh-co mấy khúc sông.
Ngọn suối hữu-tình hoa cỏ nhuận,
Con đường vô-ngại gió trăng thông.
Tiếc thay đá trắng thơ ai vạch,
Có lẽ mưa rừng quét sạch không?

Xem hội Phủ-Giầy

Hội Phủ-giầy vừa tới tháng ba,
Áo khăn xanh đỏ khắp gần xa.
Kéo cờ mở chữ thừa ơn thánh,
Nổi gió tuôn mây hiển phép bà.
Đàn hát rập-rình siêu dạ tục,
Khói hương nghi-ngút lẫn hồn ma.
Biết bao cô cậu tranh hầu bóng,
Mùa đối bày trò loạn mắt ta.

Hội chùa Thầy

Tháng ba ngày bảy hội chùa Thầy,
Muốn ước vòng tròn tới hội đây.
Gió thổi hương thiền bay cõi tục,
Trắng đưa bạn hạc rẽ đường mây.
Chợ-trời đã tỏ Cờ-tiên đó,
Hang-thánh còn truyền Các-cờ đây.

Một tấm lòng thơm xuân chữa hẹn,
Có chăng phận đẹp gặp duyên may.

NGUYỄN HUY-KY

Trầy hội chùa Hương

Phong-cảnh Hương-sơn lịch-sự kỳ,
Yêu nhau nên phải rủ nhau đi.
Trăng in nước biếc dòng trong vắt,
Mây tỏa non xanh cỏ rậm-rì.
Mở mắt anh-hùng nên thắng-thưởng,
Đem lòng phụ-nhụ phải qui-y.
Giang-sơn ước hẹn ai là chủ,
Non-nước nghìn năm vẫn thế ni ?

Đề chùa Thầy

Thầy khéo tu nên quả phúc này,
Thầy vui một cảnh cõi non tây.
Thầy trông núi Tản sông Lô đó,
Thầy nghĩ con Hồng cháu Lạc đây.
Thầy đã không dung loài rắn độc,
Thầy nên trừ hết lũ dơi bay.
Thầy xem tôi tớ ngày nay vậy,
Thầy biết hay chăng, thế hỡi thầy ?

HÀ MAI-KHÔI

Ngày xuân chơi Sài-sơn

Quá bước tìm hoa tới núi Sài,
Thiên-thai có lẽ hẳn là nơi.
Rêu in đá rủ nơi Hang-thánh,
Gió hợp mây tan chốn Chợ-trời.
Oanh yến lẫn cảnh lưng tiếng hát,
Cỏ hoa sen đá đượm màu tươi.
Nguồn đào ươm hoi đâu là chốn ?
Đề khách du-xuân gặp-gỡ người.

HOA-MẬU-ÁNH

Phong-cảnh Sài-sơn

Cùng nhau dạo gót tới non cao,
Ươm hoi sự-ông những chốn nào.
Trên động dưới hang như hiển-hiện,
Tiếng oanh giọng én vẽ thanh-tào.
Non-xanh cao ngất từng mây bạc.
Nước biếc xa trông chốn động đào.
Cho biết Sài-sơn nơi thắng-cảnh,
Thỏa lòng rày ước với mai ao.

BÙI MẠNH-THIỆN

Đêm khuya xem sách

Đốt ngọn đèn xanh giờ quyền vàng,
Thương mình thương đến cuộc văn-
chương !

Thi-thư duyên trước còn vương-viêu,
Chữ-nghĩa ngày nay đã dở-dang !
Bóng nguyệt canh gà thêm lưỡng-lự,
Hồn mai phách quế lưỡng mơ-màng !
Phòng văn hiu-hắt hơi sương lạnh,
Khuya mãi sao mà chưa sáng choang ?

Thương mình

Tuổi đã hai-mươi-bốn tuổi rồi,
Nghĩ tôi tôi lại xót thương tôi !
Giang-hồ nhớ mẹ lòng ngao-ngán,
Suối thâm thương cha lệ xut-xùi !
Chữ nghĩa dở-dang đành đã thế,
Nợ-nần dan-diu biết bao thôi !
Nỗi-niềm biết nói cùng ai nhỉ ?
Muốn gọi trời xanh hỏi mấy lời.

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

Mưa thu

Thấm nổi trời thu những nắng mưa,
Bóng dương khi tỏ lại khi mờ.
Mây hôm mống sớm còn ra mãi,
Chớp bề mưa nguồn đã chán chưa !
Đường-sá thương thay người lặn-lội,
Ruộng-nương ngán nỗi kẻ cày bừa.
Bao giờ đất tạnh trời quang nhỉ,
Ngó cò song thưa lưỡng đợi chờ.

Thơ nghèo

Túng thế như ta dễ được nào,
Chẳng tiền chẳng bạc đã làm sao.
Cơm không thịt cá ăn vừa miệng,
Áo chẳng nhung the mặc đủ bào.
Mấy bức tranh từng nắng ngấm-nghĩa,
Và câu thơ cò vẫn nghèo-ngao.
Ấy ai có biết ai không biết,
Ta chỉ thua ai một cái nghèo.

NGUYỄN NGỌC-THIỀU

THƠ NAM-KY

Tự-thán

Chẳng dă nên ta phải chịu dần,
 Như thuyền dôi-dập bến mê-tân.
 Trần-ai chưa rảnh bề chen-lăn,
 Thơ-kiếm còn vương lấy nợ-nần.
 Vén bút chĩn e mình thiếu sức,
 Thương quê xin nhượng bậc cầm cân.
 Ngọn rau tấc đất ơn cang trọng,
 Ai cũng là người trong quốc-dân.

Tự-thuật

Từ ngày lướt sóng giã quê-hương,
 Quanh-quần bên tâm vít đoạn-trường.
 Nợ nước đền-bồi ầu phải gặng,
 Nỗi nhà hiu-quạnh nghĩ mà thương.
 Cái thân cung-kiếm chung trời đội,
 Khối nghĩa sanh-thành tấc đất vương.
 Hồ-thĩ tang-bồng là chi cả,
 Biết sao thăm viếng được cho thường.

Đồ-cảnh hoài-tĩnh

Cái cảnh ai đem bèo khách tình,
 Tới đây ngùi nhớ tiếng sơn-minh.
 Ra-vào lối hẹn quen cây cỏ,
 Nghi-ngút hương nguyên tạc sắt-danh.
 Trước mắt ngồn-ngang nhà bốn bề,
 Bên lòng bận-bịu nợ ba-sinh.

Còn non còn nước còn tương-hội,
 Non nước kia đâu nữa phụ mình.

PHÚ TUẤN-NẮNG

Xuân-nhật thi-bút

I

Trận gió ý-ào tiết cũ qua,
 Ngày xuân ấm-ướt khí dung-hòa.
 Khói lồng bờ liễu mây xanh biếc,
 Sương đọng cánh mai dáng thướt-tha.
 Rượu rót trong nhà ta tổng-lạp,
 Pháo vang ngoài ngõ kẻ xua ma.
 Non sông tươi mặt chào năm mới,
 Một sắc trời xuân vẽ đượm-đà.

II

Tiếng pháo di-đùng năm mới sang,
 Ngoài hiên thánh-thót giọng oanh vàng.
 Nón-nà má thắm đào say gió,
 Tha-thướt mây xanh liễu nhuộm sương.
 Xe ngựa xôn-xao phường phú-quí,
 Áo-xiêm chao-chuốt bọn vi-hàng.
 Trời nam non nước xuân đầm-ấm,
 Mừng tiệc đồ-tỏ rót chén tràn.

LÂM TẤN-PHÁC

THỜ'I-ĐÀM

Việc Âu - Mĩ

Tình-hình đồng phát-lãng. — Đồng phát-lãng vào cuối tháng hai và đầu tháng ba phải một hồi sụt xuống quá, mỗi đồng bạc ta thôm-thêm 14, 15 quan, không khác gì hồi chiến-tranh dương kịch-liệt. Nhưng tới nay đã thấy lên dần, trong một tuần-lễ mà giá bạc đương 14, 15 quan, xuống 10 quan, 9 quan. Thế là tình-hình chính-trị bên Pháp đã khá lắm. Ta cũng nên mừng cho Quý-quốc.

Nguyên-nhân sự giảm-giá của đồng phát-lãng, như đã nói kỳ trước, không những thuộc về tài-chính, lại thuộc về chính-trị nữa. Thuộc về tài-chính là nước Pháp từ

sau cuộc chiến-tranh phải chi tiêu nhiều để tu-bổ các miền bị tàn-phá, mà thu - nhập về khoản bồi-thường của nước Đức thì hầu như không được tí gì. Có chi mà không có thu, không thể không tạm-thời phát-hành thêm giấy-bạc để đối-phó với sự cần-dùng. Giấy bạc càng ngày càng nhiều ra, bèn xảy ra một sự trong tài-chính-học gọi là sự « ứ giấy » (*inflation fiduciaire*). Giấy đã đến ứ thời giấy tất giảm-giá đi. Nhưng nếu thế-lực nước về đương chính-trị vẫn vững-vàng, thôi ứ rồi lại tiêu dần đi (*déflation*), cũng là một sự thường trong việc lý-tài các nước. Tức như Đông-Pháp ta năm trước, quan Toàn-quyền Long

ký nghị-dinh đặt giấy bạc phải cưỡng-hành (*cours forcé*), nghĩa là giấy bạc không được tự-do đổi lấy bạc đồng, thế là « giấy ứ » đó; cách năm sau lại ký nghị - dinh bãi lệ cưỡng-hành, bạc giấy lại được tự - do đổi lấy bạc đồng, thế là giấy « tiêu » dần đi đó. Các nước vẫn thường làm như thế. Hiện nay, trừ có nước Hoa-kỳ là bao nhiêu giấy lưu-hành có bấy nhiêu bạc ở kho, nước Anh thời cũng gần được như thế, còn các nước khác đều là số giấy nhiều hơn số bạc cả. Cứ bình-thường thời sự đồ dẫu không hay nhưng cũng không hại. Nay nếu trong chính-trị có sự khó-khẩn thời chính-trị tất ảnh-hưởng đến tài-chính. Từ hơn một năm nay, chính-trị nước Pháp cũng có điều khó-khẩn, đối với nước Đức, đối với nước Anh. Đối với Đức thời vì Đức không chịu trả bồi-thường nên phải đề-quân sang đóng hai sông *Ruhr* để lấy dợ. Đối với Anh thời Anh không bằng lòng sự đóng quân đó và có ý ngấm vì Đức. Thành thử một bên nước Đức, một bên nước Anh, đều lập-tâm vận-dộng cho Pháp phải rút quân ở sông *Ruhr* về. Trực-tiếp vận-dộng không thể được, vì nước Pháp vừa có lý phải, mà lại vừa có binh mạnh; tất phải vận-dộng bằng cách gián-tiếp. Cách ấy không gì bằng « giao-chiến với đồng-phật-lãng », khiến cho giảm-giá đi, mong rằng nước Pháp bị quân-bách về đường tài-chính, tất không kham được việc đóng quân mà phải rút quân về. Từ tháng giêng tây năm ngoái, những kẻ thù với nước Pháp vẫn âm - mưu như thế. Nhân đồng-phật-lãng lưu-hành trong thế - giới nhiều, bọn đó phao lời gièm-pha, làm cho thiên-ha bớt lòng tin-dụng, và khiến cho những người có nhiều phật-lãng bán đồ bán tháo đi để mua lấy những tiền cao giá hơn, như tiền Anh tiền Mĩ. Thành ra nhất-diện thời trong nước ứ giấy, nhất-diện thời giấy ở ngoài đổ về, giấy bạc không khỏi càng ngày càng giảm giá mãi đi. Ấy tình-hình đồng-phật-lãng như thế.

Đối với tình-hình ấy, Chính-phủ Pháp nhờ có quan Thủ-tướng POINCARÉ quả-quyết, định tăng các thuế-ngạch và giảm những nhúng-lai, như kỳ trước đã nói. Song ở một nước dân-phủ, Chính-phủ không thể tự-quyết được, chủ-quyền là ở Nghị-viện, và ở Nghị-viện tuy đa-số là về phe với Chính-phủ, nhưng còn có đảng phản-đối cũng nhiều. Và lại dân nước nào cũng vậy, ai là hoan-nghech sự tăng thuế, và quan-lai đầu chẳng thế, giảm bớt đi, ai bằng lòng. Bởi vậy nên khi Chính-phủ đem các dự-án cho Nghị-viện quyết-nghị thời có người ngờ rằng không biết có thông-quá được không. Trong khi ấy thời những « kẻ cừ-

địch của đồng-phật-lãng » không phải không dùng những cách ám-muội để vận-dộng ngay trong đám nghị-viên. Nhưng bụng công-tâm, lòng ái-quốc của phần nhiều nghị-viên Pháp còn mạnh hơn lòng tư-lợi cùng mọi sự vận-dộng. Hai Thượng-Hạ Nghị-viện đều số nhiều bỏ về bên đồng-tinh với quan POINCARÉ về các kế-hoạch dùng để bảo-hộ cho đồng-phật-lãng. Không những thế, quan Thủ-tướng xin rằng về việc tài-chính, lệnh của Chính-phủ (*décrets*) được đủ sức thi-hành như luật của Quốc-hội (*lois*), hai Nghị-viện cũng phần nhiều bỏ về thuận cả. Ở một nước dân-chủ mà xin được Nghị-viện chịu nhường một phần chủ-quyền cho Chính-phủ như thế, là một sự ít có lắm, và đủ chứng rằng quốc-dân có lòng tin quan Thủ-tướng vậy.

Sau khi Quốc-hội Pháp cùng với Chính-phủ một lòng cũ-quyết hết sức bảo-hộ cho đồng-phật-lãng như thế, thời thấy đồng-phật-lãng tăng giá ngay. Ta cũng mong cho nước Pháp rằng tình-linh cứ mỗi ngày một khá thêm lên như thế mãi, và đồng-phật-lãng sẽ chóng được trở lại giá cũ.

Quan Thượng-thư Sarraut đối với đảng « cấp-tiến ». — Trong các chính-dã ở Nghị-viện Pháp, đảng « xã-hội-cấp-tiến » (*parti radical-socialiste*) là một đảng có thế-lực. Đảng này thường không biểu - đồng - tinh với quan Thủ-tướng POINCARÉ. Nhân việc quyết-nghị về « luật, lệnh » (*décret-lois*), như trên kia vừa nói, đảng « cấp-tiến » cực-lực phản-đối Chính-phủ, nói rằng ở một nước Dân-chủ, chủ-quyền phải ở tay Nghị-viện là đại-biểu quốc-dân, nếu cho chính-phủ hạ sắc-lệnh thay quốc-luật được, thì trái với chính-thể dân-chủ, và thành ra dễ cho chức thủ-tướng được quyền chuyên-chế. Phần nhiều nghị-viên về đảng ấy không bỏ về cao Chính-phủ. Quan Thượng-thư SARRAUT vốn là người của đảng « cấp-tiến », nhưng ngại lại làm Thượng-thư, có chán Chính-phủ, không thể không bỏ về cho quan POINCARÉ là người đứng đầu Chính-phủ. Hội-đồng quân-trị đảng cấp-tiến, có ông thượng - nghị-viên HERRIOT, thị-trưởng thành *Lyon*, đứng đầu, bên họp cả đảng-viên ngót hai trăm người xét việc đó, kết-án là phạm kỷ-luật trong đảng và bỏ về 135 người đối với 49 người cách-bãi quan SARRAUT ra ngoài đảng. Một nhà chính-trị có giá-trị như quan SARRAUT mà bị đảng mình bãi-trục như thế, là một việc quan-hệ lắm. Có một cách chống lại cái án ấy, là đợi đến kỳ đại-hội-đồng đảng cấp-tiến, xin đại-uội-đồng phúc-thẩm lại, vì án ấy chẳng qua là

một hội-dồng quân-trị nghĩ kết mà thôi. Nhưng quan SARRAUT không chịu thế. Ngài trả lời cho ông lãnh-tự đảng cấp-tiến là ông thượng-nghị-viên HERRIOT rằng đảng đã không công-nhận ngài thì ngài cũng xin vàng, không oán-bận gì; không những thế, ngài lại xin thôi kỳ này không ra ứng-cử nghị-viên trong bốn-hat nữa. Nghĩa là ngài bằng lòng tạm lui ra ngoài chính-giới. — Bức thư trả lời ấy ảnh hưởng to lắm. Dư-luân đều trách hội-dồng trị-sự đảng cấp-tiến là quá-khắc và khen quan SARRAUT là nhẫn-nhục.

Quốc-dân ta không biết cách tổ-chức các chính-đảng bên Pháp thế nào, nghe những tin ấy không khỏi lấy làm lạ, không hiểu rằng một đảng ở trong nước mà có quyền to như thế, và một người danh-giá như quan SARRAUT lại phải chịu như vậy. Nhưng phải biết rằng ở nước văn-minh người ta được tự-do thật, nhưng bao giờ đã tình-nguyên theo một cái kỷ-luật nào, dù là một kỷ-luật riêng một đảng hay một hội nữa, kỷ-luật ấy năng nề nghiêm-nghị đến đâu hay là là không công-bằng, không chánh-đáng, cũng không dám cưỡng. Ấy người văn-minh ham tự-do mà cũng biết trong kỷ-luật như thế, vì có kỷ-luật mới có hợp-quần, và có hợp-quần mới có sức mạnh vậy. Việc quan SARRAUT đó thật là một cái gương cho kẻ thượng-lưu ở nước ta, thường có tính đố-kỵ nhau, không ai chịu ai cả. Bởi thế nên rời-rạc nhau, không biết hợp-quần, không có đủ sức mà mưu việc lớn.

Trong bức thư quan SARRAUT lại nói rằng ngài tuy ra ngoài chính-giới, ra ngoài Nghị-viên, nhưng ngài vẫn sẽ hết lòng giúp Dân-quốc và giúp thuộc-địa. Có lẽ một ngày kia, khi nào đảng ngài biết giữ một cái thái-độ khoan-dung hơn, thì ngài lại trở về đảng cũ.

Nhưng hiện nay ngài đã tuyên-bố rằng không ra ứng-cử kỳ tổng-tuyển-cử sau này; thời ngài chủ-trương bộ Thuộc-địa bây giờ là tạm-thời mà thôi, sau khi tuyển-cử chắc lui về hẳn, vì lẽ thường phải có chân nghị-viên mới vào Nội-các được. Song trong khi chiến-tranh đã từng thấy mấy lần đặc-cử những người ở ngoài Nghị-viên vào chân các-viên, như quan nguyên-soái LYAUTEY coi bộ Lục-quân, ông MARSAL coi bộ Tài-chính, v.v. Bởi thế nên có người bàn rằng sao lại không chia các bộ nội-các là làm những « bộ thuộc về chính-trị » (*ministères politiques*) và « bộ thuộc về chuyên-môn » (*ministères techniques*), bộ chính-trị thì tất phải có nghị-viên làm bộ-trưởng, còn bộ chuyên-môn thì giao cho người ngoài cũng được. Nếu thế thì bộ Thuộc-địa không vào tay ai xứng-đáng bằng quan SARRAUT. Vì việc Thuộc-địa không ai sánh bằng ngài. Ấy là các báo tây bàn như thế, nhưng không biết ý quan SARRAUT thế nào.

Tòa Nội-các mới bên Pháp.

Khi bầu-chi đã sắp in xong thì có tin rằng tòa Nội-các bên Pháp đã từ-chức, và mới lập tòa Nội-các mới vẫn quan POINCARÉ làm thủ-tướng. Lĩnh bộ Thuộc-địa là quan FABRY, chứ không phải quan SARRAUT nữa. Quan FABRY trước làm Chánh Văn-phòng của quan Thống-tướng JOFFRE, rồi năm 1919 được bầu nghị-viên về quận Seine; trước khi vào Nội-các, làm chủ-bút báo *Intransigeant*.

Tình-hình tòa Nội-các mới nước

Anh. — Kỳ trước đã nói về tòa Nội-các mới nước Anh, người đứng đầu là ông RAMSAY MACDONALD, lãnh-tự đảng lao-động. Lại nói rằng đảng này lên cầm quyền ở nước Anh thì có lẽ việc giao-thiệp nước Pháp với nước Anh sẽ giải-quyết được êm-thắm. Song hơn một tháng nay cũng không có tin gì lạ cả. Nay nên biết qua cái tình-hình và cái khuynh-hướng của tòa Nội-các mới nước Anh thế nào. Đảng lao-động (*Labour party* hay là *parti travailliste*) không phải là đảng có thế-lực nhất trong ba chính-đảng lớn của nước Anh. Kỳ đại-tuyển-cử trước, tổng-số về bầu là 14 triệu rưỡi, đảng bảo-thủ (*les conservateurs*) được 5.637.000 về, đảng lao-động 4.353.000 về, còn bao nhiêu về đảng tự-do hay là đảng cấp-tiến (*les libéraux*). Như thế thời đảng lao-động không phải là được phần nhiều về nhất, và ở Nghị-viên cũng chỉ được 24 phần 100 mà thôi, thực chưa đủ thế-lực lên cầm quyền. Vả cũng là một đảng mới thành-lập tự năm 1905 mà thôi, xưa nay chưa được vào Chính-phủ bao giờ. Nay được như thế, không phải vì cái thế-lực riêng của mình, chính là nhờ được một phần đảng tự-do về bên với mình. Nếu đảng tự-do không thành-tâm giúp hay là có ý phân-gián thì tất đổ ngay. Cho nên có người đã đoán trước rằng tòa Nội-các MACDONALD cho bền lâu nữa chỉ được một năm là cùng. Song đó là thuộc về nội-chính nước Anh, đâu có thay đổi thế nào cũng chỉ quan-hệ đến một nước Anh mà thôi. Ta cần biết là biết cách ngoại-giao của tòa Nội-các mới này thế nào. Nhưng xét ra sự ngoại-giao của tòa Nội-các này không khác gì các tòa trước cả. Trước khi lên cầm quyền, thiên-hạ vẫn tưởng rằng

đảng « lao-động » thế nào cũng thi-hành một cái ngoại-chính mới-mẽ khác thường, không ngờ chính-kiến không khác gì người trước ; là bởi có làm sao ? Là bởi các chính-đảng nước Anh chỉ có phân-đối nhau về việc nội-chính mà thôi, về ngoại-chính thì cô-lai nước Anh vẫn có một cái chủ-nghĩa nhất-định, Chính-phủ nào cũng phải theo, và chủ-nghĩa ấy là do Nguyên-lão-viện (*Chambre des Lords*) đời đời vẫn duy-trì. Chủ-nghĩa ấy là hết sức khuếch-trương cái thế-lực của nước Anh trong thế-giới, hoặc có nước nào hơn thì cố đàn-áp cho kém đi. Đó là một cái đặc-sắc của chính-trị nước Anh. Trong các nước có thể sánh vai với nước Anh, có đủ thế-lực lâm-thời cạnh-tranh với nước Anh được thì ở Âu-lục trước kia có nước Đức, hiện nay có nước Pháp. Trong cuộc đại-chiến mới rồi, Anh đã nhờ Pháp diệt được Đức rồi, nay lại thấy Pháp có binh-lực mạnh, muốn xoay ra giúp ngấm Đức để đàn-áp cho Pháp khỏi mạnh quá. Ấy cái tôn-chỉ sự ngoại-giao của nước Anh bây giờ là thế, dầu đảng nào cầm quyền cũng không làm sai được cái tôn-chỉ ấy. Cho nên ông HERVÉ DE RAUVILLE trong tạp-chí *Revue Hebdomadaire* có một bài luận đề là « Nước Anh vẫn là nước Anh », có ý nói rằng ông RAMSAY MACDONALD làm thủ-tướng cũng không đổi cái thái-độ của Anh đối với Pháp, và kết-luận rằng : « Đối với nước Pháp, không có thay đổi gì đâu. Ông MACDONALD cũng như ông ASQUITH (lãnh-tụ đảng tự-do cùng với LLOYD GEORGE) cũng như ông BALDWIN, sẽ gia-công giúp cho sự khôi-phục nước Đức và ngăn-trở sự phát-dạt nước Pháp, theo như cái cô-lệ bốn trăm năm nay của nước Anh. Có thay-đổi thì dễ chỉ thay đổi cái hình-thức bề ngoài, thay-đổi cái phương-pháp bàn-bạc, chứ đến cái gốc thì không thay-đổi bao giờ. Quan POINCARÉ phải cứ nên vững tay chèo mới được... »

Tình-thế nước Pháp ở Âu-châu bây giờ — Nhân đọc các báo-chí Tây,

có thấy một bài của ông DUMONT-WILDES trong tạp-chí *Revue Bleue*, đề là « Thế cô-lập của nước Pháp » ; tổng-luận về tình-thế nước Pháp hiện bây giờ một cách tinh-tường và khám-phá lắm. Người mình muốn xét về việc bên Tây, cứ xem những điện-tín hằng ngày, ròi-rạc, vụn-vật, nhiều khi không hiểu đầu-đuôi manh-mối thế nào. Thịnh - thoảng gặp được một bài tổng-bình như thế, thật là giúp cho hiểu việc nhiều lắm. Vậy xin tóm-lược đại-ý bài ấy như sau này, vì bài cũng khá dài không thể dịch cả toàn-văn được.

Ngoại-tướng nước Đức STRESEMANN đã từng diễn-thuyết nói rằng cái mưu của Chính-phủ Đức bây giờ là muốn làm cho nước Pháp phải cô-lập, thất cảm-tình với cả liệt-cường. Mưu ấy có thành được không ? không dám nói quyết. Nhưng hiện nay việc giao-thiệp Pháp với Anh vẫn còn ra vẻ khó khăn. Thủ-tướng MUSSOLINI nước Ý mới rồi diễn-thuyết có ý công-kích Pháp. Gần đây vua ALPHONSE XIII nước Tây-ban-nha sang chơi Ý-đại-lợi, báo các nước bình-phẩm nói rằng hai nước có ý đề-huê với nhau, đề làm-thời chống với Pháp. Cho đến nước Ti-nữ-đa đối với Pháp cũng phân-vân, cũng do-dự và không tỏ ra giốc lòng thân thiện. Ở Thụy-điển, Na-uy, Hòa-lan, Thụy-sĩ, đều có cái dư-luận rằng nước Pháp đương lập-mưu đặt bá-quyền cả Toàn-Âu. Đầu đầu cũng có ý thương cho Đức và trách Pháp dãi Đức quá cay-nghiệt. Tờ báo nọ có đăng một bài của văn-sĩ nước Anh là ông WELLS, trong có câu nói rằng : « Cứ xét tình-hình từ sau khi chiến-tranh đến giờ rõ rằng Pháp chỉ mượn cơ đòi nợ muốn bóp chết Đức đó thôi.... Cái mưu của Pháp là lấy thế quân-lực, muốn giám-đốc cả Âu-châu, ... » — Có sao nước Pháp khó-nhọc về việc chiến-tranh, đến ngày được toàn-thắng lại mang tiếng với thế-giới như thế ? Thấy cái tình-trạng trái-ngược ấy, không khỏi trách các nhà chính-trị nước Anh, như

LLOYD GEORGE LORD CURZON, LORD D'ABERNON (làm sứ-thần Anh ở Berlin) ăn ở bạc-tinh, trách các nhà buôn bạc vạn-quốc muốn hại đồng phật-lãng, trách nước Đức phao truyền những tin bậy để sàm-báng. Bấy nhiêu có không phải không có, nhưng xét cho kỹ là bởi tình-thế, bởi cơ-hội, bởi mấy cái phong-trào tư-tưởng, phong-trào quyền-lợi từ sau khi chiến-tranh đến giờ nó gây ra nông-nổ ấy.

Trận mới rồi là công nước Pháp phần to. Hồi năm 1918, cả thế-giới đều công-nhận như thế, và không ai không sẵn lòng qui cả danh-dự cho nước Pháp. Mất 150 vạn người mới được cái danh-dự ấy, cũng không phải là mua rẻ vậy. Nhưng sau cuộc chiến-tranh rồi, các nước đều bãi-bình cả, duy có nước Pháp vẫn giữ quân-linh nhiều, vì có bờ-cõi không thể không phòng-bị được, lại có trách-nhiệm phải thi-hành hòa-ước. Nhưng các nước không biết đâu đến những lẽ riêng ấy, chỉ biết rằng hiện nay suốt Âu-châu có hai nước có quân-linh nhiều, có thể tức-khắc giao-chiến với nước khác được, là nước Pháp và nước Tắc (Serbie) là đồng-minh của Pháp. Nhân thế sinh ngại, nhân nghi sinh ghen, oán ghen nói xấu, đồ tội cho là có mưu muốn hại ai. Những lời trách ấy không công-nhiên nói ra, nhưng mà vẫn ngấm-ngấm phao truyền đi. Và dời xưa nước Pháp vẫn đã có tiếng là nước thượng-võ, hiếu-chiến, ai nói đến nước Pháp cũng nhớ đến tên vua LOUIS XIV, vua NAPOLEON I, vua NAPOLEON II. Nhờ có cái tiếng cũ ấy mà cái tiếng mới bây giờ truyền đi lại mau lắm và nhiều kẻ tin lắm, không biết rằng nước Pháp dân-chủ bây giờ không giống nước Pháp quân-chủ ngày xưa.

Lại thêm cái tinh-tinh những bọn đương-đạo ở nước Anh bây giờ, phần nhiều thuộc về phái « thanh-giáo-dờ » (puritain) trái với tinh-tinh người Pháp; phái này rất câu-nệ về sự đạo-đức hẹp-hòi, nên không ưa cái tinh-tự-do khoái-hoạt của người Pháp. Tinh-tinh ấy không những riêng một nước Anh, người nước Mĩ và người các nước Thụy-điển Na-uy

(pays scandinaves) cũng có tinh ấy. Tinh-tinh xung-khắc, lại thêm cho cái mối ác-cầm như trên kia.

Sau nữa, nước Pháp trước khi chiến-tranh vẫn cho là một nước kém về đường kinh-tế, khác nào như một nhà thế-gia nị sa-sút, tiện-hạ vẫn có ý nề, nhưng không ai sợ. Tự khi chiến-tranh đến giờ, công-nghệ phát-đạt mỗi ngày một trông thấy, các nước lấy làm lạ, nhất là nước Anh, đương nề dỗi ra ghen, ghen với ghét thường liền nhau.

Những lẽ trên đó là thuộc về lý và về tình. Lại còn những lẽ thuộc về thực-sự. Nguyên khi chiến-tranh xong, hồi ký hòa-ước, các nước đều một lòng công-phần về nước Đức, nên tờ hòa-ước ấy có cái tinh-cách trừng-phạt, chứ không giống các điều-ước khác. Tờ hòa-ước ấy là cái án của Vạn-quốc bắt tội nước Đức đã phạm công-lý và nhân-đạo, phải đền bồi cho các nước bị thiệt về cuộc chiến-tranh. Những người ký hòa-ước ấy là những nhà chính-trị, nhà pháp-luật cả. Các nhà kinh-tế, nhà doanh-nghiệp, có ý tức vì không có phần vào đây, bèn hết sức công-kích, nói rằng hòa-ước làm thiên quá như thế không thể nào thi-hành được, vì một nước đã bị thua như nước Đức mà bắt đền bồi đến bấy nhiêu thì biết đời nào cho trả được. Cớ-lại không có nước nào nợ nước nào đến bấy nhiêu. Bất nọ người ta như thế, không khác gì lập-tâm giết chết người ta. Người phản-đối kịch-liệt nhất là một nhà công-nghệ nước Anh, ông KEYNES. Phần nhiều các nhà chính-trị, nhà doanh-nghiệp nước Anh và nhiều nước nữa đều đồng-thanh biểu-dồng-tinh. Từ đây không ai nói đến thi-hành hòa-ước nữa, chỉ bàn giảm nợ cho Đức mà thôi. Vì các nước thiệt về việc chiến-tranh ít nên không phải thiệt-tha. Giá có thể sứt-xóa được cả nợ cho Đức để lại thông-thương với Đức như trước, cũng bằng lòng ngay. Pháp thì không thể được; bởi bị thiệt-hại nhiều, nên phải cố công đòi nợ. Đòi không được, phải đem quân sang mà lấy nợ. Sự dụng-binh đó lại càng làm cho lòng nghi-ngờ, lòng ác-cầm của các nước

thêm lên. Thành ra cái chán-tình của nước Pháp ít người biết cho, và nước Pháp vẫn mang tiếng mãi. Nước Pháp bây giờ hầu như đứng vào cái thế cô-lập ở Âu-châu thật. Song gọi là cô-lập mà thôi, chứ cũng chẳng ngại gì. Vì Pháp với

Anh tuy cũng có thể một ngày quyết-liệt được, nhưng quyết-liệt như thế thì hại cả cho hai bên, hai bên cũng biết thế. Còn đối với các nước khác thì được các nước có cảm-tình càng hay, mà không nữa cũng chẳng hề gì.

Việc Á-châu

Hiện-tình nước Tàu.— Tòa Nội-các SUN PAO-KI (Tôn Bảo-Kỳ) đã họp được đủ bộ cả. Tuyên-bố rằng xin tôn-trọng nghị-viện và tuân theo hiến-pháp. SUN có ý muốn họp một hội-nghị lớn gồm cả các tỉnh và các đảng để mưu sự giải-hòa chung và sự hợp-nhất trong nước. Nghe đâu muốn mượn thế-lực OU PEI-FOU (Ngô Bội-Phu) để giao-thiệp với TOUAN KI-JOU (Đoàn Kỳ-Thụy) và giảng-hòa với đảng An-fou (An-phúc) cũ. Lại có người đồn rằng SUN muốn lui về, đi du-lich phía Nam, đề chức thủ-tướng cho YEN bác-sĩ (Nhan Huệ-Khánh).

Tổng-thống TSAO KOUN (Tào Côn) đã ký sắc-lệnh đình bàu-cử lại Nghị-viện.

Tài-chính vẫn quản-bách. Nhân dịp Tết, phải trả những lương động cho các quan-lại tới 18 triệu bạc. Mà các nha các sở vẫn còn cần đến tiền để trả công người làm và lương quân lính. Bộ Tài-chính muốn mở một cuộc công-thải 13 triệu đồng, lấy số tiền gốc của công-thải Đức cũ là 1.300.000 l.st. làm đảm-bảo. Nhưng tính ra cuộc công-thải ấy có thành được cũng chỉ đủ trả được một tháng lương động cho quan-lại các Bộ và 50 hay 60 % một tháng lương cho quan-lại các sở công khác.

Về vấn-đề « Kim-phật-lăng » (xem lại kỳ trước) thời Tài-chính Tổng-trưởng là ông WANG KO-MIN (Vương Khắc-Mẫn) nghe đâu đã thừa-nhận lời yêu-cầu của nước Pháp, nhưng chưa dám công-nhiên ký giấy vội, vì nhân-lâm còn kích-dộng về việc này lắm. Người ta nói rằng nếu ông ký giấy với Công-sứ Pháp ngay bây giờ thì có cái nguy-hiểm cho ông bị ám-sát.

Theo tin - tức riêng thì Tổng Quân - lý Thương-chánh là SIR FRANCOS AGLEN cho việc đó là điều-dinh xong rồi, và gần đây ông đã trích trong thuế thương-chính cái phần của nước Pháp về bồi-khoản Quyền - phí tính theo giá kim phật-lăng và đã đề trữ ở nhà ngân-hàng Hong kong Shanghai Bank. Nhưng sự đó chưa lấy gì làm chắc lắm.

Có tin rằng OU PEI-FOU vận-dộng ra-ưng-cử phó tổng-tổng, và theo lối thường đương dứt-lót cho các nghị-viên để mua vé trước. Nghe đâu không phải đưa tiền ngay, nhưng OU phải điều-dinh với Chính-phủ để bao nhiêu lương động của nghị-viên trả cho hết và từ nay cho đến ngày bầu - cử mỗi nghị - viên mỗi lần đi họp ở Nghị-viện được « hoa-hồng » là 100 đồng.

Thế-lực của OU vẫn mạnh lắm, và nhiều khi Chính-phủ chính là ở Lạc-dương, chứ không phải ở Bắc - kinh. Ông vẫn giữ cái chủ-nghĩa hợp-nhất nước Tàu bằng võ-lực. Quân ông đánh lắm khi được, mà cũng nhiều khi bất-lợi, nên chưa chắc sự hợp-nhất ấy đã thành được.

Về Nam - phương thời « tổng - thống » Tôn cũng muốn cố đánh Trần cho được, nhưng mà cạn cả kho rồi, không lấy tiền đâu mà trả lính nữa. Lại thêm lính Vân-nam cũ với lính Hồ-nam mới về giúp Tôn ghen nhau, trong quân thường xảy ra nhiều sự lộn-thối. Về phần Trần thì cũng vẫn giữ thế thủ, chứ không đánh được thêm chút nào, vì cũng thiếu tiền. OU PEI-FOU muốn giúp cho đánh được Tôn, nhưng chưa chắc rằng Trần có thật trung-thành với mình không, nên cũng không dám giúp lắm.

Ở ngay tỉnh-thành Quảng-dông thì họ

phu chở gạo và thợ làm công các nhà máy gạo bãi công, gạo trong thành-phố cao đến 9, 10 đồng một tạ, dân lấy làm khổ lắm.

Thờ phở ở Quý-châu và Hồ-nam vẫn bắt cóc người n. oại-quốc. Liệt-cường đương nghĩ cách dùng binh ngoại-quốc để giữ các đường xe lửa.

Nội-chính nước Nhật.—Nước Nhật-bản ngày nay sắp qua một buổi nguy-cơ về đường chính-trị. Đến tháng 5 này sẽ có đại-tuyển-cử vào Nghị-viện. Độ mấy năm trước, nói đến việc bầu-cử, ai cũng cho là chuyện chơi, chẳng quan-hệ gì. Đối với nhà vua, đối với bọn nguyên-lão (*genro*), bọn quân nhân, nghị-viện còn có thể-lực gì? Những bọn kia đã có công gây dựng ra nước Nhật - bản phủ cường như ngày nay, còn ầy quốc-dân không quên, nên vẫn có ý kính nể. Dầu có ít nhiều kẻ bất-bình, nhưng ít ai dám công-nhiên phản-đối. Thế-lực của chánh-phủ rất mạnh, — mà chánh-phủ là hầu hết ở trong tay bọn nguyên-lão, bọn quan-nhân, bọn quan-liêu nước về các « phiến » (*clans*) cũ. Nghị-viện bao giờ dám công-nhiên phản-đối với Chính-phủ thì Chính-phủ không đồ mà nghị-viện phải tan. Ngay mới rồi đây, ông thủ-tướng Kiyoura tử-tước, bị nghị-viện mới nhóm lên phản-đối, lập-tức xin sặc vua giải-tán ngay. Người ta nói một người tuôi đã cao như ông mà có cái nghị-lực dân-áp được cả một nghị-hội đương hăng-hăng khăng-cự, cũng là một sự lạ thay.

Nhưng dầu dân-áp được trong nghị-viện mà không thể dân-áp được ở dân-gian. Từ khi nghị-viện phải giải-tán, lòng công-phần lại càng kỳ-liệt lắm. Ở những nơi thành-thị lớn, bọn công-nhân, bọn lao-động bây giờ đã nhiều lắm. nay lập hội này, mai lập đảng kia, nào là hải-cong, nào là hợp-tập, nhất-định yêu-cầu cho được quyền phổ-thông - bầu-phiếu (*suffrage universel*) mới nghe. Đến tháng năm mới bầu-cử, mà từ tháng hai trong dân-gian đã vận-động dữ lắm. Mà không phải chỉ bọn lao-động, bọn hạ-lưu trong xã-hội hoạt-động như thế mà thôi, bọn trí-thức, bọn học-sinh cũng can-thiệp vào. Trong các chính-đảng ở nghị-viện, trước kia có đảng « chính-hữu » (*seiyukai*) là có thế-lực nhất và vận dễ-huê với Chính-phủ. Nay đảng ấy đã chia lìa ra rồi, một phần theo bá-tước YAMAMOTO vẫn giữ cái chủ-nghĩa duy-trì bảo-thủ như cũ,

một phần theo ông TAKAHASHI có ý khuynh hướng về mặt dân-chủ. Ông TAKAHASHI này cũng là một bậc kỳ-nhân. Thân làm nguyên-lão, trước đã từng làm thủ-tướng, được hưởng phần danh dự không ai bằng, mà nhất - dân bỏ hết cả, cam chịu làm một người bạch - đình, để vận-động về dân - quyền. Có người ví ông như nhà Cách-mệnh KROPOTKINE nước Nga khi xưa. Cũng một lòng xả-thân vì-nghĩa, nhiệt-thành với một cái lý-tưởng cứu-dân độ-thế như thế. Nhưng ai nỡ vì nước Nhật ngày nay với nước Nga trước khi chiến-tranh? Nếu quả nước Nhật đã giống như nước Nga đến thế, thì thật là một sự không may cho nước Nhật lắm. Song có dầu đến thế. Ví cuộc đại-tuyển-cử sau này có cho bọn lao-động được dự một phần vào việc chính-trị nữa, nể chính-phủ mà khéo chậm - chước ra thì thế-lực của Chính-phủ cũng vẫn còn to. Nhưng phải chậm-chước mới được. Cứ thẳng tay dân-áp như tử-tước Kiyoura làm mới rồi thì hỏng mất. Dân khi đã nổi lên, không thể nào làm cho tắt đi được. Vẫn biết rằng nếu để cho dân rộng quyền quá thì không khỏi lạm-dụng, nhưng cũng phải để cho dân có quyền mới được. Kể cầm quyền nước Nhật-bản phần nhiều là những người khôn - ngoan lão - luyện, chắc sẽ biết tùy-cơ mà ứng-biến vậy.

Dù thế nào mặc lòng, việc nội-chính nước Nhật-bản đến hồi này là hồi đại-quyết đấy. Cuộc đại-tuyển-cử tháng năm này sẽ là một sự thí-nghiệm rất quan-trọng, ta cũng nên để ý mà quan-sát.

Chính-sách của Nhật-bản ở Cao-ly.

— Ai ngờ người Nhật-bản cũng có tài cai-trị thuộc-dịa khéo. Xưa nay ta vẫn có bụng thiện cho người Nhật-bản đối với dân Cao-ly không khỏi nhọc-dãi áp-chế, càng đồng-chúng đồng-văn lại càng tương-tán tương-hại nhau nhiều, không có lẽ thành-tâm khai-hóa cho người Cao-ly được. Nay trong tạp-chí *Revue du Pacifique* có một bài nói về chính-sách nước Nhật ở Triều-tiên, xem đó thì biết rằng người Nhật cũng khôn-kéo lắm, và đối với người Triều-tiên cũng có công ơn, chứ không phải không. Trong bài ấy có thuật lời một người văn-sĩ Ana là ông FANE nói tron

báo *Japan Advertiser* rằng : « Thiên-hạ thường cho nước Anh là có tài khéo cai-trị thuộc-địa. Nước Anh có tiếng dãi các dân thuộc địa một cách tử-tế nhân-tử. Nhưng xét kỹ ra, tôi muốn làm một người Cao-ly ở dưới quyền nước Nhật-bản còn hơn là làm một người Ấn-độ ở dưới quyền nước Anh hay làm một người Zoulou hay một người *Cafre* ở thuộc-địa Nam-Phi-châu. » — Người Nhật đã làm nên công gì ở Cao-ly mà được một người ngoại-quốc bình-tĩnh khen như thế ? Ta chỉ xin kể mấy cái số theo bài trong *Revue du Pacifique*, là đủ trả lời câu ấy. Và trước hết cũng nên nhớ rằng nước Nhật mới đặt bảo-hộ ở Cao-ly từ năm 1904, nghĩa là công-nghiệp sau này chỉ trong khoảng có 20 năm mà thôi.

Việc cai-trị cả toàn-hạt Cao-ly phải cần đến 32.189 người quan-lại, trong đó thì có 12.743 người Cao-ly, mà 371 người làm đến chức đại-hiến. — Nước Cao-ly chia làm 13 quận, mỗi quận có một quận-trưởng; trong 13 quận-trưởng thì 5 người là Cao-ly, — không những chỉ cai-trị người Cao-ly mà thôi, lại cai-trị cả người Nhật nữa. — Mỗi quận có một hội-nghị hàng quận; cả thấy có 362 hội-viên, thì 275 người là Cao-ly. Mỗi quận lại chia ra làm huyện; có 220 huyện-trưởng thì 196 người là Cao-ly. — Mỗi huyện có một hội-đồng hàng huyện, cả thấy có 24.160 hội-viên, thì 23.515 người là Cao-ly, còn Nhật-bản có 645 người thôi. — Các quan-lại, dù là người Nhật, dù là người Triều, đều theo một quan-chế như nhau, lương-bổng và phụ-cấp bằng nhau cả; có lẽ người Triều lại được hơn người Nhật cũng có, vì cách thi-cử dễ vào làm các sở Nhà-nước có ý được nhẹ và khoan hơn là đối với người Nhật. — Quan Tổng-dốc Nhật (tức là chức Toàn-quyền) thường sức cho các quan-lại Nhật phải dãi người Triều-tiên cho tử-tế, thường giao-thiệp luôn với người dân cho biết dân-tình, và phải cố học cho biết tiếng Triều-tiên. — Từ tháng tư năm 1920, quan thẩm-phán người Cao-ly được quyền dự-thâm hết các

việc án, dù người đương-sự là Nhật-bản mặc lòng. — Từ năm 1919, Chính-phủ hết sức chăm mở-mang việc học, mở mỗi năm nhiều bù ít là 120 cái trường; đến cuối năm 1923 thì số trường tiểu-học được 870 cái, nghĩa là cứ ba làng chung nhau một trường. Ở trường tiểu-học thời dạy: tiếng Cao-ly, tiếng Nhật-bản, chữ Hán, luân lý, toán-học, lịch-sử, địa-dư, cách-tri vẽ, đàn, nhưng điều tầm-thường về canh-nông và buôn-bán, và trường con gái dạy khâu. Hạn học ở tiểu-học là 6 năm, tốt nghiệp tiểu-học thời vào trung-học 4 năm. Năm 1920, có 21 trường trung-học, 14 trường cho con trai và 7 trường cho con gái. Ở trung-học có dạy qua về pháp-luật và kinh-tế; lại phải học tiếng Anh, còn tiếng Pháp và tiếng Đức tùy-ý ai muốn học thì học. Trường trung-học là để dự-bị vào các trường đại-học của Đế-quốc. Lại có 6 trường cao-đẳng-trung-học (*collèges*), và 25 trường cao-đẳng chuyên-môn. Ở Hán-thành (*Séoul*) đương sửa-soạn lập một trường Đại-học giống như các trường Đế-quốc Đại-học bên Nhật. Chính-phủ hết sức dạy tiếng Cao-ly trong nước. Hiện đã xuất-bản được 700 vạn quyển sách giáo-khoa cho các trường tiểu-học. (1)

Mĩ với Phi luật-tân. — Mấy năm nay người Phi-luật-tân vẫn vận-động để xin độc-lập, gần đây nghe ra kịch-liệt lắm. Các chính-đảng trong nước phản-đối quan Toàn-quyền Mỹ là nguyên-soái Woods, và đòi đòi ngay lập-tức. Bên Mỹ thời ở nghị-viện có một phái thuận muốn cho người Phi-luật-tân ngay, nhưng nghe đầu quan Giám-quốc Coolidge không ưng. Hiện vấn-đề Phi-luật-tân vẫn còn phân-vân chưa giải-quyết xong.

Nguyên Phi-luật-tân trước thuộc nước Tây-ban-nha (*Espagne*) mấy trăm năm; đến cuối thế-kỷ thứ 19, vì cái hà-chính của người Tây-ban-nha, người Phi nổi loạn lên, xưng Cách-mệnh, đầu đảng Cách-mệnh là ông Aguinaldo, năm 1898 nhờ người Mỹ giúp đánh đuổi được Tây-ban-nha đi. Mỹ bấy

(1) Số này có lẽ nói quá, vì 700 vạn quyển thì nhiều quá.

giờ mới thừa-cơ đặt quyền bảo-hộ, nhưng công-nhiên hứa rằng khi nào người Phi có đủ tư-cách tự-trị được thời sẽ cho độc-lập. Xét ra người Mĩ cũng thành-tâm khai-hóa cho người Phi. Hồi mới sang, đem ngay sáu nghìn thầy giáo theo và mở rất nhiều trường học trong nước. Khi quan Giám-quốc Wilson tại-chức thì ngài đã cho người Phi được rộng

quyền tự-trị lắm rồi. Nay các bọn trí-thức vận-dộng xin được độc-lập hẳn. Trong dư-luận và chính-giới Mĩ thời một phần cho rằng người Phi đã có tư-cách độc-lập được rồi, một phần cho rằng hãy còn sớm. Chưa biết giải-quyết ra thế nào. — Kỳ sau bản-chí sẽ dịch một bài đại-luận trong báo Tây về « vấn đề Phi-luật-tân ».

Việc trong nước

Nói về Cao-đẳng-hội-ngị Thuộc-địa. — Kỳ trước đã nói về việc bầu-cử đại-biên Tây cho Cao-đẳng-hội-ngị Thuộc-địa. Vụ bầu đã xong rồi; nhưng người trúng-cử là: Bắc-kỳ, Dr FOREST; Trung-kỳ, M. DE MONPEZAT; Cao-miền, M. OUTHY.

Nhân đây nói qua về quyền-chức của Cao-đẳng-hội-ngị Thuộc-địa thế nào, vì hội-ngị này chẳng họp bao giờ, chẳng ai nghe nói, cũng ít người biết đến.

Cao-đẳng-hội-ngị Thuộc-địa lập ra do sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 19 tháng 10 năm 1883. Từ năm 1883 đến năm 1920, Hội-ngị ấy không từng họp bao giờ. Năm 1920, quan Thượng-thư Thuộc-địa SARRAUT mới định tổ-chức lại. Sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 28 tháng 9 năm 1920 chia Hội-ngị ra làm ba bộ-phận: một bộ gọi là « Thuộc-địa Cao-đẳng-Hội-ngị » (*Haut Conseil colonial*), một bộ là « Thuộc-địa Lập-pháp-Hội-ngị » (*Conseil de Législation coloniale*), một bộ là « Thuộc-địa Kinh-tế-Hội-ngị » (*Conseil économique*). Bộ thứ nhất là gồm các quan Thượng-thư Thuộc-địa cũ, các quan Toàn-quyền cũ, các đại-biên của Bộ Ngoại-giao, bộ Lục-quân và Hải-quân, đề bàn về chính-sách chung nên thi-hành ở thuộc-địa; bộ thứ nhì do quan Thượng-thư thuộc-địa cử để nghiên-cứ về các vấn-đề hành-chính và chính-trị; bộ thứ ba chuyên về kinh-tế thời mới gồm những đại-biên của các thuộc-địa cũ ra, cùng những nghị-viên của các thuộc-địa ở Thượng Hạ Nghị-viện, những quản-lý các kinh-tế-cục của thuộc-địa, cùng những nhà chuyên-môn do quan Thượng-thư cử. Xem như thế thì những đại-biên của các thuộc-địa bầu ra cũng không có quyền gì, trong ba hội-ngị chỉ được dự có một, và cũng không chắc được phần nhiều về mình. Ấy là đối với Cao-đẳng Hội-ngị ở bên Pháp; còn ở thuộc-địa thì đại-biên được dự vào Hội-đồng Chính-phủ, nhưng ở đây cũng không có thế-lực gì, vì phần quan-liên nhiều hơn. Bởi thế nên dân Tây ở bên ta đều có ý muốn vận-dộng cho Bắc-Trung-kỳ cũng được bầu một chân nghị-viên ở Hạ Nghị-viện như Nam-kỳ vậy.

Vô-tuyên-diện của Bộ Ngoại-giao. —

Từ khi chiến-tranh, Bộ Ngoại-giao vẫn hằng ngày gửi vô-tuyên-diện sang cho Đông-Pháp ta để báo cho biết các tin-tức lớn trong thế-giới. Nhờ có điện đó nên tin gì bên ta cũng được biết mau và biết tường-lắm. Bắt đầu từ ngày 2 tháng 2, vì lẽ giám-phi, Bộ Ngoại-giao thôi không gửi vô-tuyên-diện cho ta nữa. Thật là một sự thiệt-thòi cho Đông-Pháp. Quan Toàn-quyền được tin ấy đã có tư về Bộ để nói rõ về sự thiệt-thòi đó. Vì Đông-Pháp ta xưa nay chỉ nhờ có điện báo của công-ti *Havas* mới được biết qua-loa về việc thế-giới. Điện *Havas* thường vẫn tắt mà lại chậm. Và có hai công-ti điện-báo lớn, là công-ti *Havas* (của Pháp), và công-ti *Reuters* (của Anh), thì hai bên đã có giao-ước với nhau chia địa-phận, vùng nào thuộc về bên họ thì bên kia không can-thiệp đến. Cõi Á-Đông ta này lại là địa-phận của *Reuters*, nên *Havas* cũng không muốn can-thiệp đến. Vì có phụ-cấp của Đông-Pháp nên những tin quan-trọng báo vẫn tắt cho ta biết qua-loa mà thôi. Năm trước chưa có vô-tuyên-diện của Bộ Ngoại-giao thời phủ Toàn-quyền có hỏi đã phải nhờ tòa Lãnh-sự Pháp ở Hươg-cảng dịch các điện *Reuters* mà gửi sang cho ta. Nay thôi không có vô-tuyên-diện nữa thì có lẽ cũng lại phải làm như thế. Song *Reuters* là một công-ti của người Anh, chắc những tin-tức quan-hệ đến nước Pháp thuật lại không khỏi sai, không khỏi thiên; đó cũng là một điều bất-tiện.

Hiện nay thời-tam-thời Kinh-tế-cục của Đông-Pháp ở Paris hằng ngày điện những tin-tức lớn, giá hàng và giá bạc cho các nhà buôn biết.

Hội-chợ Sài-gòn. — Sài-gòn sang năm đây cũng sẽ có Hội-chợ như Hà-nội. hiện nay ở phủ Thống-đốc Nam-kỳ đương dự-định về việc đó.

Theo các báo trong Nam thời hội-chợ Sài-gòn năm 1925 này là định mở rộng cho cả Á-Đông, chứ không phải riêng một Đông-Pháp ta. Nước Tàu, nước Nhật, Tân-gia-ba, Phi-luật-tân, đều sẽ có dự cả. Nếu thế thì thành một chợ to, chứ không giống Hội-chợ Hà-nội, nên Chính-phủ trong ấy đã giao-dịch sửa-sọan từ bây giờ.

Xét ra nước Pháp ở bên Tàu, về đường thương-mại, mới đứng vào bậc tư (nhất Nhật, nhì MI, ba Anh), dưới Pháp thời kể đến nước Đức. Lại từ xưa đến nay Pháp mua của Tàu nhiều hơn là bán cho Tàu, (số mua 10 lần hơn số bán). Vậy nay cần phải cho người Tàu biết đồ hàng và sản-vật của Pháp và của Đông-Pháp, người ta có biết thì người ta mới mua đến. Lập ra Hội chợ Sài-gòn là có ý như thế.

Năm trước các nhà buôn Pháp có mở một Hội chợ bày mẫu hàng (*foire d'échantillons*) ở Thiên-tân bên Tàu, nhưng xét ra không có một món hàng nào là của Đông-Pháp cả. Chính nhà buôn Pháp ở Tàu cũng không biết đến đồ Đông-Pháp, huống người Tàu. Nhờ có Hội chợ Sài-gòn sau này thì sự giao-dịch Đông-Pháp với các nước Á-Đông sẽ được thông-dồng hơn.

...

Hạm-đội Anh đến thăm bên Sài-gòn. — Hải-quân-sứ-phủ nước Anh mới phái hai đội tàu chiến đi tuần-du các bờ,

cống-nhiên là để thăm các thuộc-địa nước Anh, nhưng tựu-trung cũng có cái ý thị-uy với thế-giới. Một hạm-đội đi miền Đại-tây-dương, một hạm-đội đi miền Thái-bình-dương. Đội Thái-bình-dương có ba chiếc chiến-hạm hiệu Hawkins, Carlisle và Petersfield, quan Thủy-tướng LAVESON quân-đốc, ngày 14 tháng 3 có ghé vào thăm cửa Sài-gòn. Quan Toàn-quyền thân-hành từ Hà-nội xuống đón. Lễ nghênh-tiếp trọng-thể lắm.

Khi đãi tiệc ở phủ Toàn-quyền, quan Toàn-quyền và quan Thủy-soái có nâng cốc chúc mừng Hoàng-đế GEORGE nước Anh và quan Giám-quốc nước Pháp. Rồi quan Toàn-quyền diễn-thuyết nhắc lại sự nước Anh tham-dự chiến-cục, công hai nước Pháp Anh cùng nhau hiệp-lực đánh Đức trên đất và trên biển; lại nhắc lại cái ơn các thành-thị nước Anh quên tiền giúp cho sự trừng-tu các miền bị phá, nói rằng cái tình bạn-bè hai nước đã gây ra giữa khi binh-lửa hoạn-nạn chung, không bao giờ có thể quên đi được. Xong rồi chúc mừng quan Thủy-soái cùng gia-quyển ngài đến chơi đất Đông-Pháp này được mọi sự tốt lành. Thủy-soái

LAVESON trả lời thuật lại sự giao-thiệp nước Pháp với nước Anh ở cõi Á-Đông, nói rằng hai nước xưa nay vẫn cùng nhau hiệp-lực để hộ-vệ cho văn-minh Thái-Tây ở các miền bờ Trung-quốc. Lại nhắc lại rằng về phần riêng ngài đã có dịp hiệp-lực với hải-quân Pháp, nhất là với quan Thủy-soái FROBROT, và nói rằng người Pháp với người Anh đã cùng nhau kết bạn ở nơi chiến-địa, bao giờ cũng một lòng yêu-mến nhau. Rồi cảm ơn quan Toàn-quyền đã tiếp đón một cách tử-tế như thế.

Nước Anh là nước hải-quân mạnh nhất trong thế-giới. Mấy chiếc tàu chiến đó chắc là to lớn và oai-vệ lắm. Theo các báo trong Nam thì đồng-bang ta ở Sài-gòn, chưa mấy khi được xem những chiến-hạm lớn như thế, đều có ý lấy làm lạ.

Quan Toàn-quyền đi công-cán sang Nhật-bản. — Có tin bộ Ngoại-giao

và bộ Thuộc-địa bên Pháp cử quan Toàn-quyền MERLIN đến tháng 5 này đi công-cán sang Nhật-bản. Việc đi này có hai mục-dịch: một mục-dịch thuộc về chính-trị là để giao-hiểu với Chính-phủ Nhật-bản, một mục-dịch thuộc về kinh-tế là để định cách thông-thương Nhật-bản với Đông-Pháp. Nhân mục-dịch thứ hai đó, quan Toàn-quyền sẽ đem theo ngài quan chánh sở Thương-chánh, hai ông hội-trưởng hội Thương-mại Hà-nội và Sài-gòn, và mấy nhà chuyên-môn nữa. Nghe đâu về phương-diện kinh-tế, nước Pháp có ý muốn ký một điều-ước thông-thương với Nhật-bản, nên phải-bộ đi chuyển này sẽ phải giao-tiếp với các Hội Thương-mại Pháp ở Tàu và ở Nhật và các nhà buôn-bán cùng công-nghệ Nhật để điều-tra cùng dự-bị về việc ấy.

Quan Toàn-quyền ở Nhật-bản, rồi sẽ qua Bắc-kinh để thương-thuyết với quan « Công-sứ » Pháp, rồi mới về Đông-Pháp.

— Trước khi đi Nhật quan Toàn-quyền sẽ sang chơi Văn-nam mấy ngày để thăm quan Đốc-quân TANG KI YAO (Đường Kế-Nghiên).

Giới-thiệu sách mới. — Ông P.

BERGEON, là thanh-tra ngạch Thú-y, mới xuất-bản ở hiệu Imprimerie d' Extrême-Orient một quyển sách đề là: Recueil de conférences sur les maladies contagieuses et la police sanitaire des animaux, gồm những bài diễn-thuyết của ông cho kỳ-mục lý dịch các làng ở Bắc-kỳ về những bệnh truyền-nhiễm và cách vệ-sinh các súc-vật. Diễn-thuyết bằng chữ Pháp, có dịch ra quốc-ngữ ngay bên. Sách dày ngót 200 trang. Giá bán: 1 \$ 50.

— Hai ông G. FADEUILHE và J. DELORT, tổng-sự ở sở Bưu-chính, mới xuất-bản một quyển « Chi-nam về Bưu-chính ở Đông-Pháp » đề là Indicateur postal Indochinois, tóm-tắt cả các thể-lệ về bưu-tiện, về điện-báo và điện-thoại, lại có những giá-mục về các khoản, những biểu giở chạy của tàu thủy, xe lửa và xe hơi. Ai có việc giao-thiệp với sở Bưu-chính, cứ tra ở trong này là đủ cả. Sách in ở hiệu Mạc Đình - Tư. Giá: 1 \$ 00.

— Ông Đoàn Như-Khuê có gửi tặng bản-chi tập Một tấm lòng, là bản văn thơ của ông in lại lần thứ hai, trong có các bài ca-dao lục-bát, bài cổ-văn, bài cổ-phong cùng các bài thơ bảy chữ, văn-văn. Cả toàn-tập của ông dịch-cáo in ra lần này có độ chừng hơn

năm - mươi trang giấy, giá bán hai hào rưỡi.

— Ông Vũ Đình-Long mới xuất-bản một quyển tiên-thuyết: Anh-hùng-náo, là truyện 18 người kiếm-tiên, 7 người hiệp-khách, 16 người hiệp-sĩ. Truyện này là một cái gương anh-hùng nghĩa-hiệp, khéo dịch ra có thể khiến duyệt-giả phần-phát được chí khảng-khải, chấn-hưng được lòng đạo-dức, không phải là vô-ích. Toàn-bộ 60 hồi, chia làm 5 quyển. Nay mới ra quyển thứ nhất 12 hồi, 68 trang, giá bán 0 \$ 25.

...

Tin buồn. — Bà cụ Dương Nhân-Khanh là nội-tướng cụ huyện Trịnh Đình-Kỷ và là thân-mẫu ông Cử Trịnh Đình-Rư, mới thọ-chung tại qui-quán Định-công-hạ. Sáng ngày 17 đã làm lễ an-táng. Năm nay cụ hưởng thọ 65 tuổi.

Cụ là em gái cụ Thượng Dương Văn-Tri, dòng-dôi thi-thư, có tài ngâm-vịnh. Năm trước cụ có gửi tặng cho Bản-chi lục-đăng ít bài thơ ca, cũng là một bậc có văn-tài trong nữ-giới.

Bản-chi xin có lời kính viếng cụ và chia buồn cùng qui-quyển.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI KHAI - TRÍ - TIẾN - ĐỨC

Cuộc nghênh - tiếp quan Toàn-quyền. — Ngày thứ ba 4 Mars, hồi 9 giờ rưỡi, Hội ta đã được cái danh-dự nghênh-tiếp quan Toàn-quyền MERLIN. Các hội-viên Tây Nam đến dự có tới bốn trăm người. Nhà Hội trang-hoàng rất trọng-thể, ngoài cửa chằng đèn, trong sân dựng rạp, khi quan Toàn-quyền, qui phu-nhân cùng các quan về văn-phòng võ-phòng của ngài tới, cả hội-dồng quản-trị Hội ta, có quan Thống-sứ MONGUILLOT là danh-dự-hội-trưởng đứng đầu, ra đón tận ngoài

cửa, và mời vào trong phòng khách lớn. Khi các qui-quan an-tọa cả, thời quan Hội-trưởng Hoàng Trọng - Phu thay mặt Hội đọc một bài chúc-mừng bằng pháp-văn, kể về mục-dịch và chủ-nghĩa của Hội. Quan Hội-trưởng đọc xong thời quan Toàn-quyền trả lời lại bằng một bài diễn-thuyết ý-nghĩa rất cao xa, ông Phạm Quỳnh lược-dịch ra tiếng ta cho các hội-viên nghe (1). Đoạn, các quan-viên trị-sự mời quan Toàn-quyền và các qui-quan ra ngoài rạp để thưởng nước chè và bánh ngọt.

(1) Hai bài diễn-thuyết có đăng cả toàn-văn và dịch ra quốc-ngữ trong phần Phụ-lương N. P. kỳ này.

Khi ấy thời có ba người đóng mũ áo tuồng ra múa « tam-đa » ở trước quan Toàn-quyền, múa xong thời dâng ngài một bức thêu có ba chữ : *Phúc, Lộc, Thọ*. — Bấy giờ bắt đầu chớp bóng một tích về chiến-tranh. Quan Toàn-quyền ngồi xem và nói chuyện với các quan viên Hội mãi đến 11 giờ 1/2 mới đứng ra về, ngài lấy làm bằng lòng lắm.

Biên-bản hội-dồng tòa trị-sự ngày 11 mars 1924. — Ngày 11 mars, 9 giờ tối, tòa trị-sự có họp hội-dồng để bàn về các vấn-đề như sau này :

1^o Định ngày và chương-trình kỷ đại-hội-dồng năm 1924 ;

2^o Cử một hội-dồng kiểm-quĩ về năm 1923 ;

3^o Bàn về việc nhà *Cercle* ;

4^o Cử một ông phó-thư-ký thay ông Nguyễn Quý-Toản.

Đến dự hội-dồng có những ông này : Hoàng Trọng-Phu, Marty, Bach Thái-Bưởi, Nguyễn Hữu - Thu, Lê Trung-Ngọc, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Nguyễn Văn - Vĩnh, Đỗ Thận, Lê Thành-Ý.

1^o — Kỷ đại-hội-dồng thường-niên năm 1924, định vào ngày chủ-nhật 4 Mai, (trong tháng *Avril* quan Hội-trưởng Hoàng đi Sài-gòn vắng.) — Chương-trình định như sau này :

1) Tờ trình của ông Hội-trưởng về công việc Hội năm 1923 ;

2) Tờ trình của Hội-dồng kiểm-quĩ ;

3) Duyệt-y sổ kết-toán các khoản chi-thu năm 1923 ;

4) Sổ dự-toán năm 1924 ;

5) Việc ấu-trĩ-viên và việc dẫu-xảo ;

6) Các lời thỉnh-cầu của hội-viên ;

7) Bầu lại 12 ông trong hội-dồng quản-trị (năm ngoái rút thăm trúng).

8) Các việc linh-tinh.

2^o. — Hội-dồng kiểm-quĩ về năm 1923 định cử mấy ông như sau này :

Ông Đào Văn-Sử, làm chánh hội-dồng :

Ông Phạm Văn-Duyệt và Lê Nguyên Úc.

Từ nay đến cuối tháng tư tây, ba ông sẽ chọn ngày họp để kiểm-quĩ chánh của Hội, quĩ ấu-trĩ-viên, và quĩ nhà *Cercle* ; rồi làm tờ trình cho đại-hội-dồng.

3^o. — Quan Lê Trung-Ngọc là chánh Hội-dồng nhà *Cercle* trình về việc nhà *Cercle* từ khi giao cho quản-lý đến giờ. Cứ lời trình ấy thì từ ngày có quản-lý Hội dẫu không có lãi nhưng không phải chịu tiền chi-phí về công-quản như trước ; song xem ra có nhiều hội-viên phản-nản về cách ăn uống, vậy Hội-dồng định cho người quản-lý lĩnh-trung cho đến hết hạn tháng 6 năm 1924 thì thôi. Bấy giờ sẽ liệu cách khác. Hội-dồng có cử ông Nguyễn Văn-Vĩnh tru-tính về việc ấy.

4^o. — Nhân từ khi ông Nguyễn Quý-Toản bỏ đi làm quan, chức phó-thư-ký khuyết, ông Phạm Quỳnh bàn nên cử ông Lê Văn-Ý. Cả Hội-dồng bằng lòng.

Đến 11 giờ hội-dồng tan.

Tổng Thư-ký	Chánh Hội-Trưởng.
Phạm Quỳnh.	Hoàng Trọng-Phu.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng mới rồi, có những ông kê-tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng các ngài hội-viên có điều gì nghị xin viết thư về cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì

1 — Ông Henri Marcel, médecin auxiliaire de l'Assistance, à la Direction de la Santé, Hanoi.

2 — Ông Đỗ Dương-Thanh, Án-sát tỉnh Hà-dông (do ông Nguyễn Bá-Tiếp giới-thiệu.)

3 — Ông Bùi Ngọc-Hoàn, tri-huyện Thanh-trì, Hà-dông (do ông Nguyễn Bá-Tiếp giới-thiệu.)

4 — Ông Đỗ Xuân-Lộc, Secrétaire principal au Service de Législation, Gouvernement général, Hanoi (do ông Đỗ Thận giới-thiệu.)

5 — Ông Nguyễn Quốc-Chường, Thông-phán phủ Toàn-quyền, ở phố Hàng Bông, số 68, Hà-nội (do ông Bùi-Trạc giới-thiệu.)

6 — Ông Nguyễn Văn-Chính, Hàn-lâm-viện-trước-tác, tổng-sự tại sở Địa-dư Đông-Pháp ở phố Hàng Trĩnh số 9, Hà-nội.

7 — Ông Đoàn Văn-Hiếu, Secrétaire-comptable à là Banque de l'Indochine, Hải-phòng (do ông Nguyễn Văn-Minh giới-thiệu.)

8 — Ông Quân Xuân-Lộc, ex-sergent-interprète, secrétaire à la Société des Phosphates, Hải - phòng (do ông Nguyễn Văn-Minh giới-thiệu.)

9 — Ông Vũ Văn-Kỳ, Commerçant, 35 Avenue Od'Endhal, Hải - phòng (do ông Nguyễn Văn-Minh giới-thiệu.)

10 — Ông Lê Văn-Quảng, Commerçant, 35 Avenue Od'Endhal, Hải-phòng (do ông Nguyễn Văn-Minh giới-thiệu.)

11 — Ông Dương Văn-Sung, Président du Conseil communal de Hòa-loan, ở Vĩnh-yên (do ông Ngạc Văn-Đồng giới-thiệu.)

12 — Ông Lê Đức-Phục, Chargé de l'Ecole de Hòa-loan, Vĩnh-yên (do ông Ngạc Văn-Đồng giới-thiệu.)

13 — Ông Ngô Quang-Huy, Chargé de l'Ecole de Yên-trù, Vĩnh-yên (do ông Ngạc Văn-Đồng giới-thiệu.)

14 — Vũ Đức-Kính, Opérateur des Travaux Publics, ở Vĩnh-yên (do ông Ngạc Văn-Đồng giới-thiệu.)

15 — Ông Cao Văn-Viên, chủ cửa hàng thợ khâu, quán làng Bài-nhiệm, tổng Bạch-sam, huyện Duy-tiên, tỉnh Hà-nam (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu.)

16 — Ông Đoàn Văn-Trụ, horticulteur, village de Yên-phụ, canton de Thượng, huyện de Hoàn-long, Hà-dông (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu.)

17 — Ông Mai Quang-Châu, Thư-ký làng Trung - hà, tổng Kiệt-đặc, huyện Chí-linh tỉnh, Hải-dương (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu.)

18 — Ông Quách Đình-Huệ, Cử-phẩm bá-hộ, thổ-lang-quan, quán làng Hạ-bì, tổng Kim-bôi, châu Lương-sơn, tỉnh Hòa-bình (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu.)

19 — Ông Quách Đình-Tráng, quản-trị giữ thổ-lang-sự-vụ, quán làng Hạ-bì, tổng Kim-bôi, châu Lương-sơn, tỉnh Hòa-bình (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu.)

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 78 (Décembre 1923), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ 1^{er} Avril 1924.

Vào chân chủ-tri

Ông Đặng Đình - Hương, — Lưu Kim-Chí, — Mai Thế-Sen, — Nguyễn Ngọc-Khiết, — Nguyễn Phú-Hữu, — Vũ Khắc-Nghinh.

Xin ra Hội. — Ông Nguyễn Khắc-Thư, ở làng Liêu-hạ, tổng Liêu-xá, huyện Yên-mĩ, tỉnh Hưng - yên, có chân chủ-tri hội-viên từ tháng 10 năm 1922, nay viết giấy xin ra Hội. Vậy từ mồng 1 tháng 4 năm 1924, ông không có chân Hội Khai-tri nữa.

Quyên cho Hội. — Ông Phạm Quỳnh chủ báo Nam-Phong có nhận được một cái mandat 620 quan tiền tây của ông Hoàng Ngọc-Hải, ở 8^{bis} Rue Jadin, Paris, 17^e, thay mặt một bọn đồng-bang ta sang làm bồi bếp ở bên Pháp, gửi về cúng vào Hội. Ông Phạm Quỳnh đã thay mặt Hội viết giấy cảm ơn các ông ấy, tuy đi xa và làm việc nhỏ-mọn mà cũng có bụng nghĩ đến việc công-ích trong nước như thế. Bức thư và danh-sách các ông quyên tiền đã gửi đăng cả các báo quốc-văn ở Hà-nội, đề biếu-dương cái tấm lòng quý-hóa ấy.